BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGỮ VĂN 9

TẬP HAI

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
NGUYỄN THỊ NGÂN HOA – ĐẶNG LƯU (Đồng Chủ biên)
PHAN HUY DŨNG – NGUYỄN THỊ MAI LIÊN – LÊ THỊ MINH NGUYỆT

NGỮ VĂN 9

(Tái bản lần thứ hai)

TẬP HAI

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÀI 6. GIẢI MÃ NHỮNG BÍ MẬT	4
ĐỌC	5
Ba chàng sinh viên (A-thơ Cô-nan Đoi-lơ)	7
Thực hành tiếng Việt	15
Bài hát đồng sáu xu (A-ga-thơ Crít-xti)	16
Phạm Xuân Ẩn – tên người như cuộc đời (trích, Nguyễn Thị Ngọc Hải)	24
Thực hành tiếng Việt	28
VIẾT	30
Viết truyện kể sáng tạo	30
NÓI VÀ NGHE	35
Kể một câu chuyện tưởng tượng	35
CỦNG CỐ, MỞ RỘNG	37
THỰC HÀNH ĐỌC	37
Ba viên ngọc bích (trích, Phạm Cao Củng)	38
BÀI 7. HỒN THƠ MUÔN ĐIỆU	44
ĐỌC	45
Tiếng Việt (Lưu Quang Vũ)	46
Thực hành tiếng Việt	50
Mưa xuân (Nguyễn Bính)	51
Thực hành tiếng Việt	54
Một kiểu phát biểu luận đề độc đáo của Xuân Diệu ở bài thơ "Vội vàng" (Phan Huy Dũng)	55
VIẾT	58
Tập làm một bài thơ tám chữ	58
Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ	60
NÓI VÀ NGHE	63
Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (được gợi ra từ tác phẩm văn học)	63
CỦNG CỐ, MỞ RỘNG	64
THỰC HÀNH ĐỌC	64
Miền quê (Nguyễn Khoa Điềm)	65
ĐỌC MỞ RỘNG	65
BÀI 8. TIẾNG NÓI CỦA LƯƠNG TRI	66
ĐỌC	67
Đấu tranh cho một thế giới hoà bình (trích, Ga-bri-en Gác-xi-a Mác-két)	68
Thực hành tiếng Việt	71
Biến đổi khí hậu – mối đe doạ sự tồn vong của hành tinh chúng ta (trích *Phát biểu của Tổng Thư kí Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu*, An-tô-ni-ô Gu-tê-rét)	72
Thực hành tiếng Việt	76
Bài ca chúc Tết thanh niên (Phan Bội Châu)	77

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

VIẾT 79
Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống xã hội) 79
NÓI VÀ NGHE 84
Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (trong đời sống của cộng đồng, đất nước, nhân loại) 84
CỦNG CỐ, MỞ RỘNG 85
THỰC HÀNH ĐỌC 86
Chuẩn bị hành trang (Vũ Khoan) 86

BÀI 9. ĐI VÀ SUY NGẪM 89
ĐỌC 90
Yên Tử, núi thiêng (Thi Sảnh) 91
Thực hành tiếng Việt 95
Văn hoá hoa – cây cảnh (Trần Quốc Vượng) 96
Thực hành tiếng Việt 100
Tình sông núi (Trần Mai Ninh) 102
VIẾT 104
Viết bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử 104
NÓI VÀ NGHE 108
Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử 108
CỦNG CỐ, MỞ RỘNG 109
THỰC HÀNH ĐỌC 110
Khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long – Hà Nội 110
ĐỌC MỞ RỘNG 112

BÀI 10. VĂN HỌC – LỊCH SỬ TÂM HỒN 113
ĐỌC 114
Thách thức đầu tiên 116
Đọc để trưởng thành 116
VIẾT 125
Thách thức thứ hai 125
Quảng bá giá trị của sách 125
NÓI VÀ NGHE 128
Về đích: Ngày hội với sách 128
Phát triển văn hoá đọc 128
ÔN TẬP HỌC KÌ II 131
Phụ lục 1: Bảng giải thích thuật ngữ 138
Phụ lục 2: Bảng tra cứu yếu tố Hán Việt 139
Phụ lục 3: Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài 145

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 6

GIẢI MÃ NHỮNG BÍ MẬT

Cuộc sống là một câu đố và giải mã những bí mật của nó là cuộc phiêu lưu đầy thú vị.

Đan Bờ-rao (Dan Brown)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Thế giới tự nhiên và đời sống xã hội luôn ẩn chứa bao điều bí mật, thách thức sự khám phá của con người. Việc khám phá, giải mã những bí ẩn không chỉ để thoả mãn trí tò mò, khả năng phán đoán, mà còn góp phần giúp chúng ta giải quyết nhiều vấn đề hệ trọng của cuộc sống.
- Với các truyện trinh thám trong bài học này, em sẽ được dẫn vào thế giới đầy những điều li kì, bất ngờ; được trải nghiệm nhiều cung bậc cảm xúc. Các nhân vật người điều tra trong truyện thể hiện khả năng suy luận tuyệt vời, giải mã được những điều bí ẩn khiến ta phải kinh ngạc. Kết nối về chủ đề là văn bản khắc hoạ chân dung một nhà tình báo lỗi lạc mà cuộc đời và sự nghiệp của ông được ví như một "huyền thoại". Tất cả sẽ giúp em hiểu hơn bức tranh đa diện, phức tạp của cuộc sống, tầm quan trọng của kĩ năng quan sát, sức mạnh của suy luận lô-gíc và niềm tin vào sự chiến thắng của công lí.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện trinh thám như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.
- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản đã học mang lại.
- Nhận biết được các kiểu câu ghép, kết từ để nối các vế câu ghép; biết lựa chọn câu đơn hoặc câu ghép trong hoạt động giao tiếp.
- Viết được một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện.
- Biết kể một câu chuyện tưởng tượng (có bối cảnh, nhân vật, cốt truyện,...).
- Sống trung thực, trách nhiệm; tôn trọng pháp luật.

Đọc

TRI THỨC NGỮ VĂN

Truyện trinh thám

Truyện trinh thám là loại tác phẩm truyện viết về quá trình điều tra vụ án, thường có những sự việc bí ẩn, bất ngờ. Quá trình phá án của người điều tra dựa trên yếu tố quan trọng là sự suy luận lô-gíc. Vụ án thường được làm sáng tỏ ở phần kết thúc truyện. Nhà văn người Mỹ Ét-ga A-len Pâu (Edgar Allan Poe, 1809 – 1849) được đánh giá là "cha đẻ" của thể loại truyện trinh thám với các tác phẩm nổi tiếng như: *Vụ án đường Mo-gi (Morgue)*, *Con cánh cam vàng*, *Lá thư bị mất*,... Hiện nay, thể loại truyện trinh thám có vị trí quan trọng trong đời sống văn học, nhiều tác phẩm trinh thám đã gây được sức hấp dẫn lớn với bạn đọc.

Một số yếu tố của truyện trinh thám

- Không gian của truyện trinh thám là không gian hiện trường – nơi xảy ra vụ án, cũng là nơi người điều tra nghiên cứu để tìm thủ phạm. Các vụ án có thể diễn ra ở những không gian rộng (khu rừng, hang động, góc phố,...) hoặc không gian nhỏ hẹp (căn phòng, bàn ăn,...). Trong truyện trinh thám, không gian hiện trường được khắc hoạ chi tiết, cụ thể và gắn liền với dấu hiệu bằng chứng phạm tội.

- Thời gian trong truyện trinh thám thường được giới thiệu ở phần đầu tác phẩm với thông tin cụ thể về tháng, năm hay tình huống mà người điều tra tiếp nhận vụ án. Cách giới thiệu thời gian như vậy có tác dụng tạo nên tính chân thực cho câu chuyện. Truyện trinh thám thường xây dựng tình huống người điều tra chịu áp lực chạy đua với thời gian để tìm ra kẻ phạm tội. Điều này tạo ra sự căng thẳng, hấp dẫn cho người đọc đồng thời cho thấy tài năng của người điều tra.

- Cốt truyện trong truyện trinh thám gồm một chuỗi sự kiện mà sự kiện trung tâm là vụ án và hành trình phá án của người điều tra. Tác phẩm thường bắt đầu bằng một bí ẩn được đặt ra – thực chất là một vụ án phức tạp, có nhiều tình tiết dường như không thể giải thích được; sau đó là hành trình giải mã của người điều tra và cuối cùng bí ẩn được làm sáng tỏ.

- Hệ thống nhân vật trong truyện trinh thám thường gồm người điều tra, nạn nhân, nghi phạm, thủ phạm. Người điều tra là nhân vật chính trong tác phẩm, có thể là nhà điều tra chuyên nghiệp như thám tử, cảnh sát, thanh tra,... hoặc nhà điều tra nghiệp dư. Người điều tra trong truyện trinh thám có tố chất đặc biệt. Đó là sự dũng cảm, ưa mạo hiểm, vốn kiến thức phong phú, trí thông minh vượt trội, tài quan sát và suy luận,... đặc biệt là phẩm chất trung thực, luôn đặt sự thật lên trên hết nhằm bảo vệ lẽ phải và công lí.

- Truyện trinh thám có những chi tiết thể hiện sự bí ẩn, li kì của vụ án và những bất ngờ của cuộc điều tra. Những chi tiết về khung cảnh, không gian, thời gian xảy ra sự việc; chân dung, cử chỉ, hành động, lời nói,... của nhân vật thường có dấu hiệu của bằng chứng hoặc manh mối quan trọng trong quá trình điều tra.

- Câu chuyện trong truyện trinh thám được kể theo ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba. Ở ngôi thứ nhất, câu chuyện thường được kể lại qua lời của người điều tra hoặc lời một người bạn của người điều tra – nhân vật chứng kiến toàn bộ quá trình giải mã vụ án. Điều này giúp câu chuyện trở nên chân thực, đáng tin, bất ngờ và kịch tính hơn.

Câu đơn và câu ghép, các kiểu câu ghép và phương tiện nối các vế câu ghép

- Câu đơn là câu được cấu tạo bằng một cụm chủ ngữ – vị ngữ nòng cốt (cụm chủ ngữ – vị ngữ không bị bao chứa trong cụm từ chính phụ hoặc cụm chủ ngữ – vị ngữ khác). Câu ghép là câu có từ hai cụm chủ ngữ – vị ngữ nòng cốt trở lên, mỗi cụm chủ ngữ – vị ngữ được gọi là một vế câu.

- Căn cứ vào sự có mặt hay vắng mặt của từ ngữ làm phương tiện nối các vế câu, có thể chia câu ghép thành hai loại: câu ghép có từ ngữ nối các vế câu và câu ghép không có từ ngữ nối các vế câu.

Căn cứ vào quan hệ giữa các vế câu, có thể chia câu ghép thành hai loại: câu ghép đẳng lập và câu ghép chính phụ. Câu ghép đẳng lập là câu ghép mà các vế có quan hệ bình đẳng, ngang hàng với nhau. Câu ghép chính phụ là câu ghép mà các vế có quan hệ phụ thuộc, nghĩa là có vế chính và vế phụ.

- Từ ngữ nối các vế của câu ghép có thể là kết từ (*và*, *nhưng*, *hay*,...) hoặc các cặp từ hô ứng (... *vừa* ... *vừa* ..., ... *bao nhiêu* ... *bấy nhiêu*,...). Mỗi từ ngữ nối đều thể hiện tường minh một quan hệ nghĩa nhất định giữa các vế câu.

Lựa chọn câu đơn hoặc câu ghép

Trong hoạt động giao tiếp, tuỳ thuộc vào mục đích, kiểu loại văn bản, ngữ cảnh và nội dung cần biểu đạt mà người nói (người viết) lựa chọn câu đơn hay câu ghép cho phù hợp.

VĂN BẢN ĐỌC

VĂN BẢN 1. *Ba chàng sinh viên*, A-thơ Cô-nan Đoi-lơ (Arthur Conan Doyle)

VĂN BẢN 2. *Bài hát đồng sáu xu*, A-ga-thơ Crít-xti (Agatha Christie)

VĂN BẢN 3. *Phạm Xuân Ẩn – tên người như cuộc đời* (trích), Nguyễn Thị Ngọc Hải

VĂN BẢN 1

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Em hiểu gì về công việc của một thám tử?

2. Nêu tên một nhân vật thám tử trong tác phẩm văn học hoặc bộ phim mà em biết. Chia sẻ ngắn gọn cảm nhận của em về nhân vật đó.

ĐỌC VĂN BẢN

Ba chàng sinh viên

A-THƠ CÔ-NAN ĐOI-LƠ

Theo dõi

Vụ việc mà thầy Xôm muốn Sơ-lốc Hôm giúp đỡ.

(Lược một đoạn: Vào năm 1895, tại căn nhà trọ ở một thành phố của Anh, Sơ-lốc Hôm (Sherlock Holmes) và người bạn Oát-xơn (Watson) đã nghe ông Hin-tơn Xôm (Hilton Soames) – giảng viên của trường Đại học Xanh Lúc (St. Luke) – kể lại câu chuyện xảy ra ở trường mình. Theo lời ông, ngày mai, cuộc thi để lấy học bổng sẽ được tổ chức. Đề thi môn tiếng Hy Lạp yêu cầu dịch một bài khá dài, hoàn toàn mới đối với thí sinh. Vì học bổng có giá trị cao nên nếu thí sinh nào biết trước đề sẽ có lợi thế lớn. Do đó, thầy Xôm và các đồng nghiệp đã giữ đề thi cẩn thận. Khoảng 3 giờ chiều nay, bản in thử được gửi đến. Thầy Xôm phải soát lại để đảm bảo đề bài tuyệt đối chính xác. Tới 4 giờ 30 phút, thầy vẫn chưa đọc xong. Vì phải đi dùng trà cùng một người bạn như đã hứa, thầy để bản in thử trên bàn và vắng mặt khoảng một tiếng đồng hồ. Khi trở về, thầy kinh ngạc vì thấy chìa khoá đang cắm vào ổ khoá cửa phòng do người hầu Ben-ni-xtơ (Bannister) quên rút. Trước khi đi, thầy để ba trang đề thi ở cùng một chỗ, nhưng lúc này, thầy thấy một trang nằm trên sàn, một trang trên cái bàn kê sát cửa sổ, còn một trang vẫn ở vị trí cũ. Trên mặt bàn có vài mảnh vỏ bút chì, một đầu chì gãy, vết rách dài độ 3 inch[1] và một mẩu bột đen nhỏ, lấm tấm như mùn cưa. Thầy Xôm cho biết thêm, có một sinh viên tên là Đao-lát Rát (Daulat Ras) đã vào phòng hỏi về cuộc thi, lúc ấy bản in thử đã được mang đến nhưng vẫn còn cuộn lại. Sơ-lốc Hôm được mời tới phòng thầy Xôm để xem xét. Phòng làm việc của thầy có một cửa sổ gắn lưới sắt nhìn ra khoảng sân rêu phong của ngôi trường cổ kính. Sơ-lốc Hôm cho rằng có người đã chép được nửa tờ thứ hai thì thấy thầy Xôm về nên vội rút lui, không kịp để đề thi về chỗ cũ. Hắn đã viết mạnh đến mức làm gãy ngòi chì, phải vót lại. Vị thám tử cũng phát hiện trong phòng ngủ của thầy Xôm có mẩu nhỏ màu đen dạng hình chóp, giống hệt mẩu trên bàn ngoài phòng làm việc. Sơ-lốc Hôm phỏng đoán kẻ chép trộm đề thi đã trốn vào phòng ngủ trong suốt thời gian thầy Xôm nói chuyện với Ben-ni-xtơ ở phòng làm việc. Theo lời thầy Xôm, có ba sinh viên ở trong nhà này và thường đi qua cửa phòng làm việc của thầy. Phòng của thầy Xôm ở tầng một. Ghi-crít (Gilchrist) – một sinh viên chăm chỉ và là vận động viên giỏi – sống ở tầng hai. Cậu ta tử tế. Cha cậu là một quý tộc nhưng bị phá sản và đã qua đời. Đao-lát Rát sống ở tầng ba. Cậu học tốt, nhưng môn tiếng Hy Lạp yếu. Sống ở tầng trên cùng là Mai Mắc Le-rờn (Miles Mc Laren). Cậu ta được xem là sáng dạ nhất trường, nhưng lại lười học, ương ngạnh, ăn chơi và vô kỉ luật. Cậu ta suýt bị đuổi học ngay trong năm thứ nhất vì dính vào một vụ bài bạc. Cả học kì này, cậu ta toàn rong chơi. Thầy Xôm cho rằng trong ba sinh viên, Mắc Le-rờn là người đáng nghi ngờ nhất. Hôm đã hỏi ông Ben-ni-xtơ việc ông quên rút chìa khoá vào đúng ngày có đề thi trong phòng, lí do ông ngồi lên cái ghế gần cửa phòng khi thấy choáng váng mà không phải cái ghế khác. Sau đó Sơ-lốc Hôm muốn xem qua phòng của ba sinh viên.)

---

[1] *Inch*: đơn vị đo chiều dài, được sử dụng phổ biến ở một số nước nói tiếng Anh như: Anh, Mỹ, Ca-na-đa (Canada),...; 1 inch tương đương 2,54 cm.

– Tôi muốn ngó qua từng người một – Hôm nói. – Vậy có được không nhỉ?

– Dễ thôi – Xôm trả lời. – Dãy phòng này thuộc loại cổ nhất trong trường, vì vậy chuyện có khách tới tham quan cũng không hề lạ. Mời các ông đi theo tôi, tôi sẽ dẫn đường.

– Ông nhớ đừng gọi tên chúng tôi đấy nhé! – Hôm nói khi chúng tôi gõ cửa phòng Ghi-crít.

Một thanh niên cao gầy, tóc hoe vàng ra mở cửa rồi niềm nở mời chúng tôi vào khi biết mục đích chuyến viếng thăm. Phòng vẫn còn lại vài bức phù điêu đẹp đẽ thời Trung cổ. Hôm mê mẩn một bức đến độ đòi vẽ nó vào cuốn sổ tay cho kì được. Anh làm gãy bút chì nên đành hỏi mượn một cái của chủ nhân căn phòng, rồi sau đó mượn thêm dao để chuốt. Vận xui kì lạ đó tiếp tục bám theo anh tại phòng cậu người Ấn. Đó là một gã trầm lặng, nhỏ thó, mũi khoằm, cứ gườm gườm nhìn chúng tôi suốt và mừng ra mặt khi Hôm nghiên cứu xong mấy bức phù điêu. Tuy nhiên tại cả hai phòng, tôi đều không thấy Hôm bắt được manh mối cần tìm. Đến phòng thứ ba, mánh của Hôm thất bại từ trong trứng nước. Chúng tôi gõ cửa nhưng chủ nhân căn phòng không chịu mở, đã thế còn tặng chúng tôi một tràng chửi rủa.

– Tôi cóc cần biết mấy người là ai. Mấy người đi phứt cho nhờ! – Giọng giận dữ gầm lên. – Tôi bận ôn thi, các người nghe rõ chưa?

– Một gã thô lỗ. – Người dẫn đường của chúng tôi nói, đỏ mặt giận dữ khi chúng tôi xuống nhà. – Tất nhiên cậu ta không biết tôi là người gõ cửa. Nhưng kể cả vậy thì cậu ta cũng quả là bất lịch sự và lối cư xử đó thật đáng ngờ trong hoàn cảnh này.

Theo dõi

Thầy Xôm nghi ngờ sinh viên nào đã chép trộm đề thi?

Phản ứng của Hôm khá kì lạ.

– Ông có thể cho tôi biết chiều cao chính xác của cậu này không? – Anh hỏi.

– Ông Hôm, tôi quả thật không biết chắc. Cậu ta cao hơn cậu người Ấn nhưng thấp hơn Ghi-crít. Chắc tầm năm foot[1] sáu.

– Chuyện đó rất quan trọng – Hôm nói. – Còn giờ xin chúc thầy Xôm ngủ ngon.

Người dẫn đường của chúng tôi kêu lên tỏ ý kinh ngạc và thất vọng.

– Ôi, ông Hôm, ông không định bỏ tôi đường đột thế này chứ? Hình như ông chưa nhận ra tình thế. Mai là thi rồi. Tối nay tôi buộc phải đưa ra quyết định dứt khoát. Tôi không thể để kì thi diễn ra khi đề thi bị lộ. Tôi phải làm gì đó.

– Ông cứ để nguyên vậy đi. Sớm mai tôi sẽ ghé rồi bàn về việc này, có thể lúc đó tôi đã nắm được những tình tiết mới giúp ông thoát khỏi tình cảnh này. Còn từ giờ tới đó, ông đừng thay đổi gì cả.

– Đành vậy.

---

[1] *Foot*: đơn vị đo chiều dài, được sử dụng phổ biến ở một số nước nói tiếng Anh như: Anh, Mỹ, Ca-na-đa,... 1 foot tương đương 30,48 cm.

– Ông yên tâm. Nhất định chúng tôi sẽ tìm được cách giúp ông thoát khỏi rắc rối. Tôi sẽ đem hai mẩu đất đen và mảnh vỏ bút chì về. Xin chào ông!

Bước ra khoảng sân tối om, chúng tôi ngước nhìn ngôi nhà một lần nữa. Cậu người Ấn vẫn đi tới đi lui trong phòng, nhưng chúng tôi không thấy bóng dáng hai người kia đâu.

– Oát-xơn này, anh nghĩ sao? – Hôm hỏi khi chúng tôi tiến ra đường lớn. – Tôi thấy chúng ta như đang chơi trò loại trừ vậy. Anh có ba người. Thủ phạm phải là một trong số họ. Anh chọn đi. Anh chọn ai nào?

– Gã ăn nói lỗ mãng ở tầng trên cùng. Hắn là kẻ "có tiếng" nhất. Nhưng gã người Ấn có vẻ ranh ma. Và sao cậu ta cứ đi lại trong phòng suốt vậy?

Theo dõi

Oát-xơn nghi ngờ ai là thủ phạm chép trộm đề thi?

– Cũng không có gì đâu. Nhiều người thường làm vậy khi học thuộc lòng.

– Cách cậu ta nhìn chúng ta rất đáng ngờ.

– Anh cũng sẽ như vậy nếu bị một toán người lạ làm phiền trong khi ngày mai anh có một kì thi quan trọng và mọi phút chuẩn bị đều đáng quý. Không, những chi tiết đó cùng với bút chì và dao, tất thảy đều thoả đáng. Nhưng gã đó lại khiến tôi rối trí.

– Ai?

– Gã người hầu Ben-ni-xtơ chứ ai! Ông ta đang toan tính gì đây?

– Tôi thấy ông ta là người trung hậu.

– Tôi cũng thấy vậy. Đó chính là chỗ khó hiểu. Sao một con người trung hậu như vậy lại... A, có một tiệm văn phòng phẩm lớn này. Ta sẽ bắt đầu tìm hiểu từ đây.

(Lược một đoạn: Sơ-lốc Hôm vào các tiệm bán văn phòng phẩm trong thành phố để tìm cái bút có vỏ giống mảnh vỏ bút chì ở hiện trường nhưng không tìm được. 8 giờ sáng hôm sau, Sơ-lốc Hôm giục Oát-xơn đi Xanh Lúc vì thám tử đã giải được bí mật vụ án. Hôm nói rằng mình đã dậy từ 6 giờ sáng, đi bộ suốt hai giờ và mang về một mẩu đất sét hình chóp màu đen. Mẩu đất thứ ba được lấy chính từ nơi có hai mẩu đầu tiên.)

Khi chúng tôi tới nơi, ông thầy khốn khổ đang đứng ngồi không yên. Chỉ vài giờ nữa là kì thi bắt đầu, ấy vậy mà ông ta chưa biết nên công bố sự việc hay mặc thây cho kẻ gian trá tranh học bổng đáng giá. Đầu óc căng như dây đàn khiến ông ta không ngồi yên nổi, vậy nên vừa thấy Hôm, ông ta đã chạy ào ra và dang tay đón mừng.

Dự đoán

Những ai liên quan đến vụ việc chép trộm đề thi?

– Ơn trời ông đến rồi! Tôi chỉ sợ ông cũng bó tay. Tôi phải làm gì đây? Kì thi có tiếp tục không?

– Có. Bất luận thế nào cũng phải để nó diễn ra.

– Nhưng còn tên vô lại kia?

– Hắn sẽ không thi.

– Ông biết hắn là ai rồi sao?

Suy luận

Lúc này, Sơ-lốc Hôm đã biết thủ phạm chép trộm để thi chưa?

– Tôi nghĩ vậy. Vì chuyện này phải được giữ kín nên chúng ta sẽ tự lập ra một toà án nho nhỏ vậy. Thầy Xôm, mời thầy ngồi đằng kia! Oát-xơn, anh ngồi đây! Tôi sẽ ngồi ở ghế bành chính giữa. Chúng ta đã đủ oai nghiêm để làm thủ phạm phải hoảng hốt rồi đấy. Xin thầy vui lòng rung chuông!

Ben-ni-xtơ vào, ông ta suýt té ngửa vì ngạc nhiên và hốt hoảng trước phong thái pháp đình của chúng tôi. [...]

– Giờ thì Ben-ni-xtơ, ông vui lòng khai thật cho chúng tôi biết sự việc hôm qua chứ?

Ông này tái mét tới tận chân tóc.

– Thưa ông, tôi đã thưa cả rồi.

– Không còn gì để kể thêm sao?

– Không, thưa ông.

– Nếu vậy, tôi đành gợi ý cho ông vài điều. Hôm qua khi ngồi xuống chiếc ghế đó, phải chăng ông có chủ đích che giấu một vật có thể tiết lộ danh tính kẻ đột nhập?

Ben-ni-xtơ tái mặt.

– Không, thưa ông. Không hề.

– Chỉ là gợi ý thôi mà – Hôm khéo léo nói. – Thú thật là tôi không thể chứng minh điều đó. Nhưng chuyện đó xem ra rất có thể, vì thầy Xôm vừa rời nhà là ông liền thả kẻ nấp trong phòng ngủ đi mất.

Ben-ni-xtơ liếm đôi môi khô nẻ.

– Tôi không thả ai, thưa ông. [...]

– Vậy là ông không thể cho chúng tôi thêm thông tin rồi. Ông vui lòng ở lại trong phòng nhé! Mời ông đứng gần cửa phòng ngủ. Thầy Xôm, thầy vui lòng lên phòng cậu Ghi-crít và bảo cậu ta xuống đây.

Một loáng sau, ông thầy đã trở lại và dẫn theo chàng sinh viên nọ. Cậu ta có dáng dấp đẹp đẽ, cao ráo, uyển chuyển và nhanh nhẹn, bước đi thoăn thoắt và gương mặt cởi mở, dễ gần. Đôi mắt xanh tràn ngập lo âu nhìn từng người trong chúng tôi, rồi cuối cùng bàng hoàng dừng lại ở Ben-ni-xtơ đang đứng trong góc đằng xa.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

– Đóng cửa lại đã – Hôm nói. – Này cậu Ghi-crít, ở đây chỉ có chúng ta và không ai ngoài kia biết gì về chuyện này. Chúng ta hoàn toàn có thể thẳng thắn nói chuyện với nhau. Cậu Ghi-crít, chúng tôi muốn biết làm sao mà một con người trọng danh dự như cậu lại làm cái chuyện như hôm qua chứ.

Chàng trai khốn khổ loạng choạng bước lui và ném về Ben-ni-xtơ một cái nhìn hoảng sợ pha lẫn trách móc.

– Không, không phải tôi đâu, thưa cậu Ghi-crít. Tôi không hề nói một lời nào – không hé răng một lời nào hết! – Ông người hầu kêu lên.

– Phải, nhưng ông vừa nói đấy thôi – Hôm cất tiếng. – Còn cậu, hẳn cậu thấy rằng sau lời nói vừa rồi của Ben-ni-xtơ, cậu đã rơi vào tình thế vô vọng và cậu chỉ còn một cơ may duy nhất nếu thành khẩn khai thật.

Ghi-crít giơ một bàn tay lên và cố kìm nén vẻ uất ức hiện lên gương mặt trong chốc lát. Sau đó, cậu ta quỳ thụp xuống cạnh bàn, hai tay ôm mặt và bật khóc.

– Nào, nào – Hôm nhẹ nhàng nói. – Đời chẳng có ai là không phạm sai lầm và ít ra không ai có thể quy kết rằng cậu đã phạm tội ác tày trời. Có lẽ sẽ dễ hơn cho cậu nếu tôi kể lại sự vụ và nếu tôi sai ở chỗ nào thì cậu cứ đính chính. Vậy được chứ? Thôi, cậu không cần trả lời đâu. Hãy nghe và cậu sẽ thấy tôi không hề nói oan cho cậu.

Thầy Xôm, từ lúc thầy nói rằng không có ai, kể cả Ben-ni-xtơ, biết đề thi ở trong phòng thầy, vụ này đã bắt đầu tựu hình rõ rệt trong đầu tôi. Chúng ta có thể gạt thợ in ra khỏi diện nghi vấn. Nếu muốn, anh ta có thể chép lại đề thi ngay trong nhà mình. Tôi cũng không nghi ngờ cậu người Ấn, vì bản in thử được cuộn lại nên cậu ta không thể biết đó là gì. Mặt khác, tôi không tin có người tình cờ bước vào và vô tình thấy đề thi. Người vào phải biết đề thi có ở đó. Nhưng làm sao hắn ta biết?

Theo dõi

Suy luận của Sơ-lốc Hôm về thủ phạm chép trộm đề thi.

Trước khi vào nhà, tôi có kiểm tra cửa sổ phòng làm việc của thầy. [...] Lúc ấy, tôi đang ước lượng xem người này phải cao chừng nào mới có thể thấy giấy tờ để trên bàn giữa phòng là gì khi đi ngang qua. Tôi cao sáu foot, ấy vậy mà cũng phải cố lắm tôi mới nhìn ra được.



Vậy nên kẻ kia phải cao tầm tôi hoặc hơn. Giờ hẳn thầy đã rõ vì sao trong ba cậu sinh viên, tôi lại nghi ngờ cậu Ghi-crít nhất. Tôi vào nhà và nói cho thầy nghe các suy đoán của tôi về cái bàn kê gần cửa sổ. Tôi không rút ra kết luận gì về cái bàn giữa phòng cho đến khi thầy nói Ghi-crít là vận động viên nhảy xa. Bấy giờ, toàn bộ sự việc ngay tức khắc hiện lên trong đầu tôi và việc tôi cần làm chỉ còn là tìm ra vài bằng chứng chứng thực. Chẳng mấy chốc tôi đã có được chúng.

Chuyện xảy ra như thế này: Cả buổi chiều chàng trai kia ở ngoài sân vận động để luyện nhảy xa. Cậu ta đi đôi giày nhảy về, mà như thầy biết đấy, đây là loại giày đinh. Lúc đi ngang cửa sổ phòng thầy, nhờ lợi thế chiều cao nên cậu ta thấy mấy bản in thử trên bàn và đoán ra chúng là gì. Chuyện xấu đã chẳng xảy ra nếu khi đi qua cửa phòng thầy, cậu ta không thấy cái chìa khoá người hầu sơ suất để quên. Cậu ta bị thôi thúc phải vào xem cái cậu ta thấy có phải đề thi ngày mai không. Hành động đó không hề mạo hiểm vì nếu bị bắt gặp, cậu ta có thể nói mình có chuyện cần hỏi thầy.

Khi thấy đó đúng là đề thi, cậu ta đã đầu hàng sự cám dỗ. Cậu ta đặt giày lên bàn. Cậu để gì bên ghế gần cửa sổ vậy?

– Đôi găng tay – chàng trai nói.

Hôm đắc thắng nhìn Ben-ni-xtơ.

– Cậu ta để găng tay trên ghế rồi lấy từng tờ đề thi để chép lại. Cậu ta tưởng thầy sẽ về qua cửa chính nên ngồi bên bàn cạnh cửa sổ để trông chừng. Như chúng ta đã biết, thầy vào bằng cửa hông. Cậu ta rất bất ngờ khi nghe tiếng thầy mở cửa ngoài. Cậu ta không còn đường thoát. Cậu ta chộp lấy đôi giày và chạy ào vào phòng ngủ nhưng để quên đôi găng tay. Thầy quan sát thấy rằng vết rách khá nông ở một bên, nhưng lại hằn rõ theo hướng của phòng ngủ. Chỉ riêng điều ấy cũng đủ cho ta thấy chiếc giày bị kéo về hướng đó và thủ phạm trốn trong phòng ngủ. Đất bám quanh một đinh giày vương lên bàn và mẩu đất thứ hai rã ra, rơi xuống sàn phòng ngủ. Xin được nói thêm, sáng nay tôi đã ra sân vận động, thấy rằng loại đất sét đen cứng này được đổ trong hố nhảy cùng một ít vỏ cây mịn hay mùn cưa rải lên trên để vận động viên không bị trượt ngã. Tôi nói đúng chứ, cậu Ghi-crít?

Anh sinh viên đứng thẳng dậy.

– Vâng, ông nói đúng – cậu ta nói.

– Chao ôi, cậu không còn gì để nói nữa ư? – Thầy Xôm kêu lên.

– Có, thưa thầy, tôi còn có điều muốn nói, nhưng nỗi kinh hoàng bị vạch trần nhục nhã này làm tôi rối trí. Thầy Xôm, hồi sớm nay sau một đêm thao thức, tôi đã viết một lá thư gửi thầy. Tôi viết trước khi biết tội lỗi của mình bị vạch trần. Nó đây ạ. Trong thư

tôi có viết: Tôi quyết định không dự thi. Tôi được nhận vào làm ở Sở Cảnh sát Rốt-đơ (Rhodes) nên sẽ đi Nam Phi ngay.

– Tôi thật lòng rất vui khi biết cậu không định lợi dụng sơ sót của tôi. – Thầy Xôm nói. – Nhưng sao cậu lại đổi ý?

Ghi-crít chỉ Ben-ni-xtơ.

– Chính người này đã đưa tôi vào đường ngay. – Cậu ta nói.

– Giờ nói đi, Ben-ni-xtơ. – Hôm nói. – Sau điều tôi vừa giải thích, hẳn ông đã thấy rõ chỉ có ông mới có thể cho chàng trai này ra khỏi phòng, vì sau lúc thầy Xôm đi, chỉ còn lại mình ông trong phòng và ông hẳn đã khoá cửa khi ra. Tôi không tin cậu ta thoát ra ngoài qua đường cửa sổ phòng ngủ. Ông có thể làm sáng tỏ điểm cuối cùng trong bí ẩn này và cho chúng tôi biết lí do ông hành động như vậy chứ?

– Nếu ông biết về tôi, ông sẽ thấy lí do rất đơn giản, nhưng tuy thông minh là thế ông không thể biết chuyện. Thưa ông, khi xưa tôi làm quản gia cho ông Gia-bớt Ghi-crít (Jabez Gilchrist), cha của cậu đây. Khi ông ấy khánh kiệt[1] thì tôi đến trường làm, nhưng tôi không bao giờ quên ông chủ quá cố. Tôi chăm lo cho con trai ông ấy để trả ơn. Vâng thưa ông, hôm qua khi thầy Xôm gọi tôi vào phòng, cái tôi thấy trước tiên là đôi găng tay màu nâu của cậu Ghi-crít trên cái ghế đó. Tôi biết rõ đôi găng nên hiểu ra ngay. Nếu thầy Xôm thấy chúng, tất cả sẽ hỏng bét. Tôi vội ngồi xuống ghế đó và không nhúc nhích cho đến khi thầy Xôm chạy đi tìm ông. Sau đó cậu chủ tội nghiệp, người từng ngồi trong lòng tôi, bước ra và thú nhận tất cả. Thưa ông, lẽ tự nhiên tôi phải cứu cậu ấy chứ? Và cũng là lẽ tự nhiên tôi phải nói phải trái với cậu Ghi-crít như người cha quá cố của cậu ấy, để cậu ấy hiểu mình không thể trục lợi bằng cách đó, đúng không? Ông có chê trách tôi không, thưa ông Hôm?

Đối chiếu

Những người có liên quan đến vụ việc chép trộm đề thi có đúng như dự đoán của em không?

– Đúng, tôi không thể chê trách ông. – Hôm nói rất thành thực và đứng dậy. – Thầy Xôm, tôi nghĩ chúng tôi đã làm sáng tỏ vấn đề nho nhỏ của ông và bữa điểm tâm đang chờ chúng tôi ở nhà. Đi nào, Oát-xơn! Còn về phần cậu, tôi mong một tiền đồ xán lạn đang chờ cậu ở Rốt-đơ. Cậu đã vấp ngã một lần và tôi mong cậu có thể vươn cao trong tương lai.

(A-thơ Cô-nan Đoi-lơ, *Sơ-lốc Hôm toàn tập*, tập 2,
theo Lê Quang Toàn *dịch*, NXB Văn học, Hà Nội, 2022, tr. 572 – 588)

[1] *Khánh kiệt*: bị mất hết tài sản.

SAU KHI ĐỌC



- **A-thơ Cô-nan Đoi-lơ** (1859 – 1930) là nhà văn người Xcốt-len (Scotland). Ông sáng tác ở nhiều thể loại như: tiểu thuyết lịch sử, truyện khoa học viễn tưởng, truyện ngắn, kịch,... Ông nổi tiếng trên toàn thế giới với truyện trinh thám, trong đó nhân vật chính là Sơ-lốc Hôm. Sơ-lốc Hôm đã xuất hiện trong 4 tiểu thuyết và 56 truyện ngắn của Cô-nan Đoi-lơ. Một số truyện trinh thám nổi bật của ông: *Cuộc điều tra màu đỏ* (1887), *Dấu bộ tứ* (1890), *Những cuộc phiêu lưu của Sơ-lốc Hôm* (1892), *Những hồi ức về Sơ-lốc Hôm* (1894),...
- Truyện ngắn *Ba chàng sinh viên* được in trong tập truyện *Sự trở về của Sơ-lốc Hôm* (1905).

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Tóm tắt chuỗi sự kiện của tác phẩm theo trật tự: vụ việc gây lo lắng, hoảng hốt – hành trình phá án của người điều tra – công bố sự thật.
2. Vụ án xảy ra ở đâu? Những dấu vết quan trọng nào đã được Sơ-lốc Hôm phát hiện trong không gian đó?
3. Chỉ ra các chi tiết cho thấy áp lực về thời gian của cuộc điều tra. Việc tạo ra áp lực về thời gian điều tra như vậy có tác dụng gì?
4. Nhằm tạo nên sự hấp dẫn của truyện trinh thám, nhà văn thường đánh lạc hướng suy luận của người đọc để cuối cùng, chân tướng sự việc lộ diện bất ngờ. Đặc điểm này được thể hiện như thế nào trong truyện *Ba chàng sinh viên*?
5. Phân tích cách thức giúp Sơ-lốc Hôm đi đến kết luận về người có hành động gian dối trước khi kì thi diễn ra (loại trừ giả thiết, xem xét hiện trường, tìm kiếm bằng chứng). Qua đó, nhận xét về tài năng phá án của vị thám tử.
6. Việc nhà văn để cho Oát-xơn – bạn thân của Sơ-lốc Hôm – vào vai người kể chuyện ngôi thứ nhất có tác dụng gì?
7. Em rút ra bài học gì từ câu chuyện được kể trong tác phẩm?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) trình bày suy nghĩ của em về nhân vật Ben-ni-xtơ hoặc Ghi-crít trong truyện *Ba chàng sinh viên*.

Thực hành tiếng Việt

CÁC KIỂU CÂU GHÉP VÀ PHƯƠNG TIỆN NỐI CÁC VẾ CÂU GHÉP

1 Trong các câu trích từ văn bản *Ba chàng sinh viên* dưới đây, câu nào là câu ghép đẳng lập, câu nào là câu ghép chính phụ?

a. *Cậu người Ấn vẫn đi tới đi lui trong phòng, nhưng chúng tôi không thấy bóng dáng hai người kia đâu.*

b. *Chuyện xấu đã chẳng xảy ra nếu khi đi qua cửa phòng thầy, cậu ta không thấy cái chìa khoá người hầu sơ suất để quên.*

c. *Nếu thầy Xôm thấy chúng, tất cả sẽ hỏng bét.*

d. *Cậu đã vấp ngã một lần và tôi mong cậu có thể vươn cao trong tương lai.*

2 Xác định quan hệ ý nghĩa giữa các vế ở những câu ghép dưới đây và cho biết trong mỗi câu ghép, các vế câu được nối với nhau bằng cách nào.

a. *Vì chuyện này phải được giữ kín nên chúng ta sẽ tự lập ra một toà án nho nhỏ vậy.*

(Cô-nan Đoi-lơ, *Ba chàng sinh viên*)

b. *Đất bám quanh một đinh giày vương lên bàn và mẩu đất thứ hai rã ra, rơi xuống sàn phòng ngủ.*

(Cô-nan Đoi-lơ, *Ba chàng sinh viên*)

c. *Để người con gái khỏi trở lại bàn, anh lấy chiếc khăn tay còn vo tròn cặp giữa cuốn sách tới trả cho cô gái.*

(Nguyễn Thành Long, *Lặng lẽ Sa Pa*)

d. *Khó khăn càng lớn, quyết tâm càng cao.*

3 Ở từng câu ghép có hai vế dưới đây, trọng tâm của thông báo nằm ở vế nào? Dựa vào đâu mà em xác định như vậy?

a. – *Thu nhập tốt nhưng chỗ làm hơi xa.*

– *Chỗ làm hơi xa nhưng thu nhập tốt.*

Nhận biết câu ghép đẳng lập

- Những quan hệ ý nghĩa thường gặp giữa các vế của câu ghép đẳng lập là: quan hệ thời gian, quan hệ tương phản, quan hệ lựa chọn, quan hệ tăng cấp, quan hệ bổ sung,...
- Phương tiện ngôn ngữ chủ yếu được dùng để nối các vế của câu ghép đẳng lập là kết từ (*và*, *nhưng*, *hoặc*,...) hoặc cặp từ hô ứng (... *càng* ... *càng* ..., ... *vừa* ... *vừa* ..., ... *bao nhiêu* ... *bấy nhiêu*,...).

Ví dụ:

(1) *Trời không gió, nhưng không khí vẫn mát lạnh.*

(Đoàn Giỏi, *Đất rừng phương Nam*)

Giữa hai vế của câu (1) có mối quan hệ tương phản. Hai vế của câu ghép được nối với nhau bằng kết từ *nhưng*.

(2) *Ông ấy càng nói, chúng tôi càng thấy có nhiều vấn đề thực sự mới mẻ.*

Giữa hai vế của câu (2) có mối quan hệ tăng cấp. Hai vế của câu ghép được nối với nhau bằng cặp từ hô ứng ... *càng* ... *càng* ...

Nhận biết câu ghép chính phụ

- Những quan hệ ý nghĩa thường gặp giữa các vế của câu ghép chính phụ là: quan hệ nguyên nhân – kết quả; quan hệ điều kiện, giả thiết – hệ quả; quan hệ nhượng bộ – tăng tiến; quan hệ sự kiện – mục đích;...
- Phương tiện ngôn ngữ chủ yếu được dùng để nối các vế của câu ghép chính phụ là cặp kết từ (*tuy* ... *nhưng* ..., *vì* ... *nên* ..., *nếu* ... *thì* ...,...) hoặc một kết từ ở vế phụ hay vế chính (*tuy*, *nên*,...).

Ví dụ:

(1) *Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm.*

(Tô Hoài, *Dế Mèn phiêu lưu kí*)

b. – *Vì Hà chăm chỉ và luôn cố gắng trong học tập nên bạn ấy đạt điểm rất cao trong kì thi vừa qua.*

– *Hà đạt điểm rất cao trong kì thi vừa qua vì bạn ấy chăm chỉ và luôn cố gắng trong học tập.*

4 Trong các câu ghép sau, câu nào dùng sai phương tiện nối giữa các vế câu? Hãy sửa lại cho đúng.

a. *Hà không những học tốt, cô ấy càng hát hay.*

b. *Tôi chưa nói câu nào mà nó đã khóc nức nở.*

c. *Chúng ta càng đọc nhiều sách, kiến thức sẽ được mở rộng.*

d. *Mặc dù trời mưa rất to còn chị ấy vẫn đến đúng giờ.*

Giữa hai vế của câu (1) có mối quan hệ nguyên nhân – kết quả. Hai vế của câu ghép được nối với nhau bằng cặp kết từ *bởi ... nên ...*

(2) *Nếu em chịu khó đi học thì em đã hiểu biển và con ốc biển là thế nào.*

(Trần Hoài Dương, *Chuyện vui về chú Ếch Cốm*)

Giữa hai vế của câu (2) có mối quan hệ giả thiết – hệ quả. Hai vế của câu ghép được nối với nhau bằng cặp kết từ *nếu ... thì ...*

VĂN BẢN 2

TRƯỚC KHI ĐỌC

Theo em, điều gì làm nên sức hấp dẫn của một truyện trinh thám?

ĐỌC VĂN BẢN

Bài hát đồng sáu xu[1]

A-GA-THƠ CRÍT-XTI

Theo dõi

Vụ việc mà luật sư Ét-uốt cần xử lí.

(Lược một đoạn: Vào một buổi tối, Méc-đơ-lân Va-an (Magdelen Vaughan) đến gặp luật sư Ét-uốt (Edward) nhờ ông giúp gia đình cô điều tra một vụ việc. Ba tuần trước, bà Li-ly Cráp-tri (Lily Crabtree) của cô đã bị giết ngay trong nhà. Bà Li-ly là em gái bà nội Méc-đơ-lân. Méc-đơ-lân và em trai sinh đôi Mét-thiu (Matthew) sống với bà từ khi 14 tuổi. Trong nhà còn có chú họ Uy-li-am Cráp-tri (William Crabtree) – cháu trai bà Li-ly (con của em trai bà) và vợ chú là thím Ê-mi-ly (Emily). Bà Li-ly để lại số tiền thừa kế lớn chia đều cho bốn người cháu. Méc-đơ-lân kể rằng sau buổi uống trà, các thành viên trong gia đình đi làm việc riêng của mình. Khi bà giúp việc Ma-thơ (Martha) chuẩn bị dọn bữa tối vào lúc 7 giờ 30 phút thì bà Li-ly đã chết rồi. Bà bị đánh bằng cái chặn giấy rất nặng trên bàn cạnh cửa ra vào. Cảnh sát kiểm tra dấu vân tay trên đó nhưng không thấy gì, vì nó đã được lau sạch. Các thành viên trong nhà nghĩ rằng thủ phạm là một tên trộm nào đó, nhưng bà Ma-thơ nói không có ai đến nhà. Tất cả các cửa sổ đều được cài then bên trong và dường như không có dấu hiệu nào của việc đột nhập. Vì thế, nghi ngờ dồn vào bốn thành viên của gia đình. Buổi sáng hôm đó, ngài Ét-uốt đã nói chuyện với luật sư của bà Li-ly. Cách bà Li-ly quản lí tiền bạc hơi kì lạ. Bà không bao giờ sử dụng séc. Bà có thói quen viết thư cho luật sư và yêu cầu ông để sẵn cho bà một số tiền toàn những

[1] Nhan đề do người biên soạn đặt.

đồng 5 bảng Anh. 3 giờ chiều, vị luật sư đến nhà Méc-đơ-lân. Méc-đơ-lân kể rằng bà giúp việc Ma-thơ là người cuối cùng nhìn thấy bà Li-ly. Chiều hôm đó, bà Ma-thơ làm sổ sách và mang đến cho bà Li-ly tiền thừa cùng bản báo cáo. Méc-đơ-lân giải thích việc thím Ê-mi-ly hôm đó đau đầu, phải nằm nghỉ do thím và bà Li-ly cãi nhau rất căng thẳng. Bà Li-ly bảo vợ chồng thím hãy cuốn gói ra khỏi nhà. Còn Méc-đơ-lân không muốn sống ở nhà bà nữa, do bà Li-ly không đồng ý cho cô trở thành người mẫu. Mét-thiu đang nợ rất nhiều tiền, nhưng giờ đã ổn do có số tiền thừa kế từ bà Li-ly. Ngài Ét-uốt đã gặp gỡ các thành viên trong nhà Cráp-tri. Ông Cráp-tri nói rằng khi bi kịch xảy ra, ông đang mải chơi tem nên không nghe thấy gì. Thím Ê-mi-ly trả lời luật sư với vẻ ngoan cố và sợ hãi rằng bà chẳng biết gì vì bà đang ngủ.)

Theo dõi

Những thông tin nào cho thấy Méc-đơ-lân, Mét-thiu, thím Ê-mi-ly, chú Uy-li-am đều có thể là nghi phạm?

Ở hành lang, ngài Ét-uốt suýt đâm vào một chàng trai cao ráo da ngăm đen đang sải bước về phía cửa chính.

– Cậu Mét-thiu đấy à?

– Vâng… nhưng mà, tôi không chờ được. Tôi có một cuộc hẹn.

– Mét-thiu! – Đó là tiếng chị cậu ta gọi vọng xuống từ cầu thang. – Ôi! Mét-thiu, em đã hứa…

– Em biết, chị à. Nhưng em không thể. Em phải đi gặp một người. Và, dù sao, cứ nói đi nói lại cái chuyện khốn nạn đó liệu có ích gì. Chúng ta đã làm đủ thứ với cảnh sát rồi. Em chán lắm.

Cửa chính đánh rầm. Anh Mét-thiu đã bỏ đi.

Ngài Ét-uốt được dẫn vào bếp. Bà Ma-thơ đang ủi đồ. Bà dừng lại, tay vẫn cầm bàn ủi. Ngài Ét-uốt đóng cửa lại.

– Cô Va-an nhờ tôi giúp cô ấy – ông bảo. – Tôi hi vọng bà sẽ không phản đối chuyện tôi hỏi bà vài câu.

Bà nhìn ông, rồi lắc đầu.

– Không ai trong số họ làm đâu, thưa ngài. Tôi biết ngài đang nghĩ gì, nhưng chuyện không phải thế. Một nhóm phụ nữ và quý ông tử tế mà người ta ao ước được gặp đấy ạ.

– Tôi cũng nghĩ thế. Nhưng sự tử tế của họ không phải là cái mà chúng ta gọi là bằng chứng, bà ạ.

– Có lẽ là không, thưa ngài. Luật pháp buồn cười thật. Nhưng có chứng cứ – theo như cách ngài gọi đấy, thưa ngài. Không ai trong số họ có thể làm gì mà tôi không biết.

– Nhưng chắc là…

– Tôi biết mình đang nói gì thưa ngài. Đấy, ngài nghe nhé…

"Đấy" là tiếng kêu cót két trên đầu họ.

– Cái cầu thang đấy, thưa ngài. Mỗi khi có người lên xuống cầu thang, nó kêu cót két ghê lắm. Dù cho người ta đi nhẹ nhàng cỡ nào đi nữa. Bà Cráp-tri, bà ấy ngủ trên giường, còn ông Cráp-tri thì đang nghịch mấy con tem chết tiệt của ông ấy, cô Méc-đơ-lân ở trên lầu đang may váy, và nếu có ai trong số ba người họ xuống cầu thang thì tôi đã biết rồi. Nhưng họ đâu có đi xuống!

Theo dõi

Tại sao bà Ma-thơ khẳng định không ai trong gia đình liên quan đến vụ việc?

Bà nói vẻ chắc nịch khiến vị luật sư rất ấn tượng. Ông nghĩ: "Một nhân chứng tốt. Bà ấy quan trọng lắm đây.".

– Nhỡ bà không để ý thì sao?

– Có chứ ạ. Tôi để ý mà chẳng cần chú ý, có thể nói vậy. [...]

– Ba người thì giải thích được rồi, nhưng còn người thứ tư nữa. Anh Mét-thiu Va-an cũng ở trên lầu sao?

– Không, cậu ấy ở trong một căn phòng nhỏ tầng dưới. Cạnh bên. Và cậu đang đánh máy chữ. Ngài có thể nghe rõ mồn một từ trong này. Tiếng đánh máy của cậu ấy không hề dừng một giây. Không một giây, thưa ngài, tôi có thể thề. Một thứ tiếng gõ gây bực mình khó chịu mà ồn ào nữa chứ.

Ngài Ét-uốt ngừng một lát.

– Bà chính là người phát hiện ra bà ấy, đúng không?

– Vâng, thưa ngài, đúng thế. [...] Và chẳng ai nghe tiếng động gì chỉ tại tiếng gõ lách cách từ cái máy đánh chữ của cậu Mét-thiu.

– Theo tôi hiểu thì bà khẳng định rằng không ai vào nhà cả đúng không?

– Làm sao họ vào được mà tôi lại không biết chứ, thưa ngài? Chuông reo trong đây mà. Và kia là cửa chính duy nhất.

Ông nhìn thẳng bà.

– Bà rất gắn bó với bà Cráp-tri đúng không?

Một vẻ bừng sáng ấm áp... chân thành... không lẫn vào đâu được... hiện lên trên gương mặt bà.

– Vâng, thật thế, đúng thế, thưa ngài. Nhưng về bà Cráp-tri... Ờ, tôi sống hoà hợp và bây giờ tôi không ngại phải kể ra. Hồi con gái tôi lỡ chửa hoang, thưa ngài, và bà Cráp-tri đã bênh vực tôi... đưa tôi về làm việc cho bà, bà đã làm thế, khi mọi chuyện đã xong xuôi. Ví thử chết thay bà... nói thật là tôi cũng sẽ làm.

Ngài Ét-uốt nghe là biết bà nói chân thành. Ma-thơ là người ngay thật.

– Theo bà biết thì không ai đến cửa chính cả…?

– Không có ai cả ạ.

– Tôi nói theo bà biết. Nhưng nếu bà Cráp-tri đang đợi ai đó… nếu tự bà ấy mở cửa chính cho người đó…

Suy luận

Luật sư Ét-uốt phỏng đoán như thế nào về vụ án?

– Ồ! – Ma-thơ có vẻ bất ngờ.

– Tôi nghĩ có thể thế lắm chứ? – Ngài Ét-uốt gặng.

– Có thể lắm… vâng… nhưng không chắc lắm. Ý tôi là…

Rõ ràng là bà rất bất ngờ. Bà không thể chối bỏ dù rất muốn. Tại sao thế? Bởi vì bà biết sự thật nằm ở chỗ khác. Phải thế không nhỉ? Bốn người trong một nhà… một trong số họ là kẻ có tội? Có phải Ma-thơ muốn che giấu kẻ có tội đó không? Cầu thang đã kêu cót két ư? Có ai đó đã lén lút đi xuống và bà Ma-thơ có biết người đó là ai không?

Bà ấy là người chân thật… Ngài Ét-uốt tin như thế. […]

– Tôi đoán không chừng là bà Cráp-tri đã làm vậy, nhỉ? Cửa của căn phòng đó hướng ra đường. Từ cửa sổ bà ấy hẳn đã nhìn thấy người mà bà đang đợi nên bước ra hành lang và mở cửa cho anh ta… hay cô ta… vào nhà. Thậm chí có thể bà ấy còn mong không có ai trông thấy người đó.

Bà Ma-thơ có vẻ lo âu. Cuối cùng bà miễn cưỡng đáp:

– Vâng, có thể ngài nói đúng, thưa ngài. Tôi không hề nghĩ đến chuyện đó. Rằng bà ấy đang đợi một quý ông nào đấy… vâng, có thể thế lắm chứ. […]

– Bà là người cuối cùng thấy bà ấy, đúng không?

– Vâng, thưa ngài. Sau khi tôi dọn dẹp bữa trà. Tôi mang sổ sách biên nhận đến cho bà và cả tiền lẻ từ số tiền mà bà đưa cho tôi. […]

– Bà ấy cất tiền ở đâu?

– Tôi không biết chính xác lắm, thưa ngài. Tôi đoán bà mang nó theo mình… trong một chiếc túi nhung màu đen. […]

– Và bà ấy không có nói gì khiến bà nghĩ rằng bà ấy đang đợi ai à?

– Không, thưa ngài.

– Bà chắc chứ? Thế chính xác bà ấy đã nói những gì?

Theo dõi

Các chi tiết trong lời nói của bà Li-ly.

– Ờ – Ma-thơ đắn đo. – Bà ấy bảo người bán thịt không khác gì một thằng xỏ lá và lừa đảo, và bảo tôi mua thêm một phần tư số trà mà tôi phải mua, rồi bà chê bà Cráp-tri là đồ vớ vẩn khi không thích ăn bơ thực vật, và bảo trong mấy đồng 6 xu mà tôi mang về cho bà thì có một đồng bà không thích – một đồng mới

có hình lá sồi – bà bảo nó xấu quá, và tôi phải nhọc công lắm mới thuyết phục được bà. Rồi bà bảo… ôi, rằng người bán cá gửi đến cá tuyết chấm đen chứ không phải cá whiting[1], và rằng tôi đã báo lại với ông ta chuyện đó chưa, và tôi đáp tôi đã báo rồi… và, thật ra, tôi nghĩ chỉ có chừng ấy thôi, thưa ngài.

Đối với ngài Ét-uốt, mấy lời của bà Ma-thơ đã khiến người phụ nữ quá cố hiện ra còn rõ hơn một bảng miêu tả chi tiết. Ông nói vẻ tình cờ:

– Một bà chủ hơi khó chiều, nhỉ?

– Hơi cầu kì, nhưng đấy, bà cụ đáng thương, hiếm khi đi chơi mà chỉ ru rú trong nhà nên phải kiếm cái gì đấy đại loại là để tự tiêu khiển. Bà khó tính nhưng nhân từ – không bao giờ để một người ăn mày đến rồi về tay không. Cầu kì nhưng là một người phụ nữ rất độ lượng. […]

Méc-đơ-lân vừa bước xuống tới cuối cầu thang. Cô nhìn ông Ét-uốt đầy hi vọng.

– Chưa đi đến đâu cả. – Ngài Ét-uốt bảo, đáp lại cái nhìn của cô, rồi nói thêm:

– Cô có biết những thư từ nào bà cô đã nhận vào ngày bà qua đời không?

– Chúng vẫn còn cả đấy. Đương nhiên, cảnh sát đã xem qua.

Cô đưa ông sang phòng khách đôi lớn, mở khoá một ngăn kéo và lấy ra cái túi nhung to màu đen có móc khoá bằng bạc cũ kĩ.

– Đây là túi của bà cô. Mọi thứ đều ở trong đó như ngày bà mất. Tôi vẫn giữ nguyên thế.

Ngài Ét-uốt cảm ơn cô rồi bắt đầu xổ những thứ trong túi xách ra bàn. Ông nghĩ đó là một loại túi xách dành cho một cụ bà lập dị.

Có vài đồng xu bạc lẻ, hai cái bánh quy gừng, ba mẩu báo về chiếc rương của Giôn-nơ Xao-cót[2] (Joanna Southcott), một bài thơ in vớ vẩn về những người thất nghiệp, một quyển *Old Moore's Almanack*[3], một miếng long não[4] to, vài cặp kính đeo mắt, và ba phong thư. Một lá thư chữ viết nghều ngoào gửi từ người có tên là "Em họ Lắc-xi (Lucy)", một hoá đơn sửa đồng hồ, và giấy kêu gọi giúp đỡ của một hội từ thiện.



(1) *Whiting*: một loại cá biển nhỏ màu xám bạc, thuộc họ cá tuyết.
(2) Giôn-nơ Xao-cót (1750 – 1814) là một nữ tiên tri người Anh.
(3) *Old Moore's Almanack*: sách niên giám thuật chiêm tinh được xuất bản ở Anh vào năm 1697.
(4) *Long não*: chất rắn được chưng cất từ cây long não, mùi hăng, có tác dụng khử mùi và xua đuổi côn trùng.

Ngài Ét-uốt kiểm tra mọi thứ rất cẩn thận, rồi bỏ đồ trở vào túi và đưa lại cho Méc-đơ-lân kèm một tiếng thở dài.

– Cảm ơn, cô Méc-đơ-lân. Tôi e là trong đó chẳng có gì nhiều. [...]

Ngài Ét-uốt ra về. Ông đi bộ trên con đường và trầm tư suy nghĩ. Câu đố đã nằm trong tay... vậy mà ông vẫn chưa giải được. Cần thêm cái gì đấy... cái gì đấy nhỏ thôi. Vừa đủ để chỉ cho ông đi đúng hướng.

Dự đoán

Ai liên quan đến vụ án mạng?

Một bàn tay đặt lên vai khiến ông giật mình. Đó là Mét-thiu, có vẻ đang thở dốc.

– Tôi vừa mới chạy đuổi theo ngài, thưa ngài Ét-uốt. Tôi muốn xin lỗi. Về thái độ rất tệ của tôi nửa giờ trước. Nhưng tôi e là tâm trạng mình không được tốt. Ngài thật quá tốt bụng khi phải bận tâm chuyện này. Xin cứ hỏi tôi bất kì điều gì ngài muốn. Nếu có điều gì tôi có thể làm để giúp đỡ...

Đột nhiên ngài Ét-uốt đơ ra. Cái liếc mắt của ông dán chặt – không phải vào Mét-thiu – mà vào phía bên kia đường. Có vẻ hơi hoang mang, Mét-thiu lặp lại:

– Nếu có điều gì tôi có thể làm để giúp...

– Cậu mới giúp rồi đấy, chàng trai yêu quý ạ – ngài Ét-uốt đáp. – Vì đã dừng tôi lại đúng vị trí này và kéo sự quan tâm của tôi vào một thứ, mà nếu không thì tôi đã bỏ sót.

Ông chỉ vào một nhà hàng nhỏ bên kia đường.

– Hai Tư Chú Sáo Đen? – Mét-thiu hỏi, giọng hoang mang.

– Chính xác.

– Cái tên kì cục thật... nhưng thức ăn ở đó ngon lắm, tôi nghĩ thế.

– Tôi sẽ không dám đánh liều ăn thử đâu. – Ngài Ét-uốt bảo. – Tôi đã qua cái thời đi mẫu giáo trước cậu lâu lắm rồi, anh bạn ạ, có lẽ tôi lại nhớ những giai điệu mẫu giáo tốt hơn. Nếu tôi nhớ đúng thì có một bài đồng dao cổ hát thế này:

Hát bài đồng sáu xu

Lúa mạch đen đầy lu

Sáo đen hai tư chú

Nướng trong bánh ú nù...

Phần còn lại không liên quan đến chúng ta.

Ông quay ngoắt người.

– Ngài đi đâu thế ạ? – Mét-thiu hỏi.

– Quay lại nhà cậu, anh bạn ạ.

Họ lặng lẽ đi bộ đến đó, Mét-thiu bối rối liếc nhìn người đi cùng. Ngài Ét-uốt vào nhà, sải bước tới ngăn kéo, lấy cái túi nhung đen và mở nó ra. [...]

Ngài Ét-uốt trút mấy đồng xu bạc lẻ lên bàn. Rồi ông gật đầu. Trí nhớ của ông đã không hề sai.

Ông đứng lên và nhấn chuông. Ma-thơ xuất hiện.

– Ma-thơ, nếu tôi nhớ không nhầm thì bà nói với tôi bà có cãi cọ đôi chút với bà chủ quá cố về một trong những đồng 6 xu mới.

Theo dõi

Bài đồng dao giúp luật sư Ét-uốt nhớ lại chứng cứ nào mà ông đã bỏ sót?

– Vâng, thưa ngài.

– À! Nhưng Ma-thơ này, điều lạ lùng là trong số tiền lẻ này, không có đồng 6 xu mới nào cả. Có hai đồng 6 xu nhưng cả hai đều cũ rồi.

Bà trố mắt nhìn ông vẻ bối rối.

– Bà biết điều đó nghĩa là gì không? Ai đấy đã đến nhà tối đó... ai đấy đã được bà chủ của bà cho đồng 6 xu... Tôi nghĩ bà cho anh ta để lấy cái này...

Bằng một động tác nhanh nhẹn, ông vung tay đưa ra mấy vần thơ vụng về viết về chuyện thất nghiệp.

Chỉ thoáng nhìn qua khuôn mặt bà là đã đủ.

– Kết thúc trò chơi rồi, Ma-thơ... bà thấy đấy, tôi biết hết. Có lẽ bà nên nói cho tôi biết mọi chuyện.

Bà ngồi thụp xuống ghế... nước mắt thi nhau chảy giàn giụa.

– Đúng thế... Đúng thế... cái chuông không hoạt động bình thường. Tôi cũng không chắc, và rồi tôi nghĩ tốt nhất nên đi xem xét. Tôi đến cửa thì hắn ta vừa đánh gục bà ấy. Cuộn tiền tờ 5 đồng nằm trên bàn trước mặt bà... Chính cái cảnh tiền bạc đó đã khiến hắn làm thế... cái đó và suy nghĩ rằng bà chỉ có một mình ở nhà khi bà cho hắn vào. Tôi không la lên được. Tôi quá tê liệt và rồi hắn quay lại... và tôi thấy đó là thằng con trai tôi...

Đối chiếu

Người liên quan đến vụ án mạng có đúng như dự đoán của em không?

Ôi, nó luôn là thằng con hư đốn. Có bao nhiêu tiền tôi cho nó hết. Nó ở tù hai lần rồi. Hắn là nó đến tìm tôi, và rồi bà Cráp-tri thấy có vẻ như tôi không ra mở cửa thì tự mình đi mở, và nó ngạc nhiên nên lôi ra một trong mấy cái tờ rơi về thất nghiệp, và vì là người rộng lượng, bà chủ bảo hắn vào nhà và lấy ra một đồng 6 xu. Và suốt thời gian đó cọc tiền nằm trên bàn như nó vẫn nằm khi tôi đưa tiền thối lại cho bà. Và rồi ma quỷ nhập vào thằng Ben (Ben) của tôi và nó đi tới đằng sau bà và đánh gục bà.

– Rồi sao nữa? – Ngài Ét-uốt hỏi.

– Ôi, ngài ơi, tôi có thể làm gì được chứ? Máu mủ ruột rà của tôi mà. Cha nó là thằng tồi và Ben học đòi theo… nhưng nó là con trai tôi. Tôi xua nó đi và rồi tôi quay vào bếp và đi dọn bữa ăn tối vào thời gian như thường lệ. Ngài nghĩ rằng tôi rất ranh mãnh phải không, thưa ngài? Tôi cố gắng không nói dối ngài khi ngài chất vấn tôi.

Ngài Ét-uốt đứng dậy.

– Người đàn bà tội nghiệp ơi! – Ông nói giọng xúc động. – Tôi thấy rất tiếc cho bà. Dù vậy, luật pháp sẽ phải thực thi thôi, bà biết đấy.

(A-ga-thơ Crít-xti, *Nhân chứng buộc tội*, *theo* Lan Huế *dịch*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2022, tr. 194 – 222)

SAU KHI ĐỌC



- **A-ga-thơ Crít-xti** (1890 – 1976) là nhà văn lớn người Anh, được mệnh danh là "nữ hoàng truyện trinh thám". Sự nghiệp văn học của bà khá đồ sộ với nhiều thể loại: tiểu thuyết, truyện ngắn, kịch,... Một số tiểu thuyết trinh thám nổi tiếng của bà đã được dịch sang tiếng Việt: *Án mạng trên chuyến tàu tốc hành Phương Đông* (1934), *Án mạng trên sông Nin (Nile)* (1937), *Mười người da đen nhỏ* (1939), *Ngôi nhà quái dị* (1949),...
- Truyện ngắn *Bài hát đồng sáu xu* được đăng lần đầu trên hoạ báo *Tin tức sân khấu và thể thao* tháng 12 năm 1929 ở Anh. Sau đó tác phẩm được in trong tập truyện *Nhân chứng buộc tội* (1948).

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Xác định vụ án được kể lại trong tác phẩm và cho biết không gian, thời gian xảy ra vụ án.
2. Đặc điểm hệ thống nhân vật của thể loại truyện trinh thám được thể hiện như thế nào trong tác phẩm *Bài hát đồng sáu xu*?
3. Yếu tố ngẫu nhiên nào đã xuất hiện trong quá trình điều tra của luật sư Ét-uốt? Yếu tố đó giúp ích gì cho việc suy luận của vị luật sư?
4. Bằng cách nào luật sư Ét-uốt đã phá án thành công? Qua đó, ông đã bộc lộ những khả năng gì?
5. Tác phẩm chủ yếu là lời thoại của các nhân vật. Theo em, vì sao nhà văn không miêu tả kĩ quá trình cân nhắc, suy luận của người điều tra?
6. Truyện trinh thám hấp dẫn người đọc bởi yếu tố bất ngờ. Hãy chỉ ra sự bất ngờ của kết quả điều tra vụ án trong tác phẩm *Bài hát đồng sáu xu*.
7. Câu chuyện được kể trong tác phẩm gợi cho em những suy nghĩ, bài học gì?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Vào vai nhân vật Méc-đơ-lân, viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) ghi lại cảm nghĩ về luật sư Ét-uốt sau khi ông phá án thành công.

VĂN BẢN 3

ĐỌC VĂN BẢN

Phạm Xuân Ẩn – tên người như cuộc đời[1]

Trích, NGUYỄN THỊ NGỌC HẢI[2]

(1)

Pi-tơ Rót-xơ Rên-giơ (Peter Ross Range) – "burô"[3], sếp của ông thời kì ở Việt Nam khi ông làm cho tờ *Time*[4] đã nghĩ ra hẳn tên một cuốn sách để khuyến khích ông viết lại cuộc đời mình. "Nếu không có câu chuyện của anh, một mảng quan trọng của lịch sử sẽ bị thiếu". – Pi-tơ viết. – "Không ai có một câu chuyện như anh để kể lại: làm việc trong một cơ quan báo chí Mỹ trong khi cung cấp tin tức cho miền Bắc. Không ai có một cuộc đời như đời anh, tham gia Việt Minh ở một lứa tuổi rất trẻ. Một câu chuyện lí thú biết bao!".

Pi-tơ thuyết phục một cách đầy hứng khởi. Ông ta còn đề nghị cái tựa cho quyển sách ấy: *A man of honor: The life of Pham Xuan An*[5]. [...]



Ông đã trải đời mình cùng với lịch sử kháng chiến của Việt Nam, là quân nhân trong ba quân đội khác nhau. Tham gia Vệ quốc đoàn[6] khi 18 tuổi, bị trả về vì thiếu súng đạn, vũ khí lúc đó dành cho thành phần cơ bản. Ông hoà vào phong trào học sinh sinh viên Trần Văn Ơn tại Sài Gòn năm 1950. Trở thành lính trong quân đội Pháp, không phải lính bộ binh, mà là bí thư cho trưởng phòng lo về chính trị trong

[1] *Phạm Xuân Ẩn – tên người như cuộc đời* là cuốn sách đầu tiên viết về Thiếu tướng tình báo, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Phạm Xuân Ẩn (1927 – 2006).

[2] Nguyễn Thị Ngọc Hải sinh năm 1944, quê ở Hà Nội, là nhà báo, nhà văn có nhiều kí sự viết về những nhân vật đặc biệt. Một số tác phẩm tiêu biểu của bà: *Tôi chết bắt đầu một thế giới sống* (1997), *Phạm Xuân Ẩn – tên người như cuộc đời* (2002), *Trần Quốc Hương – người chỉ huy tình báo* (2003), *Đại tướng Mai Chí Thọ* (2005),...

[3] *Burô* (tiếng lóng): sếp (nghĩa trong văn bản).

[4] *Time*: tạp chí nổi tiếng phát hành hằng tuần tại Mỹ.

[5] *A man of honor: The life of Pham Xuan An*: Một người đáng trân trọng: Cuộc đời của Phạm Xuân Ẩn.

[6] *Vệ quốc đoàn*: tên gọi của Quân đội Nhân dân Việt Nam trong giai đoạn từ tháng 9 năm 1945 đến tháng 5 năm 1946.

quân đội. Khi hoà bình lập lại ở Đông Dương sau Hội nghị Giơ-ne-vơ (Genève), Mỹ can thiệp dựng Ngô Đình Diệm với chủ trương phá hoại Hiệp định, không chịu tổng tuyển cử thống nhất Việt Nam sau hai năm như đã kí kết. Mỹ đổ tiền của vào Việt Nam để giúp họ Ngô đứng vững. [...] Ông Ẩn do có tiếng Anh và thạo nghề, nên lại trở thành nhân viên dịch thuật tại Bộ Tổng tham mưu, tham dự vào việc thành lập những sư đoàn đầu tiên do Mỹ tuyển chọn và đào tạo. Năm 1957 ông là sinh viên Việt Nam đầu tiên đến học về báo chí ở quận Cam và sống ở Ca-li-phoóc-ni-a (California) trong hai năm. [...] Nhưng không ai biết được ngoài việc học thực sự kiến thức, chàng sinh viên ấy đã trở thành Đảng viên Cộng sản từ năm 1953, được chính bác sĩ Phạm Ngọc Thạch tuyển vào Chiến khu D[1] từ 1952. Sang Mỹ học, ông Ẩn còn có nhiệm vụ tìm hiểu về văn hoá Mỹ vì Đảng đã nhìn thấy sự dính líu sâu sắc của Mỹ đối với Việt Nam. Muốn chiến thắng kẻ thù này, phải đào tạo những người có điều kiện như ông, "chuyển qua làm với Mỹ, phải được đào tạo trình độ phù hợp với yêu cầu của Mỹ". Sau khi học ở Mỹ về, Phạm Xuân Ẩn hành nghề báo chí, từ Việt Tấn xã dưới thời Ngô Đình Diệm, cho tới làm phóng viên cho các hãng nước ngoài tại Việt Nam như Roi-tơ[2] (Reuters), Time,... Ông là người Việt Nam duy nhất vào biên chế của hãng nước ngoài với lương rất cao thời đó, 750 đô la một tháng. Phạm Xuân Ẩn hành nghề báo chí và trở thành kí giả thực sự có tên tuổi. Chỉ có điều khác lạ là ông còn trở thành một vị Thiếu tướng, Anh hùng Lực lượng vũ trang của Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Vì sao sau khi đất nước thống nhất, cả nước và thế giới biết rõ ông là tình báo, vậy mà người Mỹ trong giới báo chí hoạt động cùng thời với ông nay trở lại Việt Nam vẫn đem lòng tin tưởng và kính trọng ông? Đó là một nhân cách, một tài năng. Đời ông là một câu trả lời lớn cho nhiều câu hỏi vẫn làm đau đầu nhiều người bạn Mỹ của ông. Đến hôm nay họ quay lại đất nước này vẫn tìm ông để mong có câu giải đáp vì sao Mỹ thất bại ở Việt Nam. Vì sao một trí thức giỏi và sống có nhân cách theo "kiểu Mỹ" như ông Ẩn lại có thể là người đứng trong tổ chức chặt chẽ của Quân đội Nhân dân Việt Nam, của ngành tình báo vốn đầy hiểm nguy? Có những người Mỹ là bạn cũ trong giới báo chí của ông, nay đã mất nhưng dặn lại con cái họ sang Việt Nam hãy tìm đến ông Ẩn. Họ nói sẽ học được nhiều ở con người đó. Quả thật, cuốn sách viết về ông nên có tên là *Người có cuộc đời bí ẩn như cái tên* – chứ không cần đến cái tựa đề mà Pi-tơ Rót-xơ Rên-giơ đề nghị.

Bởi vì, cuộc đời ông không được ông viết ra bao giờ. Năm 1989, 14 năm sau ngày miền Nam giải phóng, Mo-li Xây-phơ (Morley Safer) chủ biên *Chương trình 60 phút*[3]

---

[1] *Chiến khu D*: căn cứ cách mạng quan trọng của miền Đông Nam Bộ trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.
[2] *Roi-tơ*: hãng thông tấn quốc tế lớn, có trụ sở chính tại Luân Đôn (Anh).
[3] *Chương trình 60 phút (60 Minutes)*: chương trình tin tức nổi tiếng có thời lượng 60 phút, được phát sóng trên kênh CBS.

nổi tiếng của đài truyền hình CBS[1] đã trở lại Sài Gòn, gặp ông Phạm Xuân Ẩn như người bạn làm báo cũ trong thời kì chiến tranh. Cuộc gặp gỡ này đã được viết thành hẳn một chương trong cuốn sách *Hồi tưởng: Khi trở lại thăm Việt Nam* của Mo-li Xây-phơ do Nhà xuất bản Random House xuất bản năm 1989.

Hãy xem dưới mắt nhà báo phương Tây, ông Ẩn đã hiện ra như thế nào:

"Phạm Xuân Ẩn đang đứng nơi cổng sắt đã mở sẵn với một cặp chó Đức kèm sát bên. Ẩn và những con chó thân yêu của anh ta. Anh ta thường dắt chó đi khắp nơi, hay uống cà phê buổi sáng ở khách sạn Continental với con chó Đức thò cái mõm đen ra khỏi gầm bàn. Anh ta tiến về phía tôi, mở rộng vòng tay choàng ôm hôn, một cung cách ít thấy ở người Việt".

Có lẽ Mo-li Xây-phơ đang sống lại những cảm xúc của một thời đã xa, khi họ còn làm báo ở Sài Gòn và Continental là nơi họ tụ họp mỗi buổi sáng vừa điểm tâm vừa trao đổi tin tức. Với Mo-li, lúc đó ông Ẩn là nhà báo thực thụ của tuần báo *Time*, người rất nhạy bén về các vấn đề thời cuộc, cả chính trị lẫn quân sự. Ông có nhiều mối quen biết quan trọng.

Lại lời Mo-li Xây-phơ: "Ở toà báo *Time* anh được coi là người khôn khéo. Ẩn luôn luôn được giao nhiệm vụ thuyết trình cho nhóm phóng viên mới tới. Và cũng chính anh ta là người gỡ mối cho những vấn đề chính trị rối mù của chính giới Việt Nam lúc đó. Anh là người cởi mở, dấn thân và có óc hài hước, luôn được niềm nở tiếp đón trong các giới quân sự và ngoại giao Việt – Mỹ và cũng là một trong số rất ít kí giả Việt được cho phép tham dự các buổi thuyết trình hạn chế của phái bộ Mỹ". [...]

Mo-li nói ông Ẩn còn là một bí mật. Thật ra điều đó chỉ đúng với cảm giác của Mo-li, còn với người Việt Nam thì ông nếu có là một bí mật thì chỉ là vì ông ít bộc bạch cuộc đời mình. Người Việt Nam đều biết ông là anh hùng tình báo, một thiếu tướng được kính trọng. Không ai còn hỏi như Mo-li hỏi hôm đó: "Anh đang còn là một bí mật. Dân chúng vẫn chưa biết chắc là anh hoạt động cho phe nào. Vậy sự thật ra sao?".

"Ẩn cười lớn: Sự thật? Sự thật nào mới được chứ? Có một sự thật là trong 10 năm tôi là phóng viên cho toà soạn tuần báo *Time* và trước đó làm cho hãng Roi-tơ. Một sự thật khác nữa là tôi gia nhập phong trào cách mạng từ năm 1945 và là thành viên của họ từ đó với các chức vụ khác nhau. Hai sự thật, hai sự thật... đều thật". [...]

(2)

[...] Trong cuộc nói chuyện với các đồng nghiệp cũ khi họ trở lại Việt Nam sau này, ông Ẩn quan tâm thăm hỏi tin tức của các đồng nghiệp cũ như Phranh Mắc Cơ-lóc (Frank McCulloch), giám đốc văn phòng tuần báo *Time* tại Sài Gòn, Ri-chát Clơ-men

[1] *CBS*: viết tắt của Colombia Broadcasting System – hệ thống phát thanh Cô-lôm-bi-a, một công ti truyền thông lớn tại Mỹ.

(Richard Clurman), trưởng ban phóng viên cho *Time – Life* có văn phòng tại Niu Oóc (New York). Những người Mỹ đã biết ông Ẩn tới một phần tư thế kỉ mà vẫn còn nhiều bất ngờ về ông. Sau nữa, chắc gì họ đã hiểu ông Ẩn như họ thường cho là họ hiểu. Như Mo-li Xây-phơ chẳng hạn. Xây-phơ viết: "Tội nghiệp cho Ẩn. Anh đã chọn chỗ đứng giữa vùng đất không người, tuỳ thuộc vào sự hình thành của lực lượng thứ ba. Chẳng có chỗ đứng nào cho một tâm hồn nhạy cảm như anh…". Mặc dù Xây-phơ cũng nhận ra rằng do ý nghĩa lịch sử, chỉ có một chỗ đứng như ông Ẩn đã đứng, dành cho những tâm hồn nhạy cảm. Nếu hiểu theo cách người Việt nghĩ thì do đất nước gặp ngoại xâm, tất cả những tâm hồn yêu nước, nhạy cảm, chỉ có một chỗ đứng giống nhau như vậy thôi, chỗ đứng trong đội quân những người cứu nước. Xây-phơ còn cho rằng nếu Gra-ham Grin (Graham Greene) nhìn Việt Nam theo một cách nào đó, ông có thể viết cuốn tiểu thuyết *Người Việt Nam trầm lặng* với Phạm Xuân Ẩn là nhân vật mẫu.

Rõ ràng Phạm Xuân Ẩn có cuộc đời của nhân vật tiểu thuyết. Nhưng các nhà báo Việt Nam cũng như nhà báo nước ngoài mới chỉ có được "vài chớp đèn flash[1]" nắm bắt những nét thoáng qua nào đó của cuộc đời ông theo một số sự kiện lịch sử lớn lao. Chưa ai có được tấm chân dung hay "bản hồ sơ về tâm hồn" với tính cách điển hình Việt Nam. Các thành tích của ông đã khắc ghi bằng danh hiệu Anh hùng cao quý do nhà nước tặng. Nhưng điều gì, hoàn cảnh nào đã tạo nên một người Việt đặc sắc như thế?

Đó là nỗi niềm mong ước của tôi, khi lưỡng lự bấm chuông một ngôi biệt thự ở vào vị trí rất đẹp nhưng chỉ vào hạng xoàng trên đường Lý Chính Thắng, Sài Gòn. Tôi không thể đủ điều kiện viết về ông theo cách chuẩn xác của những điệp vụ. Càng không muốn liệt kê theo các bản khai lí lịch đơn thuần. Tôi muốn tìm ra cái chất "Người Việt trầm lặng" mà Xây-phơ hình dung, hoặc là chất honor[2] trong cuộc đời ông mà Pi-tơ Rót-xơ Rên-giơ đề nghị. Nhưng sau hết, tôi muốn mọi người Việt Nam được đón lấy những gì dịu dàng nhất, can đảm nhất, yêu thương tươi cười nhất, từ cuộc đời của một con người cao gầy, mỏng manh như cây sậy. Sức mạnh của con người ấy được lấy từ mỏ năng lượng quý báu và thần diệu nào đã ban cho? Nếu như bạn đọc nào ao ước cùng tôi điều đó thì hãy đọc cuốn sách này. Nó là một phần chân dung để chúng ta tự hiểu, hình ảnh người Việt cao quý giống như chúng ta đang vẽ ra bản đồ của một tâm hồn. Một việc thật khó làm!

(Nguyễn Thị Ngọc Hải, *Phạm Xuân Ẩn – tên người như cuộc đời*,
NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2015, tr. 9 – 22)

---

[1] *Đèn flash*: còn gọi là đèn chớp, một loại đèn chuyên dụng trong nhiếp ảnh và quay phim, có khả năng phát ra ánh sáng mạnh để hỗ trợ cho việc ghi hình.
[2] *Honor*: tự trọng, tôn kính, danh dự.

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Văn bản cung cấp những thông tin cơ bản nào về cuộc đời hoạt động cách mạng của nhà tình báo Phạm Xuân Ẩn?
2. Tìm những chi tiết cho thấy các nhà báo nước ngoài đã đánh giá rất cao cuộc đời, con người Phạm Xuân Ẩn.
3. Tác giả đã đánh giá như thế nào về Phạm Xuân Ẩn và thể hiện mong ước gì khi khắc hoạ chân dung ông?
4. Nghệ thuật xây dựng chân dung nhân vật trong văn bản có gì đặc sắc?
5. Theo em, việc giải mã bí mật về những con người đặc biệt như Phạm Xuân Ẩn có ý nghĩa như thế nào?

Thực hành tiếng Việt

LỰA CHỌN CÂU ĐƠN HOẶC CÂU GHÉP

1 Xác định quan hệ ý nghĩa giữa các vế trong những câu ghép dưới đây. Có thể tách mỗi vế của câu ghép thành một câu đơn được không? Vì sao?

a. *Chẳng những thái ấp của ta không còn, mà bổng lộc các ngươi cũng mất; chẳng những gia quyến của ta bị tan, mà vợ con các ngươi cũng khốn; chẳng những xã tắc tổ tông ta bị giày xéo, mà phần mộ cha mẹ các ngươi cũng bị quật lên; chẳng những thân ta kiếp này chịu nhục, rồi đến trăm năm sau, tiếng dơ khôn rửa, tên xấu còn lưu, mà đến gia thanh các ngươi cũng không khỏi mang tiếng là tướng bại trận.*

(Trần Quốc Tuấn, *Hịch tướng sĩ*)

b. *Nếu con chưa đi, cụ Nghị chưa giao tiền cho, u chưa có tiền nộp sưu thì không khéo thầy con sẽ chết ở đình, chứ không sống được.*

(Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*)

Mục đích của việc lựa chọn câu đơn hoặc câu ghép

Do cấu trúc khác nhau nên câu đơn và câu ghép có sự khác biệt trong việc biểu đạt nghĩa, nhằm đến những mục đích giao tiếp khác nhau. Ví dụ:

Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị.

(Hồ Chí Minh, *Tuyên ngôn Độc lập*)

Câu văn trên là một câu ghép đẳng lập có ba vế, liệt kê ba sự kiện. Để biểu đạt ý liệt kê này, chúng ta có thể dùng ba câu đơn: *Pháp chạy. Nhật hàng. Vua Bảo Đại thoái vị.* Tuy nhiên, việc thể hiện ba sự kiện bằng ba câu đơn riêng biệt như vậy sẽ không biểu đạt được hiệu quả ý nhấn mạnh sự nối tiếp và mối quan hệ chặt chẽ giữa ba sự kiện.

2 Hãy chuyển đổi các câu đơn trong mỗi trường hợp sau thành câu ghép và nhận xét sự khác biệt về ý nghĩa giữa các câu đơn ban đầu và câu ghép có được sau khi chuyển đổi.

a. *Rõ ràng Phạm Xuân Ẩn có cuộc đời của nhân vật tiểu thuyết. Nhưng các nhà báo Việt Nam cũng như nhà báo nước ngoài mới chỉ có được "vài chớp đèn flash" nắm bắt những nét thoảng qua nào đó của cuộc đời ông theo một số sự kiện lịch sử lớn lao.*

(Nguyễn Thị Ngọc Hải, *Phạm Xuân Ẩn – tên người như cuộc đời*)

b. *Thầy dạy rất ân cần, tỉ mỉ, chỉ bảo cho chúng tôi từng li từng tí: cách tô màu, đánh bóng, cả cách gọt bút chì thế nào cho đẹp và dễ vẽ. Nhưng thú vị hơn cả là những câu chuyện của thầy.*

(Xuân Quỳnh, *Thầy giáo dạy vẽ*)

c. *Chắc cô giáo rất vui trước món quà của em, giữa bao món quà của các bạn. Và em sẽ không để tên mình – tên người mang cánh buồm tặng cô.*

(Lâm Thị Mỹ Dạ, *Cánh buồm ngũ sắc*)

3 Các đoạn trích sau vừa có câu đơn vừa có câu ghép. Hãy chỉ ra sự phù hợp giữa kiểu cấu trúc câu và ý nghĩa cần biểu đạt của mỗi câu.

a. *Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!*

Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

(Hồ Chí Minh, *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*)

b. *Vì sao sau khi đất nước thống nhất, cả nước và thế giới biết rõ ông là tình báo, vậy mà người Mỹ trong giới báo chí hoạt động cùng thời với ông nay trở lại Việt Nam vẫn đem lòng tin tưởng và kính trọng ông? Đó là một nhân cách, một tài năng. Đời ông là một câu trả lời lớn cho nhiều câu hỏi vẫn làm đau đầu nhiều người bạn Mỹ của ông.*

(Nguyễn Thị Ngọc Hải, *Phạm Xuân Ẩn – tên người như cuộc đời*)

4 Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) trình bày cảm nghĩ của em về nhà tình báo Phạm Xuân Ẩn sau khi đọc văn bản *Phạm Xuân Ẩn – tên người như cuộc đời*, trong đoạn văn có ít nhất một câu ghép.

Viết

Viết truyện kể sáng tạo

Ở phần Viết của bài học này, em sẽ được thử sức viết một tác phẩm truyện dựa trên một truyện mà em đã đọc hoặc với cốt truyện do em sáng tạo. Em hãy phát huy khả năng tưởng tượng của mình, vận dụng những hiểu biết về đặc điểm của thể loại truyện để trải nghiệm việc sáng tác một tác phẩm mới.

Yêu cầu:

- Sử dụng ngôi kể phù hợp (ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba).
- Giới thiệu được bối cảnh (thời gian, không gian), nhân vật và câu chuyện.
- Xây dựng nhân vật với một số yếu tố như lai lịch, ngoại hình, hành động, lời nói, suy nghĩ.
- Sắp xếp chuỗi sự kiện theo trình tự hợp lí.
- Sử dụng hiệu quả các yếu tố miêu tả và biểu cảm.

Phân tích bài viết tham khảo

Con mèo Đại Uý

(Dựa theo phần 4 và phần 5, tập 82, truyện tranh *Thám tử lừng danh Cô-nan*[1] của Gô-sô Ao-da-ma (Gosho Aoyama).)

Buổi sáng cuối tuần, tiệm cà phê Poa-rô (Poirot) bỗng xuất hiện những vị khách kì lạ khiến chị chủ quán A-du-xa (Azusa) vô cùng bối rối.

Giới thiệu bối cảnh (thời gian, không gian), nhân vật và câu chuyện.

Cách đây hai tuần, có một chú mèo đi lạc tới tiệm cà phê của chị A-du-xa. Chú mèo thông minh này đã giúp chị tìm được chiếc ví của một vị khách nên chị đặt tên nó là Đại Uý. Vì trên con mèo có vết mổ triệt sản nên chị đoán chắc rằng nó từng có chủ.

Giới thiệu sự kiện mở đầu câu chuyện.

[1] Ku-đô Si-ni-chi (Kudo Shinichi) là một thám tử học sinh trung học tài ba, nổi tiếng vì phá được những vụ án hóc búa. Một lần, vì tình cờ phát hiện hoạt động của một tổ chức tội phạm mà cậu bị bọn chúng cho uống thuốc teo nhỏ. Từ đó, cậu trở thành E-đo-ga-oa Cô-nan (Edogawa Conan) – một học sinh lớp 1, sống nhờ ở nhà thám tử "gà mờ" Mo-ri (Mori). Kể từ đó, "thám tử nhí" Cô-nan nhiều lần phá án dưới danh nghĩa của ông Mo-ri (nhờ dùng máy giả giọng) hoặc trực tiếp phá án cùng những người bạn của mình.

Mãi không thấy ai tới nhận, chị A-du-xa đăng bức ảnh chú mèo lên mạng để tìm chủ của nó. Nhưng không ngờ sự việc lại rắc rối như vậy: có tới ba người đến nhận là chủ của con mèo.

Người đầu tiên là bà Si-na-ga-oa (Shinagawa). Bà trông nom con mèo Mu-si (Mushi) hộ cháu gái nhưng vô tình để con mèo sổng mất. Bà mang theo bằng chứng là bức ảnh cháu gái bà chụp cùng con mèo trông giống hệt Đại Uý. Khi bà Si-na-ga-oa đang nói chuyện thì một cậu thanh niên bước vào, lớn tiếng phủ nhận lời bà. Cậu ta tên là Ô-xa-oa (Osawa). Ngày hôm qua, khi thấy bức ảnh chị A-du-xa đăng lên, cậu ta đã nhận ra con mèo, lập tức để lại bình luận: "Đại Uý là một con mèo đực, đúng không? Của tôi đó!". Và hôm nay, cậu ta đến để đón con mèo đã thất lạc nửa năm về. Người cuối cùng tìm đến để xin nhận thú cưng là ông Ma-xu-cô (Masuko), người vừa mới mất vợ tháng trước và mất luôn con mèo của vợ trong lúc ông chuyển nhà. Ông ta vẫn giữ bức ảnh vợ mình chụp cùng chú mèo cưng Xô-xê-ki (Soseki) – và đó lại là một con mèo giống hệt Đại Uý. Vậy là, ai cũng có thể là chủ nhân của con mèo!

Chợt nhớ ra vết mổ của con mèo, A-du-xa liền hỏi ba vị khách rằng mèo của họ đã triệt sản chưa. Bà Si-na-ga-oa kể lại cháu bà từng nói nó đã đưa mèo đi triệt sản và sau đó con mèo phải đeo dải băng y tế trên bụng suốt một tuần liền. Ông Ma-xu-cô cũng nhớ rõ Xô-xê-ki từng phải đeo một cái đai trên đầu trông như cái loa sau khi đi triệt sản về. Còn Ô-xa-oa thì không quan tâm nó triệt sản hay chưa, anh chỉ nuôi kiểu thả rông.

– Tốt nhất là cô hãy nhanh nhanh mang con mèo ra đây – Ô-xa-oa lớn tiếng – nếu con mèo chạy đến với ai thì hẳn là mèo của người đó!

Xây dựng nhân vật qua hành động, lời nói.

Không có cách nào khác, chị A-du-xa liền bế Đại Uý ra chỗ ba người đến nhận mèo. Bất ngờ, Đại Uý nhảy ngay vào lòng Ô-xa-oa rồi kêu "Meo! Meo!" âu yếm khiến anh ta vô cùng đắc chí, toan bế luôn con mèo về.

– Khoan đã! – Chị A-du-xa lúng túng. Phía sau, ông Ma-xu-cô và bà Si-na-ga-oa đều bất giác kêu lên:

– Không thể nào! Cậu ta không có bằng chứng gì cả!

Chợt ngoài cửa có một giọng nói trẻ con lanh lảnh cất lên:

– Chào chị A-du-xa! Hôm nay chị đông khách quá nhỉ?

Chị A-du-xa mừng như vớ được vàng:

– Ồ, ra là Cô-nan! Thật may quá, vừa lúc chị đang cần sự giúp đỡ từ một bộ óc thiên tài đây!

Rồi A-du-xa thuật lại cho Cô-nan toàn bộ sự việc. Cô-nan vừa nghe vừa đăm chiêu suy nghĩ. Trong hình hài của một học sinh lớp 1, Cô-nan là một thám tử tài ba với sự quan sát tinh nhạy, vốn kiến thức phong phú và khả năng giải đoán những mê cung suy luận. Đoạn, cậu mỉm cười – nụ cười quen thuộc khi cậu nắm được thế thắng trong cuộc chơi lô-gíc. Cậu bình thản:

– Muốn biết ai là chủ của Đại Uý thì chị hãy cứ hỏi nó, nó sẽ cho chị câu trả lời. Đại Uý! – Cô-nan huýt sáo. – Ra đây với ta nào!

Rồi cậu quay sang nói với ba vị khách:

– Tôi có một cách để kiểm tra xem Đại Uý thực sự là mèo của ai. Các vị hãy đứng đợi sau cánh cửa, còn tôi sẽ mang Đại Uý ra ngoài. Khi tôi gọi đến vị nào, người đó hãy đi ra cửa để nhận mèo nhé!

– Được thôi, làm gì thì làm nhanh lên nhóc. Nó lại chọn ta thôi! – Ô-xa-oa nói rồi cười thầm.

Bà Si-na-ga-oa bước đến đầu tiên, nhưng con mèo quay lưng lại phía bà và chỉ hứng thú với đĩa hạt. Bà thở dài: "Nó không phải là Mu-si ư?".

– Đại Uý là mèo đực, còn Mu-si của bà là mèo cái. Chỉ có mèo cái sau khi triệt sản mới phải quấn băng dưới bụng, còn mèo đực sẽ đeo đai bảo vệ quanh cổ để tránh liếm vết mổ. Cháu đoán là Mu-si ít gặp bà nên bà còn không biết nó là đực hay cái. Cháu rất tiếc! – Cô-nan nói.

Người tiếp theo là Ô-xa-oa. Anh ta tưng tửng huýt sáo, tiến lại chỗ con mèo. Sau cái liếc mắt, Đại Uý... quay lại với đĩa hạt của nó, không thèm đếm xỉa anh chàng.

– Này, này! Lại đây với ta! Meo, meo... Ta bảo lại đây mà, con mèo kia! – Ô-xa-oa gào lên. – Sao lại thế?

Nghe anh ta hét lớn, Đại Uý sợ co rúm lại, lông dựng lên. Cô-nan bật cười:

– Anh đã dùng bột nho bạc để thu hút mèo đúng không? Rất tiếc, thứ đó chỉ có tác dụng trong năm tới mười phút thôi! Thế nên anh cứ liên tục giục chị A-du-xa và tôi phải nhanh chóng đưa con mèo đến chỗ anh. Khi bột nho hết tác dụng thì anh chỉ là một kẻ đáng sợ với nó thôi!

– Ra là thế! – Chị A-du-xa thốt lên. – Nhưng, tại sao hắn phải lừa dối chị để có được Đại Uý? Chỉ vì thích con mèo thôi sao?

– Ồ không. Nếu Đại Uý là mèo cái, nó sẽ chỉ là con mèo bình thường. Nhưng nó lại là mèo tam thể đực quý hiếm, thường được bán với giá hàng trăm triệu. Một con mèo quý như thế mà lại nuôi thả rông ư? Nói dối! Khi thấy ảnh Đại Uý trên mạng, anh ta đã thăm dò chị xem nó là đực hay cái nhưng không được trả lời, vì thế anh ta tới tận đây để tìm hiểu và định mang nó đi. Nhưng, những gì không thuộc về anh, dù anh có cố gắng nguỵ tạo tinh vi tới mấy, thì cũng vô ích mà thôi!

Ô-xa-oa sững sờ khi bị Cô-nan vạch mặt. Hắn liền bỏ chạy.

Lúc này chỉ còn ông Ma-xu-cô. Kì lạ thay, ông Ma-xu-cô chưa bước tới cửa thì Đại Uý đã ngồi khoanh chân, vẫy đuôi mừng. Cánh cửa mở ra, ông quỳ xuống: "Xô-xê-ki! Mi vẫn nhớ ta phải không?".

Sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm.

Chị A-du-xa kinh ngạc không hiểu nổi tại sao con mèo lại biết trước rằng chủ của mình đang tới để chờ sẵn. Cô-nan nhẹ nhàng giải thích:

– Là âm thanh. Tai mèo rất thính, nó có thể nghe và ghi nhớ tiếng bước chân của chủ.

– Ra là thế. – Chị A-du-xa gật gù. – Tôi vừa nhớ ra một chuyện. Ông Ma-xu-cô, ông đã mất con mèo khi chuyển nhà nhỉ? Hôm trước, Đại Uý đã chạy theo một chiếc xe tải chuyển nhà. Có lẽ nó nghĩ rằng nếu đi theo chiếc xe thì sẽ tìm được đường về với chủ nhân chăng?

Ông Ma-xu-cô xúc động:

– Cảm ơn cô, cảm ơn cậu bé đã giúp tôi tìm lại được Xô-xê-ki. Vợ tôi luôn mong Xô-xê-ki sẽ bầu bạn với tôi sau này. Loài vật thực sự là những người bạn rất thông minh và tình cảm. Lúc nào rảnh, hai người hãy qua thăm Xô-xê-ki nhé!

Bóng ông Ma-xu-cô và con Đại Uý khuất dần sau dòng người giữa con phố. Chị A-du-xa mỉm cười. Chẳng mấy khi được chứng kiến những chuyện thú vị như thế này. Chị cúi xuống, xoa đầu Cô-nan:

Chọn sự kiện kết thúc câu chuyện.

– Chà! Cậu bé, em làm chị ngạc nhiên đấy.

Cô-nan nháy mắt:

– Vì em là thám tử nhí lừng danh Cô-nan mà!

(Bài làm của học sinh, có chỉnh sửa)

Thực hành viết theo các bước

1 TRƯỚC KHI VIẾT

a. *Tìm ý tưởng cho truyện*

Em tìm ý tưởng cho truyện bằng những cách sau:

- Dựa vào một truyện đã đọc:

+ Dựa vào một truyện tranh em yêu thích, chuyển thể thành truyện ngắn. Ví dụ, ở bài viết tham khảo, người viết đã dựa vào hai phần trong tập 82 của truyện tranh *Thám tử lừng danh Cô-nan* để chuyển thể thành truyện ngắn *Con mèo Đại Uý.*

Mục đích viết

Viết một tác phẩm truyện để giải trí và mang đến cho người đọc một thông điệp nào đó.

Người đọc

Những người yêu thích truyện kể sáng tạo.

+ Trên cơ sở một "truyện chữ" đã đọc, tạo ra phiên bản mới bằng cách thay đổi nhân vật, sự kiện, chi tiết, ngôi kể,... theo ý tưởng của mình.

– Tự sáng tác một truyện mới: Em cần lựa chọn đề tài phù hợp cho tác phẩm như: tình bạn, tình cảm gia đình, tình thầy trò, lòng nhân hậu,...

b. *Xây dựng khung truyện*

– Khi dựa vào một truyện đã đọc, em cần:

+ Đọc kĩ truyện, tóm tắt chuỗi sự kiện, xác định chủ đề của truyện.

+ Dự kiến cách sáng tạo: điều chỉnh cốt truyện gốc (thêm hoặc bớt sự kiện, viết lại kết thúc truyện,...), thay đổi ngôi kể, bổ sung các yếu tố miêu tả, biểu cảm,...

– Tự sáng tác một truyện mới: Để xây dựng nội dung cho một tác phẩm truyện, em cần lựa chọn các yếu tố của truyện như người kể chuyện, bối cảnh, nhân vật, cốt truyện bằng cách tự đặt ra và trả lời các câu hỏi sau:

+ *Ai là người kể chuyện?*

Câu chuyện có thể được kể từ ngôi thứ nhất (theo lời một nhân vật) hoặc được kể từ ngôi thứ ba.

+ *Câu chuyện diễn ra ở đâu? Vào thời điểm nào?*

Em nên miêu tả chi tiết không gian, thời gian diễn ra câu chuyện bằng cảm nhận của các giác quan (hình ảnh, âm thanh, mùi vị, cảm giác,...) để câu chuyện hiện ra cụ thể, sống động và thu hút hơn.

+ *Những nhân vật nào có mặt trong câu chuyện?*

Em hãy ghi lại vai trò của các nhân vật trong tác phẩm, đặc điểm về ngoại hình, tính cách,... Có thể sử dụng bảng sau để phác thảo chân dung của mỗi nhân vật dự kiến xuất hiện trong truyện:

Nhân vật	Vai trò	Ngoại hình	Tính cách

+ *Câu chuyện diễn ra như thế nào?*

Các sự kiện chính trong truyện cần được sắp xếp theo trật tự có chủ ý: có mở đầu, diễn biến và kết thúc. Em nên chia sẻ ý tưởng xây dựng cốt truyện với các bạn trong nhóm và ghi lại những đề xuất hoặc phản hồi của các bạn để điều chỉnh.

c. *Lập dàn ý*

Sắp xếp các ý tưởng ở trên thành một dàn ý. Dàn ý có thể được xây dựng theo các phần: mở đầu, diễn biến, kết thúc.

2 VIẾT

Khi viết một truyện kể sáng tạo, em cần lưu ý:

– Xây dựng hội thoại để khắc hoạ nhân vật và phát triển mạch sự kiện.

– Sử dụng linh hoạt các yếu tố miêu tả, biểu cảm để câu chuyện trở nên sinh động, hấp dẫn hơn.

– Nếu viết một tác phẩm truyện chuyển thể từ truyện tranh, cần dựa vào hình ảnh trong truyện tranh để bổ sung các chi tiết miêu tả thời gian, không gian, nhân vật. Nếu viết một tác phẩm truyện dựa trên một "truyện chữ", cần sáng tạo dựa trên cốt truyện đã có; tránh việc chỉ tóm tắt lại truyện một cách đơn giản. Chú ý ghi rõ truyện được mô phỏng từ tác phẩm nào để đảm bảo yêu cầu về vấn đề sở hữu trí tuệ.

3 CHỈNH SỬA

Đọc lại truyện đã viết, đối chiếu với yêu cầu để thực hiện việc chỉnh sửa, hoàn thiện. Lưu ý:

– Kiểm tra bối cảnh của câu chuyện; bổ sung chi tiết miêu tả không gian, thời gian trong câu chuyện (nếu thấy chưa rõ ràng, cụ thể).

– Bổ sung các chi tiết về ngoại hình, hành động, cảm xúc, suy nghĩ, lời thoại của nhân vật nếu nhân vật được khắc hoạ còn mờ nhạt.

– Đánh số vào các sự kiện. Nếu trình tự các sự kiện chưa hợp lí, hãy sắp xếp lại. Có thể bổ sung từ ngữ thể hiện mối liên kết giữa các sự kiện.

– Nếu viết dựa trên một truyện đã đọc, cần kiểm tra các sự kiện, chi tiết người viết đã sáng tạo và chỉnh sửa (nếu thấy chưa hợp lí).

Nói và nghe

Kể một câu chuyện tưởng tượng

Câu chuyện tưởng tượng là câu chuyện do người kể hư cấu (có thể dựa vào những điều có thật rồi tưởng tượng thêm cho thú vị). Phần Nói và nghe của bài học này sẽ hướng dẫn em cách kể một câu chuyện như vậy.

1 TRƯỚC KHI NÓI

– Lựa chọn một câu chuyện tưởng tượng mà em muốn kể. Chuyện tưởng tượng không có sẵn trong sách vở hay trong thực tế mà do em nghĩ ra bằng trí tưởng tượng của mình.

– Em có thể tham khảo một số đề tài gợi ý sau:

+ Việc em sống ở thế giới tương lai trong thế kỉ tiếp theo.

+ Em gặp gỡ một nhân vật văn học.

Mục đích nói

Kể một câu chuyện tưởng tượng để giải trí và mang đến cho người nghe một thông điệp nào đó.

Người nghe

Những người thích các câu chuyện tưởng tượng.

+ Cuộc trò chuyện của em với một sự vật (bàn ghế ở lớp học, chiếc máy tính, chiếc đồng hồ, cái cây trong sân trường,...).

+ Sáng tạo một kết thúc khác cho truyện ngắn đã đọc.

– Ghi chú ngắn gọn một số ý quan trọng không thể bỏ qua khi kể như: nhan đề của câu chuyện tưởng tượng em muốn kể, bối cảnh diễn ra câu chuyện, nhân vật trong truyện (trang phục, ngoại hình, lời nói, hành động,...), hệ thống sự kiện,...

2 TRÌNH BÀY BÀI NÓI

– Kể lại câu chuyện tưởng tượng một cách diễn cảm.

– Nhấn mạnh những chi tiết tưởng tượng về thời gian, không gian, nhân vật và sự kiện.

– Điều chỉnh giọng nói, sử dụng cử chỉ, điệu bộ và các phương tiện hỗ trợ một cách phù hợp để câu chuyện được kể thêm hấp dẫn, thuyết phục; lưu ý phân biệt rõ ngữ điệu của lời người kể chuyện và lời nhân vật.

3 SAU KHI NÓI

Người nghe	Người nói
Trao đổi về bài kể chuyện với tinh thần xây dựng và thái độ tôn trọng. Có thể tập trung vào một số nội dung sau: • Diễn biến của câu chuyện. • Những chi tiết tưởng tượng trong câu chuyện. • Ý nghĩa của câu chuyện. • Sự phù hợp của các yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt,...) với nội dung câu chuyện.	Lắng nghe, phản hồi những ý kiến của người nghe với thái độ tôn trọng và tinh thần cầu thị: • Tiếp thu những ý kiến góp ý mà em cho là xác đáng. • Trả lời các câu hỏi, giải thích thêm về những sự kiện, chi tiết mà người nghe chưa rõ. • Tự rút kinh nghiệm để hoàn thiện nội dung câu chuyện và nâng cao kĩ năng kể chuyện.

Củng cố, mở rộng

1. Kẻ bảng theo mẫu sau (làm vào vở) và điền thông tin về hai văn bản *Ba chàng sinh viên* và *Bài hát đồng sáu xu* vào ô phù hợp:

Văn bản / Nội dung	*Ba chàng sinh viên*	*Bài hát đồng sáu xu*
Vụ án		
Không gian hiện trường		
Hệ thống nhân vật: – Người điều tra – Nạn nhân – Nghi phạm – Thủ phạm		
Ngôi kể		
Chủ đề		

2. Hãy diễn tả một sự việc hay chi tiết tiêu biểu trong văn bản *Ba chàng sinh viên* hoặc *Bài hát đồng sáu xu* bằng một hình thức nghệ thuật mà em thích (tranh, truyện tranh, hoạt cảnh,...).

3. Các văn bản trong bài học này đã giải mã những bí mật gì? Theo em, việc giải mã những bí mật trong thế giới tự nhiên và đời sống xã hội có ý nghĩa như thế nào?

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản dưới đây, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Cốt truyện của tác phẩm.
- Thời điểm thám tử Kỳ Phát xác định được người lấy trộm chuỗi hột vàng có ba viên ngọc bích.
- Cách thức tìm bằng chứng để giải mã vụ án của thám tử.
- Một số chi tiết có vai trò là manh mối của vụ án.

Ba viên ngọc bích

Trích, PHẠM CAO CỦNG[1]

(Lược một đoạn: Thám tử Kỳ Phát và người bạn (nhân vật "tôi") đang chơi cờ ở nhà thì nhận được một cái phong bì do thằng xe[2] của nhà anh Tham Lượng mang đến. Đó là thư của anh Tham Lượng nhờ Kỳ Phát điều tra giúp một vụ trộm. Kỳ Phát nói với nhân vật "tôi" rằng xem bức thư thì nhận thấy trong lúc anh Tham Lượng ngồi viết, chắc hẳn chị vợ đứng bên cạnh. Kỳ Phát và "tôi" đã đến nhà anh Tham Lượng ngay. Theo lời chị Tham Lượng, chị vừa bị mất chuỗi hột vàng có ba viên ngọc bích rất quý. Ba viên ngọc ấy do nhà vua ban cho ông cụ tổ nhà chị bởi khi làm quan ngự y, cụ có công chữa khỏi bệnh cho vua. Kỳ Phát đề nghị chị Tham Lượng kể lại thật tường tận câu chuyện mất trộm.)

Chị Tham Lượng nói:

– Anh để tôi nói rõ ràng anh nghe. Nguyên hôm kia, nghĩa là hôm thứ Bảy, tôi và nhà tôi đi xem hát tại Nhà hát Lớn. Tôi định đeo chuỗi hột đi thì nhà tôi bảo nên để ở nhà, vì ở đấy đông nhỡ ra chen nhau, đứt mất thì sao. Thực là tại nhà tôi, chứ nếu đeo đi thì có lẽ lại không bị mất!

Tham Lượng cãi:

– Phải, bây giờ nói thế nào chẳng được, nghĩa là số đã mất của thì trăm đường tránh cũng không thoát được. [...]

Kỳ Phát ngắt lời hỏi:

– Chị không đeo chuỗi hột đi đêm hôm ấy, vậy để ở nhà thì cất vào đâu?

– Tính tôi vốn cẩn thận nên bỏ chuỗi hột vào chiếc két kia.

Phát nhìn theo tay chỉ, thấy chiếc két sắt kiểu lớn, ba ổ khoá.

Phát gật đầu lẩm bẩm điều gì không rõ, giây lát mới hỏi tiếp:

– Chị có khoá két lại chứ?

– Vâng, chính tay tôi khoá lại cẩn thận.

– Mấy giờ chị đi xem?

– Lúc ấy vào quãng 8 giờ rưỡi.

Phát cười mà hỏi rằng:

– Chắc chị không quên mang chìa khoá đi.

Chị Tham Lượng cũng cười:

---

[1] Phạm Cao Củng (1913 – 2012) là một trong những nhà văn viết truyện trinh thám đầu tiên và nổi tiếng nhất của văn học Việt Nam giai đoạn 1930 – 1945. Ông được đánh giá là "vua truyện trinh thám Việt Nam" với khoảng 30 cuốn truyện trinh thám gồm cả tiểu thuyết và truyện ngắn. Một số tác phẩm tiêu biểu của ông: *Vết tay trên trần* (1936), *Chiếc tất nhuộm bùn* (1938), *Kỳ Phát giết người* (1941), *Nhà sư thọt* (1941), *Đám cưới Kỳ Phát* (1942),...

[2] *Thằng xe*: người làm công việc kéo xe tay (xe hai bánh, có càng dài, thường để chở người) ở thành thị thời trước.

– Anh nói mới lẩn thẩn, có mỗi cái két mà lại quên không mang chìa khoá đi thì lạ thực, bao giờ chìa tôi cũng giữ, nhưng vì hôm ấy mặc bộ áo vải "phin" mỏng quá, nên sợ rách túi tôi giao cho nhà tôi giữ.

Phát vẫn cười quay hỏi Tham Lượng:

– Còn anh, hẳn anh cũng nhớ mang theo, tôi chỉ lo anh đãng trí lại để quên ở nhà thôi!

Tham Lượng lắc đầu:

– Không, lúc ra khỏi nhà, nhà tôi mới đưa chìa khoá cho tôi, mà lúc về thì tôi lại trao trả nhà tôi ngay.

Phát có vẻ nghĩ ngợi, sau bỗng nói lẩm bẩm:

– Quái lạ, hôm ấy, tôi cũng có đi xem sao lúc tôi nhìn thấy chị thì lại không thấy anh đâu: tôi lại cứ yên trí rằng chỉ có một mình chị đi xem thôi, còn anh ấy không đi vì bận việc!

Chị Tham Lượng hỏi:

– Có phải anh nhìn thấy tôi lúc "giờ tạm nghỉ" không?

Kỳ Phát gật đầu:

– Vâng, đúng đó, chắc lúc ấy anh Tham Lượng ra ngoài hàng hiên hút thuốc.

Tham Lượng lắc đầu:

– Không, lúc đó tôi có tí việc phải về nhà... Tôi quên chưa lấy cái thư bỏ vào thùng, cái thư cần gửi để nhà dây thép[1] cho đi chuyến sáng sớm mai!

Phát nhìn thẳng vào mặt Tham Lượng rồi đột ngột hỏi:

– Anh về tận nhà bưu điện bỏ thư thì kịp về xem lúc mở màn sao được?

Tham Lượng lắc đầu:

– Không, tôi bỏ ngay chỗ hòm thư đầu phố!

Chị Tham Lượng nói:

– Ấy bỏ ngay đầu phố, thế mà cũng mất xem một đoạn vì quá được chốc lát thì nhà tôi mới về kịp.

Rồi chị Tham Lượng lại cười:

– Ấy vì vội vàng vậy, vội đến nỗi trượt chân ngã lấm cả quần, đây này anh xem.

Phát nhìn theo tay chỉ, rồi chàng đứng dậy hỏi:

– Bộ quần áo này như mới may đấy chứ, sao mới mà anh mặc không giữ gìn nên chóng hại quá.

Phát lại về chỗ ngồi, rồi hỏi tiếp:

---

[1] *Nhà dây thép*: bưu điện.

– Anh đi bộ hay sao mà đến nỗi ngã?

Tham Lượng lắc đầu:

– Không, tôi đi xe nhưng vì lúc vội bước xuống, vướng quần phải bánh xe.

Phát gật đầu:

– Phải, chẳng thế người ta lại chẳng có câu ví: "Đi đâu mà vội mà vàng, mà vấp phải đá mà quàng phải gai".

Tôi thấy Phát cứ đùa hoài khó chịu quá, bảo:

– Gớm, anh cứ bông đùa thế thì tra xét thế nào được.

Kỳ Phát nhìn tôi rồi cười mà rằng:

– Nào tới tra xét, vậy chị biết mất chuỗi hột hồi lúc nào?

Chị Tham Lượng nói:

– Tôi biết mất ngay từ sáng sớm hôm sau. Lúc mở két ra thì chuỗi hột đã không cánh mà bay.

Kỳ Phát lại hỏi:

– Ngoài chuỗi hột ra chị có mất gì nữa không?

– Không, vả lại tiền thì tôi để trong ngăn kéo ở trong tủ, muốn mở lại phải dùng chìa khoá nữa.

Kỳ Phát hỏi:

– Vậy chị có nghi ngờ cho ai trong nhà này không?

– Không, vả lại trong nhà hôm ấy thì chỉ có thằng xe ở nhà mà thôi. Con sen[1] mới xin về hôm trước.

Kỳ Phát hỏi:

– Có lẽ là thằng xe lấy?

Tham Lượng lắc đầu:

– Không, thằng xe này ở đã lâu, vả lại tôi biết nó là người thực thà cẩn thận.

Tôi nói một câu hoài nghi:

– Ở đời không biết đâu mà lường được. Nhiều khi mình tin cậy hết sức mà lại gian giảo không chừng!

(Lược một đoạn: Kỳ Phát hỏi chuyện thằng xe. Theo lời nó, khi ông bà chủ đi xem hát thì nó ở nhà và không có ai vào nhà. Trên đường về nhà, nhân vật "tôi" cho rằng thằng xe là người lấy cắp chuỗi hột với lí lẽ "Trong nhà chỉ có ba người: anh Tham Lượng, chị Tham Lượng và thằng xe. Lẽ tất nhiên chị Tham Lượng không ăn cắp của chị ấy, anh Tham Lượng cũng không ăn cắp nốt, chỉ còn có thằng xe.". Kỳ Phát cho rằng kết luận với lí lẽ giản đơn, mơ hồ như thế

[1] *Con sen*: đầy tớ gái trong các gia đình giàu có ở thành thị thời trước.

thì thực là ngốc. Theo anh, thằng xe là một người mà hai vợ chồng anh Tham Lượng cùng tin cẩn và nó không có chìa khoá giả mà mở két nên nó không thể là thủ phạm. Rồi anh lại khẳng định chính thằng xe lấy chuỗi ngọc lúc Tham Lượng về nhà lấy thư. Điều này khiến nhân vật "tôi" cảm thấy rất khó hiểu. Kỳ Phát mượn đồng hồ của "tôi" và đi đến Nhà hát Lớn. Anh bảo "tôi" đi về nhà anh Tham Lượng bằng xe tay còn mình thuê xe đạp. Kỳ Phát cắm đầu đạp xe. Khi xe của "tôi" vừa đến nhà anh Tham Lượng thì Kỳ Phát đã đứng đón ở nhà bên cạnh. Sau đó, Kỳ Phát xem đồng hồ rồi lập tức nhảy lên xe đạp đi vụt mất. Kỳ Phát trở lại nhà chị Tham Lượng và nói rằng đã tìm ra thủ phạm lấy cắp chuỗi hột rồi. Anh muốn chị trả công bằng một đêm đi hát với anh Tham Lượng. Kỳ Phát hẹn chị Tham Lượng sáng hôm sau sẽ quay lại nhà chị trả chuỗi ngọc. Kỳ Phát mượn mấy đĩa hát anh Tham Lượng mới mua và bảo chị cho thằng xe đưa đến nhà mình. Nhân vật "tôi" rất nghĩ ngợi vì thường ngày Kỳ Phát rất ghét đi hát ả đào nhưng hôm nay lại thích như vậy. Kỳ Phát vừa về đến nhà thì thằng xe mang mấy đĩa hát đến.)

Cửa mở, thằng xe nhà anh Tham Lượng mang mấy chiếc đĩa hát vào, nó để lên bàn rồi toan đi ra, nhưng Phát gọi giật lại:

– Xe, anh hãy vào đây tôi bảo đã.

Thằng xe đã luống cuống, nhưng Phát bảo:

– Anh không có việc gì mà sợ, nhưng tại sao anh lại dám lấy chuỗi hột như vậy?

Thằng xe vẫn chối:

– Thưa ông, con có lấy đâu, lấy thế nào được, vì két khoá.

Phát quắc mắt, nhảy xổ ra, nắm lấy hai vai nó, nhìn vào tận mặt, rồi cười gằn nói dằn từng tiếng:

– Con dại lắm, con ạ, bây giờ không phải là lúc nói dối quanh nữa.

Thằng xe vẫn chối:

– Thưa ông oan con, tủ két khoá, con lấy thế nào được.

Phát lắc đầu:

– Bất tất anh phải dối tôi, tủ két mở nên anh mới lấy được!

Rồi Phát vẫn nhìn chằm chằm vào mặt thằng xe, nói nhanh:

– Ta biết hết cả rồi, anh giấu nữa cũng vô ích; sau khi ông Tham về, anh tình cờ thấy tủ két mở, anh lấy chuỗi hột ngọc vì anh không thấy có tiền nong nào để ngoài nữa. Anh lấy xong rồi, anh mang giấu vào trong bếp chỗ chiếc chạn bát, góc bên trái. Tôi biết hết cả rồi. Anh giấu nữa cũng vô ích, vậy anh muốn ngồi tù hay được tôi tha cho?

Thằng xe luống cuống, sau đành van lạy:

– Thưa ông xin ông thương cho con được nhờ, quả thật con không có ý lấy trộm chuỗi hột ngọc nhưng vì lúc ấy tủ két mở...

(Lược một đoạn: Kỳ Phát yêu cầu thằng xe mang chuỗi ngọc đến cho anh. Hôm đó anh và "tôi" đi hát cùng anh Tham Lượng cả đêm. Khi anh Tham Lượng về rồi, Kỳ Phát chủ yếu nói chuyện với cô đào Phụng – người yêu của anh Tham Lượng. Sáng hôm sau, Kỳ Phát và "tôi" về

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

nhà chị Tham Lượng. Kỳ Phát đã trả lại chuỗi ngọc quý cho chị Tham Lượng. Sau đó, Kỳ Phát và người bạn về nhà.)

Lúc về đến nhà Phát nhìn tôi cười:

– Phải, tôi đã tìm thấy chuỗi hột thực, anh đã hiểu chưa?

Tôi thì chưa hiểu được chút nào cả.

Phát đánh diêm châm thuốc lá hút rồi gật đầu:

– Anh không thể hiểu được thực, vì anh không chịu nghĩ như tôi. Tôi nhận thấy thế ngay khi có chiếc danh thiếp của anh Lượng.

Tôi chợt nhớ ra, hỏi:

– Nào, bây giờ thì anh hãy nói cho tôi biết anh nhận thấy ở cái danh thiếp ấy những gì.

Phát móc trong túi ra chiếc danh thiếp đưa cho tôi xem lại, rồi cắt nghĩa:

– Trước hết, anh hãy nhắc lại cho tôi biết, anh đã nhận thấy gì lạ.

– Tôi chỉ nhận thấy có một chỗ chữa, chữa thêm vào chữ "ngay".

Phát gật đầu:

– Phải, đó là chỗ chữa, như thế không phải là tại sao anh Tham Lượng không cẩn thận. Đây anh thử đọc lại tấm thiếp:

"*Anh Kỳ Phát,*

Nếu anh rỗi rãi, thì lại chơi tôi ngay. Tôi có một việc trộm thường, nhưng rất bí mật, nếu được anh tra xét giúp cho thì hay lắm.

Thế nào anh cũng lại, và trời mưa thì anh xơi cơm luôn thể ở đằng tôi cho vui.

Anh lại ngay.

Tham Lượng"

Kỳ Phát lại nói tiếp:

– Anh là một nhà văn, sao lại không thấy lời trong thiếp phản trái nhau ư? Này nhé: "nếu anh rỗi rãi" sao lại "thì lại chơi tôi ngay". Tôi đoán thấy lúc anh Tham Lượng viết thiếp mời thì chị ấy đứng ngay ở bên cạnh. Chính chị ấy bảo chồng viết thêm chữ "ngay" vào. Rồi lại: "việc trộm thường, rất bí mật" đã "thường" lại còn "rất bí mật" đủ hiểu khi viết thiếp, chị ấy muốn mời tôi lại lắm, còn anh ấy thì… không muốn! Hai câu sau là lời chị ấy đọc, nên mới có ý khẩn khoản như vậy.

Tôi ngẫn người, nghĩ ngợi.

– Ừ nhỉ, tại sao anh Tham Lượng lại không muốn anh đến tra xét?

Kỳ Phát nhìn thẳng vào tôi rồi cả cười:

– Có gì là khó hiểu: Vì anh ấy chính là thủ phạm! Anh để nguyên tôi kể lại "vụ trộm thường mà rất bí mật" ấy có đầu đuôi để anh nghe:

Anh Tham Lượng vốn là một người sợ vợ, nhưng anh ấy lại si tình. Anh ấy đi hát, mê đào Phụng quá thể, mà đào Phụng cũng ác, lại cứ một mực đòi anh ấy chuỗi hột, chuỗi hột có ba viên ngọc bích. Lượng khó nghĩ quá, vì những hột vàng có thể mua đánh cho Phụng được, nhưng ba viên ngọc quý thì lấy đâu ra. Bởi vậy cho nên muốn được lòng người yêu, lại không rắc rối với vợ, Lượng nghĩ cách thuê thợ kim hoàn làm một chuỗi hột giả, giống như in chuỗi thực, nghĩa là chỉ có ba viên ngọc bích là giả mà thôi. Rồi Lượng đợi cơ hội để đánh tráo lấy chuỗi hột của vợ. Thì cơ hội ấy đã đến. Hôm đi xem hát Lượng khuyên vợ để chuỗi hột ấy ở nhà rồi trong giờ nghỉ, về mở két, đổi lấy chuỗi thực.

Tôi ngắt lời Kỳ Phát:

– Nhưng tại sao anh biết thế?

Kỳ Phát mỉm cười:

– Tôi biết là vì tôi thấy trong vụ trộm này có nhiều điều trái ngược nhau lắm. Ví dụ như việc về nhà bỏ thư. Tôi ngờ vực nên thử lại thì hôm qua tôi đã nhận thấy rõ ràng rằng: Nếu người ta đi xe mà về nhà, như anh đi hôm qua thì một lượt xe mất những 9 phút, hai lần đi về mất 18 phút, không kể còn rẽ vào bỏ thư, còn thuê xe, còn gọi cửa ở nhà. Nghĩa là ít nhất cũng phải mất 25 phút, hay hơn thế nữa. Vậy mà Lượng về nhà chỉ mất có 15, 16 phút thôi. Chẳng lẽ chạy, mà chạy cũng chẳng nhanh hơn xe kéo là mấy, do đó, tôi biết Lượng chỉ có một cách là thuê xe đạp, tôi sực nhớ ngay đến hiệu xe đạp ở cạnh nhà hát. Cũng như anh đã biết tôi thuê xe, lại giở sổ tìm ngày hôm thứ Bảy, quả nhiên có chữ anh Lượng viết thuê xe lúc 10 giờ rưỡi.

Nhưng anh ấy đi đâu? Đó là một điều cần phải biết. Tôi để ý thấy quần anh ấy có lấm đất sét, tôi biết ngay là anh ấy đi xuống xóm chị em lầy lội.

Tôi gật đầu.

– Thôi, bây giờ thì tôi hiểu lắm rồi. Anh Tham Lượng đạp vội xe về nhà, rồi mở két thay chuỗi hột giả vào đấy, rồi vội đi nên không kịp khoá két lại nữa. Xong đâu đấy, anh xuống luôn xóm dưới, trao chuỗi hột thực cho Phụng rồi về Nhà hát Lớn. Thằng xe tình cờ thấy két mở, lấy luôn chuỗi hột giả kia.

Kỳ Phát gật đầu:

– Đã đoán ra được nên tôi chỉ còn có việc thử lại xem có đúng không thì quả nhiên đi bằng xe đạp, tôi cũng mất vừa đúng hết 17 phút, cái thời gian mà Lượng đã vắng mặt tại Nhà hát Lớn rồi trở lại sau khi mở màn diễn tiếp hồi sau. Vậy tôi chỉ còn có một việc rất dễ dàng là trả lại cho chị Tham Lượng chuỗi hột thực, chuỗi hột mà đêm qua tôi đã tráo lại của đào Phụng! [...]

(Phạm Cao Củng, *Ba viên ngọc bích*, in trong *Vết tay trên trần*, NXB Công an nhân dân, 2018, tr. 60 – 105)

Bài 7

HỒN THƠ MUÔN ĐIỆU

Với Nàng Thơ, tôi có đàn muôn điệu;
Với Nàng Thơ, tôi có bút muôn màu.

Thế Lữ

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Thơ ca là bản hoà âm cất lên từ những rung động tâm hồn của nhà thơ trước thiên nhiên và cuộc sống. Ngôn ngữ thơ ca đặc biệt giàu nhạc tính, có thể diễn tả mọi cung bậc cảm xúc, mọi tình cảm của con người. Vì thế, thơ là cây đàn ngân lên muôn điệu tâm hồn.
- Hai bài thơ và một văn bản nghị luận văn học trong bài học này sẽ giúp em cảm nhận và hiểu về muôn điệu tâm hồn trong thơ ca, từ đó biết rung động cùng vẻ đẹp mà nhà thơ đã diễn tả trong mỗi vần thơ.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ.
- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.
- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.
- Hiểu được sự phát triển của ngôn ngữ thể hiện qua những nghĩa mới của từ ngữ và từ ngữ mới; biết vận dụng để trau dồi vốn từ.
- Bước đầu biết làm một bài thơ tám chữ; viết được đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ.
- Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.
- Có tình yêu đối với thơ ca và vẻ đẹp của con người, cuộc sống được thể hiện trong thơ.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Đọc

TRI THỨC NGỮ VĂN

Thơ sáu chữ, bảy chữ, tám chữ

- Thơ sáu chữ, bảy chữ, tám chữ là những thể thơ được xác định dựa vào số chữ (tiếng) trong mỗi dòng thơ. Các dòng thơ thường được ngắt nhịp một cách linh hoạt.
- Bài thơ sáu chữ, bảy chữ, tám chữ có số lượng dòng không hạn chế; có thể chia khổ hoặc không; thường sử dụng vần chân, gieo vần liền hoặc vần cách.

Kết cấu

Kết cấu là toàn bộ cách tổ chức, sắp xếp, liên kết các yếu tố tạo nên tác phẩm nghệ thuật. Trong thơ, đó là cách tổ chức, sắp xếp, liên kết mạch cảm xúc, thế giới hình tượng và các phương tiện ngôn ngữ được dùng để biểu đạt.

Một số căn cứ để xác định chủ đề

Chủ đề của tác phẩm văn học thường được người đọc tự rút ra từ toàn bộ nội dung của tác phẩm. Tuy vậy, trong nhiều trường hợp, một số yếu tố nổi bật của tác phẩm có thể là căn cứ quan trọng để xác định chủ đề:

- Nhan đề có thể hé lộ cho người đọc phần nào chủ đề của tác phẩm.
- Một số yếu tố khác gắn với đặc trưng thể loại có thể giúp người đọc nắm được chủ đề của tác phẩm, chẳng hạn, với thơ: mạch cảm xúc, hình ảnh,...; với truyện, kịch: nhân vật, sự kiện, xung đột,..., đôi khi là lời phát biểu trực tiếp của nhân vật hay lời người kể chuyện.

Sự phát triển của ngôn ngữ: nghĩa mới của từ ngữ và từ ngữ mới

Từ vựng của một ngôn ngữ luôn vận động, phát triển cùng với sự vận động, phát triển của xã hội. Sự phát triển từ vựng thường diễn ra theo những hình thức sau: phát triển nghĩa của từ ngữ trên cơ sở nghĩa gốc của nó, sáng tạo từ ngữ mới trên cơ sở từ ngữ đã có, tiếp nhận từ ngữ tiếng nước ngoài.

VĂN BẢN ĐỌC

VĂN BẢN 1. *Tiếng Việt*, Lưu Quang Vũ

VĂN BẢN 2. *Mưa xuân*, Nguyễn Bính

VĂN BẢN 3. *Một kiểu phát biểu luận đề độc đáo của Xuân Diệu ở bài thơ "Vội vàng"*, Phan Huy Dũng

VĂN BẢN 1

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Giới thiệu trước lớp một số câu ca dao, tục ngữ hay bài thơ nói về tiếng mẹ đẻ mà em đã sưu tầm được.

2. Nghe bài hát *Tiếng Việt* (nhạc Lê Tâm, lời thơ Lưu Quang Vũ) và nêu cảm nhận về tình cảm của người nghệ sĩ đối với tiếng nói dân tộc.

ĐỌC VĂN BẢN

Tiếng Việt

LƯU QUANG VŨ

Tiếng mẹ gọi trong hoàng hôn khói sẫm
Cánh đồng xa cò trắng rủ nhau về
Có con nghé trên lưng bùn ướt đẫm
Nghe xạc xào gió thổi giữa cau tre

Tiếng kéo gỗ nhọc nhằn trên bãi nắng
Tiếng gọi đò sông vắng bến lau khuya
Tiếng lụa xé đau lòng thoi sợi trắng
Tiếng dập dồn nước lũ xoáy chân đê

Tiếng cha dặn khi vun cành nhóm lửa
Khi hun thuyền[1] gieo mạ lúc đưa nôi
Tiếng mưa dội ào ào trên mái cọ
Nón ai xa thăm thẳm ở bên trời

"Đá cheo leo trâu trèo trâu trượt..."
Đi mòn đàng dứt cỏ đợi người thương
Đây muối mặn gừng cay lòng khế xót
Ta như chim trong tiếng Việt như rừng

Theo dõi

Số tiếng trong mỗi dòng, vần và nhịp thơ.

Hình dung

Những hình ảnh, âm thanh cuộc sống mà tiếng nói của con người đã hoà quyện trong đó.

[1] *Hun thuyền*: đốt lửa hong mặt ngoài thuyền gỗ hoặc thuyền nan nhằm chống ngấm nước, rêu mốc, bảo vệ thuyền.

Chưa chữ viết đã vẹn tròn tiếng nói
Vầng trăng cao đêm cá lặn sao mờ
Ôi tiếng Việt như bùn và như lụa[1]
Óng tre ngà và mềm mại như tơ

Tiếng tha thiết, nói thường nghe như hát
Kể mọi điều bằng ríu rít âm thanh
Như gió nước không thể nào nắm bắt
Dấu huyền trầm, dấu ngã chênh vênh

Dấu hỏi dựng suốt ngàn đời lửa cháy
Một tiếng vườn rợp bóng lá cành vươn
Nghe mát lịm ở đầu môi tiếng suối
Tiếng heo may gợi nhớ những con đường

Một đảo nhỏ xa xôi ngoài biển rộng
Vẫn tiếng làng tiếng nước của riêng ta
Tiếng chẳng mất khi Loa Thành đã mất
Nàng Mị Châu quỳ xuống lạy cha già.

Tiếng thao thức lòng trai ôm ngọc sáng
Dưới cát vùi sóng dập chẳng hề nguôi
Tiếng tủi cực kẻ ăn cầu ngủ quán
Thành Nguyễn Du vằng vặc nỗi thương đời.

Trái đất rộng giàu sang bao thứ tiếng
Cao quý thâm trầm rực rỡ vui tươi
Tiếng Việt rung rinh nhịp đập trái tim người
Như tiếng sáo như dây đàn máu nhỏ.

Buồm lộng sóng xô, mai về trúc nhớ
Phá cũi lồng vời vợi cánh chim bay
Tiếng nghẹn ngào như đời mẹ đắng cay
Tiếng trong trẻo như hồn dân tộc Việt.

Hình dung

Những hình ảnh làm nổi bật vẻ đẹp của tiếng Việt.

Hình dung

Sức mạnh trường tồn và lan toả của tiếng Việt.

[1] Câu thơ này có bản in là: *Ôi tiếng Việt như đất cày, như lụa*; người biên soạn chọn bản này vì sát với bản gốc viết tay của nhà thơ.

Mỗi sớm dậy nghe bốn bề thân thiết
Người qua đường chung tiếng Việt cùng tôi
Như vị muối chung lòng biển mặn
Như dòng sông thương mến chảy muôn đời.

Ai thuở trước nói những lời thứ nhất
Còn thô sơ như mảnh đá thay rìu
Điều anh nói hôm nay, chiều sẽ tắt
Ai người sau nói tiếp những lời yêu?

Ai phiêu bạt nơi chân trời góc biển
Nhớ quặn lòng tiếng Việt tái tê
Ai ở phía bên kia cầm súng khác
Cùng tôi trong tiếng Việt quay về.

Ôi tiếng Việt suốt đời tôi mắc nợ
Quên nỗi mình quên áo mặc cơm ăn
Trời xanh quá môi tôi hồi hộp quá
Tiếng Việt ơi tiếng Việt ân tình.

(Lưu Quang Vũ, *Tiếng Việt*, in trong *Thơ Việt Nam 1945 – 1985*, NXB Giáo dục, 1987, tr. 297 – 299)

Chú ý

Cách nhà thơ thể hiện tình cảm đối với tiếng Việt.



SAU KHI ĐỌC



- **Lưu Quang Vũ** (1948 – 1988) quê ở Đà Nẵng, là nhà thơ, nhà viết kịch, nhà văn tài năng. Thơ Lưu Quang Vũ bay bổng, tài hoa, giàu cảm xúc, nhiều trăn trở, khát khao. Lưu Quang Vũ có đóng góp đặc biệt cho ngành sân khấu với những vở kịch đặt ra nhiều vấn đề thời sự nóng hổi, bức thiết của đời sống. Một số tác phẩm tiêu biểu: *Hương cây – Bếp lửa* (in chung, 1968), *Mây trắng của đời tôi* (1989), *Bầy ong trong đêm sâu* (1993),... (thơ); *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (1981), *Người trong cõi nhớ* (1982), *Tôi và chúng ta* (1984), *Tin ở hoa hồng* (1986),... (kịch); *Mùa hè đang đến* (1983), *Người kép đóng hổ* (1984),... (truyện).
- Bài thơ *Tiếng Việt* được in trong tập thơ *Mây trắng của đời tôi*.

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Xác định những đặc điểm của thể thơ tám chữ trong bài thơ *Tiếng Việt*.

2. Bài thơ *Tiếng Việt* là lời của ai, bộc lộ cảm xúc về đối tượng nào? Điều đó có ý nghĩa gì?

3. Trong cảm nhận của nhà thơ, tiếng Việt rất gần gũi thân thương, bao gồm muôn vàn âm thanh của cuộc sống đời thường. Hãy phân tích một hình ảnh thơ thể hiện rõ điều đó.

4. Những yếu tố cụ thể trong tiếng Việt (âm thanh, ý nghĩa của từ ngữ) và chữ viết tiếng Việt gợi lên trong tác giả những liên tưởng gì? Hãy phân tích một vài câu thơ thể hiện sự liên tưởng mà em thấy thú vị, độc đáo.

5. Trong các khổ thơ 8 đến 12, nhà thơ đã làm nổi bật sức mạnh trường tồn của tiếng Việt như thế nào?

6. Phân tích tình cảm của nhà thơ đối với tiếng Việt được thể hiện qua ba khổ thơ cuối.

7. Xác định mạch cảm xúc và nhận xét về kết cấu của bài thơ.

8. Nêu chủ đề và căn cứ xác định chủ đề của bài thơ *Tiếng Việt*. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ là gì?

9. Em cần làm gì để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) ghi lại cảm nghĩ của em về vẻ đẹp của tiếng Việt được thể hiện ở các khổ thơ 5, 6, 7 của bài thơ *Tiếng Việt*.

Thực hành tiếng Việt

NGHĨA CỦA TỪ NGỮ

1 Xác định nghĩa của những từ ngữ in đậm trong các khổ thơ sau của bài thơ *Tiếng Việt*:

a. *Tiếng **thao thức** lòng trai ôm ngọc sáng*
Dưới cát vùi sóng dập chẳng hề nguôi
*Tiếng tủi cực kẻ **ăn cầu ngủ quán***
*Thành Nguyễn Du **vằng vặc** nỗi thương đời.*

b. *Buồm lộng sóng xô, **mai** về **trúc** nhớ*
Phá cũi lồng vời vợi cánh chim bay
*Tiếng nghẹn ngào như đời mẹ **đắng cay***
*Tiếng **trong trẻo** như hồn dân tộc Việt.*

2 Tìm và nêu tác dụng của từ láy được sử dụng trong các khổ thơ sau của bài thơ *Tiếng Việt*:

a. *Tiếng kéo gỗ nhọc nhằn trên bãi nắng*
Tiếng gọi đò sông vắng bến lau khuya
Tiếng lụa xé đau lòng thoi sợi trắng
Tiếng dập dồn nước lũ xoáy chân đê.

b. *Tiếng tha thiết, nói thường nghe như hát*
Kể mọi điều bằng ríu rít âm thanh
Như gió nước không thể nào nắm bắt
Dấu huyền trầm, dấu ngã chênh vênh.

3 Tìm các thành ngữ được gợi nhắc trong bài thơ *Tiếng Việt* và cho biết nghĩa của các thành ngữ đó.

BIỆN PHÁP TU TỪ

4 Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong những đoạn thơ sau của bài thơ *Tiếng Việt*:

a. *Mỗi sớm dậy nghe bốn bề thân thiết*
Người qua đường chung tiếng Việt cùng tôi
Như vị muối chung lòng biển mặn
Như dòng sông thương mến chảy muôn đời.

b. *Ôi tiếng Việt như bùn và như lụa*
Óng tre ngà và mềm mại như tơ.

c. *Ai phiêu bạt nơi chân trời góc biển*
Nhớ quặn lòng tiếng Việt tái tê
Ai ở phía bên kia cầm súng khác
Cùng tôi trong tiếng Việt quay về.

d. *Nghe mát lịm ở đầu môi tiếng suối*
Tiếng heo may gợi nhớ những con đường.

VĂN BẢN 2

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Chia sẻ những câu ca dao, bài thơ viết về mùa xuân mà em biết.

2. Nêu cảm nhận của em về mùa xuân.

ĐỌC VĂN BẢN

Mưa xuân

NGUYỄN BÍNH

Em là con gái trong khung cửi
Dệt lụa quanh năm với mẹ già
Lòng trẻ còn như cây lụa trắng
Mẹ già chưa bán chợ làng xa.

Bữa ấy mưa xuân phơi phới bay
Hoa xoan lớp lớp rụng vơi đầy
Hội chèo làng Đặng đi ngang ngõ,
Mẹ bảo: "Thôn Đoài hát tối nay"

Lòng thấy giăng tơ một mối tình
Em ngừng thoi lại giữa tay xinh
Hình như hai má em bừng đỏ
Có lẽ là em nghĩ đến anh.

Bốn bên hàng xóm đã lên đèn
Em ngửa bàn tay trước mái hiên
Mưa chấm bàn tay từng chấm lạnh
Thế nào anh ấy chả sang xem!

Theo dõi

*Số tiếng trong mỗi **dòng**, **vần** và **nhịp** thơ.*

Hình dung

*Khung cảnh làng quê **mùa xuân**.*



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Em xin phép mẹ, vội vàng đi
Mẹ bảo xem về kể mẹ nghe.
Mưa bụi nên em không ướt áo
Thôn Đoài cách có một thôi[1] đê.

Thôn Đoài vào đám hát thâu đêm
Em mải tìm anh chả thiết xem.
Chắc hẳn đêm nay giường cửi lạnh,
Thoi ngà nằm nhớ ngón tay em.

Chờ mãi anh sang anh chẳng sang
Thế mà hôm nọ hát bên làng
Năm tao bảy tuyết[2] anh hò hẹn
Để cả mùa xuân cũng nhỡ nhàng!

Mình em lầm lụi trên đường về
Có ngắn gì đâu một dải đê!
Áo mỏng che đầu mưa nặng hạt
Lạnh lùng thêm tủi với canh khuya.

Bữa ấy mưa xuân đã ngại bay
Hoa xoan đã nát dưới chân giày
Hội chèo làng Đặng về ngang ngõ
Mẹ bảo: "Mùa xuân đã cạn ngày."

Anh ạ! Mùa xuân đã cạn ngày
Bao giờ em mới gặp anh đây?
Bao giờ hội Đặng đi ngang ngõ
Để mẹ em rằng hát tối nay?

(*Tuyển tập Nguyễn Bính*, NXB Văn học, Hà Nội, 1986, tr. 25 – 26)

Hình dung

Tâm trạng của "em" khi "anh" lỡ hẹn.

[1] *Thôi*: khoảng không gian tương đối dài; *thôi đê*: một đoạn đê dài.
[2] *Năm tao bảy tuyết* (thành ngữ): nhiều lần.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

SAU KHI ĐỌC



- **Nguyễn Bính** (1918 – 1966) quê ở Nam Định (nay thuộc tỉnh Ninh Bình), là nhà thơ nổi tiếng từ phong trào Thơ mới. Thơ Nguyễn Bính đằm thắm, thiết tha, gần gũi với ca dao, thể hiện tình yêu đối với làng quê và văn hoá truyền thống của dân tộc. Tác phẩm tiêu biểu: *Tâm hồn tôi* (1940), *Lỡ bước sang ngang* (1940), *Hương cố nhân* (1941), *Mây Tần* (1942), *Nước giếng thơi* (1956), *Đêm sao sáng* (1962) (thơ); *Trông bóng cờ bay* (1957), *Tiếng trống đêm xuân* (1958) (truyện thơ),...
- Bài thơ *Mưa xuân* được in trong tập *Lỡ bước sang ngang*.

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Xác định số tiếng trong mỗi dòng thơ, cách gieo vần, ngắt nhịp của bài thơ.
2. Bài thơ là lời tự tình của một cô gái xưng "em". Lời tự tình ấy cho biết câu chuyện gì về cô gái?
3. Xác định bố cục, mạch cảm xúc của bài thơ.
4. Em cảm nhận như thế nào về sự thay đổi tâm trạng của cô gái từ lúc "mưa xuân phơi phới bay" đến khi "mùa xuân đã cạn ngày"?
5. Không gian mùa xuân của làng quê Bắc Bộ và dòng tâm trạng, cảm xúc của cô gái có mối liên hệ như thế nào? Chỉ ra những hình ảnh thơ thể hiện mối liên hệ đó.
6. Em có nhận xét gì về ngôn ngữ của bài thơ?
7. Hãy nêu cảm hứng chủ đạo, chủ đề của bài thơ *Mưa xuân* và cho biết căn cứ vào đâu em xác định được chủ đề đó.

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) nêu cảm nhận của em về không gian mùa xuân của làng quê Bắc Bộ được gợi lên trong bài thơ *Mưa xuân*.

Thực hành tiếng Việt

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG

1 Bên cạnh nghĩa gốc, các từ *ngân hàng, cổng, gạo cội, lăn tăn* còn có nghĩa chuyển mới xuất hiện. Hãy xác định nghĩa mới của mỗi từ và đặt câu với từ được dùng theo nghĩa mới đó.

2 Tìm từ ngữ mới trong tiếng Việt được hình thành theo hai cách sau (mỗi cách tìm 2 từ ngữ):

a. Tạo từ ngữ mới trên cơ sở những từ ngữ có sẵn trong tiếng Việt.

b. Tiếp nhận từ ngữ tiếng nước ngoài.

3 Đọc các đoạn thơ sau trong bài *Mưa xuân* và thực hiện yêu cầu nêu ở dưới:

a. *Bữa ấy mưa xuân **phơi phới** bay*
Hoa xoan lớp lớp rụng vơi đầy
Hội chèo làng Đặng đi ngang ngõ,
Mẹ bảo: "Thôn Đoài hát tối nay".

b. *Lòng thấy **giăng tơ** một mối tình*
Em ngừng thoi lại giữa tay xinh
Hình như hai má em bừng đỏ
Có lẽ là em nghĩ đến anh.

Yêu cầu:

(1) Xác định nghĩa của những từ ngữ in đậm trong các đoạn thơ.

(2) Cho biết nghĩa nào là nghĩa chuyển của từ ngữ đa nghĩa.

BIỆN PHÁP TU TỪ

4 Xác định biện pháp tu từ trong các khổ thơ sau của bài *Mưa xuân* và nêu tác dụng:

a. *Em là con gái trong khung cửi*
Dệt lụa quanh năm với mẹ già
Lòng trẻ còn như cây lụa trắng
Mẹ già chưa bán chợ làng xa.

Nghĩa mới của từ ngữ và từ ngữ mới

Từ vựng của tiếng Việt, như tất cả các ngôn ngữ khác, phát triển theo những cách chủ yếu sau:

- Phát triển nghĩa của từ ngữ trên cơ sở nghĩa gốc của nó. Ví dụ: *ngôi sao* có nghĩa chỉ "thiên thể nhìn thấy như điểm sáng lấp lánh trên bầu trời ban đêm", gần đây có thêm nghĩa chỉ "người đạt thành tích nổi bật trong biểu diễn nghệ thuật hoặc hoạt động thể thao, được công chúng khán giả hâm mộ"; *chuột* có nghĩa chỉ "thú gặm nhấm, mõm nhọn, tai bầu dục, đuôi thon dài, thường phá hại mùa màng và có thể truyền bệnh dịch hạch", gần đây có thêm nghĩa chỉ "bộ phận của máy tính, khi chuyển động trên một mặt phẳng cho phép làm chuyển dịch con chạy trên màn hình". Sự chuyển nghĩa ở những từ này dựa trên một số điểm tương đồng giữa các đối tượng được biểu thị. Những nghĩa chuyển đó được coi là nghĩa mới. Nghĩa mới của từ tuy xuất hiện trong thời gian gần đây nhưng được sử dụng rộng rãi trong giao tiếp.

- Tạo từ ngữ mới trên cơ sở những từ ngữ đã có trong tiếng Việt. Ví dụ: *kinh tế tri thức* (*kinh tế* + *tri thức*), *năng lượng xanh* (*năng lượng* + *xanh*), *máy bay không người lái* (*máy bay* + *không* + *người lái*), *sốt giá* (*sốt* + *giá*), *dữ liệu lớn* (*dữ liệu* + *lớn*), *thư viện số* (*thư viện* + *số*), *thư điện tử* (*thư* + *điện tử*),...

- Tiếp nhận từ ngữ tiếng nước ngoài. Ví dụ: *in-tơ-nét, (quần) jean, (nhạc) pop, (máy) photocopy, mít tinh,...*

b. *Thôn Đoài vào đám hát thâu đêm,*
Em mải tìm anh chả thiết xem.
Chắc hẳn đêm nay giường cửi lạnh,
Thoi ngà nằm nhớ ngón tay em.

c. *Bữa ấy mưa xuân đã ngại bay*
Hoa xoan đã nát dưới chân giày
Hội chèo làng Đặng về ngang ngõ
Mẹ bảo: "Mùa xuân đã cạn ngày."

VĂN BẢN 3

ĐỌC VĂN BẢN

Một kiểu phát biểu luận đề độc đáo của Xuân Diệu ở bài thơ *Vội vàng*

PHAN HUY DŨNG

(1) Xuân Diệu có viết những truyện mà ông tự gọi là *truyện ý tưởng*. Chả cứ văn xuôi, trong thơ ông cũng có những bài *ý tưởng, luận đề*. *Vội vàng* là một trong số đó.

(2) Bài thơ đã được cấu tứ trên "luận đề" này: phải tận hưởng gấp gấp những lạc thú cuộc đời, bởi đời người hữu hạn, tuổi trẻ có kì mà thời gian trôi như nước xiết. Có bao nhiêu đoạn thơ là có chừng ấy luận điểm khẳng định cơ sở của hành động "vội vàng". Giữa chúng, tưởng có thể đặt thêm những quan hệ từ như *bởi lẽ* (sau bốn câu đầu), *nhưng* (sau chín câu tiếp đó), *vì vậy* (trước câu *Mau đi thôi!...*). Đây là một giả định có cơ sở, bởi chính trong bài thơ, nếu không có những quan hệ từ vừa kể thì các dạng câu và lớp từ rất đặc trưng của một văn bản đòi hỏi phải có sự lập luận lô-gíc đã xuất hiện khá dày rồi (các câu: *Muốn... cho, Nói làm chi... nếu*; các từ: *nghĩa là, nên, phải chăng, cho,...*).

(3) Tuy nhiên, không nên từ đặc điểm khá nổi bật này mà đánh đồng giá trị thẩm mĩ cá biệt, đích thực của bài thơ với giá trị luận đề được nó chứng minh. Luận đề đó tuy có nét mới mẻ so với thơ ca truyền thống nhưng chẳng phải là một "phát minh" của tác giả *Thơ thơ*. Nó vốn là con đẻ của ý thức về cái tôi cá nhân trong văn học phương Tây thế kỉ XIX và cũng có quan hệ xa gần với những niềm bâng khuâng ta từng bắt gặp trong thơ ca cổ điển phương Đông của Lý Bạch (*Cổ nhân bỉnh chúc dạ du – Người xưa cầm đuốc chơi đêm*), của Tô Thức (*Chỉ khủng dạ thâm hoa thuỵ khứ/ Cố thiêu cao chúc chiếu hồng trang – Canh khuya những sợ rồi hoa ngủ/ Khêu ngọn đèn cao ngắm vẻ hồng*), của Nguyễn Trãi (*Tiếc xuân cầm đuốc mảng chơi đêm*)...

(4) Thực ra, có lẽ trong ý thức sáng tạo, Xuân Diệu luôn nghĩ mình phát ngôn theo sức hút của bản thân luận đề. Nhưng thực tế là: Luận đề trở nên hấp dẫn, trở nên mới mẻ chính nhờ phần *cá biệt hoá* của Xuân Diệu – cá biệt hoá bằng thứ cảm xúc nồng nàn hình như chỉ riêng ông mới có.

Thoạt đầu, sự xuất hiện của hai "nhân vật" chính của bài thơ là *tôi* và *cuộc đời* (hay *thời gian*) có vẻ giống như sự *hình tượng hoá* của luận đề. Nhưng do là một nhà thơ của cảm giác, tác giả *Vội vàng* đã không bằng lòng với sự xuất hiện nhợt nhạt của "nhân vật" và ông đã tìm cách làm cho nó sống dậy. *Cuộc đời* (hay *thời gian*) không phải hiện ra như một khái niệm khô cứng mà như một thực thể sống động mang nhiều tính danh. Nó vừa là *nắng, gió,* vừa là *tuần tháng mật, đồng nội xanh rì, cành tơ phơ phất, khúc tình si, ánh sáng chớp hàng mi, cặp môi gần*, vừa là *xuân, lượng trời, trời đất, tháng năm, sông núi, mùa,...* Với nó, ta có thể *tắt* (*Tôi muốn tắt nắng đi*), *buộc* (*Tôi muốn buộc gió lại*), *hôn* (*Tháng Giêng ngon như một cặp môi gần*), *cắn* (*Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!*), *ôm* (*Ta muốn ôm*), *riết* (*Ta muốn riết mây đưa và gió lượn*), *say* (*Ta muốn say cánh bướm với tình yêu*), *thâu* (*Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều*),... Cũng vì nó, lòng ta dấy lên bao thứ tình cảm, vừa *bâng khuâng, tiếc* nuối (*Nên bâng khuâng tôi tiếc cả đất trời*), vừa *hờn* giận (*Phải chăng hờn vì nỗi phải bay đi?*), vừa *sợ* hãi (*Phải chăng sợ độ phai tàn sắp sửa?*). Tất cả những hành động và tình cảm đó đều có cơ sở, bởi cuộc đời tồn tại rất cụ thể bằng *màu, hương*, bằng âm thanh với cái *ngon*, vị ngọt riêng của nó. Việc *nhân hoá, hình tượng hoá* cuộc đời được tác giả thực hiện đạt đến nỗi chính ông cũng đâm ra tin chắc có sự hiện hình cụ thể của đối tượng ngay trước mắt mình. Trong cơn *tự kỉ ám thị*[1], nhà thơ hối hả níu giữ sắc màu, hương vị; tham lam vơ cả bàn tiệc của cuộc đời vào vòng tay, cất tiếng van vỉ thời gian hãy dừng lại, giãy giụa trong dự cảm tuyệt vọng (*Chẳng bao giờ, ôi! Chẳng bao giờ nữa...*), rồi sực tỉnh và quật lên trong cuộc chạy thi với thời gian (*Mau đi thôi! Mùa chưa ngả chiều hôm*)... Đến lượt mình, chứng kiến cuộc đọ sức, giằng giật giữa hai "nhân vật", độc giả bỗng bị tác giả ám thị, bị nhịp điệu của bài thơ chi phối, cũng thở gấp theo "làn roi quất" của thể thơ năm chữ với cách diễn tả đanh, gọn, cũng choáng ngợp với điệp ngữ *này đây* mời mọc giữa sự chuyển điệu bất ngờ của bài thơ (từ câu năm chữ sang câu tám chữ khai mở cảm xúc), cũng có một cảm giác ngon rất vật chất với câu *Tháng Giêng ngon như một cặp môi gần* mà sự bố trí từ *ngon* rơi đúng vào chỗ ngắt nhịp đã tạo nên một hiệu quả nghệ thuật tuyệt vời..., sau hết, cũng muốn reo vang cùng nhà thơ trong lời phán định cuối cùng từ một tư thế khẳng định bản ngã đầy quyền uy của một uy quyền xứng đáng: *Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!...*

Như vậy, sự "minh hoạ" của Xuân Diệu ở bài *Vội vàng* đã không dẫn đến cái chết của thơ ca mà ngược lại, nó làm cho tiếng nói của thơ ca trở nên say đắm hơn, vì tiếng nói ấy cất lên từ vũ đài chiến thắng của một cá tính sáng tạo đối với cái xác tư tưởng. Không nghi ngờ gì nữa, Xuân Diệu đã biến cái luận đề chung chung kia

(1) *Tự kỉ ám thị*: tự làm cho mình tiếp nhận một cách thụ động những ý nghĩ nào đó.

thành cái luận đề *của riêng mình*, thành sự chiêm nghiệm, thành điều tâm huyết của một cá thể, một cá nhân mê say sự sống.

Ngoài những điều đã phân tích ở trên, có thể thấy thêm ngay trong cái khung lập luận lô-gíc có vẻ cứng nhắc của kết cấu bài thơ, bản sắc Xuân Diệu cũng được thể hiện rõ nét. Để "minh hoạ" luận đề, điều cần thiết là nêu các *luận điểm*. Nhưng đối với Xuân Diệu, sự vắn tắt của luận điểm dường như không thể chứa đựng hết, hay đúng hơn là buộc trói những nỗi niềm, những say sưa, chếnh choáng của ông. Để thoát ra khỏi mâu thuẫn này, ông tận dụng triệt để thủ pháp *liệt kê*, coi trọng *chất lượng* nhưng lại tham cả *số lượng*. Ai đó có thể tạm bằng lòng với một câu: *Của ong bướm này đây tuần tháng mật*, nhưng Xuân Diệu thì không, ông phải nói nữa, nói mãi, nói cho thoả. Cũng một ý đó, ngay ở đoạn này, ông đã kéo dôi bài thơ ra đến bốn câu. Đến khi không thể không dừng lại, ông vẫn tiếc, vẫn còn cố nói với thêm được một câu nữa: *Và này đây ánh sáng chớp hàng mi*... Chính câu thơ có kết từ *và* này và một câu khác nữa: *Và non nước, và cây, và cỏ rạng* đã phản ánh hết sức sinh động cá tính thơ Xuân Diệu: muốn giãi bày, muốn kể lể không thôi niềm yêu cuộc sống. Đọc toàn bộ thơ Xuân Diệu, ta sẽ thú vị nhận ra một điều: tần suất xuất hiện của kết từ *và* rất cao, kể cả khi nó không hiện diện trực tiếp, ta vẫn thấy bóng dáng nó thấp thoáng khắp nơi, như một ám ảnh.

(5) *Và... và... và...* đó là bàn tay ấm nóng của tác giả *Thơ thơ, Gửi hương cho gió* chìa ra về mọi hướng trong một niềm khao khát giao cảm vô biên.

(Phan Huy Dũng, *Tác phẩm văn học trong nhà trường phổ thông, một góc nhìn, một cách đọc*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2009, tr. 116 – 118)

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Căn cứ vào nhan đề bài viết, hãy xác định luận đề của bài nghị luận.

2. Trong bài nghị luận, tác giả đã trình bày những luận điểm nào? Nêu mối quan hệ giữa các luận điểm đó.

3. Xác định các lí lẽ và bằng chứng mà tác giả sử dụng để làm sáng tỏ luận điểm được trình bày trong phần (4).

4. Trong bài nghị luận, tác giả có nêu ý kiến nhận xét trái chiều. Đó là ý kiến nào? Việc nêu ý kiến đó có tác dụng gì?

5. Thông qua bài nghị luận trên, em thấy tác giả có ý kiến như thế nào về quan niệm sống của Xuân Diệu? Em có tán thành ý kiến đó không? Vì sao?

6. Theo cảm nhận của tác giả bài nghị luận, trong "muôn điệu" của "tâm hồn" thơ, bài thơ *Vội vàng* có đặc điểm riêng nào?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Viết

A. Tập làm một bài thơ tám chữ

Các nhà thơ là những nghệ sĩ dạo lên muôn vàn thanh âm diễn tả mọi rung động tâm hồn của họ trước thế giới, để thiên nhiên, con người trở nên đẹp hơn. Trong phần Đọc, em đã được học tri thức ngữ văn về thể thơ tám chữ. Hãy vận dụng những kiến thức đã học ấy để thể hiện cảm xúc của mình qua việc tập làm một bài thơ tám chữ.

1 TRƯỚC KHI VIẾT

a. *Lựa chọn đề tài*

Cuộc sống quanh ta muôn màu muôn sắc, gợi cho ta rất nhiều thi hứng. Em có thể chọn một đề tài đem lại cho mình nhiều cảm xúc nhất. Những đề tài gợi ý để em lựa chọn: thiên nhiên, quê hương, đất nước, thầy cô, bạn bè, mái trường,...

b. *Lựa chọn hình ảnh biểu đạt cảm xúc*

– Từ đề tài đã chọn, tìm chi tiết, hình ảnh để lại trong em ấn tượng sâu sắc nhất, gợi lên trong em nhiều rung động nhất, phù hợp với đề tài để gửi gắm tình cảm của mình. Ví dụ: em có thể chọn hình ảnh cánh rừng, dòng sông, bầu trời, ngọn núi,... nếu muốn viết về đề tài thiên nhiên; chọn hình ảnh lớp học, thầy cô, bạn bè,... nếu muốn viết về đề tài mái trường;...

– Sau khi tìm được chi tiết, hình ảnh đặc sắc, hãy xác định tình cảm, cảm xúc của mình: yêu mến, nhớ thương, hạnh phúc, tự hào hay buồn, tiếc nuối, bâng khuâng,... Chẳng hạn: nỗi buồn khi phải chia xa mái trường để nghỉ hè; những niềm vui bên thầy cô, bạn bè...

– Diễn tả dòng cảm xúc của em theo sự vận động của chi tiết, hình ảnh trong bài thơ. Sử dụng những từ ngữ phù hợp để biểu đạt chính xác nhất cảm xúc của em.

c. *Gieo vần, ngắt nhịp*

– Ngắt nhịp linh hoạt theo mạch cảm xúc và nội dung biểu đạt, vì vậy nhịp có thể tuân theo đặc điểm của thể thơ hoặc phá cách.

– Sử dụng vần chân; vần liền hoặc vần cách. Ví dụ:

Tôi hôm nay/ sống trong lòng/ miền ***Bắc***
Sờ lên ngực/ nghe trái tim/ thầm ***nhắc***
Hai tiếng thiêng liêng/ hai tiếng miền ***Nam***
Tôi nhớ không nguôi/ ánh nắng màu ***vàng***
Tôi quên sao được/ sắc trời xanh ***biếc***
Tôi nhớ cả/ những người/ không quen ***biết.***

(Tế Hanh, *Nhớ con sông quê hương*)

Em hãy chọn tiếng thích hợp với chỗ trống trong những dòng thơ sau để tập gieo vần:

Gió nhẹ nhẹ, hương cỏ cây nhẹ ***nhẹ***
Thoảng bay lên, hương mạ dưới đồng ***xa***
Tự đâu đó, hương muôn hoa mới ***hé***
Như khói trầm từ đỉnh rộng bao ...

Hơi xuân ấm trả cho trời đất ***lặng***
Tiếng reo ca nhí nhảnh và ngây ***thơ***
Của đàn sáo say phơi mình dưới ...
Chim nghệ vàng rỉa cánh trên nhành ...

(*Theo* Tố Hữu, *Xuân lòng*)

2 VIẾT

– Viết câu thơ đầu tiên: Có thể nêu ấn tượng của em về chi tiết, hình ảnh gợi cho em nhiều cảm xúc hay giới thiệu, miêu tả đặc điểm của đối tượng được thể hiện trong bài thơ. Chú ý tiếng cuối cùng của câu thơ để gieo vần trong những câu tiếp theo. Tuỳ thuộc vào cảm xúc của em và nội dung biểu đạt trong câu thơ mà ngắt nhịp phù hợp.

– Sau đó, hãy phát triển cảm xúc dựa trên câu thơ đầu tiên bằng cách diễn tả cảm xúc về những chi tiết miêu tả cụ thể đối tượng, về những sự việc diễn ra với đối tượng,...

– Sử dụng từ tượng thanh, tượng hình, từ láy; biện pháp tu từ như so sánh, nhân hoá, ẩn dụ, điệp ngữ,... để tăng tính gợi hình, gợi cảm cho câu thơ.

– Phần kết bài thơ, em có thể nêu những suy tư, chiêm nghiệm, thông điệp muốn chuyển tải tới người đọc.

3 CHỈNH SỬA

Em cần chỉnh sửa để hoàn thiện bài thơ. Dựa trên những đặc trưng của thể thơ tám chữ, rà soát xem bài thơ đã đảm bảo được các yêu cầu đó hay chưa. Nếu chưa thì điều chỉnh. Em hãy xem xét bài thơ vừa làm trên những yêu cầu sau:

– Hình thức nghệ thuật:

+ Đảm bảo đúng số lượng tiếng trong mỗi câu thơ.

+ Gieo vần đúng quy định.

+ Nhịp thơ phù hợp với cảm xúc.

+ Có hình ảnh.

+ Sử dụng biện pháp tu từ.

– Nội dung:

+ Cảm xúc tự nhiên, dung dị.

+ Có chủ đề, thông điệp.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

B. Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ

Ở các lớp 7, 8, em đã học cách viết đoạn văn nêu cảm xúc về bài thơ bốn chữ, năm chữ và đoạn văn nêu cảm nghĩ về một bài thơ tự do. Trong bài học này, em sẽ tìm hiểu cách viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ.

Yêu cầu:

- Giới thiệu được bài thơ (nhan đề, tác giả); nêu ấn tượng chung về bài thơ.
- Nêu được cảm nghĩ về một số nét nổi bật trong nội dung và nghệ thuật của bài thơ; chỉ ra tác dụng của thể thơ tám chữ trong việc tạo nên nét độc đáo của bài thơ.
- Khái quát được cảm nghĩ về bài thơ.

Phân tích bài viết tham khảo

Tình yêu đất nước trong bài thơ *Tiếng Việt* của Lưu Quang Vũ

Bài thơ *Tiếng Việt* của nhà thơ Lưu Quang Vũ để lại trong tôi niềm xúc động sâu xa về tình yêu quê hương, đất nước. Tình yêu ấy biểu hiện dung dị qua tình yêu tiếng Việt và ngân lên thành những lời ngợi ca ngôn ngữ dân tộc. Cảm xúc của bài thơ khởi nguồn từ cảm nhận về sự hoà quyện của tiếng Việt trong muôn vàn âm thanh, hình ảnh của cuộc sống bình dị; thể hiện thành niềm tự hào về vẻ đẹp, niềm tin vào sức mạnh trường tồn và lắng đọng trong ba khổ thơ cuối với những băn khoăn, khắc khoải về tương lai của tiếng nói dân tộc. Tiếng Việt biểu đạt tình cảm, suy tư của những người lao động, vang lên trong những khung cảnh thân thương, gợi cảm xúc bâng khuâng đến nao lòng đối với mỗi người Việt: tiếng mẹ gọi trên "Cánh đồng xa cò trắng rủ nhau về", "Tiếng cha dặn khi vun cành nhóm lửa/ Khi hun thuyền gieo mạ lúc đưa nôi"; tiếng kéo gỗ, tiếng gọi đò, câu hát lời ru "rung rinh nhịp đập trái tim người"... Đó là tất cả những gì gần gũi, thân thiết, máu thịt nhất đối với mỗi chúng ta. Tiếng Việt kết tinh từ bao giọt mồ hôi mặn chát, những gừng cay muối mặn mà vẫn chan chứa những tâm tình ngọt ngào, say đắm của nhân dân. Biện pháp tu từ so sánh: "Ôi tiếng Việt như bùn và như lụa/ Óng tre ngà và mềm mại như tơ", "Tiếng tha thiết, nói thường nghe như hát" thể hiện sự cảm nhận tinh tế, sâu sắc của nhà thơ về bản sắc dân tộc kết tinh trong tiếng nói: vừa mộc mạc, chân chất, vừa tinh tế, uyển chuyển, giàu nhạc tính. Biện pháp tu từ ẩn dụ:

Giới thiệu bài thơ (nhan đề, tác giả) và nêu ấn tượng chung về bài thơ.

Nêu cảm nghĩ về nội dung bài thơ.

Nêu cảm nghĩ về hình thức nghệ thuật của bài thơ (hình ảnh, biện pháp tu từ, đặc điểm thể thơ tám chữ) và tác dụng trong việc biểu đạt nội dung.

"Nghe mát lịm ở đầu môi tiếng suối" diễn tả một cách hình ảnh, nhấn mạnh khả năng gợi liên tưởng của ngôn ngữ dân tộc. Những câu thơ rất dung dị nhưng càng ngẫm càng thấy thấm thía, xúc động, khiến người đọc tự hào về vẻ đẹp của tiếng Việt. Không những đẹp, tiếng Việt còn có sức mạnh kì diệu. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, tiếng Việt vẫn như dòng sông chảy muôn đời lưu giữ truyền thống yêu nước, nhân ái, hoà hợp dân tộc của người Việt Nam; là sợi dây kết nối tâm hồn, tư tưởng của mọi cá nhân trong cộng đồng cũng như những người con lưu lạc, xa xứ. Trong ba khổ thơ cuối, nhà thơ bày tỏ mối băn khoăn, dự cảm về tương lai của tiếng Việt bằng câu hỏi: "Ai người sau nói tiếp những lời yêu?". Từ tình cảm yêu mến, tự hào về tiếng nói dân tộc, nhà thơ bày tỏ tình yêu và sự kính trọng nhân dân bởi chính họ – những người lao động kéo gỗ, chèo đò, dệt lụa, ăn cầu ngủ quán… – đã sáng tạo, đổ mồ hôi, công sức vun đắp cho tiếng Việt ngày càng giàu đẹp hơn và chịu đựng gian khổ, hi sinh, đổ máu để cho tiếng Việt mãi mãi là tiếng nói của một dân tộc có chủ quyền. Vẻ đẹp, sự kì diệu của tiếng Việt cũng là vẻ đẹp, sự kì diệu của tâm hồn nhân dân, dân tộc Việt Nam. Thể thơ tám chữ với lối gieo vần và cách ngắt nhịp tương đối linh hoạt khiến cho bài thơ trở thành một bản nhạc nhiều âm điệu... Bài thơ, với nội dung tư tưởng lớn lao, sâu sắc được thể hiện trong một hình thức dung dị mà tài hoa đã làm rung động trái tim biết bao thế hệ người đọc.

Khái quát cảm nghĩ về bài thơ.

(*Nhóm biên soạn*)

Thực hành viết theo các bước

1 TRƯỚC KHI VIẾT

Mục đích viết

Trình bày cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ, qua đó giúp người đọc cảm nhận được cái hay, cái đẹp của bài thơ.

Người đọc

Những người yêu thơ, mong muốn tìm hiểu về bài thơ.

a. *Lựa chọn bài thơ*

Hãy chọn trong số những bài thơ em đã học, đã đọc một bài thơ tám chữ mà em có ấn tượng sâu sắc và cảm nhận được giá trị nội dung và nghệ thuật của nó.

b. *Tìm ý*

Căn cứ vào yêu cầu của đoạn văn nêu cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ, em hãy tiến hành những công việc sau:

– Đọc kĩ bài thơ và ghi lại đặc điểm của tác phẩm trên các phương diện:

+ Vần thơ, nhịp thơ; chú ý những nét đặc sắc trong cách gieo vần, ngắt nhịp của bài thơ so với cách gieo vần, ngắt nhịp thông thường của thể thơ tám chữ.

+ Nội dung và mạch cảm xúc của bài thơ với những trạng thái, cung bậc cụ thể.

+ Những hình ảnh độc đáo, từ ngữ đặc sắc, biện pháp tu từ sáng tạo,... mà tác giả sử dụng để biểu đạt các cung bậc cảm xúc.

+ Chủ đề, thông điệp của bài thơ.

– Ghi lại cảm nghĩ chung của em về bài thơ.

c. *Lập dàn ý*

Em hãy lập dàn ý theo gợi ý dưới đây:

Dàn ý

– *Mở đoạn*:

+ Giới thiệu bài thơ (nhan đề, tác giả).

+ Nêu ấn tượng chung về bài thơ.

– *Thân đoạn*:

+ Trình bày cảm nghĩ về nội dung (mạch cảm xúc, chủ đề, thông điệp,...) của bài thơ.

+ Nêu cảm nghĩ về những yếu tố nghệ thuật và tác dụng của chúng trong việc biểu đạt nội dung; nêu tác dụng của thể thơ tám chữ trong việc tạo nên nét đặc sắc của bài thơ.

– *Kết đoạn*: Khái quát cảm nghĩ về bài thơ.

2 VIẾT BÀI

– Viết các câu văn phù hợp để triển khai những nội dung đã xác định trong dàn ý. Các câu cần hướng về chủ đề chung của đoạn để tạo sự mạch lạc cho đoạn văn.

– Sử dụng các từ ngữ diễn tả chân thực, chính xác cảm nghĩ về bài thơ; lưu ý sử dụng từ ngữ liên kết để đoạn văn được chặt chẽ.

3 CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Sau khi hoàn thành bài viết, em hãy rà soát và chỉnh sửa theo những gợi ý dưới đây:

– Phần Mở đoạn đã giới thiệu được tên bài thơ, tác giả và nêu ấn tượng, cảm nghĩ chung của em về bài thơ chưa? Bổ sung nếu còn thiếu.

– Phần Thân đoạn đã sử dụng những từ ngữ biểu đạt cảm nghĩ về mạch cảm xúc, chủ đề, thông điệp và những yếu tố nghệ thuật đặc sắc của bài thơ hay chưa? Các câu có cùng hướng về một chủ đề và có các từ ngữ liên kết phù hợp hay không? Bổ sung hoặc điều chỉnh nếu chưa đáp ứng được yêu cầu.

– Phần Kết đoạn đã nêu khái quát cảm nghĩ về bài thơ chưa? Nếu chưa đáp ứng được yêu cầu thì cần chỉnh sửa hoặc viết lại.

Nói và nghe

Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (được gợi ra từ tác phẩm văn học)

Giữa văn học và cuộc sống có mối quan hệ phong phú. Thông qua các tác phẩm văn học, người đọc có thể cảm nhận được muôn mặt của cuộc sống. Nhiều vấn đề thực tiễn được các tác giả phản ánh trong tác phẩm gợi cho bạn đọc những suy tư, trăn trở, mong muốn tìm ra giải pháp giúp xã hội văn minh, tiến bộ hơn. Trong bài học này, em sẽ thảo luận về một vấn đề đời sống phù hợp với lứa tuổi được gợi ra từ tác phẩm văn học đã học để rèn luyện kĩ năng thảo luận về một vấn đề sao cho hiệu quả.

1 TRƯỚC KHI THẢO LUẬN

– Để chuẩn bị cho hoạt động thảo luận, cần thực hiện các bước chuẩn bị trước khi thảo luận như đã thực hành ở bài 2, bài 4, bài 5.

– Đề tài thảo luận là một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi được gợi ra từ tác phẩm văn học đã học như bài thơ *Tiếng Việt* (Lưu Quang Vũ), *Mưa xuân* (Nguyễn Bính),... Có thể chọn thảo luận một trong những vấn đề sau: tiếng Việt trên các vùng miền của đất nước; những hiện tượng ảnh hưởng tiêu cực đến tiếng Việt; vai trò của thế hệ trẻ đối với sự phát triển của tiếng Việt; ý nghĩa của thơ ca đối với đời sống con người;...

Mục đích thảo luận

Giúp những người tham gia thảo luận hiểu vấn đề một cách đầy đủ, sâu sắc và có giải pháp phù hợp; các thành viên tham dự thêm thấu hiểu lẫn nhau.

Người nghe

Các thành viên tham gia cuộc thảo luận và những người yêu thích văn học, quan tâm đến mối quan hệ giữa văn học với đời sống.

2 THẢO LUẬN

– Mở đầu: Người chủ trì nêu vấn đề thảo luận đã được thống nhất ở phần chuẩn bị.

– Triển khai:

+ Các thành viên tham gia thảo luận phát biểu ý kiến dưới sự điều hành của người chủ trì. Cần chú ý theo dõi những ý kiến trước đó để nắm được nội dung thảo luận. Khi trình bày ý kiến của mình về vấn đề, nếu đồng tình với phát biểu nào trước đó thì nêu ý kiến tán thành; nếu không đồng tình thì có thể nêu ý kiến phản đối. Dù đồng tình hay phản đối thì người phát biểu cũng cần đưa ra những lí lẽ, bằng chứng xác đáng.

+ Các thành viên tham gia phát biểu trao đổi, giải đáp thoả đáng ý kiến góp ý và câu hỏi từ phía người nghe với tinh thần cầu thị, tôn trọng các quan điểm khác biệt.

+ Thư kí ghi chép nội dung các ý kiến thảo luận thành biên bản.

– Kết thúc: Dựa trên các ý kiến đã trao đổi, thảo luận, người chủ trì tổng kết các nội dung chính đã thảo luận; khẳng định ý nghĩa của việc thảo luận về vấn đề, cảm ơn sự đóng góp của các thành viên tham gia.

3 ĐÁNH GIÁ

– Đánh giá về ý nghĩa của vấn đề thảo luận (tính thiết thực đối với đời sống của lứa tuổi học sinh); chất lượng các ý kiến phát biểu (sự tập trung vào trọng tâm của vấn đề, tính độc đáo của các ý kiến, cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng,...); mức độ giải quyết vấn đề qua các ý kiến thảo luận (tính thiết thực, khả thi của giải pháp mà các ý kiến nêu ra).

– Trao đổi, rút kinh nghiệm về sự kết hợp ngôn ngữ nói với ngôn ngữ cơ thể và hiệu quả sử dụng các phương tiện hỗ trợ; cách tổ chức, điều hành cuộc thảo luận (vai trò của người chủ trì, thư kí, các thành viên tham gia thảo luận; sự cởi mở, thân thiện, sôi nổi của không khí thảo luận;...).

Củng cố, mở rộng

1. Lập bảng ghi lại những đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của hai bài thơ *Tiếng Việt* (Lưu Quang Vũ), *Mưa xuân* (Nguyễn Bính).

2. Tìm đọc một số bài thơ của Lưu Quang Vũ và Nguyễn Bính. Trao đổi với các bạn về những nét đặc sắc trong sáng tác của mỗi nhà thơ.

3. Chia sẻ quan niệm về thơ ca, Thế Lữ viết:

Với Nàng Thơ, tôi có đàn muôn điệu;
Với Nàng Thơ, tôi có bút muôn màu.
(*Cây đàn muôn điệu*)

Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) trình bày suy nghĩ của em về quan niệm đó.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản dưới đây, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Số tiếng trong mỗi dòng, số dòng trong mỗi khổ thơ, vần và nhịp thơ.
- Bố cục, kết cấu, mạch cảm xúc của bài thơ.
- Những hình ảnh nổi bật, biện pháp tu từ đặc sắc trong bài thơ.
- Chủ đề của bài thơ và căn cứ để xác định chủ đề.

Miền quê

NGUYỄN KHOA ĐIỀM

Lại về mảnh trăng đầu tháng
Mông lung mặt đồng bóng chiều,
Tiếng ếch vùi trong cỏ ấm
Lúa mềm như vai thân yêu

Mùa xuân, là mùa xuân đấy
Thả chim, cỏ nội hương đồng
Đàn trâu bụng tròn qua ngõ
Gõ sừng lên mảnh trăng cong

Có gì xôn xao đằm thắm
Bao nhiêu trông đợi chóng chầy
Đàn em tóc dài mười tám
Thương người ra lính hôm mai

Để rồi bao nhiêu gió thổi
Bên giếng làng, ngoài bến sông
Có tiếng hát như con gái
Cao cao như vầng trăng trong...

(Thơ Nguyễn Khoa Điềm, Tuyển tập 40 năm do tác giả chọn,
NXB Văn học, Hà Nội, 2011, tr. 72)

ĐỌC MỞ RỘNG

1 Tìm đọc một số truyện trinh thám và một số bài thơ sáu chữ, bảy chữ, tám chữ. Ghi vào nhật kí đọc sách những thông tin quan trọng mà em thu nhận được từ văn bản.

2 Trao đổi với các bạn về:

– Chủ đề, không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện trong một truyện trinh thám em đã đọc; những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của em sau khi đọc truyện.

– Chủ đề và căn cứ để xác định chủ đề; cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết; những nét độc đáo về hình thức của bài thơ sáu chữ, bảy chữ, tám chữ em đã đọc thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ.

3 Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ sáu chữ, bảy chữ, tám chữ mà em yêu thích.

Bài 8

TIẾNG NÓI CỦA LƯƠNG TRI

Lương tri là một ngọn đuốc mà người ta phải cố gắng duy trì trong tình trạng cháy sáng.

Xa-mu-en Giôn-xơn (Samuel Johnson)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Trước nhiều tình huống trong cuộc sống của cá nhân và cộng đồng, chúng ta rất cần sự dẫn dắt của tiếng nói lương tri. Đó là tiếng nói của lí trí sáng suốt, tình cảm chân thành; tiếng nói của lẽ phải và công chính, của tinh thần trách nhiệm cao. Tiếng nói đó có khả năng đánh thức phần tốt đẹp nhất trong mỗi người, hướng con người đến hành động đúng đắn.
- Hai văn bản nghị luận thuộc phần Đọc trong bài là những tiếng nói mạnh mẽ, đề cập vấn đề nóng hổi, hệ trọng, liên quan đến sự tồn vong của nhân loại. Với thái độ trân trọng sự sống của con người, các tác giả đã nêu lên vấn đề hết sức thiết yếu, dùng lí lẽ sắc bén và bằng chứng xác thực để viết nên những văn bản giàu sức thuyết phục. Kết nối về chủ đề là bài thơ của một chí sĩ cách mạng, thể hiện sự kì vọng về vai trò của tuổi trẻ đối với vận mệnh đất nước.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản; mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.
- Biết nhận xét, đánh giá tính chất đúng và sai của vấn đề đặt ra trong văn bản; liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội.
- Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết).
- Hiểu được nghĩa và cách dùng tên viết tắt các tổ chức quốc tế quan trọng (như: UN, UNESCO, UNICEF, WHO, WB, IMF, ASEAN, WTO,...).
- Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.

- Trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự; nghe và nhận biết được tính thuyết phục của một ý kiến, chỉ ra được những hạn chế (nếu có) như lập luận thiếu lô-gíc, bằng chứng chưa đủ hay không liên quan.
- Có tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng, đất nước và nhân loại; sẵn sàng lên tiếng trước những vấn đề quan trọng, gay cấn.

Đọc

TRI THỨC NGỮ VĂN

Thông tin khách quan và ý kiến chủ quan

Phân biệt thông tin khách quan và ý kiến chủ quan của người viết là yêu cầu quan trọng đối với việc đọc hiểu văn bản nghị luận. Nó giúp người đọc kiểm tra, đánh giá được độ tin cậy, thuyết phục của lập luận và từng bước phát triển tư duy phản biện.

Thông tin khách quan thường được thể hiện ở dạng bản tin, số liệu thống kê, phát hiện của các nhà nghiên cứu, kết quả thí nghiệm,...

Ý kiến chủ quan thường được đánh dấu bằng những cách diễn đạt như: *tôi nghĩ, tôi tin, tôi cảm thấy, theo quan điểm của tôi, chúng tôi cần,...*; hoặc các từ ngữ thể hiện cảm xúc, tình cảm, nhận xét như: *thích, ghét, thú vị, rất đáng ghi nhận, thật sự có giá trị,...*

Nghĩa và cách dùng tên viết tắt của các tổ chức quốc tế quan trọng

Trên sách báo, ta có thể gặp tên của một số tổ chức quốc tế được viết tắt. Tên viết tắt được cấu tạo bằng cách ghép những chữ cái đầu tiên của các từ trong tên gọi đầy đủ (thường bằng tiếng Anh). Ví dụ: ASEAN là tên viết tắt của Association of South East Asian Nations (Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á); WTO là tên viết tắt của World Trade Organization (Tổ chức Thương mại Thế giới);... Trong tạo lập văn bản, việc sử dụng tên viết tắt của các tổ chức quốc tế như vậy cần tuân theo một số quy định.

VĂN BẢN ĐỌC

VĂN BẢN 1. *Đấu tranh cho một thế giới hoà bình*, Ga-bri-en Gác-xi-a Mác-két (Gabriel García Márquez)

VĂN BẢN 2. *Biến đổi khí hậu – mối đe doạ sự tồn vong của hành tinh chúng ta* (trích *Phát biểu của Tổng Thư kí Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu*), An-tô-ni-ô Gu-tê-rét (António Guterres)

VĂN BẢN 3. *Bài ca chúc Tết thanh niên*, Phan Bội Châu

VĂN BẢN 1

TRƯỚC KHI ĐỌC

Em hãy cho biết đất nước nào đã phải hứng chịu những quả bom nguyên tử đầu tiên trên thế giới. Vì sao hằng năm ở đất nước đó, người ta vẫn tổ chức tưởng niệm ngày bị ném bom nguyên tử?

ĐỌC VĂN BẢN

Đấu tranh cho một thế giới hoà bình[1]

Trích, GA-BRI-EN GÁC-XI-A MÁC-KÉT[2]

Theo dõi

Nhân loại đang đối mặt với nguy cơ gì?

Theo dõi

Cách sử dụng lí lẽ để tác động đến tình cảm và nhận thức của người đọc.

[...] Chúng ta đang ở đâu? Hôm nay ngày 8 – 8 – 1986, hơn 50 000 đầu đạn hạt nhân đã được bố trí trên khắp hành tinh. Nói nôm na ra, điều đó có nghĩa là mỗi người, không trừ trẻ con, đang ngồi trên một thùng 4 tấn thuốc nổ: tất cả chỗ đó nổ tung lên sẽ làm biến hết thảy, không phải là một lần mà là mười hai lần, mọi dấu vết của sự sống trên Trái Đất. Nguy cơ ghê gớm đó đang đè nặng lên chúng ta như thanh gươm Đa-mô-clét[3], về lí thuyết có thể tiêu diệt tất cả các hành tinh đang xoay quanh Mặt Trời, cộng thêm bốn hành tinh nữa, và phá huỷ thế thăng bằng của Hệ Mặt Trời. Không có một ngành khoa học hay công nghiệp nào có được những tiến bộ nhanh ghê gớm như ngành công nghiệp hạt nhân kể từ khi nó ra đời cách đây 41 năm, không có một đứa con nào của tài năng con người lại có một tầm quan trọng quyết định đến như vậy đối với vận mệnh thế giới.

Niềm an ủi duy nhất trước tất cả những suy diễn kinh khủng đó là nhận thức được rằng việc bảo tồn sự sống trên Trái Đất ít tốn kém hơn là "dịch hạch"[4] hạt nhân.

---

[1] Nhan đề của văn bản được dịch là *Thanh gươm Đa-mô-clét* (Damocles). *Đấu tranh cho một thế giới hoà bình* là nhan đề do nhóm tác giả biên soạn *Ngữ văn 9*, tập một, NXB Giáo dục, 2008 đặt. Văn bản trích tham luận do Ga-bri-en Gác-xi-a Mác-két, với tư cách là khách mời, đọc tại một hội nghị quốc tế họp tại Mê-hi-cô (Mexico) tháng 8 năm 1986 – thời điểm cuộc chạy đua vũ trang giữa Liên Xô và Mỹ đã lên đến đỉnh điểm. Đây là hội nghị lần thứ hai chống chạy đua vũ trang, đòi thủ tiêu vũ khí hạt nhân, do nguyên thủ sáu nước: Ấn Độ, Mê-hi-cô, Thuỵ Điển, Ác-hen-ti-na (Argentina), Hy Lạp, Tan-da-ni-a (Tanzania) tổ chức.

[2] Ga-bri-en Gác-xi-a Mác-két (1928 – 2014) là nhà văn nổi tiếng người Cô-lôm-bi-a (Colombia). Ông là tác giả của một số tiểu thuyết như *Trăm năm cô đơn* (1967), *Tướng quân giữa mê hồn trận* (1989),... Ngoài ra, ông còn viết một số bài luận để cập đến những vấn đề thời sự của thế giới. Năm 1982, Ga-bri-en Gác-xi-a Mác-két đã được trao giải Nô-ben (Nobel) Văn học nhờ những đóng góp quan trọng trong lĩnh vực văn học, đặc biệt là các tiểu thuyết và truyện ngắn có sự kết hợp giữa hiện thực và huyền ảo nhằm phản ánh những vấn đề của cuộc sống ở vùng Mỹ La-tinh.

[3] *Thanh gươm Đa-mô-clét*: điển tích lấy từ một câu chuyện ngụ ngôn Hy Lạp cổ đại. (Tên nịnh thần Đa-mô-clét được nhà vua cho ngồi vào ngai vàng và hưởng thụ sự sung sướng. Nhưng sau đó y mới biết có một thanh gươm sắc được nhà vua cho treo lơ lửng ngay phía trên đầu y chỉ bằng một sợi lông đuôi ngựa; từ câu chuyện đó, điển tích này được dùng với nghĩa: sự nguy hiểm, tai hoạ có thể xảy ra bất cứ lúc nào.)

[4] *Dịch hạch*: bệnh truyền nhiễm rất nguy hiểm, do một loại vi khuẩn từ bọ chét của chuột đã mắc bệnh truyền sang người, khi thành dịch thì lây lan rất nhanh, đe doạ tính mạng nhiều người; ở đây ý nói vũ khí hạt nhân đe doạ loài người như bệnh dịch hạch.

Chỉ do sự tồn tại của nó không thôi, cái cảnh tận thế tiềm tàng trong các bệ phóng cái chết cũng đã làm tất cả chúng ta mất đi khả năng sống tốt đẹp hơn.

Năm 1981, UNICEF[1] đã định ra một chương trình để giải quyết những vấn đề cấp bách cho 500 triệu trẻ em nghèo khổ nhất trên thế giới. Chương trình này dự kiến cứu trợ về y tế, giáo dục sơ cấp, cải thiện điều kiện vệ sinh, và tiếp tế thực phẩm, nước uống. Nhưng tất cả đã tỏ ra là một giấc mơ không thể thực hiện được, vì tốn kém 100 tỉ đô la. Tuy nhiên, số tiền này cũng chỉ gần bằng những chi phí bỏ ra cho 100 máy bay ném bom chiến lược B.1B của Mỹ và cho dưới 7 000 tên lửa vượt đại châu.

Đánh giá

Cách nêu bằng chứng kèm phân tích, so sánh có tác dụng gì?

Và đây là một ví dụ khác trong lĩnh vực y tế: Giá của 10 chiếc tàu sân bay[2] mang vũ khí hạt nhân kiểu tàu Ni-mít (Nimitz), trong số 15 chiếc mà Hoa Kỳ dự định đóng từ nay đến năm 2000, cũng đủ để thực hiện một chương trình phòng bệnh trong cũng 14 năm đó và sẽ bảo vệ cho hơn 1 tỉ người khỏi bệnh sốt rét và cứu hơn 14 triệu trẻ em, riêng cho châu Phi mà thôi.

Một ví dụ trong lĩnh vực tiếp tế thực phẩm: Theo tính toán của FAO[3], năm 1985, người ta thấy trên thế giới có gần 575 triệu người thiếu dinh dưỡng. Số lượng ca-lo trung bình cần thiết cho những người đó chỉ tốn kém không bằng 149 tên lửa MX... Chỉ cần 27 tên lửa MX là đủ trả tiền nông cụ cần thiết cho các nước nghèo để họ có được thực phẩm trong bốn năm tới.

Một ví dụ trong lĩnh vực giáo dục: Chỉ hai chiếc tàu ngầm mang vũ khí hạt nhân là đủ tiền xoá nạn mù chữ cho toàn thế giới.

[...] Một nhà tiểu thuyết lớn của thời đại chúng ta đã đặt ra câu hỏi: Phải chăng Trái Đất chúng ta chính là địa ngục của các hành tinh khác? Có lẽ sự việc giản đơn hơn nhiều: Nó chỉ là một cái làng nhỏ mà thánh thần đã bỏ quên ở ngoại vi vũ trụ.

Theo dõi

Cách bình luận của tác giả về vấn đề.

Tuy nhiên, ý nghĩ dai dẳng cho rằng Trái Đất là nơi độc nhất có phép màu của sự sống trong Hệ Mặt Trời, ý nghĩ đó đã đẩy chúng ta tới kết luận này, không thể khác được: Chạy đua vũ trang là đi ngược lại lí trí.

Không những đi ngược lại lí trí con người mà còn đi ngược lại cả lí trí tự nhiên nữa. [...] Từ khi mới nhen nhúm sự sống trên Trái Đất, đã phải trải qua 380 triệu năm con bướm mới bay được, rồi 180 triệu năm nữa bông hồng mới nở, chỉ để làm đẹp mà thôi. Cũng đã phải trải qua bốn kỉ địa chất[4], con người mới hát được hay hơn chim và mới chết vì yêu. Trong thời đại hoàng kim này của khoa học, trí tuệ con người chẳng có gì để tự hào vì đã phát minh ra một biện pháp, chỉ cần bấm nút một cái là đưa cả quá trình vĩ đại và tốn kém đó của hàng bao nhiêu triệu năm trở lại điểm xuất phát của nó.

---

(1) *UNICEF* (viết tắt của United Nations International Children's Emergency Fund): Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc.
(2) *Tàu sân bay*: tàu chiến loại lớn chuyên dùng để chở máy bay, có sân bay để cho máy bay cất cánh, hạ cánh.
(3) *FAO* (viết tắt của Food and Agriculture Organization): Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc.
(4) *Kỉ địa chất*: đơn vị thời gian địa chất, bậc dưới của đại địa chất, dài từ hàng triệu đến hàng chục triệu năm.

Chúng ta đến đây để cố gắng chống lại việc đó, đem tiếng nói của chúng ta tham gia vào bản đồng ca của những người đòi hỏi một thế giới không có vũ khí và một cuộc sống hoà bình, công bằng. Nhưng dù cho tai hoạ có xảy ra thì sự có mặt của chúng ta ở đây cũng không phải là vô ích.

[...] Tôi rất khiêm tốn nhưng cũng rất kiên quyết đề nghị mở ra một nhà băng lưu trữ trí nhớ có thể tồn tại được sau thảm hoạ hạt nhân. Để cho nhân loại tương lai biết rằng sự sống đã từng tồn tại ở đây, bị chi phối bởi đau khổ và bất công nhưng cũng đã từng biết đến tình yêu và biết hình dung ra hạnh phúc. Để cho nhân loại tương lai hiểu điều đó và làm sao cho ở mọi thời đại, người ta đều biết đến tên những thủ phạm đã gây ra những lo sợ, đau khổ cho chúng ta, đã giả điếc làm ngơ trước những lời khẩn cầu hoà bình, những lời kêu gọi làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn, để mọi người biết rằng bằng những phát minh dã man nào, nhân danh những lợi ích ti tiện nào, cuộc sống đó đã bị xoá bỏ khỏi vũ trụ này.

Đánh giá

Cách kết thúc văn bản có gì độc đáo?

(G.G. Mác-két, *Thanh gươm Da-mô-clét*, N.V. *dịch*, báo *Văn nghệ*, ngày 27 – 9 – 1986)

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Nêu luận đề của bài nghị luận. Từ luận đề đó, tác giả đã triển khai thành những luận điểm nào? Chỉ ra mối quan hệ giữa các luận điểm đó.
2. Chọn một luận điểm, phân tích cách dùng lí lẽ, bằng chứng và chỉ ra vai trò của lí lẽ, bằng chứng trong việc làm nổi bật luận điểm đó.
3. Dựa vào nội dung văn bản và các thông tin giới thiệu, chú thích, cho biết văn bản được viết ra trong bối cảnh nào của thế giới. Từ đó, nêu tầm quan trọng của vấn đề được bàn luận.
4. Chiến tranh hạt nhân "không những đi ngược lại lí trí con người mà còn đi ngược lại cả lí trí tự nhiên nữa" là ý kiến chủ quan hay thông tin khách quan? Để thuyết phục người đọc tin vào điều đó, tác giả đã chọn cách triển khai đoạn văn như thế nào?
5. Khi bàn về vấn đề được nêu, Mác-két bộc lộ thái độ gì? Chỉ ra cách thể hiện thái độ của tác giả.
6. Qua văn bản này, tác giả muốn truyền đi thông điệp gì? Trong tình hình hiện nay của thế giới, thông điệp đó còn có ý nghĩa nữa không? Vì sao?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) với chủ đề: *Vũ khí hạt nhân đang là hiểm hoạ đe doạ sự tồn vong của nhân loại.*

Thực hành tiếng Việt

NGHĨA VÀ CÁCH DÙNG TÊN VIẾT TẮT CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ QUAN TRỌNG

1 Đọc văn bản *Đấu tranh cho một thế giới hoà bình*, gặp tên viết tắt của tổ chức quốc tế như các trường hợp dưới đây, em cần làm gì? Vì sao phải làm như vậy?

a. *Theo tính toán của FAO, năm 1985, người ta thấy trên thế giới có gần 575 triệu người thiếu dinh dưỡng.*

b. *Năm 1981, UNICEF đã định ra một chương trình để giải quyết những vấn đề cấp bách cho 500 triệu trẻ em nghèo khổ nhất trên thế giới.*

2 Nhận xét việc sử dụng tên viết tắt các tổ chức quốc tế trong đoạn văn sau:

Việt Nam là một thành viên của UN, luôn cam kết hoàn thành nghĩa vụ với tổ chức này. Các cơ quan của UN như UNICEF, UNESCO, UNDP,... luôn đồng hành cùng Việt Nam trong việc thực hiện những chương trình quan trọng nhằm cải thiện đời sống của con người.

3 Đặt 4 câu, mỗi câu có sử dụng tên viết tắt của một tổ chức quốc tế sau đây:

– WTO

– WB

– ASEAN

– WHO

Nghĩa và cách dùng tên viết tắt các tổ chức quốc tế

- Nghĩa của tên viết tắt một tổ chức quốc tế bao gồm nghĩa của các từ trong tên đầy đủ của tổ chức đó, chẳng hạn, UNESCO (United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization) nghĩa là Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc; EU (European Union) nghĩa là Liên minh châu Âu,... Nếu gặp tên viết tắt của một tổ chức quốc tế trong văn bản nhưng không có chú thích, cần tìm hiểu, tra cứu thông tin để biết được nghĩa của nó.
- Khi viết tắt tên các tổ chức quốc tế, cần lưu ý:

– Tất cả các chữ cái trong tên viết tắt phải được viết in hoa.

– Viết đúng trật tự các chữ cái trong tên viết tắt của tổ chức quốc tế.

– Đối với tên viết tắt của một tổ chức quốc tế chưa thật phổ biến, khi xuất hiện lần đầu trong văn bản, cần chú thích tên đầy đủ và nghĩa.

– Chỉ sử dụng tên viết tắt của tổ chức quốc tế khi cần thiết.

- Tên viết tắt của tổ chức quốc tế thường được đọc theo tên từng chữ cái trong tiếng Việt, chẳng hạn, ILO: i e-lờ ô, WHO: vê-kép hát ô, IMF: i em-mờ ép,... Tuy vậy, đôi khi tên viết tắt được đọc như một danh từ thông thường, chẳng hạn, UNESCO: iu-nét-xcô, UNICEF: iu-ni-xép, ASEAN: a-xê-an,...

VĂN BẢN 2

TRƯỚC KHI ĐỌC

Biến đổi khí hậu đã gây tác hại như thế nào đối với lao động sản xuất và sinh hoạt của cư dân ở địa phương em? Vấn đề có nghiêm trọng không? Căn cứ vào đâu mà em kết luận như vậy?

ĐỌC VĂN BẢN

Biến đổi khí hậu – mối đe doạ sự tồn vong của hành tinh chúng ta[1]

Trích *Phát biểu của Tổng Thư kí Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu*, AN-TÔ-NI-Ô GU-TÊ-RÉT[2]

Theo dõi

Cách nêu vấn đề và xác định tầm quan trọng của vấn đề.

Các bạn thân mến của hành tinh Trái Đất,

Cảm ơn các bạn đã đến trụ sở Liên hợp quốc ngày hôm nay. Tôi đã đề nghị các bạn đến đây để nghe tiếng chuông báo động. Biến đổi khí hậu là vấn đề hạn định[3] thời đại chúng ta – và chúng ta đang ở vào một thời điểm có tính hạn định. Chúng ta phải đối mặt với một mối đe doạ trực tiếp đến sự tồn vong. Biến đổi khí hậu diễn biến nhanh hơn tốc độ của chúng ta – và điều đó đã gây nên một quả bom âm thanh SOS[4] qua thế giới chúng ta. Nếu chúng ta không thay đổi tiến trình đến năm 2020, chúng ta có nguy cơ làm mất đi thời điểm mà chúng ta có thể tránh được một sự biến đổi khí hậu phi mã[5], với những hậu quả tàn khốc đối với con người và toàn bộ hệ thống tự nhiên vẫn dung dưỡng chúng ta. Đó là lí do vì sao, hôm nay, tôi kêu gọi các bạn về vai trò lãnh đạo – từ các nhà chính trị, từ các doanh nghiệp và các nhà khoa học và từ công chúng ở mọi nơi. Chúng ta có các công cụ để tiến hành các hành động của mình một cách hiệu quả. Cái chúng ta còn thiếu – thậm chí là cả sau Thoả thuận Pa-ri là vai trò lãnh đạo và mong muốn làm điều cần thiết. [...]

Cái khiến cho tất cả những chuyện này còn gây bối rối hơn đó là chúng ta đã được cảnh báo. Các nhà khoa học đã nói cho chúng ta từ nhiều thập kỉ trước. Nói đi và nói lại. Quá nhiều nhà lãnh đạo đã từ chối lắng nghe. Quá ít người đã hành động với tầm nhìn mà khoa học đòi hỏi. Chúng ta nhìn thấy kết quả. Trong một số trường hợp,

(1) Nhan đề do người biên soạn đặt. Văn bản này là bài phát biểu của An-tô-ni-ô Gu-tê-rét, Tổng Thư kí Liên hợp quốc tại cuộc họp Đại hội đồng Liên hợp quốc (ở Niu Óc, Hoa Kỳ) năm 2018. Bài phát biểu gióng lên hồi chuông báo động chính phủ các quốc gia vì họ đã làm ngơ quá lâu trước những lời kêu gọi khẩn thiết của các nhà khoa học về tình trạng khí thải nhà kính tăng vọt, đẩy hành tinh của chúng ta tới bờ vực thẳm.

(2) An-tô-ni-ô Gu-tê-rét sinh năm 1949, là nhà chính trị và ngoại giao người Bồ Đào Nha, từng giữ chức Thủ tướng Bồ Đào Nha từ năm 1995 đến năm 2002. Năm 2017, ông được bầu làm Tổng Thư kí Liên hợp quốc.

(3) *Hạn định*: mức giới hạn cần định trước.

(4) *SOS*: tín hiệu cấp cứu quốc tế, được chấp nhận và sử dụng rộng rãi trên toàn cầu; trong văn bản này có nghĩa là cấp cứu, khẩn cấp.

(5) *Phi mã*: ngựa chạy, ý nói là rất nhanh (nghĩa trong văn bản).

chúng rất gần với các kịch bản "trường hợp xấu nhất" của các nhà khoa học. Băng ở vùng biển Bắc Cực đang biến đi nhanh hơn là chúng ta có thể hình dung. Năm nay, lần đầu tiên, lớp băng dày quanh năm ở bắc Grin-len (Greenland) bắt đầu vỡ. Sự nóng lên đột ngột này ở Bắc Cực tác động đến mô hình khí hậu của phần bắc bán cầu. Nạn cháy rừng kéo dài hơn và lan đi xa hơn. Một số đám cháy lớn đến mức chúng thổi muội và tro khắp thế giới, nhuộm đen các khối băng trôi và các chỏm băng, khiến cho chúng tan chảy càng nhanh hơn. Các đại dương bị nhiễm a-xít nặng hơn, đe doạ nền tảng của chuỗi thức ăn[1] duy trì sự sống. San hô chết trên diện rộng, làm suy giảm thêm hoạt động đánh bắt cá có tính sống còn. Và trên đất liền, mức các-bon đi-ô-xít cao trong khí quyển làm cho các vụ trồng lúa ít dưỡng chất hơn, đe doạ sự thịnh vượng và an ninh lương thực đối với hàng tỉ người. Sự biến đổi khí hậu càng trầm trọng, chúng ta sẽ thấy việc nuôi sống mình càng khó khăn hơn. Tốc độ diệt chủng sẽ tăng vọt khi môi trường sống bị thu hẹp lại. Ngày càng nhiều người buộc phải di cư khỏi quê nhà khi mà đất đai – nguồn sống chủ yếu của họ – không còn sản sinh hoa lợi. Điều này thực sự đã dẫn đến nhiều cuộc xung đột địa phương vì các nguồn tài nguyên đang dần teo tóp lại. [...]

Theo dõi

Cách sử dụng bằng chứng.

Ngọn núi phía trước chúng ta rất cao. Nhưng nó không phải là không thể vượt qua. Chúng ta biết cách để trèo qua nó. Nói một cách đơn giản, chúng ta cần lắp phanh lên thứ khí nhà kính phát thải gây nguy hại và lèo lái các tác động khí hậu. Chúng ta cần nhanh chóng thoát khỏi sự phụ thuộc vào các nhiên liệu hoá thạch[2]. Chúng ta cần thay thế chúng với năng lượng sạch từ nước, gió và mặt trời. Chúng ta phải ngăn chặn nạn phá rừng, phục hồi các cánh rừng bị xuống cấp và thay đổi phương thức canh tác. Chúng ta cần gắn kết kinh tế tuần hoàn[3] với việc sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên. [...]

Theo dõi

Cách chuyển luận điểm và nội dung được bàn ở luận điểm.

Giờ đây chúng ta đang đứng ở ngã tư của sự sinh tồn. Nếu chúng ta chọn được đúng đường – con đường hợp lẽ duy nhất – chúng ta sẽ phải tập trung toàn bộ sức mạnh của kĩ năng con người. Nhưng kĩ năng đã có rồi và đang cho ta các giải pháp. Và vì vậy, các bạn thân mến, một thông điệp trung tâm khác – công nghệ ở về phía chúng ta trong cuộc chiến nhằm vào biến đổi khí hậu. Sự gia tăng năng lượng tái tạo là rất lớn. Ngày nay, nó đang đua tranh với – thậm chí còn rẻ hơn – than đá và dầu mỏ, đặc biệt nếu như người ta tính đến cái giá phải trả của sự ô nhiễm. [...]

Theo dõi

Giải pháp cho vấn đề và trách nhiệm của các đối tượng.

---

(1) *Chuỗi thức ăn*: mô hình mô tả mối quan hệ giữa các loài sinh vật trong một hệ sinh thái, ở đó, sinh vật này sẽ ăn sinh vật khác để có được nguồn dinh dưỡng nuôi sống cơ thể.

(2) *Nhiên liệu hoá thạch*: các nguồn năng lượng được sản xuất từ tàn dư hữu cơ của các sinh vật đã chết và phân huỷ trong hàng triệu năm trước như dầu mỏ, than đá, khí đốt,...

(3) *Kinh tế tuần hoàn*: mô hình kinh tế dựa trên chu trình khép kín, các chất thải được tái sử dụng, trở thành nguyên liệu cho sản xuất, từ đó giảm được tác động tiêu cực đến môi trường, hệ sinh thái và sức khoẻ con người.

Đó đều là những bước tiến vô cùng quan trọng. Nhưng không đủ. Việc chuyển đổi sang một tương lai sạch hơn, xanh hơn đòi hỏi phải tăng tốc. Chúng ta đang đứng trước một thời điểm "bỏ lỡ là mất luôn" thực sự. [...] Đó là một lí do khác để hành động – bổn phận về đạo đức. Các quốc gia giàu nhất chịu trách nhiệm nhiều nhất về khủng hoảng khí hậu, nhưng các quốc gia nghèo nhất và các dân tộc và cộng đồng bình thường nhất lại phải nhận những tác động trước nhất và tồi tệ nhất. Chúng ta đã thấy sự bất công này trong chu kì hạn hán cực đoan và bão lụt, thậm chí còn dữ dội hơn diễn ra không ngừng và ngày càng gia tăng. Phụ nữ và trẻ em gái là những đối tượng đặc biệt phải trả giá – không chỉ vì cuộc sống của họ sẽ trở nên khó khăn hơn mà bởi vì, khi thảm hoạ xảy ra, phụ nữ và trẻ em gái luôn phải gánh chịu nặng nề hơn. Các quốc gia giàu có do đó không chỉ cần cắt giảm lượng khí phát thải mà còn phải làm nhiều hơn để đảm bảo rằng những người bình thường nhất có thể phát triển khả năng phục hồi cần thiết để sống qua được những tổn hại mà các khí phát thải đó gây ra. [...]

Đã đến lúc các nhà lãnh đạo của chúng ta thể hiện rằng họ quan tâm đến những người mà họ nắm số phận trong tay. Chúng ta cần họ thể hiện rằng họ quan tâm đến tương lai – và ngay cả hiện tại. Đó là lí do vì sao tôi xin phép được nhấn mạnh tới sự đại diện của giới trẻ trong những người nghe hôm nay. Điều cần thiết là xã hội dân sự – thanh niên, các nhóm phụ nữ, khu vực tư nhân, các cộng đồng tín ngưỡng, các nhà khoa học và các phong trào của những người dân thường trên khắp thế giới – đòi các nhà lãnh đạo của họ phải vào cuộc. Như tôi đã được Đặc phái viên về Thanh niên của tôi nhắc nhở. Đặc biệt, tôi kêu gọi vai trò lãnh đạo của phụ nữ. Khi phụ nữ được trao quyền lãnh đạo, họ là những người biết hướng tới giải pháp. Không gì quan trọng bằng tương lai của chúng ta, và số phận của nhân loại tuỳ thuộc vào cách chúng ta ứng phó với sự thách thức của khí hậu. [...]

Theo dõi

Cách kêu gọi và nêu kế hoạch hành động.

Tôi kêu gọi tất cả các nhà lãnh đạo tới hội nghị thượng đỉnh[1] đang được chuẩn bị vào năm tới để báo cáo không chỉ về những gì họ đang làm, mà còn là những gì họ dự tính sẽ làm khi họ họp lại vào năm 2020 tại hội nghị khí hậu của Liên hợp quốc, ở đó các thoả thuận sẽ được thay đổi và chắc chắn được tăng cường một cách đầy tham vọng. Và đó là lí do vì sao tôi kêu gọi xã hội dân sự, đặc biệt những người trẻ tuổi, tham gia vào chiến dịch vì tác động khí hậu. Chúng ta hãy sử dụng năm tới cho các quyết định có tính chuyển đổi trong các phòng họp, phòng VIP[2] và các nghị viện[3] trên khắp thế giới. Chúng ta hãy nêu các tầm nhìn của mình, thiết lập các liên minh và làm cho các nhà lãnh đạo của chúng ta phải lắng nghe. Tôi cam kết cá nhân mình và toàn thể Liên hợp quốc sẽ tham gia vào nỗ lực này. Chúng tôi sẽ ủng hộ tất cả các nhà lãnh đạo nào chấp nhận thách thức mà tôi đã vạch ra hôm nay. Các bạn thân mến, không có thời gian để lãng phí nữa.

---

(1) *Hội nghị thượng đỉnh*: cuộc họp tập trung những nhà lãnh đạo quan trọng từ các quốc gia để thảo luận về các vấn đề chính trị, kinh tế, an ninh hay các vấn đề toàn cầu khác.

(2) *VIP*: viết tắt của cụm từ *Very Important Person*, có nghĩa là người rất quan trọng; VIP thường được sử dụng để chỉ những người có địa vị, quyền lực, hoặc có vai trò quan trọng trong một cộng đồng hoặc sự kiện nào đó, về sau mở rộng để chỉ những gì sang trọng phục vụ cho người hoặc sự kiện quan trọng, như *phòng VIP*, *vé VIP*,...

(3) *Nghị viện*: tổ chức lập pháp trong hệ thống chính trị của một số quốc gia (còn được gọi là quốc hội, đại hội đại biểu hoặc hội đồng lập pháp), có nhiệm vụ thực hiện chức năng lập pháp và giám sát các hoạt động của chính phủ.

Như những vụ cháy rừng và các đợt nóng dữ dội trong mùa hè này đã cho thấy, thế giới đang thay đổi trước mắt chúng ta. Chúng ta đang tiến đến bên bờ vực thẳm. Không quá muộn để thay đổi chiều hướng này, nhưng mỗi ngày qua đi có nghĩa là thế giới lại nóng lên một chút và cái giá chúng ta phải trả cho sự thụ động của mình lại tăng thêm. Mỗi ngày chúng ta bỏ lỡ không hành động là một ngày chúng ta bước một chút gần hơn tới cái số phận mà không ai trong chúng ta mong muốn – một số phận mà qua các thế hệ sẽ cộng hưởng thành sự huỷ hoại đối với nhân loại và sự sống trên Trái Đất. Số phận của chúng ta ở trong tay chúng ta. Thế giới trông chờ mỗi chúng ta chấp nhận sự thách thức trước khi quá muộn. Tôi trông chờ vào tất cả các bạn.

Xin cảm ơn.

(An-tô-ni-ô Gu-tê-rét, *Phát biểu của Tổng Thư kí Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu*, Huy Toàn *dịch*, in trong *Những bài diễn văn làm thay đổi thế giới từ 1945 đến nay*, Ca-lô Ba-tà (Carlo Batà) (Chủ biên) NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2022, tr. 199 – 202)

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Luận đề của văn bản là gì? Những luận điểm nào đã được triển khai nhằm làm nổi bật luận đề? Chỉ ra mối quan hệ giữa các luận điểm đó.
2. Phân tích một số ví dụ để thấy được cách tác giả sử dụng lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm.
3. Trong phần đầu của văn bản, tác giả cho rằng: "Chúng ta phải đối mặt với một mối đe doạ trực tiếp đến sự tồn vong". Theo em, vấn đề được nêu như vậy là đúng hay sai? Vì sao?
4. Xác định vị thế xã hội của tác giả khi trình bày ý kiến về vấn đề. Vị thế đó cho phép tác giả thể hiện thái độ gì khi đối thoại?
5. Trong văn bản, những thông tin khách quan nào được tác giả nêu ra? Dựa vào đâu em nhận biết điều đó?
6. Tác giả đã nêu những giải pháp gì để ứng phó với tình trạng biến đổi khí hậu hiện nay? Ai là người có trách nhiệm thực thi các giải pháp đó?
7. Đối tượng tác động của văn bản *Biến đổi khí hậu – mối đe doạ sự tồn vong của hành tinh chúng ta* và văn bản *Đấu tranh cho một thế giới hoà bình* của Mác-két giống nhau như thế nào? Nêu ý nghĩa của sự giống nhau đó.
8. Em rút ra được thông điệp gì sau khi đọc văn bản *Biến đổi khí hậu – mối đe doạ sự tồn vong của hành tinh chúng ta*?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) trả lời câu hỏi: *Phải chăng nhân loại không còn cách gì để đối phó với tình trạng Trái Đất ngày càng nóng lên?*

Thực hành tiếng Việt

LỰA CHỌN CÂU ĐƠN HOẶC CÂU GHÉP, CÁC KIỂU CÂU GHÉP

1 Xác định câu đơn và câu ghép trong đoạn văn sau:

Chúng ta đang ở đâu? Hôm nay ngày 8 – 8 – 1986, hơn 50 000 đầu đạn hạt nhân đã được bố trí trên khắp hành tinh. Nói nôm na ra, điều đó có nghĩa là mỗi người, không trừ trẻ con, đang ngồi trên một thùng 4 tấn thuốc nổ: tất cả chỗ đó nổ tung lên sẽ làm biến hết thảy, không phải là một lần mà là mười hai lần, mọi dấu vết của sự sống trên Trái Đất. Nguy cơ ghê gớm đó đang đè nặng lên chúng ta như thanh gươm Đa-mô-clét, về lí thuyết có thể tiêu diệt tất cả các hành tinh đang xoay quanh Mặt Trời, cộng thêm bốn hành tinh nữa, và phá huỷ thế thăng bằng của Hệ Mặt Trời.

(G.G. Mác-két, *Đấu tranh cho một thế giới hoà bình*)

2 Chỉ ra kiểu câu ghép của từng câu sau và cho biết cách nối các vế của mỗi câu.

a. *Đứa trẻ thì ngây thơ, chỉ kể lại những điều mà đêm đêm mẹ thường dạy khi cha vắng nhà; nó không thể phân biệt được giữa đùa với thật vì mới có ba tuổi đầu và tin lời mẹ.*

(Nguyễn Đăng Na, *"Người con gái Nam Xương" – một bi kịch của con người*)

b. *Mấy chiếc chân bàn lung lay trong lớp đã được đóng lại nhưng không ai đánh giá đúng ý nghĩa đôi bàn tay khéo léo của Quỳnh.*

(Trần Văn Toàn, *Từ "Thằng quỷ nhỏ" của Nguyễn Nhật Ánh nghĩ về những phẩm chất của một tác phẩm viết cho thiếu nhi*)

c. *Nhưng dù cho tai hoạ có xảy ra thì sự có mặt của chúng ta ở đây cũng không phải là vô ích.*

(G.G. Mác-két, *Đấu tranh cho một thế giới hoà bình*)

d. *Không gì quan trọng bằng tương lai của chúng ta, và số phận của nhân loại tuỳ thuộc vào cách chúng ta ứng phó với sự thách thức của khí hậu.*

(A. Gu-tê-rét, *Biến đổi khí hậu – mối đe doạ sự tồn vong của hành tinh chúng ta*)

3 Đọc đoạn văn sau và thực hiện nhiệm vụ nêu ở dưới:

Có thể nói, với "Người con gái Nam Xương", Nguyễn Dữ đã vượt khỏi những công thức thông lệ về hình tượng người phụ nữ trong thể truyền kì. Vũ Nương không phải là hình tượng một trang liệt nữ, nàng chỉ là một người đàn bà bình thường như bao người vợ, người mẹ trong đời thực. Phản ánh số phận Vũ Thị Thiết, Nguyễn Dữ

đã đề cập tới cái bi kịch muôn thuở của con người. Có lẽ vì vậy mà "Người con gái Nam Xương" vẫn còn sức hấp dẫn đối với người đọc ngày nay.

(Nguyễn Đăng Na,
"Người con gái Nam Xương" – một bi kịch của con người)

a. Chỉ ra các câu đơn và câu ghép trong đoạn văn.

b. Thử tách các vế của câu ghép thành những câu đơn và nhận xét sự khác nhau về nội dung biểu đạt của câu ghép với những câu đơn vừa được tách ra.

VĂN BẢN 3

ĐỌC VĂN BẢN

Bài ca chúc Tết thanh niên

PHAN BỘI CHÂU

Dậy! Dậy! Dậy!
Bên án[1] một tiếng gà vừa gáy,
Chim trên cây liền ngỏ ý chào mừng.
Xuân ơi xuân, xuân có biết cho chăng?
Thẹn cùng sông, buồn cùng núi, tủi cùng trăng.
Hai mươi năm lẻ[2] đã từng chua với xót.
Trời đất may còn thân sống sót;
Tháng ngày khuây khoả lũ đầu xanh[3].
Thưa các cô, các chị, lại các anh:
Đời đã mới, người càng nên đổi mới.
Mở mắt thấy rõ ràng tân vận hội,
Xúm vai vào xốc vác cựu giang sơn[4].
Đi cho êm, đứng cho vững, trụ cho gan.
Dây thành bại quyết ghe phen[5] liên hiệp lại,
Ai hữu chí từ nay xin gắng gỏi:

---

[1] *Án*: bàn cao có mặt bàn hẹp.
[2] *Hai mươi năm lẻ*: số năm Phan Bội Châu bôn ba hoạt động ở nước ngoài.
[3] *Đầu xanh*: tóc xanh (chỉ thanh thiếu niên, người trẻ tuổi); trong thời gian bị giam lỏng ở Huế, mặc dù sống kham khổ, thiếu thốn, Phan Bội Châu vẫn nuôi dạy con của một số đồng chí đã hi sinh.
[4] *Cựu giang sơn*: non nước cũ; các chí sĩ cách mạng đầu thế kỉ XX thường dùng cụm từ này để chỉ đất nước khi còn có chủ quyền, đối lập với tình trạng đất nước bị thực dân Pháp đô hộ.
[5] *Ghe phen*: có lúc.

Xếp bút nghiên mà tu dưỡng lấy tinh thần.
Đừng ham chơi, đừng ham mặc, đừng ham ăn,
Dựng gan óc lên đánh tan sắt lửa,
Xối máu nóng rửa vết nhơ nô lệ,
Mới thế này là mới hỡi chư quân[1]
Chữ rằng: nhật nhật tân, hựu nhật tân[2]…

(*Phan Bội Châu – Tác phẩm chọn lọc*,
Trần Hải Yến *giới thiệu và tuyển chọn*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2009, tr. 64 – 65)

SAU KHI ĐỌC



- **Phan Bội Châu** (1867 – 1940) quê ở Nghệ An, là một nhà cách mạng lớn – người luôn sục sôi tinh thần yêu nước và khát vọng giải phóng dân tộc. Ông kết giao với nhiều nhà cách mạng, từng bôn ba nhiều năm ở nước ngoài, thành lập các tổ chức yêu nước, chống thực dân Pháp. Di sản văn học của Phan Bội Châu rất phong phú, với nhiều thể loại, nội dung chính là kêu gọi tinh thần yêu nước, giải phóng dân tộc. Một số tác phẩm chính: *Hải ngoại huyết thư* (1906), *Ngục trung thư* (1914), *Trùng Quang tâm sử* (khoảng 1905 – 1914),...
- *Bài ca chúc Tết thanh niên* được viết theo thể hát nói, nằm trong lời đáp từ của Phan Bội Châu khi học sinh Trường Quốc học và Trường dòng ở Huế tổ chức chúc thọ ông, ngày 29 tháng 01 năm 1927.

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Cho biết bài thơ được sáng tác trong hoàn cảnh nào. Dựa vào đâu em biết được điều đó?
2. Nêu bố cục của bài thơ. Mạch cảm xúc của bài thơ được thể hiện như thế nào qua bố cục?
3. Phân tích tâm trạng của tác giả thể hiện trong bài thơ. Nhận xét về đặc điểm lời thơ biểu đạt tâm trạng đó.
4. Bài thơ đã thể hiện kì vọng gì của tác giả đối với thế hệ trẻ lúc bấy giờ?
5. Đặt trong bối cảnh cuộc sống hôm nay, lời kêu gọi tuổi trẻ thể hiện trong bài thơ có ý nghĩa như thế nào?

---

[1] *Chư quân*: các người.
[2] *Nhật nhật tân, hựu nhật tân*: theo sách *Đại học* (một trong những cuốn sách kinh điển của Trung Quốc thời xưa), bài minh để ở thùng tắm của vua Thành Thang có câu: *Cẩu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân*, nghĩa là "ngày một mới, ngày một mới, lại ngày một mới".

Viết

Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống xã hội)

Trong thực tế, nhiều khi chúng ta phải đối mặt với những vấn đề của đời sống xã hội. Việc quan tâm, bàn luận về những vấn đề như vậy là hết sức cần thiết, không chỉ có ý nghĩa đối với mỗi cá nhân, mà còn có khả năng tác động đến nhận thức của nhiều người. Từ đó, mọi người có thể chung tay hành động, góp phần giải quyết vấn đề bằng những việc làm thiết thực, phù hợp với khả năng của mình.

Yêu cầu:

- Nêu được vấn đề cần giải quyết trong đời sống xã hội (liên quan đến sự phát triển đất nước, đời sống của cộng đồng, quyền lợi và nghĩa vụ của cá nhân,...) để bàn luận.
- Trình bày được bản chất, phạm vi tác động của vấn đề đối với đời sống xã hội (theo hướng tích cực hoặc tiêu cực); tổ chức được hệ thống luận điểm chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác thực và tiêu biểu.
- Nêu được ý kiến trái chiều về vấn đề được bàn luận để phản bác một cách có cơ sở.
- Đề xuất được các giải pháp khả thi để giải quyết những bất cập trong phạm vi vấn đề.

Phân tích bài viết tham khảo

Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá của đất nước

Đã bao giờ bạn đến với non thiêng Yên Tử (Quảng Ninh), ngắm những di tích cổ kính gắn với tên tuổi Phật hoàng Trần Nhân Tông từ thế kỉ XIII? Đã bao giờ bạn đến với Hoa Lư (Ninh Bình), tận mắt nhìn thấy những ngôi đền, ngôi nhà hết sức giản dị – dấu tích kinh đô của nước ta thời nhà Đinh từ hơn 1 000 năm trước? Hay đã có khi nào bạn về Bắc Ninh dự hội Lim (tổ chức vào ngày 13 tháng Giêng hằng năm), hoà nhập vào không khí lễ hội dân gian, được nghe những làn điệu dân ca quan họ mượt mà, tình tứ? Cần hiểu rằng, đó là những di sản đã được bảo tồn qua hàng trăm, hàng ngàn năm. Và hôm nay, chúng ta có trách nhiệm tiếp tục công việc hệ trọng đó.

Nêu vấn đề nghị luận.

Di sản văn hoá của đất nước gồm những gì? Đó là toàn bộ giá trị văn hoá ẩn chứa trong những di sản vật thể và phi vật thể, gắn bó với cuộc sống của cộng đồng trong suốt

Trình bày bản chất của vấn đề.

chiều dài lịch sử. Chúng được tạo tác bởi bàn tay, khối óc của con người, nhằm phục vụ đời sống vật chất và tinh thần của con người. Các công trình kiến trúc như Chùa Một Cột, Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội); Thành nhà Hồ (Thanh Hoá); Cố đô Huế, Chùa Thiên Mụ (thành phố Huế); Nhà thờ Đức Bà (Thành phố Hồ Chí Minh),... và bao nhiêu chùa chiền, đền đài, cầu, tháp,... được xây dựng cách đây hàng thế kỉ chính là các di sản văn hoá. Những pho sách cổ viết bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm, đúc kết trí tuệ của các thế hệ đi trước cũng là di sản văn hoá. Từ các loại hình sân khấu dân gian như chèo, tuồng, ca kịch, múa rối,... cho đến những làn điệu dân ca của 54 dân tộc trên khắp mọi miền đất nước,... đều là di sản văn hoá. Như vậy, ở bất cứ không gian sống nào, chứng tích của quá khứ thể hiện qua di sản văn hoá cũng đang hiện diện trong đời sống của con người hôm nay.

Dùng lí lẽ và bằng chứng làm sáng tỏ luận điểm 1: Sự quý giá của di sản văn hoá.

Khó mà đo đếm được sự quý giá của di sản văn hoá. Trước hết, di sản văn hoá đại diện cho những giá trị tinh thần, góp phần quan trọng tạo nên bản sắc của quốc gia. Có những di sản đã gắn với danh xưng của quốc gia, chẳng hạn: "đất nước kim tự tháp" (Ai Cập), "đất nước chùa tháp" (Cam-pu-chia), "đất nước của tháp Ép-phen (Eiffel)" (Pháp),... Vì đã trường tồn qua hàng trăm, hàng ngàn năm, cho nên di sản văn hoá giúp con người hiểu rõ hơn về lịch sử, về truyền thống lao động và đấu tranh, về bề dày kinh nghiệm thẩm mĩ, về quan niệm đạo đức của một cộng đồng, có tác dụng lớn trong việc giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ. Di sản văn hoá đã trở thành nguồn tài nguyên quý giá cho sự phát triển ngành du lịch. Nhiều người nước ngoài hết sức thích thú, phấn khích khi xem múa rối nước của Việt Nam, lặng lẽ đắm mình vào không gian trầm mặc của Văn Miếu – Quốc Tử Giám, đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác khi khám phá địa đạo Củ Chi,... Cũng cần nói thêm, những di sản độc đáo, có giá trị cao không chỉ là báu vật của quốc gia, mà còn trở thành vốn quý của cả nhân loại khi được UNESCO công nhận là di sản văn hoá thế giới.

Dùng lí lẽ và bằng chứng làm sáng tỏ luận điểm 2: Thực trạng của việc bảo vệ di sản văn hoá hiện nay.

Nêu và phản bác ý kiến trái chiều.

Mặc dù di sản văn hoá quý giá như vậy, nhưng hiện nay nhiều công trình không tránh khỏi tình trạng xuống cấp, hư hại, mất mát do đạn bom trong chiến tranh, do thời tiết khắc nghiệt, do cách bảo tồn sơ sài bắt nguồn từ sự thiếu hiểu biết, thiếu tinh thần trách nhiệm hoặc trình độ quản lí còn hạn chế,... Có những nơi quá chú trọng lợi ích kinh tế trước mắt nên đã không ngần ngại xâm hại di sản. Không ít người lại cho rằng, di sản phải được tôn tạo, phải được làm mới để "vĩnh cửu hoá". Thật là một quan niệm sai lầm! Xuất phát từ sự thiếu hiểu biết đó mà họ đã huy động nhiều tiền của để "tôn tạo" di sản theo hướng "hiện đại hoá", khiến bao nhiêu công trình trở nên lai căng, biến dạng, mất hết vẻ đẹp tinh xảo nguyên sơ vốn có. Thật xót xa khi những cuốn sách quý trong kho tư liệu cha ông để lại bị mục nát, hư hỏng hoặc thất lạc. Nếu cứ như thế, sẽ đến lúc có những bảo vật hoàn toàn biến mất khỏi vốn di sản của quốc gia. Thực trạng đó cho thấy việc bảo tồn di sản văn hoá truyền thống vẫn luôn là vấn đề có tính thời sự.

Làm sao để giữ gìn, phát huy và trao truyền cho các thế hệ mai sau những giá trị tinh thần, vật chất vô giá do cha ông để lại? Câu hỏi này không dành cho riêng ai. Có nhiệm vụ thuộc về nhà nước và các cơ quan chuyên trách như việc ban hành văn bản pháp luật, ban hành chính sách nhằm tăng cường năng lực điều hành, quản lí và phát huy giá trị của di sản văn hoá. Có việc thuộc về các nhà khoa học – những chuyên gia có kiến thức sâu rộng về chuyên môn, có khả năng đưa ra những phương pháp bảo tồn hợp lí nhất. Có việc thuộc chức năng của những đơn vị trực tiếp quản lí di sản cụ thể. Và dĩ nhiên, cả cộng đồng cũng như mỗi cá nhân đều phải có trách nhiệm với di sản văn hoá của đất nước, nhất là những gì có liên quan, gần gũi với đời sống hằng ngày của mọi người.

Đề xuất giải pháp tăng cường bảo vệ di sản văn hoá.

Là những con người thuộc thế hệ trẻ của đất nước, mỗi học sinh chúng ta cần phải ý thức rõ về trách nhiệm đó. Trong việc thụ hưởng di sản văn hoá như tổ chức hoạt động tham quan, học tập, trải nghiệm,... chúng ta cần luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định; tuyệt đối tránh những việc làm có thể gây tổn hại đối với di sản; ngăn cản hoặc tố giác những kẻ cố tình phá hoại; biết giữ gìn di sản bằng sự hiểu biết và thái độ trân quý. Có như vậy, di sản văn hoá mới có thể tiếp tục tồn tại bền lâu với tương lai của đất nước.

(*Nhóm biên soạn*)

Thực hành viết theo các bước

1 TRƯỚC KHI VIẾT

a. *Lựa chọn đề tài*

Muốn chọn được đề tài phù hợp để viết bài, em cần chú ý phạm vi nội dung mà phần Viết giới hạn (vấn đề cần giải quyết trong đời sống xã hội). Em chú ý thu thập tư liệu từ các nguồn khác nhau (sách báo, các phương tiện truyền thông,...) làm cơ sở cho việc tìm đề tài. Có thể tham khảo một số vấn đề sau:

Mục đích viết

Thuyết phục người đọc đồng tình với ý kiến của người viết về một vấn đề cần giải quyết trong đời sống xã hội hiện nay để mỗi cá nhân thấy được trách nhiệm của mình.

Người đọc

Những người quan tâm đến các vấn đề thiết yếu của đời sống xã hội, thấy được sự tác động của những vấn đề đó đối với cá nhân, cộng đồng, đất nước.

- Bảo vệ, khôi phục rừng và trồng cây phủ xanh đồi trọc.
- Công cuộc chuyển đổi số và vai trò của mỗi người.
- Giữ gìn nguồn nước cho hôm nay và mai sau.
- Văn hoá giao thông và trách nhiệm của mỗi người.
- Vai trò của thực phẩm sạch trong cuộc sống hằng ngày.

b. *Tìm ý*

Khi đã xác định được đề tài bài viết, cần tiến hành việc tìm ý. Phải tìm hiểu kĩ vấn đề để nắm được bản chất và các khía cạnh của nó. Từ kinh nghiệm viết bài nghị luận khi thực hiện ở phần Viết của bài 1. *Thế giới kì ảo* và bài 3. *Hồn nước nằm trong tiếng mẹ cha*, em có thể đặt ra các câu hỏi để tìm ý theo cách tương tự, chẳng hạn:

– *Vấn đề cần được giải quyết là gì?* Phần Mở bài của bài viết tham khảo nêu vấn đề di sản văn hoá và trách nhiệm của mỗi người trong việc bảo tồn các di sản.

– *Ý kiến của em về vấn đề như thế nào?* Trong bài viết tham khảo, người viết trình bày quan điểm của mình về sự quý giá của di sản văn hoá, khẳng định tầm quan trọng của việc bảo tồn, phát huy những di sản văn hoá truyền thống đối với quốc gia và nhân loại. Người viết cũng báo động và phân tích tình trạng xuống cấp, hư hại, mất mát của di sản văn hoá do nhiều nguyên nhân khác nhau.

– *Có thể xuất hiện ý kiến nào trái ngược với quan điểm của người viết? Cần dùng những lí lẽ, bằng chứng nào để phản bác?* Có thể có nhiều góc nhìn khác nhau về vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá, vì vậy, ý kiến trái chiều khá đa dạng. Bài viết đã nêu và phản bác ý kiến cho rằng di sản văn hoá cần được tôn tạo, làm mới theo hướng "hiện đại hoá", "vĩnh cửu hoá".

– *Cần có giải pháp nào để giải quyết vấn đề?* Bài viết tham khảo nêu một số giải pháp cần thực hiện để giữ gìn và phát huy giá trị của các di sản văn hoá; đề cao trách nhiệm của mỗi người khi tham gia giải quyết vấn đề; liên hệ với bản thân (ở phần Kết bài).

c. *Lập dàn ý*

Các ý đã tìm được chỉ mới tồn tại dưới dạng liệt kê. Em cần lập dàn ý bằng cách sắp xếp những ý đó vào các phần theo trật tự hợp lí.

Dàn ý

– *Mở bài*: Giới thiệu vấn đề cần giải quyết trong đời sống xã hội, nêu sự cần thiết phải bàn luận về vấn đề.

– *Thân bài*:

+ Trình bày ý kiến của bản thân về vấn đề, triển khai thành hệ thống luận điểm.

• Luận điểm 1: Bản chất của vấn đề đời sống được bàn luận, biểu hiện của vấn đề trong thực tế xã hội (dùng lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ).

• Luận điểm 2: Sự tác động của vấn đề đối với cá nhân, cộng đồng, đất nước theo hướng tích cực hoặc tiêu cực (dùng lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ).

• Luận điểm 3: Trách nhiệm của mỗi người trước vấn đề (dùng lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ).

• ...

+ Nêu ý kiến trái chiều về vấn đề để phản bác.

+ Đề xuất giải pháp khả thi để giải quyết vấn đề đời sống được bàn luận.

– *Kết bài*: Khẳng định tầm quan trọng của việc nhận thức đúng đắn và giải quyết thoả đáng vấn đề nêu ra.

2 VIẾT BÀI

Khi viết bài, em cần chú ý:

– Bám sát yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để triển khai các phần của bài viết.

– Rút kinh nghiệm từ việc viết bài văn nghị luận xã hội (ở các bài trước), từ việc đọc văn bản nghị luận ở bài học này cũng như qua tìm hiểu bài viết tham khảo, em cần vận dụng linh hoạt kĩ thuật viết các phần của bài văn.

– Có thể mở bài bằng lối trực tiếp (giới thiệu nhanh vấn đề nghị luận) hoặc gián tiếp (dùng một mẩu chuyện, một thông tin, một câu nói nổi tiếng hoặc nêu ý tương phản,... để dẫn đến vấn đề bàn luận).

– Khi triển khai các luận điểm của phần Thân bài, cần đặc biệt chú ý việc sử dụng lí lẽ và bằng chứng để tăng sức thuyết phục của bài văn nghị luận (quan sát cách trình bày lí lẽ và nêu bằng chứng ở các văn bản đọc và bài viết tham khảo để học tập cách viết).

– Kết bài nên liên hệ tới trách nhiệm của mỗi người trong việc giải quyết vấn đề.

3 CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

– Đọc bài viết thật kĩ, đặt câu hỏi để tự kiểm tra lại từng phần, từng khía cạnh và thao tác được sử dụng:

+ Vấn đề bàn luận có được nêu rõ ràng không?

+ Bản chất và từng khía cạnh của vấn đề đã được làm rõ chưa? Bản thân có ý kiến như thế nào về vấn đề? Tầm quan trọng của vấn đề đối với đời sống xã hội có được làm nổi bật không?

+ Thực trạng của vấn đề đã được nêu cụ thể chưa? Giải pháp đề xuất có tính khả thi không? Trách nhiệm của bản thân trong việc tham gia giải quyết vấn đề được nêu như thế nào?

+ Có nêu được ý kiến trái chiều để phản bác không? Nếu có, việc phản bác đã đủ cơ sở chưa?

+ Ở từng luận điểm, lí lẽ và bằng chứng được sử dụng như thế nào? Có đảm bảo sức thuyết phục không?

+ Bài viết có những lỗi nào về chính tả, diễn đạt (dùng từ, đặt câu, liên kết đoạn)?

– Sau khi rà soát, nếu phát hiện thấy chỗ nào chưa đạt yêu cầu thì cần bổ sung, chỉnh sửa hoặc thay thế.

Nói và nghe

Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (trong đời sống của cộng đồng, đất nước, nhân loại)

Sự việc có tính thời sự trong đời sống của cộng đồng, đất nước, nhân loại thường thu hút sự chú ý của mọi người, dễ nảy sinh những quan điểm khác nhau. Bản chất sự việc là như thế nào? Sự việc có tính tích cực hay tiêu cực? Sự việc có tác động như thế nào đến đời sống xã hội?... Những câu hỏi như vậy có được trả lời thuyết phục hay không là tuỳ ở quan điểm nhìn nhận về sự việc của mỗi người. Điều cần thiết khi trình bày ý kiến về một sự việc là phải trình bày rõ ràng, thể hiện được chủ kiến của bản thân, từ đó tác động tích cực đến nhận thức của người nghe, nhằm cùng nhau tìm phương án khả thi để giải quyết những hệ quả nảy sinh từ sự việc đó.

1 TRƯỚC KHI NÓI

– Để chuẩn bị nội dung bài nói, em cần chọn được đề tài mà mình am hiểu và có hứng thú. Sau đây là một số gợi ý để em tham khảo:

+ Việc xả chất thải chưa qua xử lí của một đơn vị sản xuất công nghiệp.

+ Sự xuất hiện các sản phẩm trí tuệ nhân tạo và tác động của chúng đối với đời sống con người.

+ Việc phát hiện ra những hang động mới ở Quảng Trị.

+ Một dự án nhằm phát triển kinh tế, xã hội ở vùng sâu, vùng xa.

Mục đích nói

Thuyết phục người nghe đồng tình với ý kiến của mình về một sự việc có tính thời sự trong đời sống của cộng đồng, đất nước, nhân loại; từ đó giúp họ có thái độ và hành động phù hợp, góp phần giải quyết những hệ quả nảy sinh từ sự việc.

Người nghe

Những người quan tâm hoặc có liên quan đến sự việc, muốn tham gia giải quyết các vấn đề nảy sinh từ sự việc.

+ Việc thay thế hình thức dạy học trực tiếp bằng hình thức trực tuyến trong những tình huống cần thiết.

– Từ đề tài đã chọn, em cần lập dàn ý cho bài nói, với đủ các phần Mở đầu, Triển khai, Kết thúc. Trong từng ý, cần ghi thêm một số bằng chứng thực tế, số liệu, những đánh giá khách quan,... để sử dụng khi trình bày.

2 TRÌNH BÀY BÀI NÓI

Người nói	Người nghe
• Mở đầu: giới thiệu sự việc (có thể tạo sự lôi cuốn bằng cách thuật lại một mẩu tin, kể lại một câu chuyện, sử dụng tranh ảnh hay đoạn phim ngắn liên quan đến sự việc,...). • Triển khai: diễn giải để làm rõ bản chất của sự việc, đưa ra lí lẽ kết hợp với bằng chứng từ thực tế khách quan để thuyết phục người nghe đồng tình với ý kiến của mình. • Kết thúc: khái quát ý nghĩa của sự việc được trình bày, nêu phương án giải quyết, liên hệ trách nhiệm của mỗi người. *Lưu ý*: Khi trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự, cần kết hợp lời nói với cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,...; tăng cường sử dụng các phương tiện hỗ trợ như tranh ảnh, đoạn phim ngắn, các tài liệu liên quan đến sự việc,...	• Theo dõi để nắm bắt nội dung và cách trình bày bài nói; nhận biết mức độ tin cậy của thông tin khách quan, tính thuyết phục của ý kiến do người nói nêu ra; chỉ ra những hạn chế (nếu có) như lập luận thiếu lô-gíc, bằng chứng chưa đầy đủ hay không liên quan đến sự việc. • Có thể yêu cầu người nói cung cấp thêm thông tin, giải thích những điểm còn chưa rõ; trao đổi lại những chỗ chưa tán thành với cách nhìn nhận, đánh giá của người nói về sự việc.

3 SAU KHI NÓI

Tổ chức trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm về hoạt động nói và nghe xoay quanh các khía cạnh sau:

– Sự việc được trình bày có tính thời sự không? Sự việc đó có ý nghĩa như thế nào trong đời sống của cộng đồng, đất nước, nhân loại?

– Người nói trình bày sự việc rõ ràng chưa? Đã thể hiện rõ ý kiến của cá nhân về sự việc chưa? Sử dụng lí lẽ và bằng chứng có phù hợp không?

– Cách người nói sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ và phương tiện hỗ trợ, tương tác với người nghe đã đạt yêu cầu chưa?

– Người nghe có thái độ như thế nào khi người nói trình bày? Có thể hiện được sự chủ động, tích cực khi tiếp nhận thông tin và tương tác với người nói không? Nhận biết và đánh giá như thế nào về mức độ thuyết phục của bài nói?

Củng cố, mở rộng

1. Kẻ bảng vào vở để hệ thống hoá kiến thức về hai văn bản nghị luận *Đấu tranh cho một thế giới hoà bình* và *Biến đổi khí hậu – mối đe doạ sự tồn vong của hành tinh chúng ta*, trong bảng có các cột để ghi các thông tin: vấn đề được bàn luận, các luận điểm chính, lí lẽ, bằng chứng.

2. Trình bày ý kiến của em về đề tài: "*Chỉ có con người mới cải thiện được tình trạng biến đổi khí hậu trên Trái Đất*". Hãy lập dàn ý, viết phần Mở bài và đoạn đầu của Thân bài.

3. Dựa vào dàn ý của bài viết ở câu 2 để lập dàn ý cho bài thuyết trình; dựa vào dàn ý đó để tập trình bày bài nói.

4. Tìm đọc hai văn bản nghị luận xã hội, ghi vắn tắt vào vở các thông tin: luận đề, các luận điểm chính, cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng, mối liên hệ giữa vấn đề nghị luận với đời sống.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản dưới đây, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Luận đề của văn bản; các luận điểm được triển khai từ luận đề.
- Cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ từng luận điểm.
- Thái độ của người viết đối với vấn đề được bàn luận.
- Thông điệp em rút ra được từ văn bản.

Chuẩn bị hành trang

VŨ KHOAN[1]

Tết năm nay là sự chuyển tiếp giữa hai thế kỉ, và hơn thế nữa, là sự chuyển tiếp giữa hai thiên niên kỉ. Trong thời khắc như vậy, ai ai cũng nói tới sự chuẩn bị hành trang bước vào thế kỉ mới, thiên niên kỉ mới.

Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất. Từ cổ chí kim bao giờ con người cũng là động lực phát triển của lịch sử. Trong thế kỉ tới mà ai ai cũng thừa nhận rằng nền kinh tế tri thức[2] sẽ phát triển mạnh mẽ thì vai trò của con người lại càng nổi trội.

Cần chuẩn bị những cái cần thiết trong hành trang mang vào thế kỉ mới, trong khi chúng ta đã chứng kiến sự phát triển như huyền thoại của khoa học và công nghệ, làm cho tỉ trọng trí tuệ trong một sản phẩm ngày một lớn. Chắc rằng chiều hướng này sẽ

[1] Vũ Khoan (1937 – 2023) quê ở tỉnh Hà Tây (nay thuộc thành phố Hà Nội), là nhà hoạt động chính trị, từng đảm nhiệm các chức vụ Bộ trưởng Bộ Thương mại, Phó Thủ tướng Chính phủ.

[2] *Kinh tế tri thức*: nền kinh tế chủ yếu dựa vào tri thức, trên cơ sở thành tựu của khoa học và công nghệ, sản phẩm tạo ra tiêu tốn ít tài nguyên vật chất và sức lao động.

ngày càng gia tăng. Một phần dưới tác động của những tiến bộ về khoa học và công nghệ, sự giao thoa, hội nhập giữa các nền kinh tế chắc chắn sẽ sâu rộng hơn nhiều.

Trong một thế giới như vậy, nước ta lại phải cùng một lúc giải quyết ba nhiệm vụ: thoát khỏi tình trạng nghèo nàn lạc hậu của nền kinh tế nông nghiệp; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và đồng thời lại phải tiếp cận ngay với nền kinh tế tri thức. Làm nên sự nghiệp ấy đương nhiên là những con người Việt Nam với những điểm mạnh và điểm yếu của nó.

Cái mạnh của con người Việt Nam không chỉ chúng ta nhận biết mà cả thế giới đều thừa nhận là sự thông minh, nhạy bén với cái mới. Bản chất trời phú ấy rất có ích trong xã hội ngày mai mà sự sáng tạo là một yêu cầu hàng đầu. Nhưng bên cạnh cái mạnh đó cũng còn tồn tại không ít cái yếu. Ấy là những lỗ hổng về kiến thức cơ bản và thiên hướng chạy theo những môn học "thời thượng", nhất là khi năng lực thực hành và sáng tạo bị hạn chế do lối học chay, học vẹt nặng nề. Không nhanh chóng lấp những lỗ hổng này thì thật khó bề phát huy trí thông minh vốn có và không thể thích ứng với nền kinh tế mới chứa đựng đầy tri thức cơ bản và biến đổi không ngừng.

Cái mạnh của người Việt Nam ta là sự cần cù, sáng tạo. Điều đó thật hữu ích trong một nền kinh tế đòi hỏi tinh thần kỉ luật rất cao và thái độ rất nghiêm túc đối với công cụ và quy trình lao động với những máy móc, thiết bị rất tinh vi. Tiếc rằng ngay trong mặt mạnh này của chúng ta cũng lại ẩn chứa những khuyết tật không tương tác chút nào với một nền kinh tế công nghiệp hoá chứ chưa nói đến nền kinh tế tri thức. Người Việt Nam ta cần cù thì cần cù thật, nhưng lại thiếu đức tính tỉ mỉ. Khác với người Nhật vốn cũng nổi tiếng cần cù lại thường rất cẩn trọng trong khâu chuẩn bị công việc, làm cái gì cũng tính toán chi li từ đầu, người Việt Nam ta thường dựa vào tính tháo vát của mình, hành động theo phương châm "nước đến chân hãy nhảy", "liệu cơm gắp mắm". Do còn chịu ảnh hưởng nặng nề của phương thức sản xuất nhỏ và cách sống ở nơi thôn dã vốn thoải mái và thanh thản nên người Việt Nam ta chưa có được thói quen tôn trọng những quy định nghiêm ngặt của công việc là cường độ khẩn trương. Ngay bản tính "sáng tạo" một phần nào đó cũng có mặt trái ở chỗ ta hay loay hoay "cải tiến", làm tắt, không coi trọng nghiêm ngặt quy trình công nghệ. Trong một xã hội công nghiệp và "hậu công nghiệp" những khuyết tật ấy sẽ là những vật cản ghê gớm.

Trong một "thế giới mạng", ở đó hàng triệu người trên phạm vi toàn cầu gắn kết với nhau trong một mạng in-tơ-nét thì tính cộng đồng là một đòi hỏi không thể thiếu được. Nhân dân ta có truyền thống lâu đời đùm bọc, đoàn kết với nhau theo phương châm "nhiễu điều phủ lấy giá gương". Bản sắc này thể hiện mạnh mẽ nhất trong cảnh đất nước lâm nguy, ngoại bang đe doạ. Nhưng tiếc rằng phẩm chất cao quý ấy thường

lại không đậm nét trong việc làm ăn, có thể do ảnh hưởng của phương thức sản xuất nhỏ, tính đố kị vốn có của lối sống theo thứ bậc không phải theo năng lực và lối nghĩ "trâu buộc ghét trâu ăn" đối với người hơn mình ở làng quê thời phong kiến. Ta có thể quan sát thấy điều đó ngay trong cả những việc nhỏ nhặt: ví dụ vào thăm bảo tàng thì người Nhật túm tụm vào với nhau chăm chú nghe thuyết minh, còn người Việt Nam ta lại lập tức tản ra xem những thứ mình thích; người Hoa ở nước ngoài thường cưu mang nhau song người Việt lại thường đố kị nhau.

Bước vào thế kỉ mới, nước ta sẽ hội nhập ngày càng sâu vào nền kinh tế thế giới. Bản tính thích ứng nhanh sẽ giúp dân ta tận dụng những cơ hội, ứng phó với thách thức do tiến trình hội nhập đem lại. Nhưng thái độ kì thị đối với sự kinh doanh, thói quen ảnh hưởng từ bao cấp, nếp nghĩ sùng ngoại hoặc bài ngoại quá mức đều sẽ cản trở sự phát triển của đất nước. Thói quen ở không ít người thích tỏ ra "khôn vặt", "bóc ngắn cắn dài", không coi trọng chữ "tín" sẽ gây tác hại khôn lường cho quá trình kinh doanh và hội nhập.

Bước vào thế kỉ mới, muốn "sánh vai cùng các cường quốc năm châu" thì chúng ta sẽ phải lấp đầy hành trang bằng những điểm mạnh, vứt bỏ những điểm yếu. Muốn vậy thì khâu đầu tiên, có ý nghĩa quyết định là hãy làm cho lớp trẻ – những người chủ thực sự của đất nước trong thế kỉ tới – nhận ra điều đó, quen dần với những thói quen tốt đẹp ngay từ những việc nhỏ nhặt nhất.

(In trong *Một góc nhìn của trí thức*, tập một,
NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2003, tr. 31 – 34)

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bài 9

ĐI VÀ SUY NGẪM

Du lịch – ban đầu nó khiến bạn không thốt nên lời, sau đó biến bạn thành một người kể chuyện.

I-bơ-nơ Bát-tu-ta (Ibn Battuta)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Đi trên đất nước Việt Nam, mỗi bước đều có thể dẫn ta đến những cảnh trí diễm lệ của thiên nhiên, những câu chuyện bất tận về lịch sử vừa gian khó vừa hào hùng của dân tộc. Đi – thưởng ngoạn – quan sát – học hỏi và suy ngẫm, đó thực sự là một cơ hội tích luỹ năng lượng sống tuyệt vời mà mỗi người cần đón nhận bằng thái độ tích cực.
- Qua tìm hiểu hai văn bản thông tin – loại văn bản đọc chính của bài học – và một bài thơ có sự gần gũi về chủ đề, em sẽ thấu hiểu sự cần thiết của việc chuyển hoá điều mình đã quan sát, thu nhận từ các chuyến đi, các hoạt động trải nghiệm thành những sản phẩm ngôn từ mang tính chất giới thiệu, quảng bá về đất nước và lịch sử dân tộc. Điều này rất có ý nghĩa đối với em trong việc rèn luyện một số kĩ năng thiết yếu và hình thành thái độ trách nhiệm trước bao món quà vô giá do thiên nhiên ban tặng, trước những công trình có giá trị lịch sử, văn hoá vốn thấm đẫm mồ hôi, xương máu của tiền nhân.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử, tác dụng của cách trình bày thông tin trong văn bản (trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, các đối tượng phân loại, so sánh và đối chiếu,...).
- Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản; biết giải thích ý nghĩa của nhan đề và đánh giá vai trò của các chi tiết quan trọng trong văn bản.
- Nhận biết và phân tích được quan hệ giữa phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ dùng để biểu đạt thông tin trong văn bản.
- Hiểu được các hình thức làm biến đổi, mở rộng cấu trúc câu và ý nghĩa của chúng để vận dụng vào hoạt động tạo lập văn bản.
- Viết được bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử, có sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh hoạ.

- Thuyết minh được (dưới hình thức nói) về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử, có sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh hoạ.
- Tự hào về vẻ đẹp muôn màu của đất nước và truyền thống lịch sử anh hùng của dân tộc; có ý thức gìn giữ những di sản quý báu do ông cha để lại và bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Đọc

TRI THỨC NGỮ VĂN

Văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh

- Văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh thuộc loại văn bản thuyết minh, được viết ra nhằm đưa đến cho người đọc những thông tin khái quát về một cảnh quan đáng du ngoạn, thưởng lãm. Cảnh quan được đề cập thường có sự kết hợp hài hoà giữa vẻ đẹp vốn có của thiên nhiên (thắng cảnh) và vẻ đẹp của các công trình nhân tạo, trong đó phổ biến là loại công trình phục vụ cho hoạt động tín ngưỡng (danh lam).

- Văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh có thể được triển khai theo nhiều cách khác nhau. Tuy vậy, việc tạo lập mọi văn bản thuộc kiểu này đều phải đảm bảo các yêu cầu chính: nêu được vị trí không gian và quá trình hình thành cảnh quan; miêu tả được cấu trúc và vẻ đẹp của cảnh quan; đánh giá được ý nghĩa của cảnh quan đối với đời sống con người; phối hợp hiệu quả phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ khi thể hiện tất cả nội dung trên.

Văn bản giới thiệu một di tích lịch sử

Văn bản giới thiệu một di tích lịch sử thuộc loại văn bản thuyết minh. Nội dung của nó nói về những địa điểm, công trình (bao gồm cả di vật, cổ vật tồn tại trong đó) còn ghi dấu các sự kiện đáng nhớ của lịch sử đất nước, dân tộc, nhân loại. Thông qua việc kết nối quá khứ với hiện tại, văn bản khơi dậy ý thức trân trọng lịch sử, vun đắp thái độ yêu quý, giữ gìn những "trang sử sống" có thể gửi đến tương lai nhiều bài học có ý nghĩa. Trong nhiều trường hợp, di tích lịch sử là một bộ phận hữu cơ của danh lam thắng cảnh. Vì vậy, giữa văn bản giới thiệu về di tích lịch sử với văn bản giới thiệu về danh lam thắng cảnh có một số điểm tương đồng trên cả hai phương diện nội dung và hình thức.

Cách trình bày thông tin trong văn bản thông tin

- Tuỳ vào mục đích và nội dung thông tin mà người viết sẽ chọn những cách triển khai văn bản linh hoạt, phù hợp.

- Kiểu văn bản giới thiệu về một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử thường được triển khai theo cách riêng: đi từ cái nhìn tổng quan đến miêu tả cụ thể các bộ phận hợp thành của đối tượng; trình bày xen kẽ tình trạng thực tế và lịch sử hình thành của đối tượng; chú ý đặt đối tượng giới thiệu vào đúng loại của nó để thực hiện những so sánh, đánh giá cần thiết.

Biến đổi và mở rộng cấu trúc câu

Khi tạo lập văn bản, để đạt được hiệu quả tối đa trong việc truyền đạt thông tin (thông tin khách quan hay thông tin tình thái, thông tin thẩm mĩ), người ta thường điều chỉnh những câu định viết hoặc đã viết bằng cách làm biến đổi cấu trúc hoặc mở rộng cấu trúc của chúng. Trong việc làm biến đổi cấu trúc câu, vấn đề thay đổi trật tự các từ ngữ, chuyển cụm chủ ngữ – vị ngữ thành cụm danh từ, chuyển kiểu câu chủ động thành câu bị động hoặc ngược lại thường được đặc biệt chú ý. Trong việc mở rộng cấu trúc câu, vấn đề bổ sung hay mở rộng một thành phần câu nào đó lại là những điều thường được quan tâm đầu tiên.

VĂN BẢN ĐỌC

VĂN BẢN 1. *Yên Tử, núi thiêng*, Thi Sảnh

VĂN BẢN 2. *Văn hoá hoa – cây cảnh*, Trần Quốc Vượng

VĂN BẢN 3. *Tình sông núi*, Trần Mai Ninh

VĂN BẢN 1

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Khi đi tham quan hay du lịch, em có thường tìm hiểu trước về nơi sắp đến không? Nếu có, loại tài liệu em quan tâm tìm đọc, xem, nghe là gì?

2. Kể tên một số danh lam thắng cảnh có di tích lịch sử mà em đã đến hoặc đã biết.

ĐỌC VĂN BẢN

Yên Tử, núi thiêng

THI SẢNH[1]

Theo dõi

Có điểm gì đáng chú ý trong cách tác giả nêu cảm nhận chung và đánh giá khái quát về đối tượng được giới thiệu?

Giữa những cánh cung núi trùng điệp của khu Đông Bắc mênh mông, Yên Tử cao 1 068 m, vút lên chon von tựa một vọng gác. Từ xưa cảnh núi rừng Yên Tử đã nổi tiếng là một nơi ngoạn mục. Các triều đại phong kiến ở nước ta đều liệt Yên Tử

[1] Thi Sảnh (1941 – 2020) tên khai sinh là Nguyễn Thanh Sỹ, quê ở Quảng Trị, là nhà thơ, nhà văn, nhà nghiên cứu lịch sử – văn hoá, đã viết nhiều tác phẩm, công trình về lịch sử, thắng cảnh, di tích của vùng đất mỏ Quảng Ninh – nơi ông có quá trình công tác và gắn bó lâu dài. Tác phẩm chính: *Lịch sử phong trào công nhân Quảng Ninh* (tập 1, 1974; tập 2, 1984); *Cõi thiêng Yên Tử* (2002); *Thức với dòng sông* (2004); *Quảng Ninh, miền đất những kì tích* (2004); *Hình bóng xưa* (2005); *Vịnh Hạ Long – hành trình một kì quan* (2012).

vào loại "danh sơn" (núi đẹp). Sau khi Thiền phái Trúc Lâm ra đời và đi liền với nó, hệ thống chùa tháp uy nghi mọc lên chi chít, thì Yên Tử càng thêm quyến rũ du khách bốn phương.

Yên Tử ngày nay thuộc thành phố Uông Bí[1], cách trung tâm thành phố 14 km về phía tây bắc. Từ Hòn Gai, ngược trục đường 18A 40 km, ta sẽ đến Uông Bí. Tại đây ta nghỉ ngơi chốc lát, chuẩn bị thêm lương thực, thực phẩm cho chuyến hành hương tới "Núi vua hoá Phật" và ngắm cảnh vật thành phố.

Theo dõi

Người viết cho biết điều gì về toạ độ không gian của núi thiêng Yên Tử?

Từ cổng nhà máy điện Uông Bí, ta theo đường vào mỏ Vàng Danh đến Lán Tháp, đến đây ta rẽ phía tây theo con đường qua xã Thượng Yên Công[2] và đi tiếp 4 km nữa thì đến Yên Tử. Đoạn đường từ Lán Tháp vào Yên Tử dài 9 km, đi giữa lòng thung lũng dài và hẹp, giới hạn bởi dãy núi Cánh Gà ở phía nam, Bảo Đài ở phía bắc, thoạt trông như những thành quách cổ xưa. Những khu vườn xum xuê cây ăn quả: vải, nhãn, mận, đào, mùa nào thức ấy, những mảnh ruộng mía thân tím thẳng tắp, nối tiếp hai bên đường. Suối Giải Oan trong veo, chảy ngoằn ngoèo trong thung lũng, trên nền đá cuội và sỏi trắng, cắt con đường từ Lán Tháp vào Yên Tử 9 đoạn, khiến du khách ngỡ là 9 con suối khác nhau. Hai bên bờ suối, hoa dành và hoa bướm vàng rộm. Đây đó có những khóm hoa hải đường chen với hoa thuỷ tiên đang nở bung những cánh mỏng phớt tím.

Hình dung

Vẻ đẹp của lối vào Yên Tử đã được miêu tả bằng những chi tiết, hình ảnh nào?

Vào mùa xuân, sau Tết âm lịch, khi tiết trời dịu mát, rừng Yên Tử nở lộc đơm hoa. Khách thập phương rộn ràng đổ về Yên Tử trẩy hội. Khách tham quan thuộc nhiều lứa tuổi, nhiều nghề nghiệp, kể cả trong nước và ngoài nước, hăm hở, nhằm đỉnh núi mờ sương bước vội, mong chóng đến nơi mà mình mơ ước.

Tên xa xưa của Yên Tử là Núi Voi, bởi dáng núi giống hình con voi quay đầu về phía biển. Trong sử sách, Yên Tử còn có tên là Bạch Vân Sơn (núi mây trắng), bởi quanh năm đỉnh núi chìm trong mây trắng. Từ xưa, nhiều tín đồ đạo Phật ở nước ta đã say đắm cảnh vật Yên Tử "Lối đi có trúc, khe suối có hoa" (thơ Phạm Sư Mạnh), cũng là nơi thâm nghiêm, u tịch. Họ đã đến dựng chùa mái tranh vách nứa dưới chân núi Yên Tử, ngày ngày cầu kinh niệm Phật. Theo *Hải Dương phong vật chí*, từ xưa Yên Tử đã nổi danh là "Phúc địa thứ tư của Giao Châu", là ngọn núi thiêng, chốn tu hành tuyệt đỉnh của những người mộ đạo như dân gian truyền tụng:

(1) *Thành phố Uông Bí*: trước đây là đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh Quảng Ninh.

(2) *Xã Thượng Yên Công*: nay thuộc phường Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh.

Nào ai quyết chí tu hành

Có về Yên Tử mới đành lòng tu.

Theo một số thư tịch cổ, vào đầu Công nguyên, một người Trung Quốc tên là An Kỳ Sinh đã lặn lội tới Yên Tử tu tiên và luyện đan để tìm thuốc trường sinh bất tử. An Kỳ Sinh là bạn thân của Khoái Thông, người từng bày mưu tính kế cho Tây Sở Bá Vương Hạng Vũ. Đến Yên Tử, An Kỳ Sinh ở hẳn trong núi, vừa tu đạo, vừa luyện thuốc. Ông lập ra Am Dược, Am Hoa, Am Thung. Thuốc trường sinh chắc chắn ông không tìm thấy nhưng tục truyền, khi mất, ông đã hoá thân vào núi. Khối đá có hình người trên đỉnh Yên Tử được người đời sau gọi là tượng An Kỳ Sinh. [...]

Liên hệ

Trong một văn bản giới thiệu về danh lam thắng cảnh, việc cung cấp những thông tin mang tính lịch sử có ý nghĩa gì?

Đạo Phật phát triển cực thịnh trong thời Lý. Ngôi chùa sớm nhất dựng trong thời kì này ở Yên Tử là chùa Phù Vân. Theo sách *Thiền uyển tập anh*, Thông Thiền cư sĩ, đệ tử của Thường Chiếu thuộc thế hệ 13 của dòng Thiền Vô Ngôn Thông đã tu hành ở chùa này vào cuối thời Lý. Ông mất ở đây năm 1228. Đến thời Trần, vị cao tăng trụ trì ở Yên Tử có uy tín lớn thời bấy giờ, được Trần Thái Tông khi lên ngôi vua, phong tặng là Phù Vân quốc sư.

Năm Bính Thân (tức năm 1236), ngày 3 tháng 4, vào lúc 10 giờ đêm, mang nỗi u uất trong lòng không giải bày được cùng ai, vua Trần Thái Tông đã vượt thành, trốn khỏi Thăng Long, ruổi ngựa theo hướng núi Yên Tử. Đến 2 giờ chiều ngày 5 tháng 4, Thái Tông đến chân núi. Sáng ngày 6, ông trèo lên núi, gặp nhà sư Phù Vân, một người bạn cũ, để đưa một lời thỉnh cầu. [...] Nhà sư Phù Vân trả lời: "Núi vốn không có Phật. Phật ở trong tâm. Tâm lặng lẽ mà biết, ấy là chân Phật. Nay bệ hạ giác ngộ được cái tâm ấy, thì lập tức thành Phật. Không phải khốn khổ đi tìm ở bên ngoài".

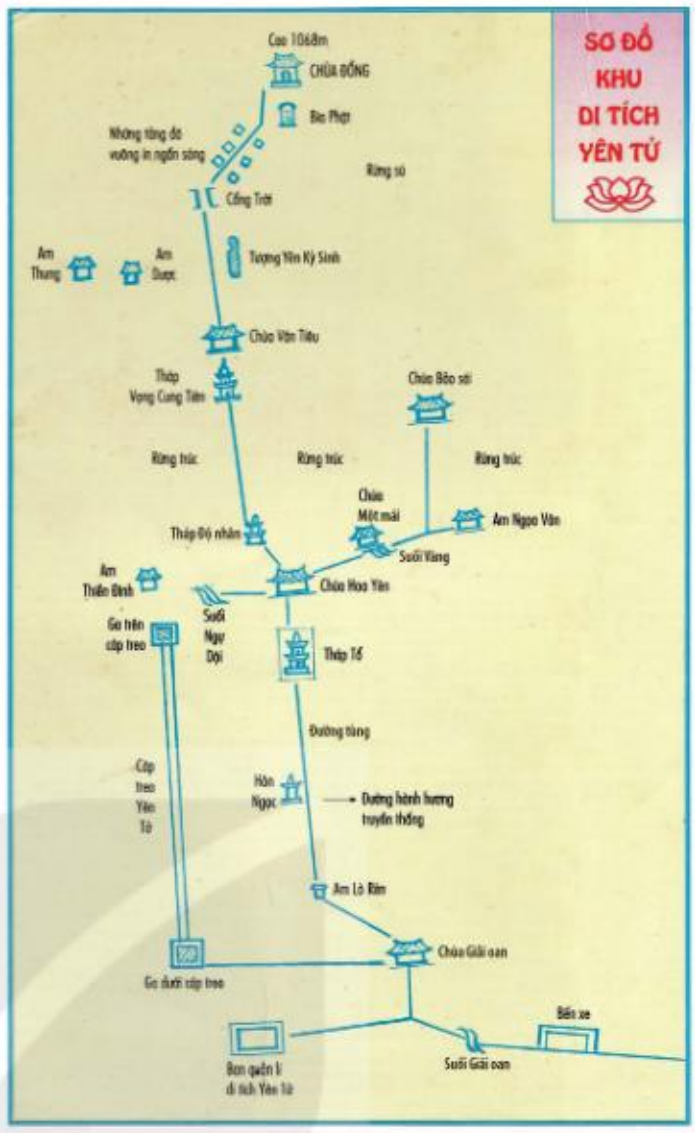
Suy luận

Những thông tin mở rộng về đạo Phật và các vị chân tu cần thiết như thế nào đối với một văn bản giới thiệu núi thiêng Yên Tử?

Câu trả lời của Phù Vân quốc sư thể hiện một quan điểm mới về Thiền. Chính Thái Tông khi nhắc lại câu nói của Phù Vân quốc sư, đã gọi ông là Trúc Lâm đạo sĩ. Phải chăng người đặt nền móng cho phái Thiền Trúc Lâm, một Thiền phái Phật giáo đặc trưng Việt Nam [...], mà sau này Trần Nhân Tông là ông tổ thứ nhất, chính là Phù Vân quốc sư?

Nhưng Yên Tử thật sự trở thành nơi trung tâm náo nhiệt của Phật giáo Trúc Lâm chỉ từ khi vua Trần Nhân Tông đến Yên Tử tu hành. Từ đó, cảnh sắc thiên nhiên ngoạn mục hoà quyện với chùa, am, tháp cổ kính của Yên Tử, vừa như chốn thần tiên, vừa lại gần gũi, gắn bó với con người. [...]

(*Theo* Thi Sảnh, *Cõi thiêng Yên Tử*,
Sở Văn hoá – Thông tin Quảng Ninh,
2002, tr. 11 – 15)



Sơ đồ khu di tích Yên Tử,
in trong *Cõi thiêng Yên Tử*

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. *Yên Tử, núi thiêng* thuộc loại văn bản gì? Em căn cứ vào đâu để xác định như vậy?
2. Văn bản được bố cục như thế nào? Nêu nội dung cụ thể của từng phần trong bố cục và chỉ ra mạch kết nối các nội dung đó.
3. Căn cứ vào nội dung văn bản, cho biết những lí do chính khiến Yên Tử được nhìn nhận là "núi thiêng".
4. Nhận xét về tỉ lệ của các đoạn miêu tả và dẫn tư liệu lịch sử trong văn bản (tỉ lệ như thế nào, có hợp lí không và thể hiện ý tưởng gì của tác giả).
5. Liệt kê những chi tiết thể hiện cách giải thích tên gọi của một số vị trí và di tích trong quần thể du lịch tâm linh Yên Tử. Việc giải thích đó đáp ứng yêu cầu gì của loại văn bản giới thiệu một cảnh quan?
6. Yếu tố biểu cảm đã được tác giả sử dụng như thế nào? Yếu tố đó đóng vai trò gì trong việc làm tăng tính hấp dẫn của văn bản?
7. Nêu tác dụng của việc đưa sơ đồ khu di tích Yên Tử vào văn bản. Theo em, vì sao những sơ đồ thuộc loại này thường được hiệu chỉnh qua các lần công bố khác nhau?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) đánh giá về khả năng gợi lên niềm đam mê khám phá thắng cảnh, di tích Yên Tử của văn bản *Yên Tử, núi thiêng*.

Thực hành tiếng Việt

BIẾN ĐỔI CẤU TRÚC CÂU

1 Xếp đặt các từ ngữ theo trật tự khác hoặc chuyển cụm chủ ngữ – vị ngữ thành cụm danh từ trong những câu dưới đây và nhận xét về sự biến đổi nghĩa có thể có ở từng câu sau việc làm đó.

a. *Các bạn tán thưởng bài thuyết minh của em về danh lam thắng cảnh.*

b. *Con người đã phá vỡ sự toàn vẹn của cảnh quan vì tiến hành một số hoạt động vô ý thức.*

c. *Tác phẩm ấy ra đời đã đánh dấu một thành tựu mới của truyện ngắn Việt Nam hiện đại.*

2 Biến đổi câu bị động sau thành câu chủ động và cho biết nghĩa của câu đã thay đổi như thế nào sau sự biến đổi này.

Khối đá có hình người trên đỉnh Yên Tử được người đời sau gọi là tượng An Kỳ Sinh.

(*Theo* Thi Sảnh, *Yên Tử, núi thiêng*)

3 Đọc câu sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

Chính Thái Tông khi nhắc lại câu nói của Phù Vân quốc sư, đã gọi ông là Trúc Lâm đạo sĩ.

(*Theo* Thi Sảnh, *Yên Tử, núi thiêng*)

a. Xác định căn cứ để xếp câu trên vào kiểu câu chủ động.

Nhận biết một số hình thức biến đổi cấu trúc câu

Việc biến đổi cấu trúc câu thường được thực hiện theo những hình thức sau:

- Thay đổi trật tự của các từ ngữ trong câu. So sánh hai câu sau:

(1) *Xin cảm ơn quý vị đã ủng hộ chúng tôi trong việc triển khai dự án này.*

(2) *Xin cảm ơn quý vị đã ủng hộ việc triển khai dự án này của chúng tôi.*

Câu (1) thể hiện sự ủng hộ hướng vào chủ thể (*chúng tôi* – người thực hiện dự án), còn câu (2) thể hiện sự ủng hộ hướng vào đối tượng (*dự án*).

- Chuyển cụm chủ ngữ – vị ngữ thành cụm danh từ. So sánh hai câu sau:

(1) *Chúng tôi tiến bộ về kĩ năng viết nhờ luyện viết thường xuyên.*

(2) *Sự tiến bộ về kĩ năng viết của chúng tôi là kết quả của việc luyện viết thường xuyên.*

Câu (1) đưa thông tin đơn giản về chủ thể (*chúng tôi*) và hoạt động hay thành tích của chủ thể (*tiến bộ về kĩ năng viết*). Câu (2), vì muốn nhấn mạnh kết quả của hoạt động do chủ thể thực hiện mà không cần nói về quá trình thực hiện hoạt động đó nên đã dùng cụm danh từ để "gói" lại cụm chủ ngữ – vị ngữ, theo đó, làm nổi bật hơn ý muốn biểu đạt ở sau.

- Chuyển câu chủ động (có chủ ngữ thể hiện chủ thể của hoạt động) thành câu bị động (có chủ ngữ thể hiện đối tượng của

b. Biến đổi cấu trúc của câu từ chủ động thành bị động theo hai hướng:

– Hoán đổi vị trí các cụm từ chỉ đối tượng của hoạt động và chủ thể của hoạt động, có sử dụng từ *được*.

– Sử dụng từ *được* nhưng lược bỏ cụm từ chỉ chủ thể của hoạt động.

4 Chuyển đổi mỗi câu chủ động dưới đây thành một câu bị động theo cách làm tương tự đã thực hiện ở bài tập 3:

a. *Hậu thế đánh giá bia Vĩnh Lăng là một trong những tấm bia đẹp nhất Việt Nam về mặt mĩ thuật và kĩ thuật.*

b. *Nhiều du khách nước ngoài gọi Việt Nam là "thiên đường của ẩm thực đường phố".*

hoạt động) hoặc ngược lại nhằm thể hiện ý: Câu tập trung vào chủ thể của hoạt động (câu chủ động) hay đối tượng của hoạt động (câu bị động). Việc chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động hoặc ngược lại nhằm đảm bảo tính mạch lạc, liên kết giữa các câu, các đoạn trong văn bản. Quan sát hai câu sau đây:

(1) Câu chủ động: *Tác giả đã thể hiện một cách đầy ấn tượng vẻ đẹp thân thương, diễm lệ của đất nước trong bài thơ.*

(2) Câu bị động: *Vẻ đẹp thân thương và diễm lệ của đất nước đã được tác giả thể hiện đầy ấn tượng trong bài thơ.*

Câu (1) nói về "tác giả", còn câu (2) nói về "vẻ đẹp thân thương và diễm lệ của đất nước". Cần dựa vào lô-gíc của mạch viết, sự liên kết với câu trước đó mới biết câu nào nên được lựa chọn.

VĂN BẢN 2

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Yêu thiên nhiên là một tình cảm tự nhiên và đặc biệt của con người. Theo em, tình yêu đó có những biểu hiện nổi bật nào?

2. Trong bối cảnh đời sống hiện đại, việc tạo ra một không gian cư trú gần gũi, thân thiện với thiên nhiên có thể gặp phải những thách thức gì?

ĐỌC VĂN BẢN

Văn hoá hoa – cây cảnh

TRẦN QUỐC VƯỢNG[1]

Thiên nhiên, về bản chất là phong phú và đa dạng, mãi mãi còn tiềm ẩn nhiều kì thú và kì vĩ, kì bí,... không hẳn là "bất khả tri"[2] nhưng cho dù con người, qua lịch sử, đã thu thập được một kho

Theo dõi

Tác giả đang khơi gợi sự chú ý về vấn đề gì?

[1] Trần Quốc Vượng (1934 – 2005) quê ở Hà Nam (nay thuộc tỉnh Ninh Bình), là học giả có những đóng góp quan trọng trong việc xây dựng và phát triển một số ngành nghiên cứu về lịch sử, khảo cổ, văn hoá ở Việt Nam, đi đầu trong việc thực hiện lối tiếp cận liên ngành trong nghiên cứu khoa học. Các tác phẩm chính của ông: *Sơ yếu khảo cổ học nguyên thuỷ ở Việt Nam* (1960), *Theo dòng lịch sử* (1996), *Cơ sở văn hoá Việt Nam* (1996), *Việt Nam – cái nhìn địa văn hoá* (1998), *Văn hoá Việt Nam – Tìm tòi và suy ngẫm* (2000),...

[2] *Bất khả tri*: không thể biết.

tri thức về tự nhiên song chưa bao giờ đã hiểu biết hết tự nhiên. Luôn luôn, tự nhiên, cũng như người đàn bà xinh đẹp, duyên dáng, đằm thắm và sâu sắc, lưu giữ một chất "huyền" nào đó, vẫy gọi, kích thích con người tiếp cận… nhưng bao giờ cũng là cảnh tình "tuy xa mà gần, tuy gần mà xa…".

Thiên nhiên Đông Nam Á và Việt Nam – xứ sở châu Á gió mùa nhiệt ẩm – lại càng phong phú và đa dạng hơn bất cứ nơi đâu, vừa gắn với đại lục, vừa thông với đại dương, đủ dạng địa hình, hệ thực vật có trên 7 000 loài có hạt, xếp vào 267 họ, xấp xỉ 2 000 chi… Nhà bác học Lê Quý Đôn của xứ Sơn Nam Hạ[1] nói giản dị: Cây cỏ miền nhiệt đới *hương* nồng thắm hơn, *sắc* nhiều màu hơn cây cỏ xứ lạnh…

Con người – loài người là một *sản phẩm của tự nhiên* trên diễn trình[2] lịch sử vũ trụ và là một *thành phần của tự nhiên* từ hàng triệu năm về trước đến ngày nay. Thoạt kì thuỷ[3], con người lệ thuộc gần như hoàn toàn và nặng nề vào môi sinh tự nhiên, các hệ sinh thái tự nhiên; nhưng về bản thể[4], con người là một sinh vật có tư duy, có ý thức, có mô hình hành động được lựa chọn và chịu trách nhiệm về sự lựa chọn của mình, do vậy mà con người không thích nghi thụ động với hoàn cảnh tự nhiên, mà là ứng biến – thích ứng và biến đổi nó – xây dựng các hệ sinh thái – nhân văn mà nhiều người gọi là *thiên nhiên thứ hai*, xây dựng các nền *văn hoá* với những ứng xử khác nhau, với tự nhiên, với xã hội và với bản thân mình… […]

Chú ý

Đâu là điều kiện then chốt dẫn đến sự xuất hiện của "thiên nhiên thứ hai"?

Phương Đông – trong đó có Việt Nam – trên đại thể có truyền thống sống hài hoà với tự nhiên. Người Việt Nam dựa vào tự nhiên mà làm ăn và đánh giặc. "Trông trời, trông đất, trông mây/ Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm…". Theo thuyết tính linh[5], vạn vật đều có hồn: Hồ Gươm – Hồ Tây, núi Nùng, sông Nhị, nơi "lắng hồn núi sông ngàn năm" (Nguyễn Đình Thi); "Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ" (Nguyễn Du); vui "tình cá nước", "hoa cười", cây "ngả nghiêng chào"; ứng xử tế nhị "nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa"; thậm chí tín mê "thần cây đa, ma cây gạo…" với tục thờ cây cối… […]

Theo dõi

Cách tác giả đưa thông tin về "truyền thống sống hài hoà với tự nhiên" của người Việt Nam có điểm gì độc đáo?

Văn minh lớn Trung Hoa, đến thời Hán, vài thế kỉ trước sau Công nguyên thì nghề xây dựng hoa viên, trồng hoa, cây cảnh đã trở thành một ngành nghệ thuật lớn và tinh tế, một nghệ thuật cung đình và quý tộc, tất nhiên: thượng uyển, thượng lâm…

---

(1) *Sơn Nam Hạ*: tên gọi của một lộ (đơn vị hành chính có từ thời Hậu Lê) thuộc các tỉnh Ninh Bình và Hưng Yên ngày nay.
(2) *Diễn trình*: quá trình diễn biến.
(3) *Thoạt kì thuỷ*: như *thoạt tiên* hay *thoạt đầu*, chỉ tình trạng lúc ban đầu của một đối tượng, sự việc nào đó.
(4) *Bản thể*: bản chất (theo cái nhìn của triết học).
(5) *Thuyết tính linh*: một lí thuyết về sáng tạo văn học đề cao yếu tố thiên bẩm và sự tự nhiên, chân tình của cảm xúc, cho rằng giữa con người với vạn vật có mối liên hệ bí ẩn.

Bon-sai (nguyên nghĩa: cây trồng trong chậu cạn), với thế kỉ XII, gắn liền với *Zen* (Thiền) và *Sin-tô* (Thần đạo), đã trở thành một nghệ thuật tuyệt vời của người Nhật Bản: Như tự nhiên ư? Vậy mà không phải vậy…

Văn học Trung Hoa Đường – Tống có tư duy *duy mĩ* với thiên nhiên:

Cổ thi thiên ái thiên nhiên mĩ.

(Thơ xưa nghiêng chuộng thiên nhiên đẹp.)

(Hồ Chí Minh)

Người Việt Nam mang chở "tính người" phổ quát, biết ngưỡng mộ cái Đẹp của *thiên nhiên thứ nhất*, [...] biết chọn non nước "sơn thuỷ hữu tình" (Dục Thuý Sơn – Ninh Bình, Ngũ Hành Sơn – Đà Nẵng, Hương Sơn – Hà Tĩnh, Hà Tây[1],...) mà dựng xây đền – chùa – tháp – miếu…

Từ nơi dân dã: "cây gạo đầu làng", "cây đa bến nước"… đến chốn thị thành:

Khen ai khéo vẽ dư đồ
Trước sông Nhị Thuỷ, sau hồ Hoàn Gươm.

(Ca dao Hà Nội cổ)

Mà người Việt Nam cũng biết tạo dựng một *thiên nhiên thứ hai hài hoà với thiên nhiên thứ nhất*, từ làng quê với "Ao thu lạnh lẽo nước trong veo" với "Trúc xinh trúc mọc bờ ao", với "ngõ trúc quanh co" (Yên Đổ), với "bóng cau với con thuyền một dòng sông" (Văn Cao)… đến cửa nhà quan:

Hé cửa đêm chờ hương quế lọt
Quét hiên ngày lệ bóng hoa tan.

(Nguyễn Trãi)

đến nơi ở của Chủ tịch nước:

Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa...

(Hồ Chí Minh)

Nếu nước Việt phương Nam truyền thống là "tổng" của các làng, thì có làng ruộng, làng vườn, làng nghề, làng buôn… mà cũng có làng hoa: "đất Ngọc Hà, hoa Hữu Tiệp", làng đào Nhật Tân, "đồng Bông" làng quất Nghi Tàm của Kẻ Chợ – Thăng Long, Vị Khê, Trình Xuyên, Phụ Long của Nam Định[2], Kim Long của Huế, làng hoa Đà Lạt của Lâm Đồng…

Suy luận

Bề rộng của những thông tin được trình bày trong văn bản có mối liên hệ như thế nào với khái niệm "văn hoá" xuất hiện ở nhan đề?

Thăng Long Lý – Trần – Lê, ngoài Hoàng thành và Tử Cấm thành, có 36 phố phường buôn bán – thủ công, có thập tam trại[3] rau – hoa – quả, trong đó có trại Hàng Hoa và chợ Hoàng Hoa, được sử biên niên ghi lại từ đầu thế kỉ XVI:

(1) *Hà Tây*: nay thuộc thành phố Hà Nội.
(2) *Nam Định*: nay thuộc tỉnh Ninh Bình.
(3) *Thập tam trại*: mười ba trại.

– *Con gái ở trại Hàng Hoa*
Ăn cơm nửa bữa, ngủ nhà nửa đêm...
– *Đất Ngọc Hà tốt tươi phong cảnh*
Gái Ngọc Hà vừa đảm vừa xinh.

[...] Ở xứ Bắc[1], thời Lý có Hoa Lâm (rừng hoa) bên bờ sông Thiên Đức (Đuống). Ở Thành Nam[2], quê hương Tức Mặc nhà Trần, với hành cung Thiên Trường rồi với biệt cung Trùng Quang của các vua Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông thì cũng mọc dựng những Hoa Nha, Liễu Nha... vườn hoa, bến liễu, rặng quất vàng! [...]

Đến thăm quê cũ nhà Trần, ngoài tháp chùa Phổ Minh, đền Trần, đền Bảo Lộc,... ta còn bắt gặp các địa danh Hoa Nha, Liễu Nha vang bóng một thời "hào khí Đông A". Song nơi đó giờ đây không còn bến liễu, vườn hoa... và dòng sông xưa nay đã hoá nên đồng. Song văn hoá hoa – cây cảnh vẫn được bảo tồn ở Vị Khê – Nam Điền, ở Trình Xuyên (vốn là Trần Xuyên – dòng sông nhà Trần), ở Phụ Long bên bờ Đại Hoàng giang nay mang tên chung sông Cái – Nhị Hà – Hồng Hà. Đấy là những làng vườn hoa – cây cảnh cổ truyền nay được phục hồi một phần ở đầu xóm thôn Tức Mặc, vừa mang giá trị cổ truyền, vừa mang bản sắc mới văn hoá kinh doanh trong cơ chế thị trường...

***

Thú chơi hoa – cây cảnh cần có sự *thung dung* thong dong của con người không vướng bụi trần [...]. Cần ngày càng nhiều lên một tầng lớp trung lưu, với mức sống có "bát ăn bát để", nếp sống trung lưu và lối sống đan xen lao động căng tràn và thư giãn buông xả...

Kết nối

Vấn đề "mức sống" được đề cập ở đây gợi cho em nghĩ tới thực tế nào?

Ngày xưa, những nếp nhà ở Kẻ Chợ – Thăng Long, ở phố Hiến Nam, ở Vị Xuyên – Vị Hoàng... có hình ống: Nhà thị thành là kết quả xoay dọc đầu hồi ra ngoài đường phố của các nếp nhà thôn dã. Lớp nhà trên cách nếp nhà dưới một khoảng sân con. Ở đó, trong ngôi nhà trung lưu nho nhã thường có non bộ, một vài chậu cây cảnh, một gốc đinh lăng, một khóm sói, khóm hồng hay một gốc chi mai... Nhà ông nội, ông ngoại tôi – những cụ tú, cụ cử quê gốc xứ Nam – thường là vậy: Một ngôi nhà 3 – 5 gian, hàng hiên có tường hoa đặt vài chậu địa lan, trước cửa giữa nhà là đôi sấu, bên cạnh đó là gốc ngâu, gốc mộc. Sân vây "tường hoa", quanh sân đào các hốc trồng đào, mai, tường vi, lửa lựu... và xếp nhiều chậu bồn cây cảnh đỗ quyên, quất, hồng,... vườn hoa nhỏ trước sân là vạn tuế, tùng, bách, mẫu đơn, trạng nguyên, quân tử,...

Nay thì cây cảnh – cây hoa phả vào bao lơn[3] các nhà tầng và ngự trị cả ở phòng khách cơ quan cùng vài góc phòng văn của nhà văn hoá...

(Trần Quốc Vượng, *Văn hoá Việt Nam – Tìm tòi và suy ngẫm*, NXB Văn hoá Dân tộc – tạp chí *Văn hoá Nghệ thuật*, Hà Nội, 2000, tr. 578 – 584)

---

[1] *Xứ Bắc*: vùng Kinh Bắc thuộc Bắc Kì (nghĩa trong văn bản).
[2] *Thành Nam*: tức Nam Định, thuộc tỉnh Ninh Bình ngày nay.
[3] *Bao lơn*: phần nhô ra ngoài hiên hoặc ngoài sàn gác, xung quanh có lan can.

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Nêu nhận xét về việc sách giáo khoa đặt văn bản *Văn hoá hoa – cây cảnh* bên cạnh văn bản *Yên Tử, núi thiêng*.
2. Tìm hiểu bố cục của văn bản, qua đó, đánh giá cách tác giả triển khai ý tưởng và trình bày thông tin.
3. Xác định tính đa dạng của các thông tin được tác giả nêu lên xoay quanh việc làm sáng tỏ vấn đề: Người Việt thực sự có một văn hoá ứng xử riêng với thiên nhiên.
4. Tại sao nói về một vấn đề của văn hoá, tác giả lại hết sức quan tâm tìm hiểu, tập hợp các cứ liệu văn học và ngôn ngữ?
5. Nêu nhận xét của em về mạch liên kết giữa các thông tin trong văn bản.
6. Việc tác giả huy động kiến thức đa lĩnh vực (văn hoá, văn học, ngôn ngữ, lịch sử, địa lí) khi đưa thông tin về vấn đề đã tạo nên đặc điểm gì của văn bản?
7. Thông điệp có ý nghĩa nhất mà em tiếp nhận được từ văn bản là gì?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Từ những điều được văn bản *Văn hoá hoa – cây cảnh* gợi lên, viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) nêu ấn tượng, suy nghĩ của em về hiện tượng "đưa thiên nhiên vào nhà" rất phổ biến trong đời sống hiện nay.

Thực hành tiếng Việt

MỞ RỘNG CẤU TRÚC CÂU

1 Cho biết tác dụng của việc dùng trạng ngữ trong những câu sau:

a. *Giữa những cánh cung núi trùng điệp của khu Đông Bắc mênh mông, Yên Tử cao 1 068 m, vút lên chon von tựa một vọng gác.*

(*Theo* Thi Sảnh, *Yên Tử, núi thiêng*)

b. *Sau khi Thiền phái Trúc Lâm ra đời và đi liền với nó, hệ thống chùa tháp uy nghi mọc lên chi chít,*

Nhận biết một số hình thức mở rộng cấu trúc câu

Mở rộng cấu trúc câu là bổ sung hoặc mở rộng một thành phần câu nhằm tăng lượng thông tin cho câu. Việc mở rộng cấu trúc câu thường được thể hiện qua một số hình thức sau:

- Bổ sung thành phần câu, thường là trạng ngữ hoặc thành phần biệt lập. Ví dụ:

(1) Từ câu "*Đã đến lúc Việt Nam cần thay đổi về tư duy đối với vùng đất quan trọng này, từ "sống chung với lũ" mang nặng hàm ý chấp nhận và chịu đựng sang "chào đón" lũ.*" (Lê Anh Tuấn, *Miền châu thổ sông Cửu Long cần chuyển đổi từ sống chung sang chào đón lũ*)

thì Yên Tử càng thêm quyến rũ du khách bốn phương.

(*Theo* Thi Sảnh, *Yên Tử, núi thiêng*)

2 So sánh hai câu sau và cho biết câu b (câu mở rộng thành phần) được bổ sung thông tin gì so với câu a:

a. *Sáng tác của ông, dù được viết theo thể loại nào, cũng đều giàu chất suy tưởng, trí tuệ.*

b. *Sáng tác của ông, dù là thơ cách luật (lục bát, bảy chữ, năm chữ, tứ tuyệt,...) hay thơ tự do, tất cả đều giàu chất suy tưởng, trí tuệ.*

3 Mở rộng cấu trúc các câu sau bằng trạng ngữ hoặc thành phần biệt lập phù hợp và cho biết tác dụng của việc mở rộng này:

a. *Yên Tử thật sự trở thành nơi trung tâm náo nhiệt của Phật giáo Trúc Lâm chỉ từ khi vua Trần Nhân Tông đến Yên Tử tu hành.*

(*Theo* Thi Sảnh, *Yên Tử, núi thiêng*)

b. *Nhiều ngôn ngữ trên thế giới có nguy cơ biến mất.*

c. *Các nền giáo dục trên thế giới cần phải thay đổi nội dung và phương pháp giáo dục.*

4 Dùng cụm chủ ngữ – vị ngữ để mở rộng một thành phần câu trong mỗi câu sau:

a. *Cuốn truyện trinh thám có nhiều tình huống nghẹt thở.*

b. *Tương truyền, dãy Hồng Lĩnh có 99 ngọn núi.*

c. *Nhiều người mong ước được một lần đến thăm Yên Tử.*

có thể mở rộng thành câu: "***Trong bối cảnh biến đổi khí hậu đang diễn biến phức tạp**, đã đến lúc Việt Nam cần thay đổi về tư duy đối với vùng đất quan trọng này, từ "sống chung với lũ" mang nặng hàm ý chấp nhận và chịu đựng sang "chào đón" lũ".*

Câu mở rộng đã bổ sung thành phần trạng ngữ vào câu gốc để làm rõ hơn lí do cần phải "thay đổi về tư duy" đối với vấn đề.

(2) Từ câu "*Để viết được một truyện như vậy, ngoài tình cảm yêu mến dành cho các bạn trẻ, tác giả còn phải thực sự am hiểu tâm lí tuổi mới lớn.*" có thể mở rộng thành câu: "*Để viết được một truyện như vậy, ngoài tình cảm yêu mến dành cho các bạn trẻ, tác giả còn phải thực sự am hiểu tâm lí tuổi mới lớn – **lứa tuổi đã bắt đầu bớt hồn nhiên bởi sự xuất hiện những rắc rối rất cần được quan tâm giải quyết**.*".

Câu mở rộng đã bổ sung thành phần biệt lập (phụ chú) để làm rõ thêm "tâm lí tuổi mới lớn".

- Mở rộng thành phần câu

Ngoài những hình thức mở rộng thành phần câu bằng cụm từ chính phụ (cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ) đã được thực hành ở lớp 7, thành phần câu có thể được mở rộng bằng cụm chủ ngữ – vị ngữ. So sánh các câu trong mỗi cặp câu sau:

(1) a. *Cuốn sách rất hay.*

b. *Cuốn sách mà anh cho tôi mượn rất hay.*

(2) a. *Hôm qua, tôi rất vui vì được gặp lại một người bạn cũ.*

b. *Hôm qua, tôi rất vui vì được gặp lại một người bạn cũ mà tôi đã có nhiều năm gắn bó.*

Câu (b) trong ví dụ (1) có chủ ngữ được mở rộng bằng cụm chủ ngữ – vị ngữ (*anh cho tôi mượn*), còn câu (b) trong ví dụ (2) có bổ ngữ được mở rộng bằng cụm chủ ngữ – vị ngữ (*tôi đã có nhiều năm gắn bó*). Việc mở rộng thành phần câu như vậy giúp câu cung cấp được thông tin cụ thể hơn. Câu (b) trong ví dụ (1) cho biết cuốn sách nào được nói đến. Câu (b) trong ví dụ (2) cho biết người bạn cũ đó có mối quan hệ như thế nào đối với nhân vật "tôi".

VĂN BẢN 3

ĐỌC VĂN BẢN

Tình sông núi

TRẦN MAI NINH[1]

Trăng nghiêng trên sông Trà Khúc...
Mây lồng và nước reo
Nắng bột chen dừa Tam Quan
Gió buồn uốn éo
Bồng Sơn dìu dịu như bài thơ
Mờ soi Bình Định trăng mờ
Phú Phong rộng
Phù Cát lì
An Khê cao vun vút,
Gió lạnh – rừng buồn,
Mượn ai kín hộ nước nguồn về đây
Gặp sông Cầu khó rời tay!
Sông Cầu của đất, nước này là duyên.
Vũng Lấm dăm lá thuyền;
Nhiều dừa che ít mái tranh
Vừa đẹp – vừa lành,
Hỏi ai tới đó sao đành lòng đi?
Tuy Hoà ngay dọc ngõ
Dậy sáng, – dịu màu tươi
Nha Trang cười
Nha Trang đẹp
Diên Khánh xanh um.

... Tôi lim dim cặp mắt
Không thấy nơi nào không đẹp
Không giàu

[1] Trần Mai Ninh (1917 – 1948) quê ở Hà Nội nhưng lớn lên ở Thanh Hoá. Thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ông đã viết những bài thơ tự do giàu tính cách tân, nóng bỏng tinh thần chiến đấu, tràn đầy niềm tin vào cách mạng và tương lai tươi sáng của đất nước, dân tộc. Tác phẩm chính: *Thơ văn Trần Mai Ninh* (1980).

Lúa xanh như biển rộng
Mì vươn cao khắp các sườn đèo
Rẫy đè lên rẫy
Bắp và khoai tiếp bắp và khoai…
Mấy sông là mấy vạn chài
Ngựa xe rào rạt đổ người sang ngang
Gầu nước gieo vàng
Tiếng thoi nghe dội rộn ràng vách nghiêng
Dân tộc rớt mồ hôi thấm đất
Bắp căng như đồng
Tay ghì cán cuốc
Tay ghì tay xe
Nhìn quanh là cả bốn bề cần lao…
Có mối tình nào hơn thế nữa?
Ăn sâu lòng đất, thấm lòng người
Đượm lều tranh, thơm dậy ngàn khơi
Khi vui non nước cùng cười
Khi căm non nước với người đứng lên!
Có mối tình nào hơn thế nữa,
Nói bằng súng, bằng gươm sáng rền
Có mối tình nào hơn thế nữa
Trộn hoà lao động với giang sơn
Có mối tình nào hơn
Tổ quốc?

(*Thơ Việt Nam 1945 – 1975*,
NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1976, tr. 264 – 265)

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Nhan đề *Tình sông núi* có thể cho biết điều gì về cảm hứng sáng tác bài thơ của tác giả Trần Mai Ninh?
2. Nêu nội dung cụ thể của từng đoạn trong bài thơ và khái quát mạch cảm xúc xuyên suốt tác phẩm.

3. Các địa danh xuất hiện ở đoạn đầu bài thơ gắn với vùng miền nào của đất nước? Phát biểu suy nghĩ của em về mối quan hệ giữa tình yêu dành cho một miền đất cụ thể với tình yêu Tổ quốc nói chung qua những gì được bài thơ gợi lên.

4. Trong bài thơ, tác giả đã chú ý làm nổi bật những đặc điểm gì của sông núi quê hương? Những đặc điểm đó được phát hiện từ góc nhìn nào?

5. Phân tích cách tác giả tự bộc lộ mình trong bài thơ. Tác giả đã xác lập chỗ đứng của mình như thế nào giữa cộng đồng dân tộc?

6. Khi nói về những người con của đất nước, đối tượng nào được tác giả đặt vào vị trí trung tâm? Điều này có ý nghĩa gì?

7. Phân tích những nét độc đáo của bài thơ trên phương diện nghệ thuật (chú ý nhịp điệu, cách sử dụng động từ, sự phối hợp giữa miêu tả cụ thể và nêu mệnh đề khái quát, sự xuất hiện của những câu hỏi tu từ,...).

Viết

Viết bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử

Khi đặt mình vào vị trí của một người có trách nhiệm làm lan toả đến cộng đồng những ấn tượng, tình cảm tốt đẹp về các địa chỉ đáng tự hào trên quê hương, đất nước chúng ta, có rất nhiều việc em cần phải làm. Trong điều kiện học tập của em, việc tập viết bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử có ý nghĩa rất thiết thực. Với kiểu bài này, em sẽ có điều kiện bộc lộ năng lực của mình khi đóng vai cầu nối giữa các cảnh quan, địa điểm đáng đến thăm với con người thời hiện đại, để qua đó, thắt chặt mối liên hệ giữa từng cá nhân với thiên nhiên, lịch sử và văn hoá của đất nước.

Yêu cầu:

- Xác định rõ đối tượng thuyết minh (danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử nào, ở đâu).
- Giới thiệu tổng quan về đối tượng thuyết minh (quá trình hình thành, cấu trúc, quy mô, tầm vóc và giá trị của đối tượng trên các phương diện khác nhau,...).
- Trình bày được nét đặc sắc, độc đáo nhất của đối tượng với những miêu tả chi tiết và việc huy động các nguồn tài liệu đáng tin cậy (có thể thực hiện một số so sánh, đối chiếu cần thiết).
- Thể hiện được thái độ trân trọng, yêu quý của người viết đối với đối tượng thuyết minh.
- Kết hợp các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ một cách hiệu quả.

Phân tích bài viết tham khảo

Bia Vĩnh Lăng[1]

Bia Vĩnh Lăng được dựng vào năm 1433. Trên một gò đất rộng, cao thoai thoải, mặt tiền của bia nhìn về hướng nam. Bia được làm bằng đá trầm tích nguyên khối, cao 2,79 m, rộng 1,94 m, dày 27 cm, đặt trên lưng một con rùa cỡ lớn cùng chất liệu đá. Rùa có chiều dài 3,46 m, rộng 1,94 m, cao 90 cm kể cả đế. Rùa và bia có trọng lượng ước tính trên dưới 18 tấn. Bia Vĩnh Lăng là một trong những tấm bia đẹp nhất Việt Nam về mặt mĩ thuật và kĩ thuật. Trước kia có nhà che bia, do thời gian và biến cố lịch sử chỉ còn lại nền móng và chân tảng.

Nêu các thông tin cơ bản về thời điểm xuất hiện và toạ độ không gian của di tích.

Đánh giá chung về giá trị và tình trạng hiện tại của di tích.

Năm 1960 – 1961, nhà bia được nhà nước đầu tư tôn tạo lại. Nền nhà hình vuông, có cạnh là 8,8 m. Nhà bia hai tầng mái cong, lợp ngói mũi hài, dưới được đỡ bằng 16 cột, mỗi góc 4 cột theo kiểu kiến trúc thời Lê trung hưng.



Nhà bia Vĩnh Lăng

Chọn hình ảnh tiêu biểu để minh hoạ cho di tích được đề cập.

Bia Vĩnh Lăng ghi lại thân thế, sự nghiệp, công trạng vua Lê Thái Tổ. Nội dung văn bia do quan Vinh Lộc Đại phu Nhập nội hành khiển, Tri tam quán sự Nguyễn Trãi phụng soạn, người viết chữ trên bia là quan Hàn lâm viện đãi chế Vũ Văn Phỉ.

Đưa thông tin về các đặc điểm làm nên giá trị nổi bật của di tích.

Văn bia ngắn gọn, cô đọng, thuật lại đầy đủ về gia tộc, thân thế, sự nghiệp vua Lê Thái Tổ, tóm tắt ngắn gọn về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, đặc biệt nhấn mạnh lòng khoan dung độ lượng của vua đối với quân thù khi chúng bại trận.

Bia Vĩnh Lăng là một công trình điêu khắc đá nghệ thuật có giá trị về nhiều mặt, có ý nghĩa lớn lao trong kho tàng di sản văn hoá Việt Nam thời Lê sơ còn đến ngày nay. Bia Vĩnh Lăng được xếp hạng là Bảo vật Quốc gia ngày 30 – 12 – 2013.

Khẳng định lại ý nghĩa và giá trị của di tích.

(*Theo* Ban Quản lí di tích Lam Kinh, *Di tích lịch sử Lam Kinh*, NXB Thanh niên, Hà Nội, 2021, tr. 39)

[1] Bia Vĩnh Lăng nằm trong Khu di tích lịch sử Lam Kinh, thuộc tỉnh Thanh Hoá.

Thực hành viết theo các bước

1 TRƯỚC KHI VIẾT

Mục đích viết

Giúp người đọc nắm bắt được những thông tin cơ bản về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử và có tình cảm yêu mến, trân trọng với đối tượng đó.

Người đọc

Những người quan tâm đến danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử được thuyết minh.

a. *Lựa chọn đề tài*

– Mọi danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử của Việt Nam và thế giới đều có thể trở thành đối tượng thuyết minh trong bài viết của em.

– Danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử là các đối tượng khác nhau, có khi tồn tại độc lập nhưng cũng có khi tồn tại như các bộ phận gắn bó hữu cơ trong một chỉnh thể. Tuy nhiên, khi viết bài, em có thể chỉ chọn viết về một đối tượng mà mình hiểu rõ và có tư liệu đầy đủ nhất. Trong trường hợp đó, các đối tượng liên quan sẽ được nhắc đến ở các câu mang tính chất dẫn dắt (bài viết tham khảo ở trên chỉ viết riêng về bia Vĩnh Lăng, mặc dù bia Vĩnh Lăng thuộc về một quần thể di tích rộng lớn gồm nhiều hạng mục và tất cả đều đáng được đề cập).

b. *Tìm ý*

Có thể hình thành ý cho bài viết dựa trên việc trả lời một số câu hỏi như sau:

– *Đối tượng (tức danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử) được thuyết minh ở bài viết là gì? Có thể xác định tên cho nó như thế nào?* (Việc đặt tên không phải bao giờ cũng dễ dàng, nhất là khi người viết chủ động bóc tách đối tượng ra khỏi một quần thể. Cần tránh dùng một cái tên bao hàm nhiều đối tượng nếu người viết không có ý định thuyết minh đầy đủ về tất cả.)

– *Đối tượng được thuyết minh nằm ở vùng nào? Khoảng cách giữa nó với những địa điểm trung tâm mà nhiều người đã biết là gần hay xa?* (Nên dùng các trung tâm hành chính của tỉnh hoặc các thành phố lớn làm chuẩn định vị. Lưu ý: Bài viết tham khảo không thể hiện điều này vì đây chỉ là phần viết nhỏ trong một cuốn sách giới thiệu toàn cảnh về di tích lịch sử Lam Kinh.)

– *Có thể đưa ra những thông tin chung nào về đối tượng nhằm bước đầu khẳng định vị trí, ý nghĩa, giá trị của nó?*

– *Đặc điểm nổi bật của đối tượng là gì? So với những đối tượng thường được xếp cùng loại, nó có những điểm khác biệt độc đáo nào?* (Tuỳ đối tượng được thuyết minh là danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử mà đặt tiếp những câu hỏi mới về vẻ đẹp, cấu trúc, quá trình hình thành – tạo tác hay về những sự kiện lịch sử có liên quan.)

– *Đối tượng đã được các chuyên gia và du khách đến thăm đánh giá ra sao?*

– *Sự tồn tại của đối tượng đóng vai trò gì trong việc phát triển kinh tế – xã hội – văn hoá của địa phương và đất nước?*

c. *Lập dàn ý*

Dàn ý

– *Mở bài*: Nêu tên danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử sẽ thuyết minh và đưa ra những thông tin khái quát nhất về đối tượng.

– *Thân bài*:

+ Trình bày các đặc điểm của danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử theo một trình tự hợp lí.

+ Giải thích các điều kiện tạo nên nét đặc thù của danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.

+ Nêu các giá trị nổi bật của danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.

+ Cung cấp thông tin về tình trạng bảo tồn, phát huy giá trị của danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.

– *Kết bài*: Khái quát ý nghĩa, giá trị của danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử trong chiến lược phát triển kinh tế – xã hội – văn hoá của địa phương và đất nước.

2 VIẾT BÀI

– Phát triển các ý đã tìm được thành các câu hoặc đoạn văn hoàn chỉnh.

– Kết hợp linh hoạt việc miêu tả và cung cấp các dữ liệu khách quan dựa trên những tài liệu đáng tin cậy.

– Chọn được các từ ngữ xưng hô phù hợp dựa trên việc hình dung cụ thể về đối tượng đọc bài thuyết minh (*chúng ta, du khách,...*).

– Đưa vào văn bản những hình ảnh, sơ đồ, bản đồ,... phù hợp nhằm làm nổi bật các đặc điểm của danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử được thuyết minh.

3 CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Bám sát yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để thực hiện việc chỉnh sửa.

Nội dung rà soát	Hướng chỉnh sửa
Các thông tin được đưa vào bài thuyết minh	Chỉnh sửa thông tin sai hoặc bổ sung các thông tin có thể làm nổi bật hơn đặc điểm, giá trị của đối tượng.
Bố cục, mạch lạc và liên kết của bài thuyết minh	Sắp xếp lại vị trí của các câu hoặc đoạn văn làm cản trở sự hình dung tổng thể của người đọc về đối tượng; sửa lại những phương tiện liên kết dùng chưa phù hợp; bổ sung những phương tiện liên kết cần thiết.
Phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng	Thay thế những hình ảnh, sơ đồ, bản đồ,... chưa tiêu biểu; điều chỉnh vị trí đặt các phương tiện đó, đảm bảo sự tương ứng giữa kênh hình và kênh chữ.
Diễn đạt, hình thức trình bày văn bản	Sửa các lỗi chính tả, những từ ngữ dùng chưa hợp lí, các câu sai ngữ pháp; điều chỉnh lại việc in nghiêng, in đậm một số cụm từ để đảm bảo sự nhất quán;...

Lưu ý: Văn bản được thực hiện có thể là bản viết tay hay bản soạn trên máy vi tính, vì vậy, cần căn cứ vào thực tế này để tiến hành chỉnh sửa theo các gợi ý phù hợp.

Nói và nghe

Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử

Trong cuộc sống, không ít lần mỗi chúng ta được đặt "vào vai" một người giới thiệu nhiệt thành cho bạn bè hay khách phương xa về những điểm đáng tự hào của quê hương mình, trong đó có những danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử. Làm sao để nội dung giới thiệu luôn đưa lại được niềm hứng thú khám phá cho người nghe, đó là điều em cần đặc biệt quan tâm. Ở bài học này, tập thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử cần được xem là một hoạt động bổ ích, giúp em có được những kĩ năng cơ bản để sau này có thể thực hiện thành công việc quảng bá hình ảnh của quê hương, đất nước đến bè bạn gần xa.

1 TRƯỚC KHI NÓI

– Đọc lại bài viết đã hoàn thành theo yêu cầu ở phần Viết để nhớ lại và nắm chắc các nội dung cần thuyết minh.

– Đánh dấu những ý cơ bản không thể bỏ qua và những ý có thể triển khai thêm khi thuyết minh (dưới hình thức nói).

– Có thể soạn một bản trình chiếu để xác định dễ dàng hơn các điểm nhấn của bài nói và để chuyển tải các tranh, ảnh, sơ đồ, bản đồ, đoạn phim ngắn,... một cách thuận lợi.

Mục đích nói

Cung cấp thông tin, giúp người nghe hiểu rõ sức hấp dẫn và giá trị của danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử được nói tới.

Người nghe

Những người quan tâm đến việc khám phá, tìm hiểu danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử được thuyết minh.

2 TRÌNH BÀY BÀI NÓI

– Dựa vào cấu trúc của bài viết đã có để triển khai nội dung nói. Có thể thực hiện một số điều chỉnh cần thiết, tuỳ vào diễn biến thực tế của hoạt động tương tác giữa nói và nghe.

+ *Mở đầu*: Nêu tên đối tượng sẽ được thuyết minh (có thể đưa ra một bức ảnh hay đoạn nhạc dạo của một ca khúc và cho người nghe nhận diện danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử nào được thể hiện trong bức ảnh, ca khúc đó).

+ *Triển khai*: Lần lượt nêu các đặc điểm, giá trị của danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử dưới hình thức vừa miêu tả, cung cấp các thông tin cụ thể, vừa phân tích, đánh giá. (*Lưu ý*: sự phân tích, đánh giá ở đây mang một tính chất riêng, nhằm "cố định hoá" hình ảnh của một đối tượng cụ thể, trước khi chuyển sang nói tới các đối tượng cụ thể khác trong danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.)

+ *Kết thúc*: Khẳng định lại giá trị nổi bật của danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.

– Trong khi nói, cần thể hiện thái độ yêu quý, trân trọng đối tượng được thuyết minh, tôn trọng người nghe thuyết minh. Mỗi khi chuyển ý, có thể nêu một số câu hỏi gợi vấn đề nhằm thu hút sự theo dõi của người nghe. Cần chú ý thay đổi ngữ điệu một cách linh hoạt, sử dụng các phương tiện hỗ trợ và động tác hình thể phù hợp.

3 SAU KHI NÓI

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
• Nêu ấn tượng chung về bài nói, nhận xét ưu điểm, nhược điểm của nội dung bài nói và cách người nói thể hiện nội dung đó. • Chỉ ra những sai sót về thông tin trong bài nói (nếu có) và bổ sung một số ý cần thiết. • Có thể đề nghị người nói làm rõ thêm một số thông tin đáng quan tâm nhưng chưa được trình bày nổi bật hay tường tận.	• Lắng nghe các trao đổi, góp ý với thái độ tiếp thu nghiêm túc, chân thành. • Giải thích hay trình bày thêm về những điều mà người nghe muốn có thông tin đầy đủ hơn.

Củng cố, mở rộng

1. Nêu những điểm tương đồng và khác biệt giữa các văn bản được đưa vào bài học (kể cả bài viết tham khảo) để nhận thấy tính chất đa dạng của loại văn bản có đề cập các phương diện địa lí, lịch sử, văn hoá của đất nước.

2. Phối hợp với các bạn trong lớp xây dựng một tủ sách gồm những tài liệu viết về các danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử trên đất nước Việt Nam. Chú ý lập thư mục cho những tài liệu sưu tầm được.

3. Tạo lập văn bản thuyết minh bằng hình ảnh (có kèm theo các lời dẫn giải cần thiết) về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử ở địa phương em.

4. Mô phỏng cách làm của hướng dẫn viên du lịch (dựa vào quan sát thực tế hoặc việc theo dõi một số chương trình trên truyền hình) để giới thiệu với các bạn trong nhóm học tập về một cảnh quan thiên nhiên hay di tích lịch sử nổi tiếng.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản dưới đây, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Đối tượng chính được thuyết minh trong văn bản.
- Cách triển khai văn bản của người viết.
- Khả năng chuyển hoá bài viết thành một bài nói hấp dẫn giới thiệu di tích lịch sử Hoàng thành Thăng Long với du khách hoặc những người quan tâm.

Khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long – Hà Nội

Kì họp lần thứ 34 của Uỷ ban Di sản Thế giới họp tại Bra-xin (Brasil) ngày 31 – 7 – 2010 đã công nhận Khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long – Hà Nội là Di sản văn hoá thế giới với tiêu chí (ii): minh chứng cho sự giao lưu giữa các ảnh hưởng đến chủ yếu từ Trung Quốc ở phía bắc và Vương quốc Chăm-pa (Champa) ở phía nam, tiêu chí (iii): minh chứng cho truyền thống văn hoá lâu dài của người dân Việt được thành lập ở Đồng bằng sông Hồng, đó là một trung tâm quyền lực liên tục từ thế kỉ VII cho đến tận ngày nay, và tiêu chí (vi): liên quan trực tiếp tới nhiều sự kiện văn hoá – lịch sử quan trọng.

Khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long – Hà Nội, với diện tích vùng lõi của di sản là 18,395 ha (bao gồm Khu Di tích Thành cổ Hà Nội và Khu Di tích Khảo cổ học 18 Hoàng Diệu) và diện tích vùng đệm là 108 ha. Hai khu vực thuộc vùng lõi di sản là một hệ thống nhất nằm trong Cấm thành Thăng Long và cũng chính là trung tâm của Hoàng thành Thăng Long. Khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long – Hà Nội là bộ phận quan trọng nhất của Kinh thành Thăng Long – kinh đô của quốc gia Đại Việt từ thế kỉ XI đến thế kỉ XVIII.

Thăng Long – Hà Nội là nơi giao thoa các giá trị văn hoá của Đông Á với Đông Nam Á trong một quá trình lịch sử rất lâu dài. Sự giao thoa đó được thể hiện qua rất nhiều hiện vật lịch sử, công trình kiến trúc, cảnh quan đô thị mang bề dày 1 000 năm. Tổng quan mô hình đô thị, kiểu dáng kiến trúc và nghệ thuật của Thăng Long – Hà Nội mang giá trị độc đáo và tiêu biểu cho sự phát triển liên tục của một trung tâm quyền lực chính trị kiểu châu Á. Rất nhiều sự kiện mang tầm vóc quốc tế, bao gồm sự phát triển của các nhà nước độc lập, các hình mẫu nhà nước kiểu châu Á, ảnh hưởng của văn hoá phương Đông, phương Tây, của chủ nghĩa thực dân và các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã để lại nhiều dấu ấn sâu đậm và còn có thể nhìn thấy được trong không gian chung của khu di sản.

Nhiều nét văn hoá và mĩ thuật độc đáo được hình thành tại Thăng Long và chính những giá trị đó đã làm cho Khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long nổi lên như một trong những di sản văn hoá lớn nhất của dân tộc Việt Nam và mang tầm vóc quốc tế.

Nhiều dấu tích nền móng cung điện, lầu gác và nhiều loại hình di vật độc đáo của hoàng cung qua các thời kì lịch sử được các nhà khảo cổ học tìm thấy dưới lòng đất thuộc khu vực trung tâm Hoàng thành Thăng Long đã phản ánh sinh động về lịch sử phát triển lâu dài của Kinh đô Thăng Long.

Trải qua thời gian và những biến cố của lịch sử, thành Thăng Long đã có nhiều thay đổi, biến dạng, nhưng đến nay vẫn còn thấy được cả di tích trên mặt đất, dưới lòng đất, di tích lịch sử cách mạng, di tích khảo cổ, di tích kiến trúc nghệ thuật,... tạo thành hệ thống các di tích được đánh giá là quan trọng bậc nhất trong hệ thống các di tích đô thị cổ, trung, cận, hiện đại của nước ta.

Khu Di tích Thành cổ Hà Nội: có diện tích rộng 13,865 ha, hiện tại, trong khu vực trung tâm còn lại 5 điểm di tích nổi trên mặt đất phân bố theo trục bắc – nam, còn gọi là "Trục chính tâm", "Trục ngự đạo", gồm có: Kì Đài, nền điện Kính Thiên, Đoan Môn, Bắc Môn, Hậu Lâu. Ngoài ra còn có hệ thống tường bao và kiến trúc cổng hành cung thời Nguyễn, di tích nhà và hầm D67, các công trình kiến trúc Pháp...

– Kì Đài: được xây dựng năm 1805 cùng thời gian nhà Nguyễn xây dựng toà thành kiểu Vô-băng (Vauban), được xây trên nền cũ của Tam Môn, cổng phía ngoài của Cấm thành thời Lê. Kì Đài là một trong những kiến trúc còn sót lại nguyên vẹn từ thời Nguyễn.

– Nền điện Kính Thiên: xây dựng thời Lê sơ (1428) trên nền điện Càn Nguyên (sau đổi tên là điện Thiên An) thời Lý, Trần. Địa điểm này vốn là vị trí của núi Nùng (Long Đỗ – Rốn Rồng), được coi là tâm điểm của Cấm thành và Hoàng thành, nơi chung đúc khí thiêng của non sông đất nước theo quan niệm phong thuỷ cổ truyền, mà di tích hiện còn là nền điện với bậc thềm và lan can đá chạm rồng thế kỉ XV.

– Đoan Môn: cổng phía nam, là lối đi chính để vào bên trong Cấm thành, nơi có điện Kính Thiên và các cung điện khác của vua. Từ thời Lý đã xây cổng ở đây, nhưng cổng Đoan Môn hiện còn là do nhà Lê sơ xây dựng (thế kỉ XV) và được sửa sang, tu bổ dưới thời Nguyễn (thế kỉ XIX).

Giữa Đoan Môn và điện Kính Thiên là khu Long Trì – một không gian mang ý nghĩa chính trị, văn hoá tâm linh rất quan trọng của Cấm thành, là nơi cử hành các nghi lễ chính trị và tôn giáo thiêng liêng, như sự kiện mở hội Nhân Vương, mở hội đèn Quảng Chiếu (năm 1136), duyệt Cấm quân (năm 1351), quốc nhân hội thề (năm 1128),...

– Bắc Môn: là cổng thành phía bắc, một trong 5 cổng thành còn lại của Thành Hà Nội thời Nguyễn, xây dựng năm 1805. Bắc Môn được xây bằng gạch với cổng vòm bằng đá. Năm 1999, các nhà khảo cổ đã phát hiện các phần còn lại của một bức tường xây bằng đá và gạch vồ, nền móng dày 1,2 m và dấu tích của một kiến trúc khác thời Lê tại độ sâu từ 1,66 m đến 2,2 m.

– Hậu Lâu: còn gọi là Tĩnh Bắc Lâu, Lầu Công Chúa, hay Toà Hậu Điện. Công trình này được xây dựng vào thời Nguyễn (1821), là nơi nghỉ ngơi của các cung tần mĩ nữ trong đoàn tuỳ tùng của nhà vua khi tuần du từ Huế ra Bắc thành. Công trình này đã bị phá huỷ vào khoảng cuối thế kỉ XIX. Phần kiến trúc hiện còn là công trình do người Pháp xây dựng lại.

Khu Di tích Khảo cổ tại 18 Hoàng Diệu: nằm ở phía tây điện Kính Thiên và là một phần cấu thành của Cấm thành từ thời Lý cho đến cuối thời Lê trung hưng. Cấm thành là trung tâm đầu não của các vương triều, nơi diễn ra các nghi lễ quan trọng bậc nhất của đất nước, trung tâm làm việc và nơi ở của vua và hoàng gia qua các triều đại Lý – Trần – Lê. Khu di tích này rộng 4,53 ha, được khai quật từ tháng 12/2002, phân định làm 4 khu, đặt tên là A, B, C, D. Tại đây đã phát hiện rất nhiều dấu tích nền móng của các công trình kiến trúc gỗ có quy mô bề thế và nhiều loại hình di vật có giá trị, bao gồm vật liệu trang trí kiến trúc, đồ gốm sứ, đồ kim loại, đồ gỗ, di cốt động vật,... có niên đại từ thế kỉ VII – IX đến thế kỉ XIX, với hàng trăm kiểu mẫu khác nhau.

Tại di tích khảo cổ học 18 Hoàng Diệu đã tìm thấy những dấu tích cung điện quan trọng. Trải qua 10 thế kỉ với nhiều cuộc chiến tranh, nhiều biến thiên lịch sử và trong điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, nhưng các dấu tích kiến trúc, các loại hình di vật của cung điện xưa vẫn còn được bảo tồn tương đối tốt trong lòng đất. Trong khu di tích còn tìm thấy nhiều đồ dùng, vật dụng của nước ngoài, như các loại đồ sứ của Tây Á, Trung Quốc, Nhật Bản,... phản ánh quan hệ giao lưu văn hoá giữa Thăng Long với thế giới.

Đây là lần đầu tiên ở Hà Nội cũng như lần đầu tiên trong lịch sử khảo cổ học Việt Nam tìm thấy những dấu tích nền móng một quần thể kiến trúc cao cấp, đặc biệt đó là dấu tích kiến trúc của Kinh đô Thăng Long.

Khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long được ghi vào Danh mục Di sản Thế giới là một sự kiện có ý nghĩa cực kì to lớn đối với Việt Nam, thể hiện những bước đi vững chắc của chúng ta trong công cuộc bảo tồn, phát huy giá trị đối với di tích đặc biệt quan trọng này.

(*Theo* Trang Thông tin điện tử của Cục Di sản văn hoá, đường link: *http://dsvh.gov.vn/khu-trung-tam-hoang-thanh-thang-long-ha-noi-480*)

ĐỌC MỞ RỘNG

1 Tìm đọc một số văn bản nghị luận xã hội viết về những vấn đề có liên quan đến trách nhiệm của con người với cộng đồng, đất nước, nhân loại; một số văn bản thông tin giới thiệu danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử. Ghi vào nhật kí đọc sách những thông tin quan trọng mà em thu nhận được từ các văn bản đã đọc.

2 Trao đổi với các bạn về:

– Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề; tính chất đúng và sai của vấn đề đặt ra trong văn bản; mối liên hệ giữa ý tưởng, thông điệp trong văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội; sự phân biệt giữa cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết) trong một văn bản nghị luận đã đọc.

– Đặc điểm của văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử và mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; tác dụng của cách trình bày thông tin trong văn bản (trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, các đối tượng phân loại, so sánh và đối chiếu,...); thông tin cơ bản của văn bản, ý nghĩa của nhan đề và vai trò của các chi tiết quan trọng trong văn bản em đã đọc.

Bài 10

VĂN HỌC – LỊCH SỬ TÂM HỒN

Văn chương là kí ức sống của một dân tộc.

A-lếch-xan-đơ Xôn-gie-nít-xưn (Aleksandr Solzhenitsyn)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Các bài học ngữ văn đã giúp em hiểu được giá trị cốt lõi trong đời sống của dân tộc và nhân loại: yêu thương, tôn trọng, hạnh phúc, tự do, độc lập, niềm tin, sự hiểu biết,... Văn học không chỉ tái hiện thế giới tâm hồn của nhà văn, nhà thơ mà còn thể hiện đời sống tinh thần của dân tộc. Lịch sử văn học dân tộc, vì thế, cũng là lịch sử tâm hồn của dân tộc sản sinh ra nền văn học đó.
- Việc đọc sách đóng vai trò quyết định trong quá trình học Ngữ văn: phát triển năng lực ngôn ngữ (đọc, viết, nói và nghe) và năng lực văn học (cảm nhận và hiểu giá trị nghệ thuật, nội dung của tác phẩm), nâng cao năng lực thẩm mĩ, năng lực sáng tạo của người học. Chọn được những cuốn sách hay để đọc giúp em hiểu sâu hơn lịch sử tâm hồn con người, dân tộc được thể hiện phong phú trong văn chương. Đồng thời, trong một thế giới luôn thay đổi và nhiều thách thức như hiện nay, đọc còn là quá trình tự học không ngừng để giúp em có thể phát triển bản thân, ứng dụng những điều thu nhận được từ việc đọc sách để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu văn bản văn học.
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của bài phỏng vấn; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.
- Liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ văn bản để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.
- Viết được một quảng cáo hoặc tờ rơi về một sản phẩm hay một hoạt động, sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ.
- Tiến hành được một cuộc phỏng vấn ngắn, xác định được mục đích, nội dung và cách thức phỏng vấn.
- Yêu mến và trân trọng vẻ đẹp, giá trị của nền văn học dân tộc.

Đọc

TRI THỨC NGỮ VĂN

Sơ giản về lịch sử văn học Việt Nam và vai trò của tri thức về lịch sử văn học trong đọc hiểu văn bản

Hai bộ phận của nền văn học: văn học dân gian và văn học viết

Văn học dân gian và văn học viết là hai bộ phận của nền văn học dân tộc. Văn học dân gian là các sáng tác truyền miệng của nhân dân, ra đời trước khi có văn học viết và còn tồn tại cho đến ngày nay, bao gồm: ca dao, tục ngữ, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười,... Văn học viết bao gồm sáng tác của các tác giả cụ thể, ra đời cùng sự xuất hiện và phát triển của chữ viết, tồn tại song song với văn học dân gian trong quá trình phát triển của nền văn học dân tộc. Một số thể loại của văn học viết trong giai đoạn đầu có tính chất ghi chép, mô phỏng, biên soạn lại các sáng tác dân gian. Truyện truyền kì, truyện thơ Nôm,... là những bằng chứng cụ thể. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của nền văn học dân tộc qua các thời kì lịch sử, các thể loại văn học viết càng ngày càng mang tính độc lập và có sự tách biệt rõ rệt với các thể loại văn học dân gian.

Trong nền văn học Việt Nam, văn học viết ra đời khoảng thế kỉ X và có sự phát triển mạnh mẽ từ thế kỉ XV với cả hai bộ phận thơ văn chữ Hán và thơ văn chữ Nôm gắn với các thể loại: thơ Đường luật, thơ song thất lục bát, thơ lục bát, truyện thơ Nôm, truyện truyền kì, truyện lịch sử, truyện kí,...

Từ thế kỉ XX, văn học viết bằng chữ quốc ngữ ngày càng phát triển với các thể loại: thơ hiện đại (thơ bốn chữ, thơ năm chữ, thơ tự do,...), truyện ngắn, tiểu thuyết, kí, kịch,...

Văn học dân gian và văn học viết Việt Nam có mối quan hệ sâu sắc trong suốt quá trình hình thành và phát triển, cùng góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng và bản sắc của nền văn học dân tộc.

Các thời kì của văn học viết Việt Nam

Việc phân định thời kì văn học thường căn cứ vào các yếu tố hình thức, nghệ thuật (chữ viết, thể loại) và mối quan hệ giữa sáng tác văn học với các đặc điểm lịch sử, xã hội quan trọng trong quá trình phát triển của cộng đồng dân tộc. Có thể xác định các thời kì của văn học viết Việt Nam như sau:

– Thời kì trung đại (từ khoảng thế kỉ X đến cuối thế kỉ XIX): Văn học viết Việt Nam được sáng tác chủ yếu bằng chữ Hán và chữ Nôm với nhiều thể loại có nguồn gốc từ văn học dân gian hoặc ảnh hưởng từ nền văn học Trung Quốc nhưng đã được Việt hoá để thể hiện đời sống và tâm hồn dân tộc. Cùng với sự phát triển của quốc gia phong kiến tự chủ, nền văn học viết Việt Nam thời kì này đạt được những giá trị to lớn về cả nội dung và nghệ thuật, khẳng định được bản sắc con người và truyền thống của dân tộc: tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, lòng nhân ái cùng nhiều giá trị nhân văn sâu sắc.

– Thời kì hiện đại (từ đầu thế kỉ XX đến nay): Văn học viết Việt Nam được sáng tác chủ yếu bằng chữ quốc ngữ với các thể loại ảnh hưởng từ văn học phương Tây nhưng vẫn có sự kế thừa và phát huy vốn văn hoá, văn học dân tộc. Các giai đoạn của văn học thời kì này gắn bó mật thiết với những dấu mốc lịch sử quan trọng của đất nước: Cách mạng tháng Tám năm 1945; kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc, đánh dấu bằng chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954; cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ thắng lợi, thống nhất đất nước năm 1975; công cuộc đổi mới để xây dựng đất nước, hội nhập quốc tế từ thập niên 80 – 90 của thế kỉ XX đến nay. Kế thừa và phát huy các giá trị của nền văn học trước đó, văn học viết Việt Nam hiện đại đã đạt được những thành tựu nổi bật nhờ những cách tân nghệ thuật mạnh mẽ, khẳng định được bản sắc dân tộc trong quan hệ với văn học các nước trong khu vực và trên thế giới.

Vận dụng tri thức về lịch sử văn học trong đọc hiểu văn bản

Việc đọc hiểu văn bản văn học trước hết cần tập trung vào những yếu tố trong văn bản: ngôn ngữ, bố cục, hình tượng, chi tiết, đề tài, chủ đề,... Tuy nhiên, bên cạnh đó, các tri thức về lịch sử văn học có thể góp phần giúp người đọc hiểu sâu hơn nội dung và đặc điểm nghệ thuật của tác phẩm. Việc hiểu mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết giúp cắt nghĩa rõ hơn nguồn gốc của các yếu tố ngôn từ, chi tiết nghệ thuật trong tác phẩm: dấu ấn của ca dao, tục ngữ, truyện dân gian trong một số tác phẩm văn học viết. Xác định được bối cảnh ra đời của tác phẩm và ảnh hưởng của các sự kiện lịch sử, xã hội đến việc lựa chọn đề tài, hình tượng, nhân vật,..., người đọc có thể lí giải sâu hơn về ý nghĩa, giá trị của các chi tiết nghệ thuật và chủ đề của tác phẩm. Tri thức về nguồn gốc thể loại văn học cần thiết đối với việc giải thích những đặc điểm mang tính kế thừa hoặc dấu ấn riêng của tác giả trong các yếu tố nghệ thuật và nội dung của tác phẩm. Những tri thức cơ bản về lịch sử văn học bao gồm: mối quan hệ giữa các bộ phận văn học; các thời kì phát triển của nền văn học; nguồn gốc và sự phát triển của các thể loại; bối cảnh ra đời của tác phẩm; mối quan hệ giữa nhà văn và đời sống lịch sử, xã hội; mối quan hệ giữa các tác giả, tác phẩm tiêu biểu ở từng giai đoạn văn học.

Bài phỏng vấn

Mục đích của việc phỏng vấn

Trong các lĩnh vực truyền thông – báo chí, chính trị – xã hội hoặc văn học – nghệ thuật,... một cuộc phỏng vấn diễn ra khi người lấy tin và đưa tin (thường là phóng viên, nhà báo hoặc người đại diện một tổ chức, một cộng đồng) cần tìm hiểu và thu thập thông tin về các sự việc, vấn đề đang thu hút sự chú ý hoặc có tầm ảnh hưởng quan trọng. Mục đích của việc phỏng vấn là tạo được đối thoại trực tiếp hoặc gián tiếp với những người tham gia, chứng kiến, có vai trò hoặc liên quan đến sự việc, vấn đề đang được đề cập nhằm cung cấp thông tin mới cho người nghe, người xem, người đọc một cách khách quan.

Nội dung và hình thức của bài phỏng vấn

Bài phỏng vấn thuộc loại văn bản thông tin, có hai hình thức: nói và viết.

Cuộc phỏng vấn trực tiếp thường diễn ra theo hình thức nói. Người phỏng vấn nêu câu hỏi liên quan đến các khía cạnh của sự việc, vấn đề nhằm khai thác thông tin; người được phỏng vấn trả lời câu hỏi, qua đó cung cấp thông tin, nêu ý kiến của mình. Bài phỏng vấn trực tiếp được ghi hình, ghi âm để truyền đạt đến người nghe, người xem.

Cuộc phỏng vấn gián tiếp thường diễn ra theo hình thức viết. Người phỏng vấn gửi tới người được phỏng vấn một số câu hỏi quan trọng tập trung vào sự việc, vấn đề cần tìm hiểu, khai thác thông tin. Người trả lời phỏng vấn viết câu trả lời. Bài phỏng vấn gián tiếp được đăng tải hoặc in ấn để truyền đạt đến người đọc.

Bài phỏng vấn dù được truyền đạt dưới hình thức nào cũng có hai thành phần quan trọng: câu hỏi do người phỏng vấn nêu ra và câu trả lời từ phía người được phỏng vấn. Nội dung của câu hỏi và câu trả lời cần có sự liên quan mật thiết đến sự việc, vấn đề cần trao đổi, bàn luận. Đồng thời, trong bài phỏng vấn thường có những yếu tố ngôn ngữ cho biết về quan hệ giao tiếp giữa người phỏng vấn và người được phỏng vấn: lời chào, lời giới thiệu, lời cảm ơn,...

THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN

Đọc để trưởng thành

Trước khi đọc

1. Em thường tìm sách để đọc từ những nguồn nào? Hãy chia sẻ một vài kinh nghiệm tìm sách để đọc của em.

2. Xây dựng mục tiêu và kế hoạch đọc sách của em trong dự án *Văn học – lịch sử tâm hồn*. Chú ý chọn đọc những tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam thuộc các bộ phận và thời kì, giai đoạn theo dòng lịch sử văn học.



Cùng đọc và suy ngẫm

Đọc như một sự hồi tưởng

Đời sống được tác giả tái hiện trong tác phẩm văn học và được làm sống dậy trong tâm trí các thế hệ người đọc. Vì thế, với độc giả, đọc cũng là quá trình đồng sáng tạo. Thế giới đời sống được tác giả tái hiện trong tác phẩm và dòng hồi tưởng của độc giả tiếp nối, đan xen và giao hoà với nhau trong quá trình đọc. Sức sống, sức hấp dẫn của tác phẩm văn học được bộc lộ qua khả năng tạo nên một quá trình đồng sáng tạo liên tục như vậy.

Trong quá trình tiếp nhận tác phẩm văn học, các bài nghiên cứu, tổng thuật về lịch sử văn học giúp cho người đọc có một cái nhìn hệ thống về quá trình phát triển các thể loại văn học, mối quan hệ giữa những vấn đề đời sống, lịch sử – xã hội và tác phẩm, sự biến đổi và những thành tựu quan trọng của các thời kì, giai đoạn văn học,... Hãy đọc văn bản dưới đây để hiểu rõ hơn về các thời kì phát triển và các bộ phận của văn học Việt Nam.

Đọc văn bản

Văn học Việt Nam từ khu vực ra thế giới, từ truyền thống đến hiện đại

TRẦN ĐÌNH SỬ

Theo dõi

Những biểu hiện cho thấy đặc điểm "cổ xưa" và "non trẻ" của văn học Việt Nam.

Văn học Việt Nam là một nền văn học vừa cổ xưa vừa non trẻ và đang hội nhập với thế giới hiện đại.

Nói cổ xưa vì văn học Việt Nam gắn với lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt bắt đầu từ thời kì các Vua Hùng, gắn với văn học dân gian truyền miệng vốn có vị trí rất quan trọng, nó lưu giữ tinh thần, trí tuệ, ngôn ngữ và là nền tảng của văn học viết của người Việt qua bao nhiêu biến cố lịch sử truyền lại cho thời hôm nay.

Nói là non trẻ vì khác với các nền văn học như Ấn Độ, Trung Hoa, Hy Lạp,... là nền văn học "già" có từ "thời gian trục" trước Công nguyên, văn học viết Việt Nam mới xuất hiện từ thế kỉ X sau khi giành lại độc lập từ các triều đại Trung Hoa.

Theo dõi

Quá trình hình thành của văn học viết Việt Nam: thời gian, nguồn gốc và loại chữ viết, số lượng văn bản.

Văn học viết Việt Nam bắt đầu với thứ văn tự ngoại lai là chữ Hán. Sự xâm chiếm của nhà Tần năm 214 trước Công nguyên và sau đó của nhà Hán năm 111 trước Công nguyên làm gián đoạn sự hình thành "văn tự sơ khai không theo hình thức mẫu Hán" của các tộc Choang – Tày – Việt và áp lực chữ Hán khiến người Việt quen với hình thức chữ Hán sau nghìn năm Bắc thuộc, nhưng dưới thời Bắc thuộc người Việt không có văn học viết. Theo sưu tầm của Trần Nghĩa, suốt nghìn năm Bắc thuộc, số bài văn do người Việt viết còn lại vẻn vẹn có 25 văn bản. Phải có một quốc gia độc lập, người Việt trở thành chủ thể thì mới có được văn học của mình. Từ thế kỉ X, khi quốc gia đã giành lại được độc lập, để xây dựng lại nền học vấn, giáo dục, khoa cử và văn học của mình, người Việt đã buộc phải di thực[1] cả một ngôn ngữ, văn tự ngoại lai là chữ Hán, văn ngôn, các thể loại, thậm chí cả phong cách, điển cố, thể thức

[1] *Di thực*: vay mượn và có chuyển đổi, cải biến các yếu tố được vay mượn đó cho phù hợp với văn hoá bản địa (nghĩa trong văn bản).

diễn đạt trong văn bản hành chính và sáng tác văn thơ. Sự mô phỏng, vay mượn là không tránh khỏi. Điều quan trọng là người Việt Nam đã vượt qua sự mô phỏng tầm thường để đạt đến tinh hoa như nguyên mẫu và đi sâu biểu đạt tâm hồn dân tộc mình. Văn học chữ Hán thời Lý – Trần có những thành tựu độc đáo, đến thời Hậu Lê thế kỉ XV – XVII văn học chữ Hán đã phồn vinh. Các tác gia văn học chữ Hán của Việt Nam đương thời đã thấy Hán văn của họ "không nhường Hán Đường" (Ngô Thì Nhậm), và nhà văn Trung Quốc hiện đại đã thấy trong văn học chữ Hán ấy có những "đại bút trác việt". Văn học chữ Hán Việt Nam là một bộ phận của văn học chữ Hán Đông Á có bản sắc riêng, mang đậm tinh thần Việt Nam.

Theo dõi

Sự ra đời và phát triển của văn học viết bằng chữ Nôm: thời gian, nguồn gốc và thể loại.

Không thể mãi mãi viết bằng chữ Hán, người Việt Nam đã mô phỏng chữ Hán để sáng tạo ra chữ Nôm, thứ chữ thiên về biểu ý và biểu âm, để sáng tác tác phẩm bằng tiếng Việt. Sau những mầm mống từ đầu thế kỉ XII – XIII, đến thế kỉ XV đã có những tác phẩm hoàn chỉnh như *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi (1380 – 1442). Tập thơ này đánh dấu sự hình thành văn học dân tộc bằng tiếng dân tộc. Văn học tiếng Việt hình thành hầu như cùng thời với nhiều nền văn học lớn châu Âu như Anh, Đức, Ý. Từ thế kỉ XVI trở đi đã có cả một dòng văn học tiếng Việt phát triển rầm rộ, đạt đến cực thịnh trong thế kỉ XVIII, cơ hồ lấn át thơ văn chữ Hán. Nó đã sáng tạo ra các thể loại văn học độc lập của riêng người Việt, Việt hoá nhiều thể loại văn học chữ Hán, biến thành tài sản của người Việt. Văn học tiếng Việt đã đạt đến mức nghệ thuật cổ điển, kết tinh trong *Truyện Kiều* của đại thi hào Nguyễn Du (1765 – 1820) và sáng tác của nhiều tác gia khác. Văn học chữ Nôm đã giúp cho văn học cổ điển Việt Nam thoát dần các khuôn mẫu Hán, trở về với các truyền thống Đông Nam Á, như các truyện thơ, để trở thành nền văn học độc lập, biểu hiện sâu sắc tâm hồn Việt Nam. Tuy vậy, chữ Nôm là một thứ chữ rất phức tạp, khó phổ biến cho nhiều người vì người học phải biết chữ Hán trước đã rồi thì mới có thể đọc được và viết được chữ Nôm. Sự lệ thuộc vào chữ Hán của thứ chữ này khiến cho nó có thể gây khó cho người sử dụng. Đó là một điều rất bất tiện, chưa nói đến bất tiện trong phiên âm các từ trong tiếng phương Tây và dạy tiếng Việt cho người nước ngoài.

Văn học Việt Nam đã kết tinh các truyền thống của văn học Đông Á. Văn học Việt Nam chịu ảnh hưởng của Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo lâu đời, đồng thời chịu ảnh hưởng sâu sắc của truyền thống bản địa và khu vực.

Theo dõi

Sự ra đời và phát triển của văn học viết bằng chữ quốc ngữ: thời gian, nguồn gốc và thể loại.

Tuy nhiên, văn học Việt Nam cũng không ở mãi trong cái khung khu vực. Sự tiếp xúc Đông Tây bắt đầu từ các giáo sĩ phương Tây đã tạo ra thứ chữ kiểu La-tinh để ghi âm tiếng Việt, sau này gọi là chữ quốc ngữ. Sự xâm lược của thực dân Pháp, một mặt gây nên những biến động chính trị, xã hội, mặt khác tạo nên sự tiếp xúc của Việt Nam

với phương Tây, dấy lên phong trào canh tân theo các tư tưởng tư sản Âu Mỹ. Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, khi chữ Hán và các kì thi Hán học bị bãi bỏ, chữ quốc ngữ thịnh hành và cùng với nó, một nền văn học hiện đại theo kiểu châu Âu dần dần xuất hiện. Chữ quốc ngữ rất dễ học, chỉ học một thời gian ngắn là người ta có thể thoát nạn mù chữ mà không cần phải biết một thứ chữ nào trước đó làm tiền đề. Chữ quốc ngữ gắn liền với lời ăn tiếng nói hằng ngày, đoạn tuyệt hẳn với truyền thống văn ngôn khiến cho văn xuôi phát triển. Tuy có làm gián đoạn truyền thống nhưng chữ quốc ngữ mở ra viễn cảnh mới rộng lớn, và sẽ được bù đắp lại bằng phiên dịch và phiên âm. Đến lúc này, người Việt lại bắt đầu di thực các thể loại văn học châu Âu như du kí, phóng sự, kịch nói, tiểu thuyết, truyện ngắn, phê bình, khảo luận, luận văn, xã luận, thơ tự do,... Từ mô phỏng đến sáng tạo là con đường tưởng như rất dài nhưng lại rất ngắn. Với chữ quốc ngữ, văn học Việt Nam đã chịu ảnh hưởng nhiều mặt của văn học phương Tây và đã tự thay đổi mình trong cả tư duy và diễn đạt. Ý thức lô-gíc và lí tính gia tăng rõ rệt ngay trong cấu trúc ngôn ngữ. Hơn nửa thế kỉ, từ 1885 đến 1945, văn học Việt Nam (từ một nền văn học trung đại cổ xưa với truyền thống khu vực) đã hoá thân thành một nền văn học hiện đại theo mô hình châu Âu, trở thành một bộ phận của văn học thế giới.

Theo dõi

Sự thay đổi của chữ viết và đặc điểm văn học.

Vậy là với sự thay đổi ba thứ chữ viết, văn học Việt Nam đã tự thay đổi vận mệnh của mình, từ chỗ phụ thuộc vào các khuôn mẫu cổ xưa của chữ Hán, chuyển sang bắt đầu tự chủ bằng chữ Nôm, rồi hoà nhịp với thế giới đa dạng, tự do với chữ quốc ngữ. Sự thay đổi này đã thể hiện sức sống mạnh mẽ của văn học Việt Nam.

Theo dõi

Vị trí và đặc điểm của văn học Việt Nam thế kỉ XX.

Trong lịch sử văn học Việt Nam, văn học thế kỉ XX có vị trí và ý nghĩa đặc biệt, đồng thời trải qua con đường quanh co do mấy cuộc chiến tranh tạo nên. Từ đầu thế kỉ XX đến 1945, ở Việt Nam hình thành một nền văn học hiện đại thực thụ và đã chớm có khuynh hướng hiện đại chủ nghĩa. Từ ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà theo khuynh hướng xã hội chủ nghĩa, văn học thiên về phục vụ công cuộc chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc. Sau năm 1954, đất nước chia làm hai miền, văn học miền Bắc vẫn đi vào con đường văn học vô sản, xã hội chủ nghĩa; còn ở miền Nam văn học đi theo ảnh hưởng của văn học Âu Mỹ đương đại. Sau năm 1975, đất nước thống nhất nhưng gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế, khó khăn do chiến tranh biên giới phía tây nam và chiến tranh biên giới phía bắc gây ra. Văn học bộc lộ những yếu kém của chính sách văn nghệ, dẫn đến cuộc đổi mới có tính "cởi trói" cuối năm 1986. Cuối những năm chín mươi của thế kỉ XX sang đầu thế kỉ XXI, sự thâm nhập của in-tơ-nét cùng với sự kiện Việt Nam gia nhập WTO (2007), văn học có những đổi thay mới, vừa duy trì chủ nghĩa hiện thực vừa có dấu hiệu hiện đại chủ nghĩa và hậu hiện đại.

Với vị trí chính trị đặc biệt, Việt Nam đã phải trải qua nhiều cuộc chiến tranh, văn học Việt Nam trước sau đều mang âm hưởng chủ đạo của chủ nghĩa yêu nước và bên cạnh đó là tiếng nói tố cáo sự bất công, oan khuất, chế giễu sự giả dối và tham tàn, thể hiện khát vọng tự do, dân chủ và hạnh phúc. Gần mười thế kỉ, văn học Việt Nam tuy đã có nhiều thành tựu xuất sắc, song hầu như ngưng trệ trong thi pháp trung đại, nhưng từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX thi pháp văn học bắt đầu đổi thay căn bản, hoàn toàn lột xác để trở thành một nền văn học mới, hiện đại, nhanh chóng trải qua hầu hết các trào lưu văn học trên thế giới dưới dạng rút gọn và tiếp tục hội nhập sâu rộng vào quá trình văn học thế giới.

(*Theo* Trần Đình Sử (Chủ biên), *Lược sử văn học Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2021, tr. 9 – 13)

Sau khi đọc

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Vì sao có thể nhận định rằng nền văn học Việt Nam "vừa cổ xưa vừa non trẻ"?

2. Nền văn học viết Việt Nam đã hình thành và phát triển qua những thời kì nào? Nêu rõ nguồn gốc, đặc điểm của chữ viết và thể loại ở từng thời kì.

3. Văn học viết bằng chữ Hán và văn học viết bằng chữ Nôm có quan hệ với nhau như thế nào? Nêu rõ điểm tương đồng và khác biệt của hai bộ phận văn học này trong thời kì trung đại.

4. Những yếu tố lịch sử, xã hội nào có ảnh hưởng quan trọng, tạo nên các đặc điểm nổi bật của văn học Việt Nam thế kỉ XX?

5. Tính truyền thống và hiện đại của nền văn học Việt Nam được biểu hiện rõ nhất qua những đặc điểm nào?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 10 – 15 câu) với câu chủ đề: "*Trong mỗi thời kì, văn học Việt Nam đều có những tác phẩm tiêu biểu, độc đáo về nghệ thuật và chứa đựng giá trị nội dung sâu sắc*".

Đọc trong một thế giới đầy biến động

Trong thời đại của công nghệ số và các phương tiện nghe – nhìn, văn hoá đọc của chúng ta có gì thay đổi? Khi mà cách sống, cách làm việc, học tập, vui chơi, giải trí của mỗi người thay đổi không ngừng do sự tác động của công nghệ và truyền thông, đọc sách có còn là nhu cầu quan trọng, cần thiết? Người viết, người đọc cần thích ứng như thế nào với tình hình đó? Hãy đọc bài phỏng vấn nhà văn Nguyễn Nhật Ánh của phóng viên tạp chí *Văn học và Tuổi trẻ* để cùng suy nghĩ thêm về vấn đề này.

Đọc văn bản

Văn hoá đọc với nhà văn và độc giả trong thời đại công nghệ số

Công nghệ số và các phương tiện nghe – nhìn đang có nhiều ảnh hưởng, tác động, thường bị đánh giá là tiêu cực đối với văn hoá đọc, cụ thể là với việc đọc sách theo cách truyền thống. Đã có nhiều ý kiến xung quanh vấn đề này trên các diễn đàn, trên mạng xã hội. Phóng viên (PV) của tạp chí "Văn học và Tuổi trẻ" đã có cuộc phỏng vấn với một "người đương thời" – người trong cuộc – nhà văn Nguyễn Nhật Ánh (NNA) về vấn đề này.

Theo dõi

Nội dung chính của văn bản là gì?

– **PV**: Thưa nhà văn NNA, từ những tác phẩm ban đầu như *Bàn có năm chỗ ngồi* (1987), *Cô gái đến từ hôm qua* (1989), *Chú bé rắc rối* (1989), *Thằng quỷ nhỏ* (1990),... rồi *Kính vạn hoa* (1995) đến *Tôi là Bê-tô* (2007), *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ* (2008), *Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh* (2010) và gần đây nhất với *Cây chuối non đi giày xanh* (2018), *Ra bờ suối ngắm hoa kèn hồng* (2022),..., rất nhiều tác phẩm của ông đã để lại niềm yêu mến, say mê trong lòng độc giả gần 40 năm qua. Dường như đã hình thành hẳn một "văn hoá đọc" gắn liền với những tác phẩm của NNA. Là nhà văn có sức thu hút đặc biệt với các thế hệ độc giả, đặc biệt là độc giả trẻ, ông có suy nghĩ gì về vấn đề "văn hoá đọc" trong thời đại công nghệ số?

Theo dõi

Cách mở đầu, dẫn dắt và nêu câu hỏi của người phỏng vấn.

– **NNA**: Trong thời đại công nghệ số, thời gian dành cho việc đọc chắc chắn ít hơn. Một ngày vẫn chỉ có 24 tiếng đồng hồ, nhưng bây giờ chúng ta "chi tiêu" khoảng thời gian đó cho nhiều thứ hơn. Giống như trước đây chúng ta chỉ dành tiền để mua sách, bây giờ phải san sẻ cho nhu cầu mua vé xem phim, xem ca nhạc, học ngoại ngữ, tập thể thao, vào công viên giải trí,...

Theo dõi

Cách trả lời của người được phỏng vấn.

– **PV**: Thưa nhà văn, vậy thì sự thay đổi của văn hoá đọc có tác động như thế nào tới quá trình sáng tác của ông với vai trò là một nhà văn luôn nuôi dưỡng niềm đam mê đọc sách của các thế hệ độc giả trẻ tuổi?

Theo dõi

Cách triển khai các luận điểm trong câu hỏi phỏng vấn.

– **NNA**: Tôi nghĩ những thay đổi đó có tác động nhất định đến nghề viết. Nhưng điều này đặt nỗi lo lên vai nhà xuất bản và nhà phát hành nhiều hơn. Vì họ là những đơn vị trực tiếp đối diện với thương trường. Nhà văn ít lo nghĩ hơn, vì nhà văn sáng tác

dựa vào hứng thú và đam mê. Chính lòng yêu nghề là điểm tựa của nhà văn. Nó là rào chắn tinh thần giúp cảm hứng sáng tác của nhà văn không bị "xuyên thủng" bởi những gì không thuộc về văn chương. Hơn nữa, tôi luôn vững tin rằng dù thời gian dành cho sách ít đi, con người vẫn cần tới sách như một người bạn lớn. Thời đại công nghệ phát triển, có nhiều cánh cửa mở ra thế giới. Chúng ta có thể thu lượm kiến thức bằng nhiều cách và từ nhiều nguồn khác nhau nhưng để làm giàu trí tưởng tượng và tặng cho tâm hồn những cuộc phiêu lưu kì thú, tôi nghĩ chỉ có sách mới làm được.

Theo dõi

Cách tiếp nối, duy trì và phát triển vấn đề trong câu hỏi phỏng vấn.

– **PV**: Là một nhà văn đã có rất nhiều tác phẩm được chuyển thể thành phim và phim được chuyển thể từ tác phẩm văn học của ông cũng tạo nên một sức hút rất lớn, theo ông sức hút của những bộ phim chuyển thể và tác phẩm văn học có điều gì khác biệt?

– **NNA**: Về khía cạnh hình thức, chắc chắn là có khác. Vì đó là hai loại hình nghệ thuật khác nhau. Đạo diễn kể bằng hình ảnh câu chuyện mà nhà văn kể bằng con chữ. Về mặt thưởng thức, độc giả có thể đọc cuốn sách trong một giờ, một tuần hay một tháng, thậm chí có thể bỏ đi làm một việc gì đó giữa hai trang sách mà không bị ảnh hưởng gì. Khán giả xem phim thì khác. Họ phải tập trung theo dõi câu chuyện trong 90 phút hoặc hơn, không được để mất tập trung nếu không muốn bị mất cảm hứng và "rơi" ra khỏi câu chuyện. Để thu hút và "thao túng" khán giả trong một thời lượng eo hẹp, đạo diễn buộc phải chọn cách kể gọn ghẽ, chưng cất những gì tinh tuý nhất, lược bỏ những yếu tố dàn trải trong tiểu thuyết. Cho dù như vậy, nếu đạo diễn vẫn giữ được hồn cốt của tác phẩm văn học, bảo tồn được thông điệp và tinh thần của cuốn sách thì sự khác biệt giữa hai thể loại sẽ giảm đến mức tối đa. Bởi vì sự cuốn hút của một cuốn sách hay một bộ phim về căn bản vẫn là chạm được vào cảm xúc của người đọc, người xem. Khi chinh phục được trái tim của người thưởng ngoạn, sự hoà điệu sẽ ngân lên, khi đó sự khác biệt giữa tác phẩm văn học và tác phẩm điện ảnh sẽ trở về mức thấp nhất. *Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh* và *Mắt biếc* phần nào đã làm được điều này.

– **PV**: Ông có điều gì muốn chia sẻ với bạn đọc trẻ về vấn đề văn hoá đọc trong thời đại công nghệ số?

– **NNA**: Bạn đọc trẻ tất nhiên vẫn phải tương thích với công nghệ số ngày càng phát triển, thậm chí chiếm vị trí trung tâm trong sinh hoạt hằng ngày của xã hội. Tóm lại, bạn đọc phải mặc và thích mặc chiếc áo của thời đại mình là điều không thể đảo ngược và không có lí do gì để đảo ngược. Tôi chỉ muốn nói, cho dù công nghệ phát triển đến mức nào thì sách vẫn đóng vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của con người. Bởi sách không chỉ để giải trí mà nó còn bồi đắp tâm thức văn hoá trong cộng đồng và trong mỗi cá nhân.

– **PV**: Xin phép được hỏi ông một câu nữa: Nếu có cỗ máy thời gian, có bao giờ nhà văn muốn quay trở lại thời kì tác giả là người viết trong một thời đại mà văn tự và sách in là độc tôn?

Theo dõi

Cách nêu câu hỏi kết thúc cuộc phỏng vấn.

– **NNA**: Chúng ta vẫn nên tuân theo dòng chảy tự nhiên. Tôi không muốn đi ngược lại quy luật phát triển và nhà văn được hưởng những biệt lệ. Tôi không muốn để người khác sống thay thời đại mình. Cạnh tranh với công nghệ giải trí là một thử thách đối với người viết, giúp nhà văn vượt lên chính mình. Điều đó đem lại lợi ích cho người viết và cho chính bạn đọc.

– **PV**: Xin trân trọng cảm ơn nhà văn và kính chúc nhà văn sức khoẻ. Rất mong đợi được tiếp tục đọc những tác phẩm mới, hấp dẫn của ông dành cho các thế hệ độc giả.

Chú ý

Những yếu tố ngôn ngữ thể hiện phép lịch sự và ý thức tôn trọng người được phỏng vấn.

(*Theo* Hà Ngân, tạp chí *Văn học và Tuổi trẻ*, tháng 5/2023)

Sau khi đọc

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Vấn đề mà cuộc phỏng vấn đề cập được trình bày ở phần nào của văn bản?

2. Vấn đề chính của cuộc phỏng vấn được triển khai bằng mấy câu hỏi? Nêu rõ mối quan hệ giữa vấn đề chính và các thông tin được triển khai trong hệ thống câu hỏi phỏng vấn.

3. Câu trả lời của người được phỏng vấn có quan hệ như thế nào với vấn đề được nêu trong câu hỏi?

4. Những yếu tố ngôn ngữ nào thể hiện phép lịch sự và ý thức tôn trọng người được phỏng vấn trong cách đặt vấn đề, triển khai vấn đề và kết thúc cuộc phỏng vấn?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Nếu được phỏng vấn một nhà văn hoặc nhà thơ về một vấn đề mà em quan tâm, em sẽ chọn vấn đề gì? Nêu 3 – 5 câu hỏi mà em dự định trao đổi với tác giả đó, đồng thời đóng vai tác giả để trả lời các câu hỏi vừa nêu.

Đọc để tự học và thực hành

1. Chọn đọc tác phẩm kinh điển

Trong thời đại phát triển của công nghệ số và các phương tiện nghe – nhìn, người đọc gặp những thách thức không nhỏ, nhưng cũng có nhiều cơ hội để phát triển năng lực tự học, vận dụng những điều hữu ích thu nhận được từ việc đọc vào cuộc sống.

Với hiểu biết của em về lịch sử văn học Việt Nam, hãy lên danh mục những tác phẩm tiêu biểu cần đọc trong từng thời kì. Chọn đọc một số tác phẩm mà em yêu thích và ghi chú thông tin vào phiếu đọc theo gợi ý sau:

a. Mối quan hệ giữa tác phẩm và bối cảnh lịch sử, xã hội.

b. Thể loại, chữ viết, đề tài và hình tượng trong tác phẩm.

c. Đặc điểm nổi bật về nghệ thuật, nội dung của tác phẩm.

d. Dự đoán ảnh hưởng, tác động của môi trường văn học tới những yếu tố trong tác phẩm: mối quan hệ giữa tác phẩm và thời kì, giai đoạn văn học; với các tác phẩm khác,...

e. Những thông điệp mà tác phẩm mang đến cho người đọc.

2. Gặp gỡ độc giả "đặc biệt"

Đọc bài thơ dưới đây hoặc sưu tầm, tìm đọc một số tác phẩm có nội dung, cảm xúc tương đồng và ghi chép các thông tin về những vấn đề sau:

a. Mối quan hệ giữa thể loại, đề tài, hình tượng hoặc một số chi tiết nghệ thuật trong tác phẩm với những tác phẩm khác (mà em đã đọc, tìm hiểu).

b. Tính chất "đặc biệt" của tác giả – độc giả trong tác phẩm.

Bên mộ cụ Nguyễn Du

VƯƠNG TRỌNG[1]

Tưởng rằng phận bạc Đạm Tiên
Ngờ đâu cụ Nguyễn Tiên Điền nằm đây
Ngửng trời cao, cúi đất dày
Cắn môi, tay nắm bàn tay của mình
Một vùng cồn bãi trống trênh
Cụ cùng thập loại chúng sinh nằm kề.

Hút tầm chẳng cánh hoa lê
Bạch đàn đôi ngọn gió về nỉ non
Xạc xào lá cỏ héo hon
Bàn chân cát bụi, lối mòn nhỏ nhoi
Lặng yên bên nấm mộ rồi
Chưa tin mình đã đến nơi mình tìm!

[1] Vương Trọng sinh năm 1943, quê ở Nghệ An, là tác giả của nhiều tập thơ về đề tài chiến tranh, tình yêu quê hương, đất nước, gia đình,... Các tác phẩm chính: *Thơ người ra trận* (in chung, 1972), *Khoảng trời quê hương* (1979), *Những ngày xa* (1986), *Về thôi nàng Vọng phu* (1991),...

Không cành để gọi tiếng chim
Không hoa cho bướm mang thêm nắng trời
Không vầng cỏ ấm tay người
Nén hương tảo mộ cắm rồi, lại xiêu
Thanh minh trong những câu Kiều
Rưng rưng con đọc với chiều Nghi Xuân.

Cúi đầu tưởng nhớ vĩ nhân
Phong trần còn để phong trần riêng ai
Bao giờ cây súng rời vai
Nung vôi, chở đá tượng đài xây lên
Trái tim lớn giữa thiên nhiên
Tình thương nối nhịp suốt nghìn năm xa...

(*Tuyển tập thơ Vương Trọng*,
NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2011, tr. 6 – 7)

Viết

THÁCH THỨC THỨ HAI

Quảng bá giá trị của sách

Để tiếp nối các hoạt động của dự án đọc sách, với vai trò một độc giả yêu thích sách, em hãy thực hiện hoạt động viết để quảng bá giá trị của sách, chia sẻ những điều bổ ích, thú vị mà em đã thu nhận được từ việc đọc. Hãy vận dụng kĩ năng mà em đã rèn luyện, thực hành từ các dự án đọc sách trước đây để tạo ra các sản phẩm viết có sự kết hợp ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ (hình ảnh, sơ đồ, mô hình,...) một cách sáng tạo, hiệu quả và có sức thu hút với người đọc.

Viết bài quảng cáo về sách dưới hình thức văn bản đa phương thức

Yêu cầu:

- Nêu được thông tin chính xác, cụ thể và đầy đủ về cuốn sách cần được quảng cáo: tên sách, tác giả, nhà xuất bản, đặc điểm nghệ thuật và nội dung.
- Ngôn ngữ mạch lạc, súc tích, gây được ấn tượng; có sự tương thích giữa ngôn ngữ và yếu tố phi ngôn ngữ (hình ảnh và âm thanh).
- Thu hút được sự chú ý, tạo được niềm tin đối với người đọc về cuốn sách cần được quảng cáo.

Phân tích bài viết tham khảo

Chuyện lạ Phi châu – cuốn sách tươi mới về lục địa cổ kính

Đặt nhan đề cho bài quảng cáo.



Sử dụng hình ảnh minh hoạ.

Những bài tản văn, tuỳ bút, bút kí trong cuốn sách là những điều mắt thấy, tai nghe, tay chạm và đôi chân đằm sâu từng bước của Hảo Phạm Fiori trên những nẻo đường, miền đất bí ẩn và sôi sục sức nóng, sức sống châu Phi.

Cung cấp thông tin về bối cảnh, tác giả và đặc điểm nghệ thuật, nội dung của cuốn sách.

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình hoạ sĩ ở phố cổ Hà Nội, bản thân cũng là một hoạ sĩ theo học kiến trúc tại Ý, Hảo Phạm Fiori là một người lữ hành đặc biệt trên khắp các nẻo đường thế giới.

Chính vì thế *Chuyện lạ Phi châu* đem đến những trải nghiệm tươi mới, thú vị về một lục địa già, cổ kính nhưng vẫn luôn chứa đựng biết bao điều mới lạ, bí ẩn ở từng góc phố, ngõ hẻm, túp lều và cả trên… từng lọn tóc, nếp khăn áo của những con người châu Phi.

Được ấn hành bởi Nhà xuất bản Kim Đồng, *Chuyện lạ Phi châu* là cuốn sách dành cho những người trẻ tuổi và yêu mến vẻ đẹp tươi trẻ, diễm lệ, khác biệt trong đôi mắt, trái tim con người và những xứ sở xa xôi, bí ẩn, căng tràn sức sống.

Cung cấp thông tin xuất bản, phát hành và hình ảnh minh hoạ bổ sung.



Du khách và các thổ dân Xam-bu-ru Ke-ni-a (Samburu Kenya) (2013)

(*Nhóm biên soạn*)

Thực hành viết theo các bước

1 TRƯỚC KHI VIẾT

a. *Lựa chọn đề tài*

Hãy lựa chọn cuốn sách để viết bài quảng cáo dưới hình thức văn bản đa phương thức. Nên lựa chọn cuốn sách mới xuất bản đang cần thu hút sự chú ý, quan tâm của độc giả. Cũng có thể lựa chọn những tác phẩm kinh điển đã được xuất bản nhiều lần, có giá trị, cần quảng bá tới thế hệ bạn đọc trẻ tuổi. Cần đọc kĩ cuốn sách trước khi viết bài quảng cáo, đồng thời tìm hình ảnh phù hợp để minh hoạ cho phần lời của bài quảng cáo.

Mục đích viết

Làm nổi bật được thông tin cơ bản và giá trị của cuốn sách bằng văn bản đa phương thức, khiến người đọc muốn tìm đọc cuốn sách.

Người đọc

Những người có nhu cầu tìm kiếm thông tin về những cuốn sách mới.

b. *Tìm ý*

Nội dung của bài quảng cáo bám sát đặc điểm hình thức và nội dung của cuốn sách nhưng cần ngắn gọn, tập trung. Mỗi ý chỉ nên diễn đạt bằng một câu. Nội dung của bài quảng cáo phải trả lời được những câu hỏi sau:

- Tên cuốn sách là gì? Cuốn sách có những điểm gì nổi bật nhất?
- Tác giả cuốn sách là ai? Có điều gì đáng chú ý về tác giả?
- Cuốn sách ra đời trong bối cảnh nào? Có điều gì đặc biệt?
- Những điều gì tạo nên nét độc đáo, sức hấp dẫn về nội dung và nghệ thuật của cuốn sách?
- Cuốn sách được xuất bản khi nào? Có thể liên hệ mua hoặc tìm đọc cuốn sách ở đâu?

c. *Lập dàn ý*

Dàn ý bài viết cần đảm bảo bố cục đặc trưng của văn bản quảng cáo. Bài quảng cáo dưới dạng văn bản đa phương thức có sự kết hợp ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ (hình ảnh minh hoạ và âm nhạc – nếu là đoạn phim quảng cáo).

Dàn ý

- Nhan đề bài quảng cáo: nêu rõ tên sách và đặc điểm nổi bật của cuốn sách.
- Hình ảnh minh hoạ và âm thanh phù hợp (nếu có).
- Dòng thông tin miêu tả 1: thông tin về tác giả và những điểm đáng chú ý về bối cảnh ra đời của cuốn sách.
- Dòng thông tin miêu tả 2: thông tin về đặc điểm nghệ thuật và nội dung của cuốn sách, những điểm đặc biệt hấp dẫn đối với người đọc.
- Dòng thông tin miêu tả 3: thông tin xuất bản.
- Thông tin liên hệ mua sách.
- Hình ảnh và âm thanh bổ sung (nếu cần).

2 VIẾT BÀI

Khi thực hành viết bài quảng cáo về sách dưới hình thức văn bản đa phương thức, em cần chú ý bám sát các nội dung đã xác định ở phần tìm ý và dàn ý. Có thể thay đổi trật tự các dòng thông tin miêu tả và điểm nhấn trong bài quảng cáo. Tuy nhiên, cần đảm bảo đầy đủ các yếu tố bắt buộc: nhan đề, hình ảnh minh hoạ, thông tin về tác giả, thông tin xuất bản.

3 CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Đọc và kiểm tra lại cách trình bày nội dung bài quảng cáo để chỉnh sửa (nếu cần). Chú ý những vấn đề sau:

– Nhan đề bài quảng cáo đã nêu đúng tên và đặc điểm nổi bật của cuốn sách chưa?

– Các dòng thông tin miêu tả đã nêu bật được thông tin về tác giả, bối cảnh ra đời, đặc điểm nghệ thuật và nội dung của cuốn sách chưa?

– Hình ảnh minh hoạ và âm thanh đã phù hợp chưa?

– Thông tin xuất bản có chính xác không?

Nói và nghe

VỀ ĐÍCH: NGÀY HỘI VỚI SÁCH

Phát triển văn hoá đọc

Em đã thực hiện vai trò của một người đọc có khả năng vận dụng những tri thức về lịch sử văn học để tìm hiểu tác phẩm văn học, một người viết có kĩ năng quảng bá giá trị của sách. Đồng thời, em cũng đã bước đầu đặt mình trong vai trò của một độc giả có thể nêu những vấn đề, những câu hỏi định hướng, có vai trò lí giải rõ hơn về mối quan hệ giữa nhà văn và tác phẩm, nhà văn và thời kì, bối cảnh lịch sử.

Trong hoạt động nói và nghe, cùng với việc triển lãm, giới thiệu các sản phẩm đọc, viết đã chuẩn bị và hoàn thành trong suốt quá trình thực hiện dự án *Văn học – lịch sử tâm hồn*, em hãy cùng các bạn hợp tác để tiến hành một cuộc phỏng vấn. Đề tài phỏng vấn có thể là vai trò của sách, văn hoá đọc, vấn đề gợi ra từ cuốn sách đã đọc hoặc chỉ đơn giản là chia sẻ về những trải nghiệm trong quá trình lựa chọn sách, đọc và xây dựng các sản phẩm đọc, viết của mỗi cá nhân, mỗi nhóm trong thời gian qua. Đó cũng chính là cách để lan toả giá trị của sách, phát triển văn hoá đọc của chính mình và cộng đồng.

Tiến hành một cuộc phỏng vấn về sách, văn hoá đọc, vấn đề gợi ra từ cuốn sách và những trải nghiệm đọc, viết trong dự án *Văn học – lịch sử tâm hồn*

1 TRƯỚC KHI NÓI: CHUẨN BỊ VẤN ĐỀ VÀ CÂU HỎI PHỎNG VẤN

Để có thể tiến hành một cuộc phỏng vấn có hiệu quả, em cần xác định rõ vấn đề, đối tượng của cuộc phỏng vấn: *Vấn đề cần phỏng vấn là gì? Cần phỏng vấn ai để có thể làm rõ thông tin liên quan đến vấn đề?*

Sau khi đã lựa chọn và xác định rõ vấn đề, đối tượng phỏng vấn, em cần chuẩn bị bộ câu hỏi phỏng vấn, lưu ý:

– Vấn đề cần được triển khai thành bộ câu hỏi để giải quyết từng nội dung thông tin cụ thể. Các câu hỏi cần có sự liên kết với nhau và tập trung hướng tới việc làm rõ nội dung vấn đề đã được xác định.

Mục đích phỏng vấn

Người phỏng vấn: nêu câu hỏi và thu thập các câu trả lời phù hợp có liên quan tới vấn đề cần phỏng vấn.

Người được phỏng vấn: trình bày thông tin, ý kiến liên quan tới vấn đề cần trao đổi trong cuộc phỏng vấn.

Người nghe

Những người quan tâm đến vấn đề sách, văn hoá đọc và trải nghiệm đọc, viết trong dự án *Văn học – lịch sử tâm hồn*.

– Bộ câu hỏi phỏng vấn tương ứng với các ý cần triển khai để làm rõ thông tin liên quan đến vấn đề, cần sắp xếp theo trình tự phù hợp: từ bao quát đến cụ thể, chi tiết; từ đơn giản đến phức tạp; từ phạm vi hẹp, liên quan trực tiếp đến mở rộng, liên hệ gián tiếp (nếu cần); từ định lượng đến định tính (nếu có),...

– Số lượng câu hỏi phỏng vấn không quá nhiều, nội dung câu hỏi cần rõ ràng để người được phỏng vấn dễ tiếp nhận và phản hồi thông tin.

– Cùng một bộ câu hỏi, có thể tiến hành phỏng vấn một người hoặc nhiều người. Tuy nhiên, cũng có thể phân loại câu hỏi cho từng đối tượng. Cần xem xét kĩ mục đích và hiệu quả phỏng vấn từng đối tượng.

– Dự đoán một số câu trả lời và dự kiến một số câu hỏi bổ sung trong quá trình phỏng vấn (nếu cần).

2 TRÌNH BÀY BÀI NÓI: TIẾN HÀNH PHỎNG VẤN TRỰC TIẾP

Cần lưu ý rằng người phỏng vấn phải giữ vai trò chủ động trong quá trình tìm hiểu, khai thác thông tin về vấn đề được nêu ra. Người phỏng vấn và người được phỏng vấn đồng thời đóng vai trò người nói – người nghe. Tuy nhiên, người phỏng vấn luôn giữ quyền nêu câu hỏi và tạo cơ hội để người được phỏng vấn trả lời đúng vào câu hỏi đã được đưa ra. Chỉ có như vậy thì thông tin mới được khai thác một cách hiệu quả.

Khi tiến hành phỏng vấn trực tiếp, người phỏng vấn cần chú ý:

– Mở đầu cuộc phỏng vấn một cách thân thiện và cởi mở, kết thúc cuộc phỏng vấn một cách lịch sự: nói lời chào hỏi, giới thiệu, cảm ơn khi cần thiết; giữ khoảng cách

phù hợp trong không gian được chọn để tổ chức phỏng vấn; nói to, rõ ràng để người được phỏng vấn và những người nghe có thể lĩnh hội được thông tin; không ngắt lời người được phỏng vấn khi phần trả lời chưa kết thúc; không hỏi vặn một cách thiếu thiện chí hoặc áp đặt câu trả lời; không ép người được phỏng vấn trả lời khi đã có lời từ chối (nếu xảy ra tình huống không có lợi cho phỏng vấn); không nhận xét về thể diện cá nhân, sở thích hoặc quan điểm riêng của người được phỏng vấn, chỉ tập trung vào vấn đề đã được nêu ra một cách khách quan.

– Sử dụng bộ câu hỏi đã chuẩn bị để đảm bảo vấn đề được nêu ra có thể được tìm hiểu, khai thác thông tin đúng hướng.

– Chú ý lắng nghe khi người được phỏng vấn trả lời các câu hỏi đã nêu và nhanh chóng xác định được tính xác đáng, đầy đủ hay chưa của thông tin để có thể nêu câu hỏi tiếp theo (đã được chuẩn bị) hoặc bổ sung câu hỏi mới.

– Khi cuộc phỏng vấn sắp kết thúc, cần chú ý chuẩn bị để tóm tắt, tổng kết vấn đề một cách hiệu quả.

3 SAU KHI NÓI: TRAO ĐỔI, RÚT KINH NGHIỆM VỀ CUỘC PHỎNG VẤN

Sau khi cuộc phỏng vấn đã hoàn thành, cả người phỏng vấn và người được phỏng vấn có thể tiếp tục trao đổi với những người có mặt, chứng kiến để trao đổi, rút kinh nghiệm.

Người phỏng vấn	Người được phỏng vấn
• Nghe góp ý về cách nêu câu hỏi và cách điều khiển, duy trì, kết thúc cuộc phỏng vấn. • Nêu ý kiến của bản thân về những điểm có thể rút kinh nghiệm sau khi thực hiện cuộc phỏng vấn.	• Nghe góp ý về cách tương tác, trả lời các câu hỏi được nêu ra trong cuộc phỏng vấn. • Trao đổi lại với người phỏng vấn và những người chứng kiến về nội dung của các câu hỏi, câu trả lời và cách đối thoại trong phỏng vấn.

ÔN TẬP HỌC KÌ II

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Hệ thống hoá được kiến thức về các loại, thể loại văn bản đọc, kiến thức tiếng Việt và kiến thức về các kiểu bài viết, bài nói đã được học, thực hành ở *Ngữ văn 9*, tập hai.
- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học, rèn luyện trong cả năm học để giải quyết các bài tập tổng hợp.

A. ÔN TẬP KIẾN THỨC

1. Trong *Ngữ văn 9*, em đã được học các tác phẩm văn học Việt Nam gồm nhiều thể loại, được sáng tác trong các thời kì, bối cảnh khác nhau. Vận dụng tri thức văn học và hiểu biết về hoàn cảnh lịch sử, hãy lập bảng tóm tắt hoặc sơ đồ liệt kê các tác giả, tác phẩm tiêu biểu trong mỗi thời kì (làm vào vở). Tham khảo mẫu bảng sau:

Đặc điểm / Thời kì văn học	Tác giả	Tác phẩm	Thể loại
Trung đại (thế kỉ X – cuối thế kỉ XIX)			
Hiện đại (đầu thế kỉ XX – nay)			

2. Truyện trinh thám có đặc điểm gì khác biệt so với truyện truyền kì và truyện thơ Nôm? Hãy lập bảng so sánh đặc điểm của các thể loại này (làm vào vở). Tham khảo mẫu bảng sau:

Đặc điểm / Thể loại	Nguồn gốc thể loại	Kiểu nhân vật	Cốt truyện
Truyện truyền kì			
Truyện thơ Nôm			
Truyện trinh thám			

3. Lập danh mục và tóm tắt đặc điểm nghệ thuật, nội dung của các bài thơ đã học ở lớp 9 (làm vào vở). Tham khảo mẫu danh mục sau:

Đặc điểm / Tên tác phẩm – Tác giả	Thể thơ	Đề tài, cảm hứng chủ đạo	Nét độc đáo về nghệ thuật và nội dung

4. Nêu ngắn gọn đặc điểm của các văn bản nghị luận và văn bản thông tin trong các bài học của *Ngữ văn 9*, tập hai.

5. Tóm tắt các kiến thức tiếng Việt mới mà em đã được học trong các bài học của *Ngữ văn 9*, tập hai.

6. Nêu các kiểu bài viết, yêu cầu của từng kiểu bài mà em đã thực hành ở *Ngữ văn 9*, tập hai. Hãy lập một sơ đồ phù hợp để tóm tắt những nội dung đó.

7. Nêu những đề tài nói và nghe mà em đã thực hiện trong học kì II. Em thực hiện thành công nhất với đề tài nào? Do đâu em thành công với bài nói đó?

B. LUYỆN TẬP TỔNG HỢP

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

1. ĐỌC

a Đọc văn bản

Bến đò trưa hè

ANH THƠ[1]

Mây đi vắng, trời xanh buồn rộng rãi...
Sông im dòng đọng nắng đứng không trôi.
Đa buông rễ ngâm mình chờ uể oải
Ngọn gió về không một chút tăm hơi.

Trong quán nước ẩn hàng bên rặng ruối
Dăm ba người về chợ ghé vào qua.
Buồn vắng lặng, họ ngồi nghe vòi vọi
Mấy tiếng gà trưa gáy xóm xa xa.

Ngoài đê nắng một ông già xuống huyện
Dắt ngựa chờ dong tiếng nhạc đồng, mong.
Nhưng trưa vắng không một thuyền ghé bến
Không một chèo khua nắng đọng trên sông.

(*Bức tranh quê*, NXB Đời nay, Hà Nội, 1941, tr. 32)

[1] Anh Thơ (1918 – 2005) quê ở Bắc Giang (nay thuộc tỉnh Bắc Ninh), là tác giả tập thơ *Bức tranh quê* (1941) gồm những bài thơ đậm chất tả thực, thể hiện tình cảm thiết tha yêu mến vẻ đẹp của thiên nhiên, phong cảnh làng quê Việt Nam.

b Thực hiện các yêu cầu

- **Chọn phương án đúng (làm vào vở)**

Câu 1. Bài thơ *Bến đò trưa hè* thuộc thể thơ nào?

A. Thơ sáu chữ
B. Thơ bảy chữ
C. Thơ tám chữ
D. Thơ tự do

Câu 2. Những yếu tố nào giúp em nhận biết thể thơ của bài thơ *Bến đò trưa hè*?

A. Số chữ trong các dòng thơ
B. Số khổ trong bài thơ
C. Cách ngắt nhịp của dòng thơ
D. Cách gieo vần trong bài thơ

Câu 3. Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ *Mây đi vắng, trời xanh buồn rộng rãi...*

A. Đảo ngữ
B. So sánh
C. Nói giảm nói tránh
D. Nhân hoá

Câu 4. Dòng nào liệt kê các từ láy đã được dùng trong bài thơ?

A. *Rộng rãi, uể oải, vắng lặng, tăm hơi*
B. *Rộng rãi, vắng lặng, vòi vọi, uể oải*
C. *Rộng rãi, uể oải, vòi vọi, tăm hơi*
D. *Rộng rãi, uể oải, vòi vọi, xa xa*

Câu 5. Dòng nào nêu đúng nội dung, cảm xúc của bài thơ?

A. Cảm xúc phấn chấn trước cảnh thiên nhiên và cuộc sống
B. Cảm xúc đượm buồn trước cảnh sắc nơi thôn dã
C. Cảm xúc bi thiết trước thiên nhiên và đời sống con người
D. Cảm xúc buồn thương trước cảnh sắc nơi thôn dã

- **Trả lời câu hỏi**

Câu 1. Bài thơ có bố cục như thế nào?

Câu 2. Phong cảnh làng quê Việt Nam một thời được khắc hoạ rõ nét nhất qua những hình ảnh nào trong bài thơ?

Câu 3. Cảnh thiên nhiên nơi bến đò trưa hè gợi cho em ấn tượng gì?

Câu 4. Em có nhận xét gì về mối quan hệ giữa đặc điểm của bức tranh thiên nhiên và nhịp sống của con người trong bài thơ?

Câu 5. Tình cảm của nhà thơ đối với thiên nhiên và đời sống con người được thể hiện như thế nào trong bài thơ?

2. VIẾT

Viết đoạn văn (khoảng 10 – 15 câu) trình bày cảm nghĩ của em về bài thơ *Bến đò trưa hè* ở phần Đọc.

3. NÓI VÀ NGHE

Tiến hành một cuộc phỏng vấn ngắn về một trong những vấn đề sau:

– Khi xa quê hương, điều gì sẽ trở thành hành trang không thể thiếu trong tâm hồn mỗi con người?

– Trở thành công dân toàn cầu trong một thế giới hội nhập và đầy biến động có làm chúng ta lãng quên truyền thống và phai nhạt bản sắc dân tộc?

– Thơ có còn sức thu hút với bạn đọc trong thời đại của công nghệ số và các phương tiện nghe – nhìn?

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

1. ĐỌC

a Đọc văn bản

Quyền được học tập và bảo vệ của phụ nữ và trẻ em trong hoà bình[1]

MA-LA-LA Y-U-XA-PHƠ-DÂY[2] (MALALA YOUSAFZAI)

(1) Có hàng trăm nhà hoạt động nhân quyền và xã hội không chỉ lên tiếng về quyền con người, mà còn đang đấu tranh để đạt được những mục tiêu về hoà bình, bình đẳng và giáo dục. Hàng nghìn người đã bị chết, hàng triệu người bị thương bởi những kẻ khủng bố. Tôi chính là một người trong số đó.

Vì thế tôi đứng đây… một cô gái, giữa mọi người. Tôi không chỉ nói cho riêng mình mà còn cho cả những người không được lên tiếng. Họ cần được lắng nghe. Những con người ấy đã đấu tranh vì quyền được sống trong hoà bình, quyền được đối xử một cách tôn trọng, quyền được bình đẳng về cơ hội. Và đặc biệt là quyền được học tập của mình.

[1] Nhan đề do người biên soạn đặt. Văn bản là những phần chính được trích từ bài *Phát biểu tại Hội nghị về thanh niên của Liên hợp quốc*, ngày 12 tháng 7 năm 2013.

[2] Ma-la-la Y-u-xa-phơ-dây sinh năm 1997, là nhà hoạt động nhân quyền người Pa-ki-xtan (Pakistan), từng được trao giải Nô-ben Hoà bình vì hoạt động đấu tranh chống áp bức trẻ em và giới trẻ và vì quyền được học tập của mọi trẻ em.

(2) Các bạn thân mến, vào ngày 9 tháng 10 năm 2012, những kẻ khủng bố đã bắn vào bên trái trán tôi. Họ cũng bắn vào các bạn của tôi. Họ nghĩ rằng súng đạn sẽ làm cho chúng tôi im lặng, nhưng họ đã thất bại. Từ sự im lặng đó đã vang lên hàng ngàn tiếng nói. Những kẻ khủng bố tưởng rằng họ sẽ thay đổi được mục đích của tôi và ngăn chặn khát vọng của tôi. Nhưng không có gì thay đổi trong cuộc sống của tôi, ngoại trừ một điều: sự yếu đuối, sợ hãi và tuyệt vọng đã không còn tồn tại trong tôi. [...]

(3) Anh chị em thân mến! Khi nhìn thấy bóng tối, chúng ta nhận ra tầm quan trọng của ánh sáng. Khi phải câm lặng, chúng ta nhận ra tầm quan trọng của tiếng nói. Tương tự, khi chúng tôi ở Xơ-oát (Swat), miền bắc Pa-ki-xtan, chúng tôi nhận ra tầm quan trọng của cây bút và quyển sách khi nhìn thấy súng đạn. Câu ngạn ngữ "Ngòi bút mạnh hơn gươm giáo" là rất đúng. Những kẻ cực đoan sợ sách bút. Sức mạnh của giáo dục khiến họ run sợ. Họ sợ tiếng nói của phụ nữ. Sức mạnh của tiếng nói phụ nữ khiến họ sợ hãi. Đây chính là lí do họ đã giết 14 sinh viên trường y vô tội trong cuộc tấn công mới đây ở Que-ta (Quetta). Đây cũng chính là lí do họ giết hại nhiều nữ giáo viên và các nhân viên tiêm vắc-xin sởi ở Khi-bơ Pa-khun-khơ-ta-va (Khyber Pakhunkhtawa) và FATA[1]. Và cũng là lí do họ đánh bom trường học mỗi ngày. Bởi vì họ đã và đang sợ sự thay đổi, sợ sự bình đẳng mà chúng tôi sẽ đem đến cho xã hội của mình. [...]

(4) Giáo dục cần hoà bình. Nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt là Pa-ki-xtan và Áp-ga-ni-xtan (Afghanistan), nạn khủng bố, chiến tranh và xung đột khiến trẻ em không thể đến trường. Chúng tôi thực sự mệt mỏi với những cuộc chiến này. Phụ nữ và trẻ em đang phải chịu đau khổ về nhiều mặt ở nhiều nơi trên thế giới. Ở Ấn Độ, trẻ em nghèo vô tội là nạn nhân của lao động trẻ em. Nhiều trường học bị phá huỷ ở Ni-giê-ri-a (Nigeria). Người dân ở Áp-ga-ni-xtan bị ảnh hưởng bởi chủ nghĩa cực đoan suốt nhiều thập kỉ. Các bé gái phải làm việc của các bà nội trợ và bị buộc phải lấy chồng từ sớm. Nghèo đói, thiếu tri thức, bị đối xử bất công và bị tước đoạt các quyền con người cơ bản là những vấn nạn chính mà cả nam giới và phụ nữ phải đối mặt. [...]

(5) Anh chị em thân mến! Đây chính là lúc chúng ta cần lên tiếng. Vì vậy hôm nay, chúng tôi kêu gọi các nhà lãnh đạo thế giới thay đổi các chính sách chiến lược vì lợi ích của hoà bình và phồn vinh.

Chúng tôi kêu gọi các nhà lãnh đạo thế giới rằng mọi thoả thuận cần phải bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em. Một thoả thuận đi ngược lại các quyền của phụ nữ là không thể chấp nhận. Chúng tôi kêu gọi tất cả các chính phủ đấu tranh chống nạn khủng bố và bạo lực, để bảo vệ trẻ em khỏi sự tàn bạo và xâm hại.

(Ma-la-la Y-u-xa-phơ-dây, *Phát biểu tại Hội nghị về thanh niên của Liên hợp quốc*, https://awpc.cattcenter.iastate.edu/2018/03/05/un-speech-on-youth-education-july-12-2013/, Ngân Hà – Vương Anh *lược dịch*)

---

[1] Một khu vực tự trị thuộc Pa-ki-xtan, năm 2018 được sáp nhập vào tỉnh Khi-bơ.

b Thực hiện các yêu cầu

- **Chọn phương án đúng (làm vào vở)**

Câu 1. Xác định loại văn bản của bài đọc.

A. Văn bản thông tin

B. Văn bản nghị luận

C. Văn bản văn học

Câu 2. Vấn đề chính mà bài phát biểu đề cập là gì?

A. Quyền con người của cả nam và nữ nói chung

B. Quyền bình đẳng về cơ hội của phụ nữ trong các lĩnh vực

C. Quyền được sống trong hoà bình của mọi người

D. Quyền được học tập và bảo vệ của phụ nữ và trẻ em trong hoà bình

Câu 3. Người trình bày vấn đề xác định tư cách, vị thế nào để nêu ý kiến?

A. Một cá nhân bị xâm phạm nhân quyền cần cất lên tiếng nói của mình.

B. Một người đại diện cho tất cả những người cần được bảo vệ nhân quyền.

C. Một người phụ nữ bị áp bức, bị tước đoạt quyền học tập cần bảo vệ chính mình.

D. Một người dân Pa-ki-xtan bị xâm phạm nhân quyền, cần đấu tranh.

Câu 4. Mục đích chính của người nói được thể hiện trong văn bản trên là gì?

A. Nêu rõ trước Liên hợp quốc vấn đề vi phạm nhân quyền đối với phụ nữ và trẻ em và sự cần thiết phải hành động để bảo vệ những quyền đó

B. Trình bày rõ vấn đề quyền được học tập của phụ nữ và trẻ em đang bị xâm phạm, kêu gọi hành động để bảo vệ quyền đó

C. Kêu gọi các nhà lãnh đạo thế giới và Liên hợp quốc hành động, thay đổi chính sách vì quyền được học tập và bảo vệ của phụ nữ và trẻ em

D. Tố cáo thực trạng xâm phạm quyền học tập và quyền sống của phụ nữ và trẻ em ở các nước chậm phát triển trên thế giới

Câu 5. Xác định biện pháp tu từ thể hiện ở các từ in đậm trong câu: "*Khi nhìn thấy **bóng tối**, chúng ta nhận ra tầm quan trọng của **ánh sáng**.*".

A. So sánh

B. Hoán dụ

C. Nhân hóa

D. Ẩn dụ

- **Trả lời câu hỏi**

Câu 1. Đối tượng mà văn bản nghị luận hướng tới là những người hoặc tổ chức nào?

Câu 2. Người trình bày đã dùng những yếu tố nào để nêu thông tin khách quan, bày tỏ ý kiến và tác động tới đối tượng cần thuyết phục?

Câu 3. Vấn đề cần trình bày được triển khai trong các phần của văn bản như thế nào? Nêu rõ mục đích và ý chính của từng phần.

Câu 4. Trong phần (3) của văn bản, tác giả cho rằng: "*Khi nhìn thấy bóng tối, chúng ta nhận ra tầm quan trọng của ánh sáng.*". Theo em, vấn đề được nêu như vậy là đúng hay sai? Vì sao?

2. VIẾT

Lựa chọn một trong những vấn đề sau để viết bài văn nghị luận xã hội:

– Việc học tập có thực sự cần thiết và có thể đem lại những lợi ích gì cho cuộc sống của mỗi trẻ em trên thế giới?

– Vì sao mọi trẻ em trên thế giới cần được bảo vệ và học tập trong hoà bình?

3. NÓI VÀ NGHE

Thảo luận với các bạn trong nhóm học tập về một trong những vấn đề sau:

– Giáo dục có thể góp phần làm thay đổi cuộc sống của mỗi con người như thế nào?

– Vì sao mọi trẻ em trên thế giới cần được bảo vệ và học tập trong hoà bình?

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

PHỤ LỤC 1

BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

STT	Thuật ngữ	Giải thích	Trang
1	bài phỏng vấn	loại văn bản thông tin thường sử dụng trong hoạt động truyền thông, ở đó người được phỏng vấn trả lời các câu hỏi do người phỏng vấn nêu ra, nhằm trao đổi, cung cấp thông tin về một hiện tượng, vấn đề đang được quan tâm hay trình bày quan điểm, cách thức giải quyết một sự việc	113, 115, 116, 120
2	bài quảng cáo	loại văn bản thông tin thường được sử dụng trong hoạt động truyền thông, thương mại, nhằm mục đích giới thiệu, quảng bá cho một đối tượng nào đó (sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ,...)	125, 126, 127, 128
3	câu đơn	câu được cấu tạo bằng một cụm chủ ngữ – vị ngữ nòng cốt (không bị bao chứa trong cụm từ chính phụ hoặc cụm chủ ngữ – vị ngữ khác)	4, 6, 28, 29, 76,...
4	câu ghép	câu có từ hai cụm chủ ngữ – vị ngữ nòng cốt trở lên, mỗi cụm chủ ngữ – vị ngữ được gọi là một vế câu	4, 6, 15, 16, 28,...
5	câu ghép chính phụ	loại câu ghép mà giữa các vế câu có mối quan hệ phụ thuộc, tức có vế chính và vế phụ; quan hệ nghĩa giữa các vế câu có thể là: nguyên nhân – kết quả; sự kiện – mục đích; điều kiện, giả thiết – hệ quả; nhượng bộ – tăng tiến,...	6, 15
6	câu ghép đẳng lập	loại câu ghép mà giữa các vế câu có mối quan hệ bình đẳng với nhau; quan hệ nghĩa giữa các vế câu có thể là: quan hệ thời gian, quan hệ tăng cấp, quan hệ bổ sung,...	6, 15, 28
7	chuỗi sự kiện	hệ thống sự kiện được sắp xếp, tổ chức theo những mối quan hệ nhất định, gắn kết chặt chẽ với nhau trong kết cấu tác phẩm truyện, tạo nên cốt truyện, có vai trò quan trọng trong việc thể hiện hình tượng, ý nghĩa của tác phẩm	5, 14, 30, 34
8	kết cấu (tác phẩm văn học)	toàn bộ cách tổ chức, sắp xếp, liên kết các yếu tố tạo nên tác phẩm nghệ thuật; trong thơ, đó là cách tổ chức, sắp xếp, liên kết mạch cảm xúc, thế giới hình tượng và các phương tiện ngôn ngữ được dùng để biểu đạt	44, 45, 49, 56, 64,...
9	kết từ	từ có vai trò nối các từ trong cụm từ, các vế trong câu, các câu trong đoạn văn, các đoạn văn trong văn bản; có thể dùng độc lập hoặc dùng theo cặp	4, 6, 15, 16, 57,...
10	không gian hiện trường	không gian nghệ thuật đặc trưng trong truyện trinh thám, nơi xảy ra vụ án và cũng là nơi người điều tra nghiên cứu để tìm ra thủ phạm, phá án	5, 37
11	lịch sử văn học	quá trình phát triển của một nền văn học được nhận diện dựa trên những đặc điểm về nguồn gốc, hình thức nghệ thuật và nội dung của các thể loại, tác phẩm văn học xét trong mối quan hệ chặt chẽ với các yếu tố của đời sống văn hoá, lịch sử, xã hội	113, 114, 115, 116, 117,...

12	luận đề	vấn đề chính, có tính khái quát, được nêu ra để bàn luận trong văn bản nghị luận	45, 55, 56, 57, 66,...
13	luận điểm	ý chính được triển khai từ luận đề, cụ thể hoá và trực tiếp làm rõ cho các khía cạnh của luận đề trong văn bản nghị luận	55, 57, 66, 70, 73
14	thơ bảy chữ	thể thơ hiện đại, mỗi dòng có bảy chữ (tiếng), không giới hạn về số dòng thơ trong khổ, số khổ thơ trong bài	45, 65, 133
15	thơ sáu chữ	thể thơ hiện đại, mỗi dòng có sáu chữ (tiếng), không giới hạn về số dòng thơ trong khổ, số khổ thơ trong bài	45, 65, 133
16	thơ tám chữ	thể thơ hiện đại, mỗi dòng có tám chữ (tiếng), không giới hạn về số dòng thơ trong khổ, số khổ thơ trong bài	44, 45, 49, 58, 59,...
17	thời kì văn học	khoảng thời gian nhất định trong quá trình phát triển của một nền văn học, được phân định theo quan điểm của người nghiên cứu, dựa trên những đặc điểm chung về lịch sử, xã hội, hình thức nghệ thuật và nội dung của các tác phẩm tiêu biểu	114, 131
18	truyện trinh thám	thể loại truyện khai thác đề tài điều tra vụ án, nhân vật chính thường là các thám tử, cảnh sát, thanh tra,...; cốt truyện tập trung vào chuỗi sự kiện liên quan đến quá trình phá án của nhân vật chính: làm sáng tỏ những bí mật được che giấu liên quan đến vụ án, nạn nhân, nghi phạm và thủ phạm	4, 5, 6, 14, 16,...
19	từ vựng	vốn từ ngữ của một ngôn ngữ, bao gồm từ và cụm từ cố định (đặc biệt là thành ngữ), vừa có tính ổn định vừa có sự phát triển cùng với quá trình vận động của xã hội	45, 54
20	văn học dân gian	một bộ phận trong nền văn học dân tộc, bao gồm các sáng tác truyền miệng của nhân dân, ra đời trước khi có văn học viết và được lưu truyền, tồn tại song song với văn học viết	114, 115, 117
21	văn học viết	một bộ phận trong nền văn học dân tộc, bao gồm sáng tác của các tác giả cụ thể, ra đời cùng với sự xuất hiện và phát triển của chữ viết	114, 115, 117, 118, 120

PHỤ LỤC 2

BẢNG TRA CỨU YẾU TỐ HÁN VIỆT

STT	Yếu tố Hán Việt	Nghĩa: *từ Hán Việt (bài)*
1	ân	– ơn: *ân đức, ân huệ, ân nghĩa,* ***ân nhân (1)****, ân oán, ân thưởng, ân xá, đặc ân,* ***tạ ân (1)****, tri ân, vong ân bội nghĩa* – yêu thương: *ân ái, ái ân*
2	ân	– chu đáo; quan tâm đến: *ân cần* – băn khoăn, day dứt: ***ân hận (4)***
3	ấn	– cái dấu, triện: ***ấn phong hầu (1, 4)****, ấn triện* – in; có tính chất in lại, để dấu lại: ***ấn định (4)****, ấn phẩm,* ***ấn tượng (2, 4)***
4	bào	áo dài và rộng: *áo bào, cẩm bào,* ***chiến bào (2)****, hoàng bào, hồng bào, long bào, ngự bào, trường bào*

5	cam	– ngọt: *cam lộ, cam thảo, cam tuyền* – sung sướng: *đồng cam cộng khổ, khổ tận cam lai* – cảm thấy bằng lòng; chấp nhận, chịu: ***cam kết (8)**, cam phận, cam tâm*
6	chấp	– cầm; nắm: *chấp bút, chấp chính, chấp pháp* – thực hiện: *chấp hành, **chấp nhận (4, 8)**, chấp thuận* – kiên trì giữ vững; một mực theo: *chấp nhất, bất chấp, cố chấp, tranh chấp*
7	chi	– ủng hộ: *chi viện* – điều khiển: ***chi phối (7, 8)*** – tiêu dùng: ***chi phí (8)**, chi tiền, **chi tiêu (10)**, bội chi, dự chi, thu chi* – bộ phận nhỏ (trong toàn thể hoặc hệ thống): *chi đoàn, chi đội, chi hội, **chi li (8)***
8	chiến	đánh nhau; xung đột; dùng cho đánh trận: ***chiến bào (2)**, **chiến dịch (8)**, **chiến đấu (10)**, **chiến khu (6)**, **chiến lược (8)**, chiến sĩ, **chiến thắng (5, 6, 7)**, **chiến thuật (4)**, chiến thuyền, **chiến tranh (6, 9, 10)**, chiến xa, hiếu chiến, **kháng chiến (6)**, trực chiến, tuyên chiến*
9	chuẩn	– cái được chọn làm mẫu; cái được chọn làm căn cứ đối chiếu; đúng theo quy định: *chuẩn tắc, **chuẩn xác (4, 6)**, **hợp chuẩn (4)**, **quy chuẩn (4)**, **tiêu chuẩn (4)*** – đồng ý, cho phép: *chuẩn y, phê chuẩn* – sắp sẵn: ***chuẩn bị (6, 8, 9)***
10	chuyên	gian nan, khó đi, khó tiến lên được: ***truân chuyên (2)***
11	cố	– bền, chắc; kiên định: *cố chấp, cố cùng, **cố định (2)**, cố kết, cố thủ, cố ý, **ngoan cố (1)*** – vốn là, nguyên là: *cố hữu, cố nhiên*
12	cù	nhọc nhằn: *cù lao, **cần cù (8)***
13	cung	– nhà của vua ở; thuộc về nơi vua ở: *cung cấm, cung điện, **cung đình (4)**, **cung khuyết (1)**, cung nữ, **cung tần (3)**, cấm cung, hoàng cung, thâm cung* – nhà để thờ thần; nơi ở của thần linh: *thần cung, thiên cung, thuỷ cung, tiên cung* – nhà (thường là được xây cất rộng rãi, to đẹp): ***cung quế (2)**, cung thể thao, cung văn hoá* – một trong năm âm của âm nhạc cổ xưa (gồm cung, thương, giốc, chuỷ, vũ); bậc trong âm nhạc: ***cung đàn (1)**, cung thương làu bậc ngũ âm (Truyện Kiều)* – khoản mục trong lá số tử vi: *cung nô bộc, cung phu thê* – ô vuông trên bàn cờ tướng, giới hạn không gian di chuyển của con tướng và con sĩ: *tốt nhập cung*
14	doanh	– nơi đóng quân: *doanh trại, đại bản doanh, quân doanh* – làm; quản lí: ***doanh nghiệp (8)**, doanh số, hợp doanh, **kinh doanh (8, 9)**, quốc doanh*
15	dự	danh tiếng; tên tuổi đáng tự hào: ***danh dự (5)**, **vinh dự (5)***
16	đãi	– đối xử: *đãi ngộ, bạc đãi, biệt đãi, đối đãi, hậu đãi, ngược đãi, trọng đãi* – đợi: ***đãi nguyệt (2)**, **đãi phượng lâu (1)*** – đối xử tốt bằng cách mời ăn uống: *đãi khách, đãi ngộ, đãi tiệc, chiêu đãi, khoản đãi, tiếp đãi*
17	đoan	– ngay thẳng: *đoan chính, **đoan trang (1)*** – đầu của vật thể; đầu mối: ***cực đoan (8)**, dị đoan, đa đoan* – hứa nhận trách nhiệm: *cam đoan*

18	đồ	bùn: *đồ thán*, ***hồ đồ (3)***
19	đồ	– bản vẽ: ***bản đồ (6)***, *địa đồ, lược đồ, sơ đồ* – phỏng đoán; tính toán; mưu tính: *mưu đồ*, ***ý đồ (4)***
20	đố	ghen; ghen ghét: ***đố kị (8)***, *tài mệnh tương đố*
21	độ	– đơn vị đo; mức đo được; khoảng chừng: *biên độ, bình độ, cao độ, cực độ,* ***cường độ (8)***, *hạn độ,* ***mật độ (2)***, *nhiệt độ, nồng độ,* ***thái độ (4, 6, 8)***, *toạ độ,* ***tốc độ (8)***, ***trình độ (6)***, *vĩ độ* – sức chứa: *độ lượng* – chuẩn tắc phải tuân theo: *chế độ, đức độ, pháp độ, vô độ* – qua; giúp vượt qua: *độ thế, độ trì*
22	giả	– không thật nhưng làm ra vẻ giống như thật; làm như thật để người khác tưởng là thật: *giả danh, giả dạng, giả hiệu, giả ma giả quỷ, giả tạo, đạo đức giả* – nêu điều kiện để suy đoán: ***giả định (7)***, *giả thiết,* ***hoặc giả (4)***
23	giả	tiếng kết hợp ở sau một động từ để cấu tạo từ ngữ chỉ người: *diễn giả,* ***độc giả (10)***, ***khán giả (10)***, ***kí giả (6)***, ***sứ giả (1, 5)***, ***tác giả (4, 7)***, *thính giả*
24	giám	– theo dõi để kiểm tra, đôn đốc: *giám binh,* ***giám đốc (6)***, *giám học, giám mã, giám mục, giám sát, giám thị* – tên gọi tổ chức thời phong kiến; người quản lí tổ chức thời phong kiến: *giám quan, giám sinh, khâm thiên giám, Quốc Tử Giám, trường giám* – hoạn quan: *nội giám, thái giám*
25	giám	– cái gương: *bảo giám* – soi xét: *giám định,* ***chứng giám (1)***, *minh giám, niên giám*
26	giáp	– kí hiệu thứ nhất trong 10 thiên can (gồm: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỉ, Canh, Tân, Nhâm, Quý); 12 năm: *Giáp Tí, Giáp Tuất, hoa giáp* (60 năm), *lục thập hoa giáp* (60 năm) – ở vị trí đầu, đứng đầu: *giáp bảng, hoàng giáp,* ***khoa giáp (1)*** – trang bị bọc lấy phần thân để giảm thiểu sức gây hại do tác động vật lí của vũ khí: *giáp sĩ, giáp trụ, áo giáp, thiết giáp* – vỏ cứng của một số loài động vật: *giáp cốt, giáp xác* – đơn vị dân cư thời xưa: *giáp nhất, giáp nhị*
27	hại	– cái gây tổn thất, tổn thương: *độc hại, lợi hại, nguy hại,* ***tai hại (5)***, *tệ hại* – làm tổn thất, tổn thương; giết: *ám hại, bị hại, bức hại, hãm hại, hư hại,* ***nguy hại (8)***, *phá hại, sát hại, tàn hại, thương hại* – bị tổn thất, tổn thương: *thảm hại, thiệt hại,* ***tổn hại (8)***
28	hồ	– cháo nấu loãng; chất dính làm bằng bột và nước dùng để dán – vôi vữa dùng để xây – cho quần áo, vải sợi vào nước có pha bột giúp vải sợi bền chắc hơn: *hồ quần áo* – không rõ, lờ mờ: ***hồ đồ (3)***, ***hàm hồ (4)***
29	hôn	bố vợ (nghĩa cổ); vợ chồng lấy nhau: *hôn lễ,* ***hôn nhân (1)***, *hôn phu, cầu hôn, chủ hôn, đính hôn, hứa hôn, kết hôn, li hôn, tảo hôn, tân hôn, thành hôn*
30	hôn	– lúc mặt trời vừa lặn: ***hoàng hôn (7)*** – tối tăm; mê muội, không còn tỉnh táo: *hôn ám, hôn mê, hôn quân*

31	hứng	– nhân một điều gì đó mà có cảm xúc; có cảm xúc: ***cảm hứng (4, 10)***, *ngẫu hứng, thi hứng* – vui, thích: ***hứng khởi (6)***, ***hứng thú (10)***, *cao hứng, hào hứng*
32	hưởng	vang; tiếng vang, tiếng vọng: ***ảnh hưởng (8, 10)***, ***âm hưởng (2, 10)***, *cộng hưởng, giao hưởng*
33	hưởng	nhận lấy; được sử dụng: *hưởng thọ, hưởng thụ, an hưởng, chung hưởng,* ***tận hưởng (7)***, *thụ hưởng, thừa hưởng*
34	huỷ	– phá bỏ; phân rã: *huỷ diệt,* ***huỷ hoại (8)***, *huỷ phá,* ***phá huỷ (8)***, *phân huỷ, tiêu huỷ* – mỉa mai, chê bai: *huỷ báng*
35	huyễn	ảo; không có căn cứ hiện thực: *huyễn ảo,* ***huyễn tưởng (4)***, *huyễn tượng,* ***biến huyễn (1)***, *hư huyễn*
36	huyệt	– hang, động: *sào huyệt* – hố sâu để chôn cất người chết; nơi hội tụ linh khí của trời đất (theo quan niệm của người xưa): ***kết huyệt (1)*** – các vị trí quy tụ thần khí trên cơ thể; chỗ hiểm trên cơ thể: *huyệt đạo, điểm huyệt, yếu huyệt*
37	kế	– tính toán: ***kế hoạch (6)***, *kế hoạch hoá, kế toán, thiết kế* – dụng cụ đo lường hoặc tính toán: *ẩm kế, nhiệt kế, quang phổ kế, vôn kế* – cách thức, mưu mẹo: *kế sách, bách kế, diệu kế, độc kế, mưu kế, phương kế, quốc kế, quốc kế dân sinh, tam thập lục kế, tương kế tựu kế*
38	khắc	– dùng vật sắc mà rạch, khoét lên một bề mặt; ghi lại, giữ lại: ***khắc hoạ (4)***, *điêu khắc* – một phần tư giờ; một phần sáu ngày (không kể đêm); một khoảng thời gian ngắn: ***khoảnh khắc (1)***, ***thời khắc (8)***, ***tức khắc (1, 6)*** – khắt khe: *khắc khổ, khắc nghiệt, hà khắc,* ***nghiêm khắc (2)***
39	khắc	– vượt qua, thắng được: *khắc chế, khắc phục* – đối chọi nhau: *khắc khẩu, tương khắc, xung khắc*
40	khốc	khóc, khóc to: ***quỷ khốc thần sầu (1)***
41	khốc	tàn ác, bạo ngược: *khốc liệt,* ***tàn khốc (8)***, *thảm khốc*
42	kị	– giỗ; đám giỗ trong gia đình: *kị nhật* – kiêng; tránh: *kị huý, kị phong, kị tính, tối kị* – ghen ghét: ***đố kị (8)***, *nghi kị*
43	liễu	xong; kết thúc: ***kết liễu (5)***
44	lự	suy nghĩ; lo; đắn đo, cân nhắc: ***lưỡng lự (6)***, *tư lự, vô tư lự*
45	nạn	nguy hại; hiện tượng gây hại, gây khó khăn: *nạn dân, nạn nhân,* ***cứu nạn (5)***, *hoạn nạn, khổ nạn, khốn nạn, lâm nạn, tai nạn,* ***thoát nạn (10)***
46	ngâm	đọc hoặc hát bằng cách kéo dài giọng, diễn cảm: ***ngâm khúc (2)***, *ngâm nga, ngâm vịnh*

47	nghiêm	– chặt chẽ, không cho phép có sự vi phạm; có sự uy nghi khiến người khác phải kiêng sợ: *nghiêm khắc*, ***nghiêm lâu (2)***, *nghiêm lệnh*, ***nghiêm túc (8)***, *giới nghiêm*, ***oai nghiêm (6)***, *thâm nghiêm*, ***tôn nghiêm (1)*** – (đứng) thẳng, ngay ngắn – bố: *nghiêm huấn, gia nghiêm* – ở mức độ cao: ***nghiêm trọng (4, 6)***
48	nguy	cao lớn: ***nguy nga (1)***
49	nguy	có thể gây hoạ, gây hại; tình trạng cấp bách: ***nguy cơ (8)***, ***nguy hại (8)***, ***nguy hiểm (5)***, *nguy tai, nguy vong, chí nguy, cứu nguy, gian nguy*, ***hiểm nguy (6)***, ***lâm nguy (3)***
50	ngưỡng	ngẩng lên; kính phục: ***ngưỡng mộ (4)***, *ngưỡng vọng*, ***chiêm ngưỡng (1, 5)***, ***tín ngưỡng (8)***
51	nhân	bố chồng (nghĩa cổ); vợ chồng lấy nhau: ***nhân duyên (1)***, ***hôn nhân (1)***
52	nhiệm	– gánh vác, đảm đương (công việc, chức vụ); chức vụ, công việc được giao: *nhiệm kì*, ***nhiệm sở (4)***, ***nhiệm vụ (5, 6, 8)***, *chủ nhiệm, đảm nhiệm, đặc nhiệm, đương nhiệm, kiêm nhiệm, miễn nhiệm*, ***trách nhiệm (8)*** – tin dùng, giao việc: *bổ nhiệm, tín nhiệm, uỷ nhiệm*
53	nhục	– xấu hổ; nhơ nhuốc: *cực nhục, khổ nhục, nhẫn nhục*, ***ô nhục (4)*** – làm cho xấu hổ: *nhục mạ, lăng nhục*, ***sỉ nhục (5)***
54	nữ	con gái; nữ giới: ***nữ nhi (3)***, ***mĩ nữ (3)***, ***ngọc nữ (1)***, ***phụ nữ (4, 5, 8)***, *thiếu nữ, thôn nữ*, ***tố nữ (2)***
55	oán	– căm giận; điều căm giận bởi người khác gây hại cho mình: ***oán hận (3)***, *oán thù, ân oán, báo oán, thù oán* – có ý không hài lòng, trách móc: *oán thán*, ***oán trách (5)***, *ai oán*, ***sầu oán (2)***
56	sầu	buồn rầu: *sầu bi*, ***sầu muộn (5)***, *sầu não*, ***sầu oán (2)***, *sầu tư*, ***âu sầu***, *đa sầu, giải sầu, oán sầu, tiêu sầu*, ***u sầu (2)***
57	sỉ	– xấu hổ: *liêm sỉ, quốc sỉ, vô sỉ, vô liêm sỉ* – làm cho xấu hổ: ***sỉ nhục (5)***
58	song	đôi (đối lập với *đơn*): *song ca, song hành, song hỉ, song mã, song ngữ, song phi*, ***song song (1, 4)***, *song thân*, ***song thất lục bát (2)***, *song toàn, vô song*
59	sơn	núi; thuộc về núi: *sơn cước, sơn hà*, ***sơn hào (1)***, *sơn lâm, sơn nữ*, ***sơn thần (1)***, *sơn thuỷ*, ***giang sơn (1, 8)***
60	sưu	tìm kiếm: ***sưu tầm (10)***, *sưu tập*
61	tạ	– tỏ lòng biết ơn hoặc xin lỗi một cách trân trọng: ***tạ ân (1)***, *tạ tội, cảm tạ*, ***đa tạ (1)***, *hậu tạ* – (cỏ cây) héo rụng: *tàn tạ* – từ chối; cáo lui: *tạ thế, tạ từ*
62	tần	có số lần lặp đi lặp lại trong một thời gian, phạm vi nhất định: *tần số*, ***tần suất (7)***, *cao tần*

63	tần	cung nữ: *cung tần, phi tần*
64	thần	– bề tôi; lời quan tự xưng với vua: *cận thần, công thần, cựu thần, danh thần, đại thần, đạo quân thần, gian thần, hạ thần,* ***văn thần (1)*** – chịu dưới sự thống trị của người khác: *thần phục,* ***thần thiếp (1)***
65	thần	– lực lượng siêu nhiên (thường được con người tôn thờ, kính sợ): *thần linh,* ***thần nhân (1)****,* ***thần phật (1)****, thần thánh,* ***quỷ thần (1)****,* ***quỷ khốc thần sầu (1)****,* ***sơn thần (1)****,* ***thánh thần (8)****, thiên thần,* ***thuỷ thần (1)****,* ***tiểu thần (1)****,* ***tử thần (5)*** – hơn hẳn mức bình thường; siêu việt: *thần bút,* ***thần diệu (1)****, thần dược, thần đồng, thần hiệu, thần y, xuất thần* – phần linh hồn; những thứ thuộc về tinh thần: *thần trí, an thần, định thần, tâm thần,* ***tinh thần (1, 8, 10)*** – vẻ biểu hiện ra bên ngoài: *thần sắc, thần thái, thất thần, truyền thần*
66	thoát	– cởi (trang phục): *thoát y* – ra khỏi một tình trạng nào đó; tách rời khỏi: *thoát hiểm, thoát li,* ***thoát nạn (10)****, thoát thai, thoát thân, thoát tục, thoát vị, thoát xác, giải thoát, siêu thoát, tẩu thoát* – không bị gò bó; không bị rối; không bị bí: *thoát ý, thanh thoát*
67	thú	vui, thích; điều cảm thấy vui: ***thú vị (2, 5, 7)****, chí thú,* ***hứng thú (10)****,* ***kì thú (9, 10)****,* ***lạc thú (7)****,* ***lí thú (6)****, thích thú*
68	thuộc	– bà con, họ hàng: *gia thuộc, thân thuộc* – ở trong một phạm vi quản lí, chi phối nào đó: *thuộc địa, thuộc tính,* ***Bắc thuộc (10)****,* ***lệ thuộc (10)****, nội thuộc,* ***phụ thuộc (8, 10)****, tuỳ thuộc (6)*
69	thừa	– vâng; chịu; tuân theo: *thừa hành,* ***thừa nhận (4, 8)*** – nối tiếp, kế tục: *thừa hưởng, thừa kế, thừa tự, giao thừa*
70	thừa	– nhân, nhân lên: *thừa số, luỹ thừa* – nhân cơ hội: ***thừa cơ (1)****, thừa thế*
71	tiềm	– chìm (dưới nước): *kính tiềm vọng* – ẩn chứa: *tiềm ẩn, tiềm lực, tiềm năng,* ***tiềm tàng (8)****, tiềm thức*
72	tộc	– họ; người cùng một họ, người có cùng quan hệ huyết thống; dòng dõi: *tộc trưởng, danh gia vọng tộc, gia tộc, hoàng tộc,* ***quý tộc (6, 9)*** – cộng đồng người có chung nguồn gốc, hoặc chung đặc điểm (di truyền, văn hoá, ngôn ngữ,...): *bộ tộc, chủng tộc,* ***dân tộc (2, 6, 7, 8, 9, 10)****, thị tộc* – loài: *ngư tộc,* ***thuỷ tộc (1)***
73	tốn	nhường, khiêm cung: ***khiêm tốn (8)****, từ tốn*
74	trang	– khu vực có hoạt động của con người ở ngoài thành thị: *trang viên, điền trang, gia trang, nghĩa trang, nông trang* – nghiêm chỉnh: *trang nghiêm, trang trọng,* ***đoan trang (1)****, nghiêm trang* – đồ dùng; quần áo: *trang phục,* ***hành trang (8)****, khẩu trang, nữ trang, phục trang, quân trang, thời trang, tư trang,* ***vũ trang (6, 8)*** – lắp đặt, bố trí; tô điểm: *trang bị, trang hoàng, trang trí, nguỵ trang, tân trang* – đóng giả: *giả trang, hoá trang*

75	trạng	– hình dáng, dáng vẻ; hình dung; tình hình biểu hiện ra: *trạng thái, hành trạng, **hình trạng (1)**, sự trạng, **tâm trạng (2, 4)**, thể trạng, tình trạng* – bày tỏ; bày tỏ sự thực: *trạng sư, cáo trạng* – người có tài năng nổi trội về mặt nào đó: *trạng nguyên*
76	truân	khó; khó khăn: ***truân chuyên (2)**, gian truân*
77	trúng	– đúng, hợp cách: *trúng cách, trúng đích, trúng ý* – mắc phải: *trúng bệnh, trúng đạn, trúng độc, trúng kế, trúng thương* – đoạt được: *trúng cử, trúng giải, trúng số, trúng thưởng, **trúng tuyển (1)***
78	vụ	– việc: *chức vụ, công vụ, đặc vụ, mật vụ, **nghĩa vụ (4, 5)**, **nhiệm vụ (6, 8)**, nội vụ, phục vụ, sự vụ, tài vụ, thương vụ* – mùa: *chính vụ, quá vụ, thời vụ* – dốc sức vào việc gì đó; mưu cầu: *vụ lợi* – cơ quan chuyên môn quản lí theo ngành dọc: *vụ phó, vụ tổ chức, vụ trưởng*

PHỤ LỤC 3

BẢNG TRA CỨU TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI

STT	Tên riêng nước ngoài	Phiên âm	Trang
1	Afghanistan	Áp-ga-ni-xtan	135
2	Agatha Christie	A-ga-thơ Crít-xti	6, 16, 23
3	Aleksandr Solzhenitsyn	A-lếch-xan-đơ Xôn-gie-nít-xưn	113
4	António Guterres	An-tô-ni-ô Gu-tê-rét	67, 72, 75
5	Argentina	Ác-hen-ti-na	68
6	Arthur Conan Doyle	A-thơ Cô-nan Đoi-lơ	6, 7, 13, 14
7	Azusa	A-du-xa	30, 31, 32, 33
8	Bannister	Ben-ni-xtơ	7, 9, 10, 11, 12,...
9	Ben	Ben	22
10	Brasil	Bra-xin	110
11	California	Ca-li-phoóc-ni-a	25
12	Canada	Ca-na-đa	7, 8
13	Carlo Batà	Ca-lô Ba-tà	75
14	Champa	Chăm-pa	110
15	Colombia	Cô-lôm-bi-a	26, 68

16	Damocles	Đa-mô-clét	68, 70, 76
17	Dan Brown	Đan Bờ-rao	4
18	Daulat Ras	Đao-lát Rát	7
19	Edgar Allan Poe	Ét-ga A-len Pâu	26
20	Edogawa Conan	E-đo-ga-oa Cô-nan	30
21	Edward	Ét-uốt	16, 17, 18, 19, 20,...
22	Eiffel	Ép-phen	80
23	Emily	Ê-mi-ly	16, 17
24	Frank McCulloch	Phranh Mắc Cơ-lóc	26
25	Gabriel García Márquez	Ga-bri-en Gác-xi-a Mác-két	67, 68
26	Genève	Giơ-ne-vơ	25
27	Gilchrist	Ghi-crít	7, 8, 10, 11, 12,...
28	Gosho Aoyama	Gô-sô Ao-da-ma	30
29	Graham Greene	Gra-ham Grin	27
30	Greenland	Grin-len	73
31	Hilton	Hin-tơn	7
32	Ibn Battuta	I-bơ-nơ Bát-tu-ta	89
33	Jabez Gilchrist	Gia-bớt Ghi-crít	13
34	Joanna Southcott	Giôn-nơ Xao-cót	20
35	Khyber Pakhunkhtawa	Khi-bơ Pa-khun-khơ-ta-va	135
36	Kudo Shinichi	Ku-đô Si-ni-chi	30
37	Lily Crabtree	Li-ly Cráp-tri	16
38	Lucy	Lắc-xi	20
39	Magdelen Vaughan	Méc-đơ-lân Va-an	16
40	Malala Yousafzai	Ma-la-la Y-u-xa-phơ-dây	134, 135
41	Martha	Ma-thơ	16, 17, 18, 19, 20,...
42	Masuko	Ma-xu-cô	31, 32, 33
43	Matthew	Mét-thiu	16, 17, 18, 21, 22
44	Mexico	Mê-hi-cô	68
45	Morgue	Mo-gi	5

46	Mori	Mo-ri	30
47	Morley Safer	Mo-li Xây-phơ	25, 26, 27
48	Mushi	Mu-si	31, 32
49	New York	Niu Oóc	27
50	Nigeria	Ni-giê-ri-a	135
51	Nile	Nin	23
52	Nimitz	Ni-mít	69
53	Nobel	Nô-ben	68, 134
54	Osawa	Ô-xa-oa	31, 32, 34
55	Pakistan	Pa-ki-xtan	134, 135, 136
56	Peter Ross Range	Pi-tơ Rót-xơ Rên-giơ	24, 25, 27
57	Poirot	Poa-rô	30
58	Quetta	Que-ta	135
59	Richard Clurman	Ri-chát Clơ-men	26
60	Samburu Kenya	Xam-bu-ru Ke-ni-a	126
61	Samuel Johnson	Xa-mu-en Giôn-xơn	66
62	Scotland	Xcốt-len	14
63	Sherlock Holmes	Sơ-lốc Hôm	7, 9, 10, 11, 13
64	Shinagawa	Si-na-ga-oa	31, 32
65	Soseki	Xô-xê-ki	31, 33
66	St. Luke	Xanh Lúc	7, 9
67	Swat	Xơ-oát	135
68	Tanzania	Tan-da-ni-a	68
69	Vauban	Vô-băng	111
70	Watson	Oát-xơn	7, 9, 14
71	William Crabtree	Uy-li-am Cráp-tri	16

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: TRẦN MAI THANH HẰNG – NGUYỄN THỊ NHIỆM
Biên tập tái bản: NGUYỄN THỊ NHIỆM
Biên tập mĩ thuật: NGUYỄN BÍCH LA
Thiết kế sách: NGÔ QUANG THẾ
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Minh hoạ: NGÔ QUANG THẾ
Sửa bản in: NGUYỄN DUY LONG – VŨ THỊ THANH TÂM
Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền © (2024) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

NGỮ VĂN 9 – TẬP HAI

Mã số: G1HH9V004h26
In ..... bản (QĐ .....), khổ 19 x 26,5cm.
Đơn vị in: ..... Địa chỉ: .....
Số ĐKXB: 7-2026/CXBIPH/90-09/GD
Số QĐXB: ..... / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm ....
In xong và nộp lưu chiểu quý..... năm ....
Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-39239-8
Tập hai: 978-604-0-39240-4



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Ngữ văn 9, tập một
2. Ngữ văn 9, tập hai
3. Toán 9, tập một
4. Toán 9, tập hai
5. Khoa học tự nhiên 9
6. Công nghệ 9
   Định hướng nghề nghiệp
7. Công nghệ 9
   Trải nghiệm nghề nghiệp
   Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà
8. Công nghệ 9
   Trải nghiệm nghề nghiệp
   Mô đun Trồng cây ăn quả
9. Công nghệ 9
   Trải nghiệm nghề nghiệp
   Mô đun Chế biến thực phẩm
10. Lịch sử và Địa lí 9
11. Mĩ thuật 9
12. Âm nhạc 9
13. Giáo dục công dân 9
14. Tin học 9
15. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9
16. Giáo dục thể chất 9
17. Tiếng Anh 9 – Global Success – SHS

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ISBN 978-604-0-39240-4

9 786040 392404

Giá: 17.900 đ